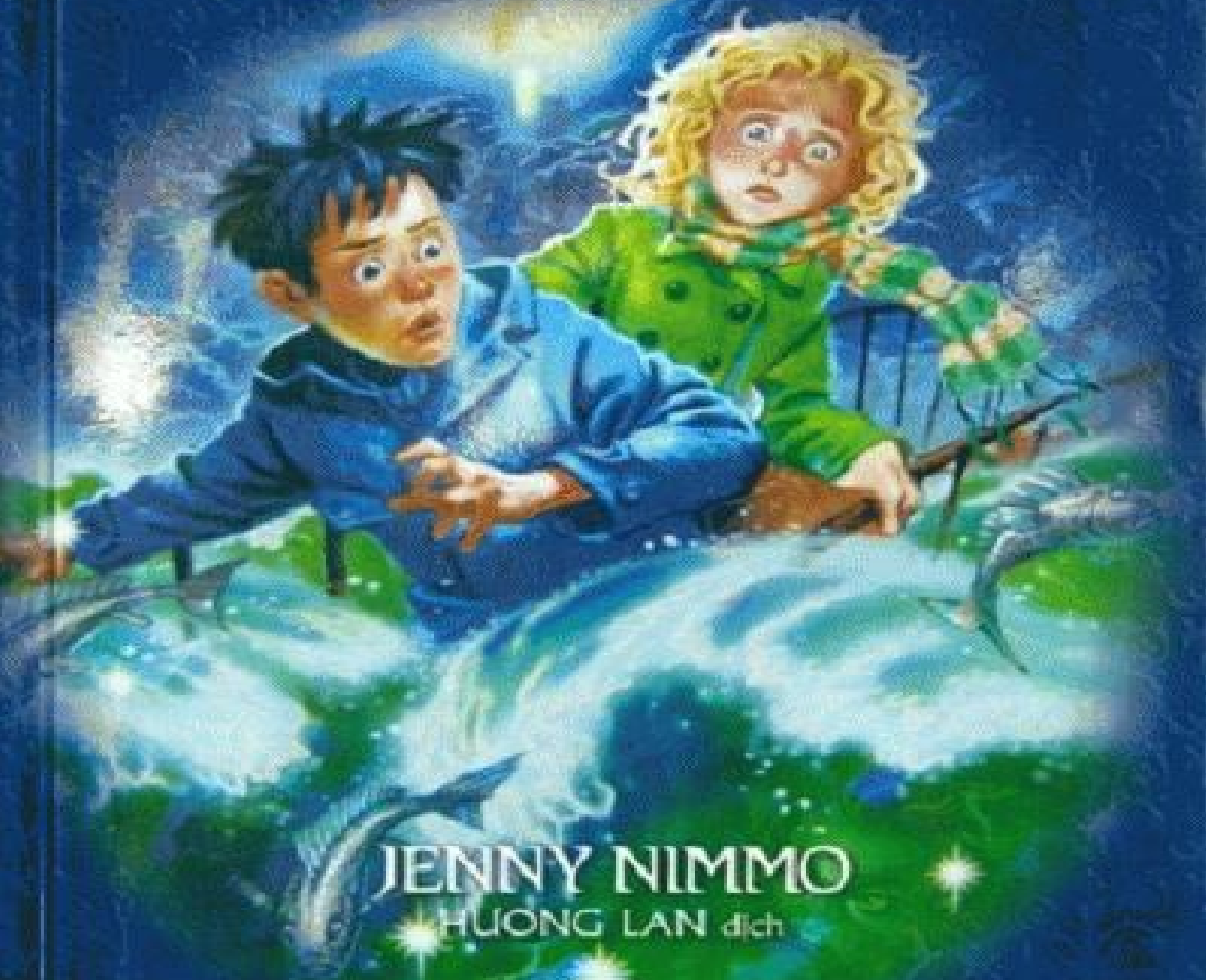


Charlie Bone

VÀ SÓI HOANG

CHARLIE BONE AND THE WILDERNESS WOLF



JENNY NIMMO

HƯƠNG LAN dịch



nhà xuất bản trẻ

Charlie Bone Và Sói Hoang

Series Charlie Bone Tập 6

Jenny Nimmo

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

Những hậu duệ của Vua Đỏ. 1	1
PHẦN MỞ ĐẦU.. 3	3
KHÔNG HẸN LÃ NGƯỜI 3	3
NHỮNG KẺ LẠ TỪ BIỂN KHƠI 7	7
DAGBERT ENDLESS. 13	13
TIẾNG TRU.. 19	19
BỘ BIỂN DANG.. 24	24
Chiếc ấm của Feromel 31	31
Tượng thần lùn. 37	37
Săn Sói Hoang. 42	42
Lốt cải trang của Asa. 49	49
Cây cầu bắt trắc. 55	55
Tộc Người Merromal 61	61
Lysander và Lauren. 66	66
Đường thầy pháp. 69	69
Thanh Gươm Bất Khả Chiến Bại 73	73
Chiếc Áo Choàng Bị Đánh Cắp. 80	80
Charlie và cuộc hành trình nguy hiểm.. 84	84
Cán gươm bị giấu. 90	90
Tấm vải liệm teo rút 94	94
Cuộc Giải Cứu Bắt Đầu. 100	100
Hiệp Sĩ Đỏ. 105	105
Charlie Nhận Được Một Tấm Bưu Ảnh. 111	111

Những hậu duệ của Vua Đỏ

Tất cả những người được ban phép thuật đều là hậu duệ của mười người con của Vua Đỏ - vị vua tài phép này đã rời Châu Phi vào thế kỷ thứ 12 cùng với ba con báo.

Manfred Bloor: Con trai ông hiệu trưởng Học Viện Bloor. Manfred là hậu duệ của Borlath, con trai cả của Vua Đỏ. Borlath là một tên bạo chúa độc tài.

Naren Bloor: Con gái nuôi của Bartholomew Bloor. Naren có thể phát đi những thông điệp từ khoảng cách xa. Cô bé thuộc dòng dõi của một người cháu trai của Vua Đỏ bị bọn cướp biển bắt cóc và mang tới Trung Hoa.

Asa Pike: Asa người thú là chủ của một bộ lạc sống ở những khu rừng phía Bắc có truyền thống nuôi dưỡng thú hoang dã kỳ dị. Asa có thể biến hình vào lúc trời tối.

Billy Raven: Billy có khả năng trao đổi thông tin với thú vật. Một trong những tổ tiên của nó có tài nói chuyện với lũ quạ hay đậu trên giá treo cổ, nơi treo thầy tử tội. Vì tài này mà ông bị đuổi khỏi làng của mình.

Lysander Sage: Chủ đích tôn của một nhà thông thái người Phi Châu. Cậu có phép gọi hồn tổ tiên tâm linh của mình.

Tancred Torsson: Người gọi bão. Tổ tiên gốc Scandinavi của cậu là Thor, dựa theo tên của thần sấm. Tancred biết tạo nên gió, mưa, sấm và chớp.

Gabriel Silk: Gabriel có thể cảm nhận được ý nghĩ và cảm xúc của người khác qua áo quần của họ. Cậu xuất thân từ một dòng họ những nhà tâm linh học.

Emma Tolly: Emma có thể bay. Họ của cô có xuất xứ từ một hiệp sĩ người Tây Ban Nha. Vua Đỏ đã cưới con gái ngài, vì vậy hiệp sĩ này cũng là tổ tiên của tất cả những người được ban phép thuật.

Charlie Bone: Charlie có phép đi vô hình chụp và hình vẽ. Từ dòng họ bên cha, cậu là hậu duệ của Vua Đỏ, còn về bên dòng họ mẹ, cậu thuộc dòng dõi của Mathonwy, thầy pháp xứ Glan, bạn tâm giao của Vua Đỏ.

Dorcas Loom: Dorcas có thể ếm bùa vào quần áo. Bà tăng tổ của nó, Lola Defarge, chính là kẻ đã đan chiếc khăn choàng teo rút trong khi thích thú chứng kiến cuộc hành hình Hoàng hậu nước Pháp năm 1793.

Idith và Inez Branko: Hai chị em sinh đôi siêu năng, có họ hàng xa với Zelda Dobinski (cô này đã rời học viện Bloor).

Joshua Tilpin: Joshua có thể phát ra từ tính. Tổ tiên của nó đến nay vẫn còn là một ẩn số. Thậm chí gia đình Bloor cũng không biết chắc nó sống ở đâu. Nó vốn tự mình đến cửa học viện và tự giới thiệu danh tánh. Học phí của nó được chi trả thông qua một ngân hàng tự.

Una Onimous: Cháu gái của ông Onimous. Una mới 5 tuổi và tài phép của cô bé được giữ bí mật cho đến chừng nào tự bùng phát.

Olivia Vertigo: Hậu duệ của Guanhamara, một người con đã chạy trốn khỏi lâu đài của Vua đỏ,

sau đó cưới hoàng tử nước Ý. Olivia là người tạo ảo ảnh. Gia đình Bloor không biết về tài phép của Olivia.

Dagbert Endless: Dagbert là con trai của lãnh chúa Grimward, kẻ điều khiển đại dương. Mẹ nó lấy vàng từ răng của những người chết đuối để luyện thành bùa bảo vệ con trai mình. Dagbert là kẻ dìm người ta chết đuối.

PHẦN MỞ ĐẦU

Charlie Bone sống trong một thành phố ôm giũ vô vàn điều bí mật. Những bí mật ẩn giấu trong tường và chôn vùi dưới đất hàng bao thế kỷ.

Thành phố đó ra đời cách đây chín trăm năm, bắt đầu từ một lâu đài do tổ tiên của Charlie là Vua Đỏ xây dựng nên. Tên của Vua Đỏ xuất phát từ tấm áo chùng đỏ rực và hình mặt trời chiếu sáng khắc trên tấm khiên của ngài. Vua Đỏ là người Phi châu; ngài cũng là một thầy pháp. Khi hoàng hậu yêu quý của nhà vua, hoàng hậu Berenice, qua đời, ngài đi vào rừng để than khóc. Ngài rất an tâm khi mười người con của mình sẽ an toàn trong tay của những quan cận thần uyên bác và những bà vú hiền lành. Vả lại, mỗi người con của ngài đều được ban một tài phép thần kỳ.

Vào thời đó, vương quốc của ngài là một nơi đầy bạo lực và không có luật pháp – nạn giết người cướp của hoành hành. Trên đường về nhà, ngài nhận thấy cần phải đem tài phép vô song của mình ra cứu giúp dân nghèo và những người bị áp bức. Lập tức, ngài mặc giáp sắt, đội mũ sắt cắm chùm lông đỏ, sau đó hóa phép ra một thanh gươm bất khả chiến bại và cưới ngựa xông pha đi bảo vệ những người khốn khổ và những kẻ thân cô thế cô.

Vua Đỏ diệt trừ bọn bạo chúa, quân sát nhân và lũ quý tộc kẻ cướp suốt 5 năm. Cuối cùng, khi ngài về đến lâu đài, mới hay, năm người con của mình đã trốn chạy, còn năm kẻ ở lại thì dùng tài phép của mình đi thôn tính những quốc gia láng giềng. Chính những con này và cháu chắt của họ đã bắt đầu lịch sử tang thương và đời bại kinh hoàng của thành phố. Không thể ra tay đánh đuổi chính các con mình, nhà vua tan nát trái tim đành phải rời khỏi lâu đài của mình vĩnh viễn.

Bà nội Charlie cùng ba người em gái của bà ta đứng về phe quỷ ác. Trong thời gian ba nó bị ếm bùa, họ tống nó vào học viện Bloor, ngôi trường do một dòng họ có quá khứ cực kỳ bạo ngược điều hành. Charlie luôn luôn phải e dè gia đình Bloor và đồng minh của họ, nhưng, tính cho đến nay, nó đã đập tan mọi âm mưu đê bệp nó của họ, bởi vì xung quanh nó có nhiều bạn bè là hậu duệ của Vua Đỏ, luôn dùng tài phép phi thường của mình để trợ giúp nó.

Riêng với tài đi vào quá khứ của mình, Charlie đang dần khám phá những bí mật của thành phố. Đó là một hành trình nguy hiểm, nhưng Charlie có bạn bè sát cánh bên mình và có niềm tin sắt đá vào tài phép muôn đời của Vua Đỏ.

KHÔNG HẢN LÀ NGƯỜI

Hản là bạn sẽ nghĩ Charlie Bone ấu thật khi để mất cha nó lần thứ hai, nhất là vào lúc nó chỉ vừa mới tìm thấy cha. Họ đã cách mặt mười năm ròng – những năm bị ếm yêu thuật, chú Lyell Bone chìm đắm trong sự quên lãng, không thể nhớ gì về quá khứ, thậm chí kể cả tên của mình cũng quên.

Lần này, chỉ ít Charlie cũng biết cha mình đi đâu. Ba nó đang đưa mẹ nó đi hưởng tuần trăng mật lần thứ hai. Còn gì sung sướng hơn lánh xa những ngày tháng Hai âm u, lạnh lẽo để đi xem cá voi và cá heo nô giỡn ngoài biển rực nắng? Tất nhiên họ rủ Charlie đi cùng, nhưng nó đã ý nhị từ chối. Cha mẹ nó cần được ở bên nhau, ngoài ra, ở nhà nó còn mấy việc phải hoàn thành. Có vài điều bí ẩn cần làm sáng tỏ.

Lúc này đây Charlie đang ở ngoài cổng ngôi nhà nơi nó chào đời. Đó là một tòa nhà gạch đỏ, mái lợp ngói nghiêng dốc, có bốn bậc thang dẫn lên cánh cửa trước màu xanh da trời. Charlie và mẹ đã rời ngôi nhà này khi nó 2 tuổi, thành ra nó chẳng nhớ chút gì về chốn này. Ngay như cái tên nhà cũng lạ lẫm đối với nó: “Góc Kim Cương” – tọa lạc trên góc phố Diamond và đại lộ Lyme.

Bây giờ Charlie đã 12 tuổi – một thằng bé cao trung bình, tóc đen bù xù và mắt nâu màu quả óc chó. Một thằng bé bình thường về mọi phương diện, ngoại trừ một điều: nó là người-đi-vào-tranh, một tài phép nó thừa hưởng từ Vua Đỏ huyền thoại.

Đứng bên cạnh Charlie là một người đàn ông cao lớn, nét mặt rắn rỏi, đẹp như tạc và mái tóc đen thẳng, dài gần chấm vai. Ông mặc áo khoác đen, dài và trùm chiếc mũ đen rộng vành sụp hẳn xuống, dường như để che kín mắt, mặc dù trong buổi chiều thứ Bảy u ám này không có lấy một tia nắng mặt trời yếu ớt nhất.

“Phải sửa nhiều đây,” người đàn ông nhận xét, nhìn những lỗ hổng đen ngòm trên mái nhà, nơi những miếng ngói lợp bị tốc mất.

“Ước gì con có thể dọn vào đây ở ngay, Ông cậu Paton à,” Charlie nói.

“Con không phải đợi lâu nữa đâu,” Ông cậu bảo nó. “Tuần tới là thợ xây, thợ sơn, thợ ống nước, và thợ lợp mái sẽ bắt đầu tu sửa mà.”

“Chúng ta vào xem chút đi.” Charlie mở cổng và bước trên lối đi hẹp cỏ mọc tràn lan. Ông cậu nó theo sau, leng keng một chùm chìa khóa. Khi vào gần hơn, họ nhận thấy có ánh đèn ở một trong những cửa sổ tầng dưới.

“Có người trong đó.” Charlie chạy ào lên tới cửa. Ông cậu đang ở sau nó một bước liền phóng vèo qua các bậc thang và tra một chiếc chìa khóa vào ổ. Cánh cửa xanh da trời mở tung và Charlie bước vô trong.

Mùi cũ mốc nồng nặc trong hành lang. Ván lót sàn ẩm, bám kit bụi, những mảnh giấy dán tường bong tróc dính lủng lẳng trên các bức tường nhem nhuốc, đen xỉ. Charlie cố nhón chân nhẹ hết sức, nhưng những tấm ván trần trụi cứ rung lên kèn kẹt dưới từng bước đi của nó. Nó vội vàng mở một cánh cửa bên trái và ngó vô căn phòng hồi nãy nó thấy có ánh sáng. Trống huơ trống hoác. Ông cậu Paton hất đầu ra hiệu về phía cánh cửa khép hờ ở phía kia căn phòng. “Nhà bếp đó,” ông thì thào.

Một tiếng chân được nghe thấy. Khó mà biết nó từ đâu vọng tới. Charlie băng xoẹt qua căn phòng, những bước chân nặng nề của ông cậu bám theo. Nhưng cả nhà bếp cũng trống rỗng. Một tiếng “rầm” đánh, gắt, làm Charlie lao bắn vèo qua nhà bếp, vô lối đi hẹp. Cánh cửa sau mở toang, xô đánh ầm vào bức tường phía sau nó một tiếng rung chuyển nữa. Một luồng khí lạnh ập vào mặt Charlie khi nó nheo mắt dòm ra ngoài trời. Vừa vừa kịp lúc cho nó thấy hai bóng đen chui lẹ qua quăng hàng rào gậy ở cuối vườn.

“Hê!” Charlie hét lớn, chạy bươn qua thảm cỏ và những cây dại cao khô héo. Tới hàng rào, nó nhòai người ngó ra ngó hẹp tí rì. Nhưng kẻ đột nhập đã biến mất.

“Chắc là những kẻ lang thang.” Ông cậu Paton đá vào một chõng báo cũ ở góc nhà. “Về thôi, Charlie.”

“Cho con lên lầu đi?” Charlie năn nỉ. “Con muốn xem mình có nhớ căn phòng mình từng ngủ

hay không.”

“Thì đi.” Ông cậu Paton theo Charlie lên cầu thang. Khi ông lên tới nơi, Charlie đang đứng nhìn trần trời vào hai cánh cửa trước mặt nó. Có thêm hai cánh cửa bắt đầu một hành lang ở bên trái nó, rồi một cánh nữa ở bên phải. Nó chọn một cánh.

“Con nhớ giỏi quá, Charlie!”

“Con chỉ đoán thôi,” Charlie nói. Nó đẩy mở cánh cửa đó ra. “Ồ!”

Không thể đi được bước nào vô phòng. Tất cả ván lót sàn đã bị dỡ sạch. Tấm thì dựng đứng vào tường, những tấm khác lại nằm vắt trên các thanh rầm hẹp đỡ sàn nhà.

“Quái lạ!” Ông cậu Paton ghé nhìn qua vai Charlie. “Ta không biết là thợ xây đã bắt đầu rồi.”

Hai ông cháu nhìn vào những căn phòng khác. Phòng nào cũng trong tình trạng tương tự: ván lót sàn bị giật tung rồi quăng bừa bãi vào góc nhà hoặc vắt vẻo trên những thanh rầm mỏng.

“Trông như ai đó sục sạo tìm vật gì,” Charlie nhận xét.

“Một cuộc lùng kiếm tuyệt vọng,” ông cậu đồng ý. “Ta tưởng tượng họ cũng bút tung sàn nhà dưới lầu lên, nhưng sau đó đã gắn lại để dễ phòng người ta nhìn vô qua cửa sổ.”

“Con không thích nghĩ tới việc người lạ lén vô và đào bới nhà cũ của con,” Charlie nói.

Khi đi xuống lầu, họ căng mắt tìm xem có dấu hiệu mặt bậc thang bị búng đi không. Lần này họ phát hiện mặt gỗ tưa xước, đinh bị nhổ lên và tay vịn xục xịch.

“Thế này thì phải thay hết ổ khóa thôi,” Ông cậu Paton nói khi hai ông cháu trở ra đứng ngoài đường. “Để ta nói chuyện với nhà thầu.”

Họ bắt đầu rảo bộ về ngôi nhà số 9, đường Filbert. Ông cậu Paton mãi nghĩ về bọn xâm phạm nên quên bẵng là đèn đường đang sáng. Trước khi Charlie kịp cảnh báo, ông đã vô tình ngược lên và bóng đèn phía trên đầu ông kêu bụp một phát, nổ tung.

Ông cậu Paton cúi người né trận mưa thủy tinh dội xuống đầu mình. “Chán quá! Chán quá!” ông gầm to. “Ai cần làm kẻ tăng áp cơ chứ!”

Ông cậu Paton Yewbeam, một hậu duệ khác nữa của Vua Đỏ, thừa hưởng một tài phép không may. Chỉ cần ông hơi liếc vào một bóng đèn đang cháy, dù nó ở trong cửa sổ, trong nhà dân, trên đường phố, hay tại nhà mình, thì tất yếu nó vẫn cứ tăng sức nóng lên đến độ nổ tan bóng đèn. Vì vậy nên Ông cậu Paton rất ít khi ra khỏi nhà vào ban ngày. Đèn giao thông, đèn xi-nhan ô-tô và đèn cửa sổ bày hàng luôn có nguy cơ hứng chịu tài phép khốn khổ này của ông. Ông thấy điều này thật bất tiện cho mình.

Lần này tai nạn của Ông cậu Paton đã để lộ ra một sự việc. Trong chớp lóe sáng vụt chiếu con đường, hai hình hài bị nhìn thấy đang lúp cụp bên một hàng rào. Khoảnh khắc đó kéo dài không tới một giây nhưng gương mặt họ đã in đậm trong tâm trí Charlie. Trông họ... không hẳn là người.

Charlie chớp mắt trước cơn mưa thủy tinh dội xuống đầu ông cậu. Khi nó mở mắt ra thì hai hình hài đó đã biến mất.

“Mau lên, Charlie, chúng ta mau ra khỏi đây kẻo có người thấy chúng ta.” Ông cậu Paton chộp cánh tay Charlie và lôi nó đi khỏi hiện trường.

“Có người đã nhìn thấy chúng ta rồi, Ông cậu Paton. Con nghĩ đó có thể là bọn họ. Tức những kẻ đột nhập nhà con. Nhưng họ không hẳn là người. Nếu ông hiểu ý con.”

“Ta không hiểu.” Ông cậu Paton túm chặt cánh tay Charlie hơn. “Nhanh lên! Nhanh ra khỏi đây!”

Charlie thấy mình bị lôi xệch qua đường. Một chiếc xe lao tới bóp một tiếng còi cảnh báo và Ông cậu Paton vội giật nó lên vỉa hè.

“Con bảo không-hẳn-là-người nghĩa là sao?” Ông cậu Paton kéo thụp vành nón xuống. Bây giờ cả mũi của ông cũng bị che khuất.

“Họ quái đản lắm, Ông cậu Paton,” Charlie thở hồng hộc. “Con không thể giải thích.”

“Cố lên,” ông cậu ra lệnh. “Ta muốn biết chúng ta đang đối phó với loại sinh vật gì.”

Ông cậu Paton đi tiếp với tốc độ lướt gió thường lệ của mình. Charlie phải cầm cổ chạy từng chập cho kịp ông. “Chân ông dài gấp đôi chân con.”

“Ta muốn ngăn cách mình với đèn đường,” Ông cậu Paton gắt. Ông rẽ một góc phố và chậm bước lại. “Nào, cố lần nữa coi. Cái gì khiến họ không phải là người, Charlie?”

“Trước tiên là họ có lông. Rồi mắt họ... mắt họ, à, con nghĩ khác xa mắt người. Chúng giống mắt chó... hoặc...”

“Sói?” ông cậu gọi nhắc.

“Chắc vậy,” Charlie thận trọng. “Nếu mắt sói màu vàng.”

“Hừm. Sao ta có linh cảm nhà Bloor liên quan tới vụ này? Nói ta coi, ba của con có nhắc đến việc để lại vật gì đó ở ngôi nhà cũ không?”

“Không ạ. Nhưng có rất nhiều thứ ba con đã quên rồi.” Charlie mỉm cười một mình. Ba nó nhớ tên mẹ nó và tên ba là đủ. “Tuy nhiên, trí nhớ của ba con đang dần trở lại. Mỗi ngày lại có một điều mới bật khỏi đầu ba. Có lẽ khi đi nghỉ về, ba con sẽ phục hồi hoàn toàn.”

“Và đó là điều bọn chúng lo sợ.” Ông cậu Paton dừng khựng lại.

“Ai a? Cái gì cơ?” Charlie hỏi.

“Nghe này, Charlie. Ai nấy tin rằng Manfred Bloor thôi miên ba của con là bởi vì chú ấy gây tai nạn cho lão Ezekiel. Nhưng ta ngẫm thấy còn nhiều lý do hơn thế nữa. Ta tin là ba của con đang giấu một vật mà gia đình Bloor muốn có. Rất có thể bọn chúng hy vọng là dưới sức thôi miên, chú ấy sẽ tiết lộ nơi cất nó. Nhưng điều này không xảy ra. Đến bây giờ họ lại sợ ba của con sẽ nhớ và tìm ra cái vật đó trước bọn họ.”

Charlie không thể hình dung nổi điều gì khiến ông cậu đi đến kết luận như vậy. Nhưng đầu óc Ông cậu Paton vốn hay lần tìm vấn đề. Ông đang viết lịch sử Vua Đỏ, và căn phòng riêng của ông chật cứng những quyển sách khổng lồ về tất cả những đề tài Charlie từng nghe nói tới, cũng như về biết bao điều nó chưa từng nghe bao giờ.

Đường Diamond nằm ở ngoại ô thành phố, Charlie và ông cậu phải đi bộ gần một tiếng mới về tới nhà. Lúc đó bóng chiều đã ập xuống và sương mù dày đặc đang bò qua các con phố. Thật lạ, không khí thoảng mùi muối, mặc dù biển cách xa nơi này ít nhất là 30 dặm.

Bà ngoại của Charlie, ngoại Maisie, đón họ tận cửa. Vẻ mặt bà như vừa bị choáng sốc ghê gớm. “Bà Bone về rồi,” bà thì thầm, tắt đèn hành lang đi, ngăn ngừa Ông cậu Paton gây tai nạn.

“Về rồi?” Ông cậu Paton nói to. “Cái quái quỷ...”

“Suýt!” ngoại Maisie đưa một ngón tay lên môi. “Vào nhà đã.”

Charlie và ông cậu theo ngoại Maisie vào nhà bếp. Bàn ăn đã dọn sẵn và trong khi mức súp ra ba cái tô, ngoại Maisie kể cho họ nghe về chuyến trở về đột ngột của nội Bone.

Nội Bone là chị gái của Ông cậu Paton. Hơn ông tới hai mươi tuổi và họ chẳng bao giờ thuận hòa với nhau. Bà ta thậm chí còn không ưa người con trai duy nhất của mình, tức là ba của Charlie. Ngay khi chú ấy trở về sau mười năm bị cầm tù trong học viện Bloor, nội Bone liền khăn gói ra đi – đến sống với ba cô em gái ở cuối một con hẻm tối tăm, bất ổn tên là Ngách Tối.

Charlie đã hy vọng sẽ không bao giờ phải nhìn thấy bà ta lần nữa chứ.

“Mụ ta vẫn còn giữ chìa khóa,” ngoại Maisie kể. “Mụ hùng hổ đi vào, thấy phịch giỏ vô hành lang và hét ‘Ta về lại!’ ‘Sao vậy?’ ta hỏi. Hừ, thoáng nhìn đã biết có điều không ổn rồi. ‘Ai cũng nghĩ chắc là bà tiếc lắm,’ mụ nói. ‘Đúng thế. Tôi tưởng bà dọn đi hẳn chứ,’ ta liền đáp như vậy.”

Charlie bật cười khúc khích.

Ông cậu Paton hỏi, “Nhưng lý do của bà ta là gì, bà Maisie? Tại sao bà ta trở về?”

“Vì đám cưới!” ngoại Maisie nói.

“Cưới ai?” Ông cậu Paton hỏi vội.

“Em út của mụ, Venetia. Tuần sau bà này sẽ cưới chồng.”

Charlie bị sặc súp. “Bà cô Venetia? Người quái quỷ nào trên đời lại muốn cưới bà ta nhỉ?”

“Có đấy, Charlie cưng,” ngoại Maisie nói. “Nhưng chẳng mấy chốc gã đàn ông tội nghiệp đó sẽ hối tiếc về ngày này cho mà xem.”

“Quái lạ,” Ông cậu Paton nhìn ngoại Maisie trân trân, không tin nổi.

“Nội Bone rất cáu tiết,” ngoại Maisie kể tiếp, “Nhưng hai bà em kia thì ủng hộ hoàn toàn.”

“Phùù.” Ông cậu Paton thổi súp của mình, chắc hẳn nó đâu có nóng, bởi vì ông đã nuốt chừng gần chục muỗng rồi mà đâu kêu ca gì. Ông đang cố không để lộ ra, nhưng ai cũng có thể thấy ông đang cực kỳ hoang mang và bàng hoàng thật sự.

Bốn bà chị của Ông cậu Paton đều xấu xa như nhau. Họ căm thù ông em duy nhất của họ; cả đời họ hành hạ ông chỉ vì ông bất đồng những quan điểm đạo đức của họ và luôn bày tỏ dứt khoát cho họ biết điều đó. Cả bốn chị em nhà họ đều đê tiện, hận thù, hống hách, lươn lẹo và tham lam. Quả tình, Charlie không sao tìm đủ lời để diễn tả cho hết họ kinh khủng đến cỡ nào. Không ai trong bọn họ từng bao giờ nói một lời tử tế với Charlie, chứ đừng nói là tặng quà sinh nhật nó, đặc biệt là nội Bone.

Ngoại Maisie ém phần hấp dẫn nhất trong bản thông báo của mình đến phút cuối mới bắt đầu tung ra. “Điều tệ nhất là gã đó đã có con rồi. Hai người nghĩ gì về điều này?”

“Có con!” Charlie rùng mình. “Tội nghiệp bọn chúng. Hãy tưởng tượng bà cô Venetia là mẹ mình!”

“Thật quá quái.” Ông cậu Paton ngẩng phắt đầu lên.

Charlie quay lưng ra cửa nên không thấy nội Bone đang bước tới từ đằng sau nó.

“Ta mừng rằng ta không phải là mẹ mày,” nội Bone hằn học. Mụ dùng dùng bước tới tủ lạnh, mở ra. “Chẳng có gì trong đây,” mụ phàn nàn. “Chả có gì ngoài phó mát và xương ôi. Không patê, không sốt mayonnaise và thậm chí không cả mùi cá hồi.”

Ngoại Maisie thở dài đánh sụt. “Làm sao tôi biết bà xuống đây lòng sục, với cái bụng cầu kỳ và cái mồm kén chọn của bà? Ngồi xuống đi, Grizelda, để tôi múc cho bà một ít súp nấm.”

“Thôi, cảm ơn.” Nội Bone thả người đánh rầm vào chiếc ghế bập bênh gần bếp lò.

Ông cậu Paton nhăn mặt. Ông đã định vứt chiếc bập bênh đó đi rồi. Xưa nay có ai dùng tới nó. Nó là sự nhắc nhở không ngừng về sự có mặt ảm đạm của nội Bone. Phải chi ông nghĩ sớm và đã chặt nó ra làm củi từ hôm trước.

Cột! Kẹt! Cột! Kẹt! Cột! Bà ta nằm đó, mắt nhắm lại, đầu rụt vào cằm. Cột! Kẹt! Cột! Kẹt! Âm thanh dư sức làm vón cục món súp.

“Thì ra,” Ông cậu Paton mãi mới tìm được lời, “tôi nghe nói bà bất hòa với các em, Grizelda.”

“Chúng cũng là chị của mày,” mụ đập lại. “Cưới chồng! Xời, ta chưa bao giờ nghe chuyện lỗ bịch đến vậy. Venetia đã năm mươi hai tuổi rồi. Đáng ra nó phải dẹp bỏ cái việc đại loại thể từ nhiều năm trước cơ.”

“Đại loại nào?” Charlie hỏi.

“Đừng xác xược!” bà nội nó mắng.

Charlie ăn xong súp thì đứng lên. “Con cá là bà sẽ đi khi ba con trở về,” nó nói.

“Hừ, bọn mày sẽ đến sống ở Góc Kim Cương ấm cúng kia mà.” Mụ thấy cho Charlie ánh nhìn lạnh lẽo nhất của mụ. “Nhưng mà xem cá voi có thể rất nguy hiểm. Không chừng hẳn chả bao giờ...”

Charlie không chờ nghe bà nội nói nốt câu. “Con qua nhà Ben chơi đây,” nó hét to, chạy ra hành lang và xộc áo khoác vào.

Ngoại Maisie gọi với theo, “Charlie, trời tối rồi cưng. Đừng để ý bà Bone. Bà ấy nói vậy chứ chả có ý gì đâu.”

“Cố đấy,” Charlie lầm bầm. Nó rời nhà, chạy băng qua đường tới nhà số 12 và nhấn chuông. Đường Filbert luôn im ắng vào giờ này Chủ Nhật. Chỉ có vài chiếc xe chạy ngang qua, còn vỉa hè vắng teo. Nhưng Charlie cảm thấy nổi gai đằng sau gáy, mách bảo nó có ai đó đang nhìn mình.

“Lẹ, lẹ lên.” Charlie nhấn chuông lần thứ hai.

Benjamin Brown mở cửa. Nó nhỏ hơn Charlie vài tháng tuổi và nhỏ con hơn nhiều. Mái tóc vàng hỗn độn của nó trùng y với màu lông con chó đứng bên cạnh, vẫy đuôi rồi rít.

“Mình vào được không?” Charlie hỏi. “Nội Bone vừa trở về.”

Benjamin hiểu ngay tắp lự. “Tai họa làm sao! Mình định đưa Hạt Đậu đi dạo đây. Đi không?”

Bất kể điều gì cũng tốt hơn một buổi tối trong cùng nhà với nội Bone. Charlie liền nhích bước bên cạnh Benjamin khi thằng này hướng về phía công viên. Với những tiếng sủa hân hoan, Hạt Đậu chạy vòng quanh hai thằng bé, sau đó phóng thục mạng trên con đường tối. Benjamin không thích để vượt tầm mắt khỏi con chó. Dù biết thế là mình lo lắng không cần thiết. Ba mẹ nó luôn dặn nó hãy tươi tỉnh lên, nhưng Benjamin không thể nào khác đi bản tính của mình được. Ngoài ra, một màn sương mù đang bò vào phố – một màn sương bất thường, thoảng mùi muối.

Charlie thông vai xuống. Lại nữa rồi. Vẫn cảm giác gai gai kỳ quặc bên dưới cổ áo. Nó dừng lại và ngoái nhìn ra sau.

“Gì vậy, Charlie?” Benjamin hỏi.

Charlie kể cho bạn nghe về những người nhưng không-giống-người nó đã thấy gần Góc Kim Cương.

“Đêm nay không có gì bình thường cả,” Benjamin run rẩy. “Chưa bao giờ mình nếm thấy mùi muối trong sương.”

Và rồi chúng nghe thấy tiếng tru – ở rất xa, nhưng đúng là một tiếng tru. Âm thanh đó nghe hơi

giống tiếng người, nhưng không phải tiếng người. Lần đầu tiên kể từ khi ba mẹ đi nghỉ, Charlie ước gì họ đừng đi xem cá voi.

Hạt Đậu học tốc trở lại chỗ hai thằng bé. Lông xù dựng lên như lông nhím.

“Vì tiếng tru đó đó,” Benjamin bảo. “Mình đã nghe thấy một lần rồi. Nó khiến Hạt Đậu hoảng hốt, mặc dù bình thường Hạt Đậu vốn không sợ cái gì cả.”

Không lâu sau, Charlie nhận ra có mối liên quan giữa tiếng tru đằng xa và sinh vật không-hẳn-là-người hình như đang đi theo nó.

Nhưng còn về màn sương có muối lại là điều hoàn toàn khác

NHỮNG KẺ LẠ TỪ BIỂN KHƠI

Có hai kẻ lạ mặt đã vào thành phố trong buổi chiều Chủ Nhật buốt giá hôm ấy. Họ đến bằng đường sông. Bỏ lại con thuyền neo dưới một cây cầu, họ leo bờ sông dốc lên đường cái. Họ di chuyển bằng những cử động chao đảo kỳ lạ như thể đang giữ thăng bằng trên boong tàu. Đi tới đâu họ kéo một màn sương mù theo đến đó: thứ sương mù giả tạo, đượm mùi muối, làm cho chim chóc im tiếng và khiến khách qua đường bật ho vào tận trong lồng ngực mà không cưỡng lại được.

Người nhỏ hơn trong hai người lạ là một thằng bé chừng 11 tuổi, mắt xanh biển trông như tảng băng trôi ngằm dưới nước. Mái tóc dài chấm vai của nó màu nâu lục, bết xỉn, hơi quăn một nếp. Dù cao đúng độ tuổi của mình, nhưng da nó tái nhợt, môi nó hầu như không có máu. Nó chòng chành đi qua những con đường rải sỏi, với vẻ quyết tâm, không gì lay chuyển trên bộ mặt mỏng quệt.

Cha thằng bé có đôi mắt lạnh trơ giống như mắt nó, nhưng mái tóc dài của hắn ta điểm những vệt trắng. Tên hắn là Lord Grimwald.

Khi họ đến những bậc thang dẫn lên học viện Bloor, thằng bé dừng lại. Mắt nó dán vào những bức tường xám đồ sộ và đảo lên hai tòa tháp ở hai bên lối vào. “Đi từ biển tới đây xa quá,” nó nói bằng giọng du dương đến không ngờ.

“Con phải học cách sống không biển một thời gian.” Giọng người đàn ông có tiếng dội của hang động ầm ứ.

“Được.” Thằng bé thọc một tay vào túi quần. Vẻ yên lòng hiện ra trên khuôn mặt nó trước sự tiếp xúc dễ chịu với những linh vật biển. Trong túi, nó mang theo một con cá vàng, một con nhím biển và mấy con cua vàng. Đó là quà tặng từ người mẹ quá cố, được làm từ vàng tìm thấy trong những con tàu đắm dưới biển sâu. “Dagbert, những linh vật biển này sẽ giúp con sống sót,” mẹ nó đã thì thầm với nó. “Nhưng con không bao giờ được cho cha con biết về chúng.” Khi thằng bé bắt đầu lên cầu thang, cha nó nói, “Dagbert, nhớ lời ta dặn đấy. Phải cố tự kiếm chế.”

Dagbert dừng bước và quay lại nhìn cha. “Ngộ nhỡ con không thể thì sao?”

“Con buộc phải. Chúng ta ở đây giúp con.”

“Cha thì giúp. Còn con thì học.” Dagbert quay đầu và bước lên hết cầu thang. Cặp giò dài đưa nó băng qua mảnh sân gạch chỉ với vài sỏi chân liêu xiêu, tiếp theo, nó giật sợi dây xích treo cạnh cánh cửa đôi đồ sộ bằng gỗ sồi. Một tiếng chuông lanh lảnh cất lên đâu đó sâu thẳm bên trong tòa nhà. Dagbert sẫm soi những hình người bằng đồng khảm trên các cánh cửa.

“Họ xưa hơn cả tòa nhà.” Lord Grimwald rà ngón tay khắp hình một người đàn ông cầm cái gì trông như một tia chớp. “Tổ tiên của chúng ta đó, Dagbert. Nhớ đấy. Chúng ta đang nói về Petrello, người con thứ năm của Vua Đỏ.”

Một trong hai cánh cửa loảng xoảng mở ra và một người đàn ông xuất hiện. Đó là một gã lực lưỡng, đầu trọc lóc, mặt vuông bạnh và mắt nhỏ rí, vô hồn. “Gì hả?” Hắn hỏi.

“Chúng tôi có hẹn,” Lord Grimwald tuyên bố một cách ngạo mạn.

“Tên là Grimwald?” Mắt gã đàn ông híp lại.

“Chứ mi trông chờ ai khác à?”

Gã đàn ông lăm bắm “Chậc!” và mở cánh cửa rộng ra hơn. “Thế thì vô đi.”

Cha và con đi theo tấm phản thịt qua một tiền sảnh dài lát đá phiến tới một cánh cửa ăn vào một trong những bức tường ốp ván gỗ sồi. “Tháp nhạc,” kẻ dẫn đường thông báo, xoay một cái vòng sắt. Cánh cửa bật mở và hắn dẫn hai người khách vào một hành lang thấp sáng lù mù. Ở cuối hành lang họ đi vô một căn phòng hình tròn rồi leo một cầu thang xoáy tròn ốc. Lên hết quãng cầu thang thứ nhất, họ rẽ phải và bước vào một hành lang trái thắm dày.

“Văn phòng của tiến sĩ ở cửa thứ hai bên trái,” gã gác cổng đầu trọc nói. “Đúng như ông nói, ông có hẹn. Gia đình Bloor đang ở trong đó. Cả ba người.”

“Tên gì?” Lord Grimwald hạch sách. “Ta muốn biết những chi tiết này.”

“Weedon: gác cổng, lái xe, tạp vụ, làm vườn. Vậy đủ cho ông chưa?” Hắn nện gót trở lại cầu

thang.

“Đồ lão xược.” Nước da xanh rêu của Lord Grimwald chuyển thành màu xỉn xỉt của đất nung. Khi tiến sát đến cửa văn phòng, hắn ta nên thẳng lên đó vài năm dặm, thay vì gõ cửa lịch sự như ở trường hợp khác chắc hẳn hắn đã làm.

“Vô đi!” hai giọng vang lên cùng lúc, một trầm đục và ngạo mạn, còn giọng kia rít lên hăm dọa. Lord Grimwald và con trai bước vào phòng. Họ thấy mình ở trong một căn phòng u ám, xếp đầy sách, có một người đàn ông to cao đứng đằng sau bàn viết. Cạnh bên bàn là một sinh vật già khom ngồi trong xe lăn. Toàn thân lão quần tọt trong một tấm chăn ca-rô, đầu đội mũ đen hình tròn, ôm sát cái hộp sọ gồ xương. Từ đó lòi ra mấy dải tóc trắng thòng xuống tới vai, trông tưởng sợi sáo. Đằng sau lão, một lò sưởi đun củi cung cấp hơi ấm và chút màu sắc sinh động cho căn phòng.

“Lord Grimwald.” Tiến sĩ Bloor bước vòng qua bàn và bắt tay khách. “Hân hạnh gặp ông. Tôi là tiến sĩ Bloor, hiệu trưởng. Tôi tin là cuộc hành trình của ông không được thoải mái cho lắm.”

“Chúng tôi đến bằng đường biển.”

“Không thể nào. Chúng tôi cách biển nhiều dặm mà,” sinh vật trong xe lăn lên tiếng.

“Chúng tôi đã đi xa hết sức cho phép rồi sau đó chèo thuyền qua sông.” Lord Grimwald bắt bàn tay như móng vuốt thò ra khỏi tấm chăn ca-rô.

“Ta là ngài Ezekiel,” lão già cốc cốc nói. “Ta một trăm lẻ một tuổi. Thế nào? Trông không tới tuổi đó, nhỉ?” Không chờ lời đáp lại, lão tiếp, “Ra đây là thằng bé.” Lão thộp lấy tay Dagbert.

“Tên nó là Dagbert,” Lord Grimwald bảo với lão khom. “Nó có nhiều tên khác nữa, nhưng chúng tôi quyết định họ của nó là Endless1.”

“Bởi vì tên tôi vĩnh cửu như đại dương.” Dagbert không hề nao núng khi những ngón tay mình bị vò trong một bàn tay xương xẩu. Thật ra nó không nhìn lão Ezekiel. Ánh mắt nó bị hút vào một hình thù trong góc phòng, tùm hụp và sậm tối, ngoảnh mặt khỏi những vị khách, mặc dù nó tạo ấn tượng là đang chăm chú lắng nghe không sót lời nào. Dagbert mãi chú mục tới hình thù sát khí đó đến nỗi quên kiểm soát bản thân.

Những lưỡi lửa trong vỉ lò hiu hắt rồi tắt ngóm. Một màn sương nhớp nháp tràn vào phòng, và những quyển sách màu mốc giăng kín các bức tường bị tấm chăn trong ánh sáng biến kỳ quái.

“Ma quỷ gì thế này?” Lão Ezekiel vọt miệng, kéo tấm chăn vô sát người hơn.

“Đó là phép của nó,” Lord Grimwald thần nhiên nói. “Chẳng bao lâu nữa Dagbert sẽ phát huy hết quyền năng, và tài phép của nó sẽ mạnh hơn ta.”

“Thật thế ư?” Tiến sĩ Bloor ước lượng thằng bé. “Một ý nghĩ chẳng thoải mái cho ông, ông Lord Grimwald à.”

“Không đâu. Dagbert sẽ không bất tuân. Nếu thế nó sẽ chết. Nó biết rõ điều này.” Lord Grimwald nói như thể con trai không hề có mặt trong phòng. “Ta không muốn có con,” hắn tiếp, “Nhưng rồi thì phép lạ này xảy đến,” hắn chỉ Dagbert, “và ta thấy mình không thể tách khỏi điều đó. Dòng họ của ta bị nguyên rủa, ông biết đấy. Hễ khi nào một đứa con trai đạt tới tối đa công lực, nó sẽ quay qua chống lại cha nó, rồi thì một trong hai cha con sẽ có người chết. Nhưng chúng tôi, ta và Dagbert, đã có một hiệp ước, sẽ luôn luôn hợp tác cùng nhau. Phải không, Dagbert?”

Dagbert gật đầu với cha một cái cụt lủn.

“Nào, Dagbert, *hãy tự chủ!*”

Dagbert mỉm cười. Ánh sáng biến nhạt đi, những khúc củi trong lò kêu lèo xèo và bùng cháy trở lại.

“Thú vị.” Tiến sĩ Bloor nhíu mày với thằng bé. “Miễn là nó sử dụng tài phép của nó đúng chỗ.”

“Hãy để mắt tới nó giùm ta,” Lord Grimwald nói, “Và ta sẽ làm những gì ông muốn.”

“Chúng tôi sẽ xếp nó vào phòng ngủ chung của Charlie Bone,” lão Ezekiel hả hê.

“Xin mời cả hai người ngồi xuống,” tiến sĩ Bloor nói. “Dagbert, lấy mấy chiếc ghế cạnh kệ sách lại đây.”

Thằng bé kéo hai chiếc ghế lại gần bàn trong khi tiến sĩ Bloor tiếp, “Charlie Bone đang trở nên mạnh ngoài tầm kiểm soát. Cần phải gò cương nó lại.”

“Cháu có thể làm điều đó, thưa ngài.” Dagbert ngồi xuống ghế cạnh cha nó.

Lần đầu tiên kể từ khi những vị khách tới, cái hình thù trong bóng tối day mặt ra ánh sáng. Lord Grimwald vô ý thờ hốc lên, nhưng con trai hắn ta trở mắt nhìn gương mặt bị tàn phá của

Manfred Bloor bằng vẽ hãi hùng pha lẫn khoái chí. Bốn vết sẹo lớn chạy từ đường ngôi tới cằm của người thanh niên. Mí mắt hấn nhúm nhứ những mũi khâu và môi trên bị xách ngược lên thành hai phần, khiến cho bộ mặt hấn mang vẻ quàu quạu vĩnh viễn.

“Khủng khiếp hả?” Lão Ezekiel ngó quanh lại thẳng chất của mình. “Nhưng chúng ta sẽ trả thù chúng, Manfred.”

“Sao lại ra thế?” Lord Grimwald hỏi.

“Lũ mèo,” tiến sĩ Bloor đáp.

“Mèo?” Lord Grimwald lặp lại, không tin nổi.

“Những con báo,” một giọng ùng đục từ phòng vang vọng ra.

“Chúng xé toạc cổ họng nó,” tiến sĩ Bloor hạ thấp giọng. “Mỗi tiếng nói ra đều khiến nó đau đớn.”

“Những con báo.” Mắt Dagbert vẫn chưa rời khỏi bộ mặt bị hủy hoại.

“Những con báo của Vua Đỏ,” lại cái giọng ghê sợ đó.

Dagbert quay qua cha. “Chúng ta là con cháu của Vua Đỏ.”

Cha nó gật đầu. “Chính vì vậy chúng ta ở đây.”

“Vây là mi biết câu chuyện về Vua Đỏ?” Lão Ezekiel lặn xe lại gần Dagbert. “Mi biết là khi vợ ngài mất, nhà vua vào rừng than khóc chỉ có lũ báo đi cùng. Nhưng mi có biết ngài đã biến lũ báo đó thành mèo không? Những con mèo bắt tử, lông chúng sáng như lửa, lũ mèo đó xuất hiện trong mọi thế hệ để đồng hành với những đứa trẻ khước từ sự kiểm soát.” Giọng lão Ezekiel rú lên giận dữ. “Chính chúng. Những con mèo đó đã hủy hoại chất của ta.”

“Tại sao?” Dagbert hỏi, rất can đảm trước nỗi cuồng điên của lão già.

“Charlie Bone,” cái giọng cay cú trong bóng tối trả lời.

“Đúng, Charlie Bone,” tiến sĩ Bloor thừa nhận. “Cứ cho là nó cố cứu cha nó, nhưng làm ra nông nổi này...” ông hiệu trưởng vung tay về phía con trai.

“Ông đã tìm ra cách trừng phạt Charlie Bone chưa?” Lord Grimwald hỏi.

“Chúng tôi hy vọng ông có thể giúp chúng tôi.” Tiến sĩ Bloor thở *phù* ra. “Charlie có bạn bè, ông biết đấy, đám bạn có phép hùng mạnh. Chúng nó đánh nhau như hổ.”

“Hổ có thể bị loãng,” Dagbert lẳng lặng nói.

Một bầu thỉnh lặng kinh ngạc theo sau lời nhận xét này. Gia đình Bloor đánh giá Dagbert bằng mỗi quan tâm mới. Nhưng ánh mắt thẳng bé đang bị ghìm giữ trong đôi mắt sứt sẹo đang nhìn ra nó từ trong bóng tối, và tất cả mọi người trong phòng đều cảm nhận mỗi dây vô hình được hình thành tức tốc giữa Dagbert Endless và Manfred Bloor.

Ezekiel mỉm cười thỏa mãn. Từng có nhiều đứa trẻ được ban phép thuật học ở học viện Bloor; không thiếu đứa độc địa một cách đáng hài lòng, nhưng lão chắc chắn chưa đứa nào chết người như thằng bé phương Bắc có đôi mắt băng trôi này.

Lord Grimwald đứng dậy và bắt đầu di chuyển trong phòng bằng kiểu đi lảo đảo quái đản của mình. “Vây là ông sẽ giáo dục con trai ta. Thế còn ta sẽ phải làm gì cho ông?”

“À, bây giờ chúng ta đi vào mấu chốt vấn đề,” lão Ezekiel hồ hởi. “Ông có thể điều khiển biển cả, Lord Grimwald. Một tài phép không ai bằng, nếu ta có thể nói thế.”

Lord Grimwald nghiêng đầu trong khi vẫn tiếp tục liêu xiêu trong phòng.

Tiến sĩ Bloor nói, “Cha của Charlie, Lyell Bone, hiện giờ đang ở ngoài biển. Hấn đi hưởng tuần trăng mật lần thứ hai với vợ là Amy. Và bọn chúng đã quyết định sẽ đi xem cá voi.”

“Xem cá voi!” lão Ezekiel cười lục cục. “Bọn ngớ ngẩn. Chúng đang ở trên một con thuyền bé tẹo, sóng sẽ đánh thuyền của chúng nghiêng ngả, đến khi một con sóng cao nhất, lớn nhất, rộng nhất sẽ chìm con thuyền xuống đáy đại dương, cho Lyell và Amy mãi mãi nằm lại dưới đấy. Ông nghĩ sao về điều đó, Lord Grimwald?”

“Ta có thể làm điều đó cho ông.” Lord Grimwald dừng bước và ngồi xuống. “Nhưng cho ta hỏi, ngoài trừng phạt Charlie Bone, còn có lý do nào khác mà ông muốn chìm chết Lyell Bone?”

“BẢN DI CHÚC!” cả tiến sĩ Bloor và lão Ezekiel cùng đồng thanh.

“Bản di chúc?” Lord Grimwald hỏi.

“Nó xưa, xưa lắm rồi, nhưng vẫn còn hiệu lực,” lão Ezekiel nói. “Do ông tăng tổ của ta, Septimus Bloor, lập năm 1865, ngay trước khi chết. Lão ấy để lại mọi thứ: nhà, vườn, lâu đài trên bãi đồ nát, những tài sản vô giá, tất tật... tất tật cho con gái lão là Maybelle và bọn thừa kế của mụ. Nhưng bà dì của ta, Beatrice, là một phù thủy. Beatrice rất căm ghét Maybelle, nên đã đầu độc

Maybelle và làm giả một bản di chúc khác. Bản di chúc này, bản giả đó, để lại tất cả mọi thứ cho ông nội ta, Bertram. Ông ấy để lại tất cả cho cha ta, sau đó cho ta. Beatrice không muốn gì cho mình cả – bà ấy thấy Maybelle chết và thấy con cái mù bơ vơ sống nhờ trại tế bần là mãn nguyện rồi.”

“Thứ lỗi cho sự chậm hiểu của ta, ngài Bloor, nhưng đâu là vấn đề?” Lord Grimwald xòe tay ra. “Đường như bản di chúc thật không còn tồn tại nữa.”

“Nhưng có đấy, nó vẫn tồn tại,” lão Ezekiel thét gào. “Có kẻ đã tìm thấy nó, đó là Rufus Raven, chất của Maybelle. Hắn đã trao cho vợ hắn, Ellen, ngay trong ngày cưới.”

“Trao bản di chúc?” Lord Grimwald hỏi.

“Không, không chính xác là bản di chúc. Ellen được trao chiếc hộp đựng bản di chúc,” tiến sĩ Bloor giải thích. “Chìa khóa đã mất và cô ta không thể mở được chiếc hộp, nhưng Ellen được ban phép nhận biết... đồ vật. Cô ta đoán trong hộp chứa một thứ cực kỳ quan trọng.”

“Bọn ta tin rằng Rufus đã trao chiếc hộp cho Lyell Bone giữ cho an toàn,” lão Ezekiel nói.

“Chúng là bạn nối khố của nhau, hắn và Rufus ấy. Bọn ta đã thương lượng, đã cố dọa nạt: ‘Đưa cái hộp cho bọn ta thì mi sẽ được một nửa gia tài’. Dĩ nhiên bọn ta dụ thế thôi.” Một nụ cười quỷ quyệt bệu ra khỏi cặp môi héo hắt của lão Ezekiel. “Nhưng Rufus không chịu nhả. Vì vậy bọn ta buộc phải khử hắn với con vợ khờ khạo của hắn. Một tai nạn thương tâm do một thợ máy xe được ta trả công bày bố. Thằng con của chúng sống sót, nhưng nó chẳng biết tí ti gì.”

“Tên nó là Billy,” tiến sĩ Bloor nói. “Bọn ta đang giữ nó ở đây. Nó 8 tuổi và có thể nói chuyện với thú vật.”

“Lợi hại ghê,” Dagbert thích thú.

Lão Ezekiel cười gằn. “Tài phép của Billy đến giờ chả có lợi lộc gì cho nó. Như Thương Hại này là ví dụ.” Lão bật ngón tay. “Thương Hại, lại đây.”

Một con chó già khú đế từ dưới gầm bàn hiện ra. Mắt nó bị khuất tịt trong mớ da bèo nhèo chảy xệ, bộ vỏ ngắn cũn cỡn hầu như không đỡ nổi thân hình ục ịch của nó. Môi Dagbert tón lên ghê tởm khi con vật ự hự và dí vòm miệng nước dãi lòng ròng vào tấm chăn của lão Ezekiel.

“Billy gọi nó là May Phúc,” lão Ezekiel nói. “Có trời mới biết tại sao. Con chó này hiểu được mấy lời láo nháo của Billy nhưng lại chả hiểu những gì bọn ta nói. Bướm với lại,” lão Ezekiel huơ đôi tay còng queo lên khỏi đầu, “với lại... tiệc sinh nhật, là tất cả những gì nó biết. Vì vậy nó không thể mách lẻo Billy chút gì về cuộc chuyện trò của bọn ta, hay về sự thừa kế của nó.”

“Lão chắc không đó?” Dagbert nghi ngờ tia con chó.

“Hoàn toàn,” tiến sĩ Bloor nói. “Những từ duy nhất con chó đó biết là tên nó: Thương Hại hoặc May Phúc.”

Điều này không hẳn đúng. May Phúc không đủ khả năng để hiểu hết từng lời được nói ra, nhưng nó hiểu mạch cảm xúc ở trong phòng. Nó biết bọn họ đang nói về bạn của nó, Billy, và linh cảm hai kẻ lạ mặt kia mang đến tai họa. Họ phả mùi sương và gỗ mục. Da họ lạnh và trơn nhầy, và trong giọng nói của họ có âm vang tiếng sóng đập vào bờ đá. Mắt thằng bé nhoang nhoáng như nước đóng băng, và mặt của người đàn ông kể về những con tàu đắm và những người bị chết đuối thương tâm. May Phúc sẽ mô tả tất cả những điều này cho Billy, sau đó Billy sẽ nói chuyện với bà bếp trưởng. Và bà bếp trưởng sẽ cho May Phúc một cục xương to, May Phúc hy vọng vậy. Con chó già hướng ra cửa, ngúc ngoắc cái đuôi trụi lủi và đánh một phát rầm khi nghĩ về cục xương hằng ao ước.

Có tiếng gõ cửa lớn và, khi cửa mở, May Phúc hấp tấp sượt qua Weedon ra hành lang.

“Bà bếp trưởng đã dọn xong bữa tối,” Weedon thông báo một cách cục cằn.

“À!” tiến sĩ Bloor đập hai bàn tay vào nhau. “Phòng ăn ở cuối hành lang. Đi hướng này, xin mời mọi người.”

Trong khi hai vị khách đi theo tiến sĩ Bloor, một phụ nữ nhỏ nhắn từ phòng ăn hiện ra. Bà bếp trưởng đã tròn trịa hơn ngày trước, mái tóc đen giờ hơi ngả xám, nhưng gương mặt hồng hào vẫn lưu lại những nét xinh đẹp thời trẻ. Trông thấy tiến sĩ Bloor và khách, bà đứng nép qua bên cho họ đi qua.

“Cảm ơn, bà bếp trưởng,” tiến sĩ Bloor nói.

Bà bếp trưởng gật đầu, bỗng bất giác rùng mình. Bà bùm chiếc khăn mùi xoa lên mặt và lật đật đi khỏi. Tim bà đập nhanh đến nỗi May Phúc cũng nghe thấy khi bà chạy theo sau nó xuống cầu thang.

“Ồi, hỡi hùng! Ồi, kinh hoàng! Đó là hắc. Là hắc đấy. Ồi, May Phúc, ta phải làm gì đây? Sao hắc lại ở đây? Sao lại là bây giờ?”

Bà bếp trưởng bước vào căn tin xanh da trời, với May Phúc kè sát nút. Chiếc khăn mùi xoa vẫn bịt chặt miệng bà như thể từng luồng không khí bà hít vào đều bị đầu độc.

“Bà bếp trưởng, chuyện gì vậy ạ?”

Bà bếp trưởng đã không thấy thằng bé tóc trắng đang ngồi bên cái bàn trong góc.

“Ồ, Billy, cưng. Ta bàng hoàng quá.” Bà kéo một chiếc ghế ra và ngồi xuống cạnh nó. “Có một người đàn ông ở đây. Hắc... hắc...” bà lắc đầu. “Billy, ta cần phải nói với con. Chính hắc đã dìm chết cha mẹ ta, quét sạch nhà cửa của ta và giết hại vị hôn phu của ta, tất cả chỉ vì ta không cưới hắc.”

Đôi mắt màu rượu vang đỏ của Billy tròn tròn kinh hãi. “Ở đây? Nhưng tại sao?”

“Ta không lý giải được cho con hiểu. Có gì đó liên quan tới thằng bé mà hắc mang theo, ta nghĩ vậy.” Bà bếp trưởng hỉ mũi và giặt chiếc khăn mùi xoa vào tay áo. “Tên hắc là Grimwald.

Chuyện đã bốn mươi năm rồi. Ta không biết hắc còn nhận ra ta không. Nhưng rủa hắc nhận ra...” bà nhắm mắt lại cố gạt đi những nỗi kinh hoàng không thể tưởng tượng được. “Nếu hắc nhận ra, ta buộc phải rời khỏi đây.”

“Rời khỏi đây? Không thể được, bà bếp trưởng!” Billy bật dậy và vòng tay ôm cổ bà bếp trưởng.

“Con sẽ ra sao nếu không có bà? Bà không thể đi được. Bà đừng đi. Làm ơn đừng đi, mà.”

Bà bếp trưởng lắc đầu. “Ta không biết, Billy. Đã từng có rất nhiều người khủng khiếp tới nơi này, nhưng hắc là kẻ kinh khủng nhất. Nếu thằng bé kia có chút gì giống hắc, chúng ta sẽ nguy khốn, tin ta đi.”

Bất thành lình May Phúc chồm hai chân lên đùi bà bếp trưởng và ngửa đầu ra sau, tru lên một tiếng thê lương đến nỗi Billy phải bịt tai lại.

“Nó biết,” Billy thì thầm. “Nó muốn nói với con điều gì đó, nhưng con không chắc mình có muốn nghe không.”

DAGBERT ENDLESS

Sáng thứ Hai có một thằng học trò mới xuất hiện ở học viện Bloor. Nó mặc áo chùng xanh da trời, đồng phục của khoa Nhạc. Charlie gặp nó lần đầu tiên ở trong phòng Tập Hợp. Bọn học sinh khoa nhạc có dàn nhạc riêng, và hôm nay anh bạn thân của Charlie, Fidelio, chơi violin chính. Cậu chàng cầm cây vĩ vẩy vẩy Charlie đúng lúc thầy trưởng khoa Nhạc, giáo sư Saltweather, bước lên sân khấu.

“Ai đó?” Có giọng nói lọt vô tai Charlie.

Charlie nhìn quanh thì thấy một thằng bé cao hơn nó cả tấc, tóc dài, trông ướt rượt và mắt xanh biển.

“Ai là ai?” Charlie hỏi lại.

“Thằng đàn violin.”

“Tên anh ấy là Fidelio Gunn,” Charlie đáp. “Anh ấy là một người bạn của tớ.”

“Thế à? Nó đánh violin giỏi không?”

“Kiệt xuất luôn. À nhân tiện, mình là Charlie.”

Giáo sư Saltweather giơ tay lên ra hiệu im lặng, và dàn nhạc trỗi lên.

Ba mươi phút sau thằng bé mới tới đuổi kịp Charlie khi nó rời phòng Tập Hợp. Thằng đó dúi cho Charlie một bức thư. Nhìn một cái là Charlie chẳng thích tí nào. Nó nhận ra loại giấy có tiêu đề của học viện Bloor. Với nội dung in theo lối chữ to, bay bướm như sau:

Charlie Bone được chỉ định là giám sát chính thức của Dagbert Endless. Charlie sẽ chỉ dẫn cho Dagbert tất cả những vị trí liên quan đến một học sinh khoa Nhạc năm thứ hai. Đồng thời Charlie sẽ truyền đạt cho Dagbert những quy tắc và luật lệ của học viện, cũng như mọi thông tin về trang phục và những đồ dùng học tập bắt buộc. Nếu Dagbert Endless vi phạm bất kỳ nội quy nào của học viện, Charlie Bone sẽ phải chịu trách nhiệm.

Charlie nuốt nước miếng đánh ực.

“Đó là tôi,” thằng bé nói, chỉ vào tên mình trong bức thư. “Dagbert Endless.”

Charlie lắp bắp. “Tôi thắc mắc tại sao họ lại chọn tôi.”

“Bởi vì anh được ban phép thuật,” Dagbert bảo nó. “Tôi cũng vậy. Nhưng tôi mù tịt nhạc. Tuy nhiên tôi sẽ không phiền nếu học trống. Còn anh?”

“Tôi? Ồ, tôi thổi kèn trumpet,” Charlie đáp. Nó tự hỏi sao thằng này lại vào trường trể như vậy. Trong khi bọn chúng đã học gần hết một nửa học kỳ hai rồi.”

“Tôi đến từ phương Bắc,” Dagbert cho Charlie biết. “Phương Bắc rất, rất xa xôi. Tôi đã học ở học viện Loth nhưng họ đuổi tôi.”

Charlie lập tức quan tâm. “Vì sao?”

“Có một vụ chết đuối,” thằng bé nói tỉnh queo. “Không phải lỗi tại tôi, dĩ nhiên, nhưng anh thừa biết những bậc phụ huynh thế nào. Họ muốn trả thù và ai đó đã nói cho họ biết tên tôi.” Dagbert hạ giọng. “Hắn không yên lâu đâu, tôi bảo đảm với anh đấy.”

“Ai?”

“Kẻ mách lẻo.”

Chúng đã ra tới tiền sảnh và Charlie ham muốn nghe chi tiết vụ chết đuối kinh hoàng đến nỗi nó quên mất nội quy. “Thế, chuyện xảy ra làm sao?”

“Im lặng trong tiền sảnh, Charlie Bone,” một trong những huynh trưởng nhắc to, chị này vui tính, hiếm khi phạt cấm túc.

“Lỗi này,” Charlie thì thào, huých khủy tay Dagbert.

Chúng bước tới cánh cửa bên dưới hình hai cây kèn trumpet bắt chéo nhau. Vừa qua cửa Charlie nói, “Tôi mừng là chị Fiona trực chứ không phải Manfred Bloor.”

“Manfred thì sao?” Dagbert hỏi.

Charlie không thích ánh mắt Dagbert bắn vào mình. “Không có chi.” Nhanh chóng chuyển đề tài, Charlie giải thích rằng chúng đang ở trong phòng để áo khoác xanh da trời. “Học sinh khoa Kịch mặc áo chùng tím, cửa phòng để áo khoác bên đó ở dưới hai chiếc mặt nạ; còn hai cây bút vẽ bắt chéo chỉ chỗ cho học sinh Mỹ Thuật đi. Họ mặc áo chùng xanh lá cây. Mỗi khoa còn có căng-tin riêng nữa. Nhưng tất cả chúng ta cùng học chung, chỉ trừ khi nào học nhạc, họa hay kịch thôi.”

Bọn trẻ bắt đầu bu quanh Dagbert. Nó từ đâu đến? Sao nó ở đây? Nó có sống trong thành phố không?

Charlie nhận ra Billy Raven ngồi trong một góc. Vừa trông thấy Dagbert, thằng nhỏ liếc nhìn Charlie một cái đầy lo lắng và bỏ chạy. Dagbert dòm theo thằng bé bạch tạng rồi chuyện trò với những đứa khác. Nó không nói với đứa nào những điều nó vừa mới nói với Charlie. Chỉ bảo rằng nó sống trên lầu một cửa hàng bán cá.

“Tôi thích cá lắm, anh biết đấy.” Nó mỉm cười với Charlie ra điều chỉ tui mình biết thôi.

“Nó là một con cá quái đản,” Fidelio lào thào vô tai Charlie.

Charlie cười toét. Dagbert thấy đầu Fidelio chum sát vào đầu Charlie thì nụ cười tắt phụt khỏi gương mặt nó. Mắt nó bất thần trở nên lạnh băng đến mức khiến cho một cơn rùng mình chạy khắp sống lưng Charlie.

“Kế tiếp là giờ tiếng Anh,” Charlie nói. “Tốt hơn tui mình tới phòng thầy Carp đi.”

“Bạn sẽ vui thích cho coi, Dagbert?” Fidelio nói. “Carp có nghĩa là một con cá chép sặc sỡ.”

Dagbert không cười. “Chỉ đường cho tôi,” nó ra lệnh.

Chúng rời phòng để áo khoác xanh da trời và len lỏi giữa những tốp học trò áo chùng xanh da trời, xanh lá cây, hoặc tím tủa đi khắp mọi hướng.

Thầy Carp là người mập chắc, mặt đỏ gay, lúc nào cũng đóng chỉnh tề áo ghi-lê sọc và com-lê xám lịch lãm. Thầy cho rằng Charlie Bone khiến mình ngứa mắt, phần vì mái tóc bờm xờm của nó, phần nữa vì tâm trí nó hay để đâu đâu. Nó chúa là hay lo xa và thỉnh thoảng lại tương một câu trả lời dớ dẩn làm cho cả lớp bò ra cười.

“Trò, ngồi kia,” thầy bảo Dagbert. “Đúng, kế bên Charlie Bone. Tôi được biết cậu ta là giám sát của em, mặc dù theo ý của tôi thì chính cậu ta mới cần người giám sát.” Thầy Carp bật cười trước câu đùa của mình trong khi cả lớp im thin thít.

Dagbert ngồi vào bàn kế bên Charlie. Ở phía bên kia Charlie, Fidelio nhướn một chân mày lên. Tiếng ghế cạ sàn nhà, cả lớp ngồi xuống và bài học về dấu chấm câu bắt đầu.

Suốt thời gian còn lại trong ngày Dagbert đeo dính Charlie như đĩa dính. Đó không phải là lỗi của Dagbert, Charlie lập luận, nhưng nó đang dần gây tai hại đến các quan hệ bạn bè của Charlie. Hai nhỏ bạn Emma và Olivia tới chơi với Charlie trong giờ nghỉ giải lao, nhưng tình hình bỗng chuyển xấu khi Olivia phán rằng Dagbert tanh mùi cá. Charlie đã định ninh cái mùi đó phả ra từ khu nhà bếp, nhưng giờ thì nó nhận thấy Olivia nói đúng.

Phản ứng của Dagbert khiến Charlie ngỡ ngàng. “Tụi này nghĩ mấy người bốc mùi nước hoa rẻ tiền, Charlie nhỉ?” Nó nháy mắt Charlie, thằng này mở mồm định phản đối thì Dagbert tiếp. “Tụi này nghĩ hai người lôi thôi lệch thếch quá đi. Nhất là mấy kiểu tóc lố bịch đó.”

“Tớ... không...” Charlie cà lăm.

Emma sững sờ nhìn nó, trong khi Olivia trả treo, “Ra vậy. Hừ, chúng tôi biết mình đang đứng ở đâu, có đúng không?” Con nhỏ chụp cánh tay Emma và kéo xệch đi. Được vài bước, Olivia

quay lại, hét lớn, “Tớ luôn biết đằng ấy là đồ lừa đảo mà, Charlie Bone. Lừa đảo và dối trá.”

Đáng lẽ Charlie Bone đã chạy theo bọn con gái, nhưng câu nói đau xốc của Olivia chặn nó khựng lại. Phải chăng con nhỏ luôn nghĩ nó là đồ lừa đảo? Nó nhìn hai đứa con gái băng qua sân. Trong áo khoác đỏ và quần bó đen, trông Olivia không luộm thuộm tí nào. Một chiếc mũ nỉ xinh xinh bằng nhung đen đội trên mái tóc nâu điểm những vệt đen và vàng óng của con nhỏ. Charlie chưa kịp khen Olivia thì Dagbert đã ném ra cái câu nhận xét chết người đó rồi. Hôm nay thậm chí cả Emma cũng rất duyên dáng, với mái tóc vàng cuộn thẳng lên đỉnh đầu.

“Mặc cho tụi nó đi,” Dagbert nói. “Tụi mình dư biết ngữ chúng nó. Bọn đầu rỗng.”

“Dẹp xưng ‘tụi mình’ đi,” Charlie nổi đóa. “Chúng ta không cùng quan điểm gì hết. Các bạn gái đó không hề đầu rỗng.”

Dagbert tảng lờ câu này. “Anh hứa sẽ chỉ cho tôi lâu đài đỏ. Từ đây tôi có thể thấy những bức tường. Đi thôi.”

Ở cuối sân chơi, những bức tường đỏ bầm của lâu đài ẩn hiện giữa tàng cây. Nhìn đông đồ nát, thật khó tin Vua Đỏ đã từng xây cung điện ở đó. Đôi khi Charlie lấy đồng tàn tích đó làm nơi nướng nấu, nhưng thường thì những bức tường cao vợi luôn tạo cảm giác ớn ớn, gọi nhắc về thời quá khứ tang thương của lâu đài.

“Bạn tự đi đi,” Charlie bảo Dagbert. “Tôi muốn nói chuyện với người khác.” Nó đã thấy anh bạn Gabriel Silk đang lơ ngơ tiến về phía chúng.

Khi Gabriel đến gần, Dagbert hét lên ầm ỹ. “Anh nói phải, Charlie. Đúng là kẻ thua cuộc.”

Chẳng may đúng lúc đó Gabriel tình cờ đi ngang qua Bragger Braine, kẻ bắt nạt khét tiếng năm hai. Bragger cùng với đám con trai vây quanh hấn dôm mái tóc dài và bộ mặt thiếu não của Gabriel rồi phá lên cười độc địa.

“Gabe!” Charlie hét gọi.

Nhưng Gabriel đã chạy mất tiêu. Charlie đảo quét khắp sân, cuối cùng thấy Gabriel chạy về phía cửa vườn.

“Dagbert, sao mày nói vậy?” Charlie điên tiết. “Gabriel rất nhạy cảm. Tao không biết phải giải thích làm sao với anh ấy đây.”

“Tôi cóc quan tâm,” Dagbert tỉnh bơ. “Ai thêm một thằng bạn như thế? Hấn thậm chí còn không thể mặc được áo cũ.”

“Tại anh ấy không thể. Anh ấy chịu mọi cảm xúc của tất cả những ai đã mặc chiếc áo đó trước anh ấy.” Charlie dậm chân. “Nếu mày muốn xem khu đồ nát thì tự mà đi lấy.”

Giận lòi đình, Charlie dùng dùng bỏ đi khỏi Dagbert và hướng vào trường. Tự dưng mùi cá tanh ươn nổi lên nồng nặc đến nỗi nó suýt ói mửa. Thật nhẹ nhõm khi vào trong tiền sảnh và đóng cửa chặn cái mùi ghê tởm đó lại. Charlie chạy tới phòng để áo khoác xanh da trời, nơi Gabriel thường lánh nạn khi có chuyện không hay. Nhưng thay vì gặp Gabriel, nó thấy Billy Raven ngồi thu lu ở đầu một băng ghế.

“Billy, em có thấy anh Gabriel đâu không?” Charlie hỏi.

Billy lắc đầu. Trông thất thểu bất an.

“Em sao vậy?” Charlie ngồi xuống cạnh thằng bé con.

“Anh cần phải biết đôi chút về thằng Dagbert đó,” Billy nói, “May Phúc bảo với em...”

“Đây rồi!” Dagbert hiện ra ở ngưỡng cửa, mặt nó trơ tráo và mùi cá đã bị chế ngự. Hình như nó có thể xả hay bít cái mùi đó lại. “Anh có mấy người bạn quái đản quá, Charlie Bone.”

“Này,” Charlie cố hết sức giữ bình tĩnh. “Tao không phiền làm giám sát cho mày, nhưng hãy để các bạn của tao yên, kéo không thì...”

“Thì sao?” Mặt Dagbert đanh lại.

Charlie không thể nghĩ ra lời đối đáp.

“Không thì chẳng sao cả,” Dagbert trả lời giùm nó. “Mày chả có phép gì sất, Charlie Bone.”

Cho nên mày phải lợi dụng người khác.”

Charlie đang bận suy nghĩ, nó đã tổng tiền ba đứa trong đám bạn mình. Nhưng luôn còn Tancred và Lysander. Nó nhìn Dagbert chăm chăm, nhưng thằng người cá này dù có là gì chẳng nữa cũng không phải là kẻ độc tâm trí.

Sau bữa tối, trong khi bọn trẻ khác đến các lớp học của chúng, Charlie dẫn Dagbert tới phòng Nhà Vua.

“Phòng Nhà Vua là gì?” Dagbert hỏi khi chúng leo lên những cầu thang hẹp ở cuối tòa nhà.

“Đó là nơi treo bức chân dung Vua Đỏ. Tất cả những đứa trẻ được ban phép thuật đều phải làm bài tập về nhà ở đó. Bởi vì chúng ta là hậu duệ của Vua Đỏ.”

“Vây là tôi sắp gặp những người còn lại.” Dagbert vượt lên trước Charlie. Đến lúc Charlie tới cánh cửa cao màu đen của phòng Nhà Vua, Dagbert đã vào bên trong. Charlie thấy nó đang ngo chòch chọc những kệ sách ép sát các bức tường cong.

“Một căn phòng hình tròn,” Dagbert nhận xét ra vẻ thỏa chí. “Và một cái bàn tròn. Giống thời vua Arthur¹ quá ta.”

Có bốn đứa nữa đi vào: Joshua Tilpin, Dorcas Loom và hai chị em sinh đôi, Inez và Idith.

“Nào, để coi,” Dagbert nhìn xĩa vào Joshua. “Thối từ tính.”

Joshua cười tét lét.

“Tốt, tốt.” Dagbert quay qua Dorcas, đang xếp sách vở của nó cho ngay ngắn trên bàn. “Còn đây thì ếm bùa quần áo?”

“Sao mày biết?” Dorcas hỏi – nó là một đứa con gái bị thối, mặt húp híp, tóc vàng rối tít.

“Tôi không biết,” Dagbert thú nhận. “Có người bảo cho tôi biết.”

“Còn chúng tôi là người siêu năng,” một trong hai chị em sinh đôi tuyên bố. Chả ai phân biệt được là đứa nào. Cả hai đều mặt nhợt, trơ như búp bê, tóc đen bóng láng. Dải tóc ngang trán chạy một đường thẳng xoẹt ngay phía trên mắt chúng – những con mắt đen không bao giờ biểu lộ một thoáng cảm xúc. “Mày là ai?” Vần con đó nói.

“Tôi là người có cái tên mang nghĩa là vĩnh cửu như biển cả.” Dagbert mỉm cười với bọn chúng. “Tên tôi là Dagbert.”

Hai đứa sinh đôi há hốc mồm trước thằng bé. Không đứa nào hỏi thêm câu nào nữa.

Charlie cảm thấy thấp thỏm, một mình trong phòng với bốn đứa không giấu giếm là kẻ thù của nó, và đứa thứ năm rõ ràng không thể coi là bạn. Nó thở đánh phào khi Tancred và Lysander xuất hiện.

Tancred đang hưng phấn mãnh liệt – chiếc áo chùng xanh lá cây tung phồng lên quanh người anh như làn mây, mái tóc vàng dựng đứng và sách vở không ngừng bay phập phều khỏi tay anh. Khi anh đặt đồng bài tập về nhà lên bàn, một luồng gió mạnh thổi u u quanh phòng, bốc giấy má lên không và cuốn lăn bút chì, bút mực trên chiếc bàn tròn.

“Đồ trời đánh thánh vật, anh không học được cách kiểm soát mình sao, Tancred Torsson?” Dorcas lầu bầu khi cúi xuống nhặt một quyển tập.

Trước khi Tancred kịp trả lời trả vốn, Dagbert gào lên, “Kẻ tạo bão! Rất hân hạnh. Tôi là Dagbert Endless.” Nó sấn tới hai anh lớn và bắt tay họ. “Còn anh chắc chắn là Lysander Sage, người gọi hồn.”

Lysander, người Phi châu, nhếch với Dagbert một nụ cười lạnh nhạt.

Dagbert không đếm xỉa tới ba đứa vô tiếp theo. Cố ý tránh Charlie, Emma kiếm chỗ ngồi bên Tancred, và Gabriel ở phía kia con nhỏ. Chỉ có Billy chọn ngồi gần Charlie. Lần này là vì nó bắt phải tia nhìn ón xương của thằng mới đến.

Đáng ra còn một thành viên thứ mười hai của nhóm này, nhưng Asa Pike đã chẳng còn thấy đâu suốt mấy tuần nay. Charlie chợt nhận ra mình nhớ cái anh cựu học sinh lớp sáu lẻo khẻo, tóc đỏ lưa thưa và mắt vàng như mắt sói, tổ cáo tài phép kinh khủng của mình ấy.

Lysander là nhân vật lớn tuổi nhất trong đám được ban phép thuật, vì vậy anh được giao nhiệm vụ trông coi phòng làm bài tập về nhà. Anh thừa hưởng phong thái lãnh đạo rất tự nhiên từ cha mình, thậm chí Sage lòng danh. Joshua, Dorcas và hai đứa sinh đôi có ý muốn nấn gán vị trí của Lysander, nhưng chúng trồn trợn anh châu Phi cao lớn này, và cho tới nay, chưa đứa nào dám công khai chống đối anh.

“Số mười hai của chúng ta đâu rồi?” Dagbert hỏi. “Tôi được bảo là có một tên người sói cơ mà.”

“Đã có,” Lysander lẳng lặng nói. “Cậu ấy không còn ở với chúng ta nữa. Làm bài tập của cậu đi, ngay.”

Dagbert cung cúc mở một quyển tập ra và bắt đầu đọc.

Charlie không sao tập trung được. Nó ngược nhìn bức chân dung Vua Đỏ rồi lại nhìn đồng hồ treo tường. Khi Manfred ngồi ghế phụ trách phòng Nhà Vua, hẳn luôn quát Charlie phải nhìn khỏi bức tranh mà tập trung vào bài tập về nhà. Charlie luôn ao ước đi vào bức tranh đó để nói chuyện với nhà vua, nhưng không thể được. Đằng sau nhà vua có thầy bùa Harken, một cái bóng chặn đứng mọi cố gắng tiếp cận tổ tiên mình của Charlie.

Có lần cái bóng đó đã sống ra, nhưng bây giờ hẳn bị nhốt lại rồi – một bộ dạng ủ ê, căm hận mà Charlie cảm nhận khi nhìn hẳn. Nhưng tôi không cần phải tiếp cận nhà vua nữa, nó thầm nói với cái bóng, bởi vì tôi đã tìm thấy cha tôi rồi, và ông không làm gì được nữa đâu.

Còn một kẻ khác cũng đang nhìn Charlie. Đôi mắt xanh biển của Dagbert gắn chặt vào nó. Charlie lập tức hạ ánh mắt xuống và cố chú tâm vào bài tập về nhà.

Lúc 8 giờ tất cả mọi người đóng sách vở lại và lục tục ra khỏi phòng Nhà Vua.

Trước khi Dagbert đuổi kịp bọn chúng, Charlie thì thầm với Billy, “Muốn về nhà anh cuối tuần này không?”

“Muốn chứ. Em có nhiều chuyện...”

“Hê! Chờ tôi với!” giọng Dagbert léo nhéo đằng sau chúng. “Anh phải chỉ phòng ngủ chung cho tôi mà.”

“Tôi tưởng bà giám thị đã chỉ cho cậu rồi chứ,” Charlie nói.

“Bà ấy chỉ rồi, nhưng tôi quên mất,” Dagbert cười ruồi và bắt kịp Charlie trong dáng đi lão đảo chúi về trước quái dị của nó.

Billy Raven lĩnh lệ.

“Thằng oắt đó khiến tôi thấy ớn,” Dagbert nhận xét khi nhìn thằng bé bạch tạng đang lùi đi.

“Cậu cũng khiến nó ớn tương tự,” Charlie bảo.

“Tại sao?” Dagbert tỏ vẻ ngạc nhiên thật sự.

Charlie tăng tốc không trả lời. Nó tự hỏi Dagbert sẽ ngủ ở đâu. Mọi giường trong phòng ngủ chung của nó đều đã có người. Cho nên thằng mới vào ngủ sẽ không gây nguy hiểm. Hay là có? Phía trước, nó thấy Gabriel Silk đứng ngoài hành lang. Trông rất quần trí. Charlie gọi anh, nhưng anh quay ngoắt và đi vô một cánh cửa xa hơn một chút.

“Cái gì thế không biết?” Charlie bước vô phòng ngủ chung của nó, Dagbert nổi gót.

Fidelio đang ngồi trên chiếc giường kế giường của Charlie. “Họ chuyển Gabriel đi rồi,” anh nói. “Tội nghiệp Gabe. Bất công quá. Họ xếp anh ấy gần với Damian Smerk.”

Charlie thở hốc lên. “Kẻ thù tệ hại nhất của anh ấy!”

Dagbert bỏ nhào tới chiếc giường từng là giường của Gabriel.

“Giờ thì tại mình biết lý do Gabriel bị trục xuất rồi,” Fidelio lầm bầm, quay đầu về hướng Dagbert.

Charlie hạ giọng. “Em bị buộc phải trông coi nó. Em đoán chính vì vậy mà bà giám thị xếp nó vô đây.”

Những đứa con trai khác bắt đầu đi vào: ba đứa năm nhất và năm đứa năm hai do Bragger

Braine và kẻ nô lệ dốc lòng của hắn, Rupe Small, dẫn đầu. Dagbert phớt lờ tội đó. Điều này thật ngạc nhiên, có thể đoán ra nó chỉ rắp tâm kết thân với bọn được ban phép thuật mà thôi. Có lẽ nó cho rằng lũ con trai bình thường không bỏ công làm quen – Charlie nghĩ.

Bragger Braine dừng lại ở đầu giường Dagbert và ra lệnh cho thằng mới tới phải tự giới thiệu. Dagbert vẫn điềm nhiên chuyển quần áo từ giỏ xách vào tủ ngăn kéo cạnh giường nó.

“Tao đang nói chuyện với mày, thằng kia,” Bragger hếch sách, bộ mặt mũi tẹt hếch tựa chó púc của nó đổ lựng lên.

“Trả lời!” Rupe Small the thé hòa theo.

“Trả lời, trả lời, trả lời mau!” bọn khác la ông ổng.

Charlie bỗng nhiên thấy mình phải bênh vực thằng bé mới. “Để nó yên,” Charlie nói.

“Ai hỏi mày, Charlie Bone?” Thằng năm ba bự con quát.

“Tôi chịu trách nhiệm giám sát nó,” Charlie nói đồng dục. “Tên nó là Dagbert Endless.”

“Tao nghĩ nó là một trong bọn quái dấm ‘được ban phép thuật’,” Rupe vừa ré lên vừa cười hơn hớn.

Charlie thấy Rupe còn đáng ghét hơn cả Bragger. Giọng nói thì gắt như ngựa hí. Nó tò tò theo từng bước chân Bragger, đôi mắt giống mắt chó mở to, không bao giờ hó hé nửa lời trừ phi nó biết chắc chắn là Bragger đồng ý.

“Họ không quái dấm,” Fidelio bình thản phản đối.

“Hừm. Vậy mày học gì, thằng mới?” Bragger leo lên thành đầu giường của Dagbert. “Cáo lỗi vì tao nói vậy, nhưng Endless không phải là một cái tên.”

Bất ngờ Dagbert đứng thẳng lên. Nó cầm đôi mắt xanh biển vào Bragger và nói, “Tên tao vĩnh cửu như đại dương, và tao chìm chết người.”

Bàn chân của Bragger trượt khỏi thành giường và nó ngã ngửa xuống sàn.

Không đứa nào phá lên cười.

TIẾNG TRU

Chắc chắn là một thằng khác trong đám đã truyền đi tin tức về Dagbert, chứ bảo đảm không phải Bragger. Sợ mất hồn vía đến nỗi bổ ngửa ra sàn chẳng có gì hay ho mà khoe khoang cả.

Lời đồn đại lan nhanh như chớp. Loáng cái thậm chí cả đứa năm nhất lơ mơ nhất cũng đã biết tin: Dagbert Endless chìm chết người.

Nhưng chìm bằng cách nào? Câu hỏi đó lóe sáng trong tâm trí mọi người. Vô nhà tắm buổi tối, thật dễ nhận thấy bọn nhỏ hứng nước vào bồn cạn như thế nào. Cổ đứa quyết định không tắm bồn nữa và chọn tắm vòi sen lạnh ngắt trong những phòng thay đồ không được sưởi ấm. Mà là vào tháng hai. Vậy đủ biết chúng lo sợ tới cỡ nào.

“Chúng mày bị ma quỷ gì ám vậy?” Bà giám thị gầm gừ. “Bọn bay hay kêu rêu là không đủ nước tắm cơ mà. Giờ, tự nhiên đứa nào cũng dừng dừng, chỉ lấy nước hầu như không đủ rửa đầu gối là sao.”

Mọi người bắt đầu lảng tránh Charlie bởi vì Dagbert luôn luôn cặp kè bên cạnh nó. Trong những trò chơi đồng đội, Charlie luôn là đứa cuối cùng được chọn, cứ như thằng mới đến vĩnh viễn dính vào Charlie, và đứa nào chọn Charlie về phe mình tức là phải gánh trách nhiệm về Dagbert-chìm-chết-người luôn.

Dĩ nhiên cũng có ngoại lệ. Người ta không thể dứt lìa Joshua, Dorcas, hai chị em sinh đôi ra khỏi Dagbert. Vì vậy Charlie đành phải đi chung đám với bọn nó. Việc này khiến nó mệt phờ vì cứ phải nghe bọn chúng bốc phét về những phép kỳ tài của mình. Tuy nhiên, nó cũng ráng xoay xở để biết được điều hữu ích.

Bọn chúng đang ngồi trong phòng Nhà Vua, chờ giờ bài tập về nhà bắt đầu. Lysander và Tancred chưa tới, Billy đang bận kiểm một cuốn sách tham khảo, Emma tới trễ, còn Gabriel nằm trạm xá dưỡng bệnh sốt siêu vi.

Charlie đã mở sách lịch sử ra, giả bộ ghi chú về cuộc chiến giành Độc Lập của Mỹ. Tiếng rù rì bàn đối diện được giữ ở mức thầm thì, thỉnh thoảng xen tiếng cười hích hích của Dorcas. Và rồi, tình cờ, Charlie nghe lỏm: “Bà ấy dạy tao mọi chiêu về ếm bùa quần áo.”

Dorcas đang tám về bà cô Venetia của Charlie. Charlie liền hạ thấp đầu xuống và mở banh tai ra nghe ngóng.

“Vớ lại bà ấy đã kể cho tao nghe về lão. Bà ấy muốn lấy lão là vì, thứ nhất, lão giàu có, và thứ nữa, thằng con út của lão được ban phép thuật – chí ít bà Venetia nghĩ nó là...” Dorcas im bặt và Charlie cảm thấy mắt con nhỏ găm vào mình. Nó vẫn cúi thấp, nhưng Dorcas nói tiếp khề đến độ nó chỉ nghe bập bõm được vài từ lạ lùng. Như là “Arthur Shellhorn, thuốc độc, chuỗi hạt, suy tim... cỏ mê lú... đám cưới...”

Thật dễ đoán nội dung còn lại, và Charlie chẳng cần lâu mới suy ra bà cô mình đã làm gì. Ông cậu Paton đã cảnh báo nó bà cô Venetia không ngại làm kẻ sát nhân, và ông nói đúng. Mụ đã đầu độc vợ của Arthur Shellhorn bằng một xâu chuỗi khiến tim bà ngừng đập, xong mụ xông cỏ mê vào áo khoác của Arthur. Và Arthur tội nghiệp bị lừa phỉnh đã nài nỉ bà cô Venetia cưới mình.

Đến đây thì Lysander và Tancred lướt vô, anh bảo tố trông còn xúc động hơn thường lệ.

“Xin lỗi chúng tôi trễ,” Lysander nói. “Chúng tôi đã bận họp. Rất vui thấy các bạn tự giác với công việc của mình. Billy đâu?”

“Đây. Em đây.” Billy lật bệt tuôn qua cửa, với Emma theo sau vài bước.

Im lặng rớt đập xuống. Tất cả cúi xuống sách vở của mình. Giờ bài tập về nhà bắt đầu.

Charlie giương mắt dòm những trang giáo khoa lịch sử mà chẳng thấy gì. Đầu óc nó lang bang tạt đầu tạt đầu. Nó đang cố tưởng tượng xem có một bà mẹ kể như bà cô Venetia thì thế

nào: kẻ đầu độc, phù thủy, tên sát nhân. Nó nóng lòng gặp Ông cậu Paton quá đỗi. Còn những một đêm nữa, nó nghĩ, khi đó nó sẽ thoát khỏi Dagbert Endless. Nó sẽ ngồi ở nhà, ăn bữa tối mê ly của ngoại Maisie.

Nhưng mà không được thế.

Vào đêm thứ Năm, chỉ năm phút sau khi đèn tắt, Dagbert quyết định kể chuyện giờ đi ngủ.

“Nói chuyện sau khi đèn tắt là vi phạm nội quy,” tiếng thì thầm nhắc nhở của Charlie chẳng xi nhê gì với Dagbert, cho nên nó nâng tiếng thì thầm lên một nấc nữa. “Cậu sẽ bị cấm túc.”

“Ai bảo?” Dagbert cãi lại.

“Cứ để nó kể đi,” Bragger hăng hái từ phía bên phải Dagbert.

“Ừ, để nó kể đi,” Rupe the thé. “Mày là đồ phá bĩnh, Charlie Bone.”

Fidelio làu bàu. “Rồi mày sẽ không thấy tiệm bán cá của mày vào đêm thứ Sáu đâu, Bertie(1).” ***((1) Bertie là tên thường đặt cho chó và ngựa và là tên con gái. Fidelio gọi Dagbert là Bertie có hàm ý khinh miệt.))***

“Muốn cược không?” Dagbert cười khẩy. “Vớ lại đừng gọi tôi là Bertie.”

Fidelio lật sấp người xuống và vỗ cho gối của mình phồng lại.

Gân cổ lên, Dagbert tiếp tục câu chuyện của nó. Một câu chuyện vừa dở vừa được kể tẻ. Đương nhiên chả có gì buồn cười mặc dù Rupe và Bragger cứ cười khục khích. Chuyện về người cá luôn khiến Charlie ngáp. Nó ngáp thật và nhắm mắt lại.

Hai giây sau, cửa bật mở tung và bà giám thị rầm rập bước vô phòng. Bà ta bật đèn lên. Charlie mở choàng mắt ra, chớp chớp.

“Ai đang nói?” Bà giám thị hạch hỏi.

“Cháu,” Dagbert mau mắn lên tiếng. “Cháu đang kể chuyện.”

“Mi phạm luật,” bà giám thị nói.

“Cháu á?” Dagbert làm bộ hoài nghi. “Xin lỗi. Cháu thành thật không biết.”

Bà giám thị thở hắt ra bực bội. “Charlie, mày chịu trách nhiệm cậu bé mới đến này. Mày có nhiệm vụ phải bảo cho nó biết luật chứ.”

“Có, ơ, cháu có nói...” Charlie mở miệng.

“Phạt mày cấm túc,” bà cô nạt nộ. “Đến thứ Bảy mày mới được về nhà.”

“Nhưng cháu đã nhắc nó rồi,” Charlie phản đối.

Bà giám thị tắt đèn đi và lộc cộc bước ra, đóng sầm cửa lại sau lưng.

Bầu thỉnh lặng bị phá vỡ bởi tiếng ngáy của Bragger và tiếng cười khẩy của Rupe.

Charlie nằm ngửa, nhìn chòng chọc vào bóng tối. Nó tự nhủ mình có quan tâm. Chẳng qua chỉ là thêm một ngày nữa? Nó nằm thức mãi đến hơn nửa đêm và rồi, khi nó vừa thiu thiu ngủ, một âm thanh cắt phẳng màn đêm. Một tiếng tru đằng xa, rất xa.

Có tiếng khăn trải giường sột soạt và Charlie thấy hình thù tròn tròn của cái đầu trắng của Billy Raven. Thằng bé đang ngồi dậy, lắng nghe. Nó hiểu tiếng tru đó nói gì, Charlie nghĩ, không lâu nữa nó sẽ nói cho mình biết.

Điều cuối cùng trên đời Charlie có thể ngờ là một lời xin lỗi. Ấy thế mà sáng hôm sau, trong bữa sáng, một lời xin lỗi là thứ nó đã nhận được.

“Xin lỗi chuyện đêm qua,” Dagbert nói, nuốt ực một muỗng cháo bột ngô. “Bị cấm túc thì tôi không thể nào chịu được. Những người tôi sống chung sẽ không hiểu nếu tối nay tôi không về.”

“Nhưng cậu đâu cần phải nói chuyện sau khi đèn tắt phải không?” Fidelio trách móc. “Charlie đã nhắc cậu rồi mà.”

Dagbert nhăn mặt, làu bàu. “Thật khó nhin.”

Charlie hơi hơi thông cảm cho nó. “Hừm, cậu sẽ không thoát lần thứ hai đâu. Giờ thì chính bà giám thị đã cảnh cáo cậu rồi, cho nên cậu liệu hồn mà kiểm giữ những câu chuyện của cậu lại.”

“Được,” Dagbert nghiêm nghị. “Tưởng tượng. Những câu chuyện trong chai.”

Không phải lần đầu tiên Charlie tự hỏi thật ra trong đầu Dagbert đang nghĩ gì.

Suốt thời gian còn lại trong ngày Charlie rơi vào trạng thái lơ lơ lửng lửng. Tâm trí nó chỉ nôn nóng muốn nghe xem Billy phải nói gì với mình. Chứ việc nó phải ở lại trường một đêm nữa có gì mà quan trọng?

Vào lúc 4 giờ, lão Weedon mở khóa cổng chính và bọn trẻ xô đẩy nhau ra khỏi học viện. Từ phòng ngủ chung, Charlie và Billy có thể nghe thấy tiếng bọn học trò reo mừng khi vừa được giải phóng khỏi tòa nhà âm u. Charlie dòm qua cửa sổ xuống mảnh sân gạch. Thấy Dagbert Endless đi theo đám đông. Thằng bé là đứa duy nhất không thét rầm lên vui sướng. Mặt nó nghiêm trang, gần như là e sợ. Nó là đứa cuối cùng rời khỏi sân.

Charlie quay đi khỏi cửa sổ. “Tất cả về hết rồi, Billy.”

Billy đang ngồi trên giường của nó, đầu gối thu lên tới tận cằm.

“Trước khi tụi mình nói về Dagbert anh muốn biết em đã nghe thấy gì đêm qua,” Charlie hỏi.

“Một tiếng sói tru,” Billy đáp.

“Anh cũng nghe thấy. Em có biết nó có nghĩa gì không?”

Billy lắc đầu, thụp vai xuống, tự ôm chặt lấy người. “Đó là một tiếng kêu cứu. Nó sợ hãi và cô đơn.”

Charlie nhìn vào đôi mắt to màu rượu vang, được phóng đại bởi cặp mắt kính tròn của Billy. “Em có biết tiếng đó... tiếng tru đó... từ đâu không?”

“Không biết đích xác. Nó ở xa, xa lắm, có lẽ ở dưới lòng đất. Nó nói nó bị mắc kẹt.”

“Mắc kẹt?” Charlie nói. “Ai đã nhốt nó? Anh tự hỏi.”

Billy nhún vai. “Charlie, em muốn nói với anh về Dagbert. Suốt tuần em đã cố nói, nhưng nó cứ đeo sát anh. Nó gọi em là đồ dị dạng.”

“Nó bảo Gabriel là kẻ thất bại, còn Olivia và Emma thì lời thôi lếch thếch. Láo.”

Billy chồm tới trước. “Bà bếp trưởng biết cha của Dagbert. Hắn đã dìm chết cha mẹ của bà, quét trôi nhà bà và giết chồng sắp cưới của bà. Tất cả vì bà không cưới hắn.”

“Chờ một phút!” Charlie thốt lên. “Anh nhớ rồi. Bà bếp trưởng cũng đã kể cho anh nghe. Tên hắn là Lord Grimwald.”

“Đúng, Lord Grimwald. May Phúc nói hắn bốc mùi cá tanh, tảo biển, mảnh tàu đắm và người chết đuối. Trong tim hắn có một hạt trai lạnh lẽo, kiểu như hạt cát mắc kẹt trong con trai. Bà bếp trưởng sẽ ra đi. Bà ấy sợ.”

Charlie rút bịch xuống sàn. “Hả, bà bếp trưởng đi? Không thể nào. Bà ấy là đá nam châm. Bà ấy giữ cân bằng cho nơi này mà. Sao bà phải đi? Đâu ai biết bà là ai.”

“Rất có thể Dagbert sẽ đoán ra,” Billy nói cứng.

Charlie kiên quyết làm bà bếp trưởng đổi ý. Bữa tối nay gặp bà, nó sẽ thuyết phục bà phải ở lại. Nếu không thì ai sẽ chăm sóc Billy trong những ngày dài trường nghỉ học? Thằng nhỏ không có nhà, không cha mẹ, không người thân nào trên đời này để mà nương tựa. Gia đình Bloor luôn hứa hẹn là nó sẽ được nhận làm con nuôi, nhưng điều đó không bao giờ xảy ra, trừ phi ta tính đến vợ chồng nhà de Grey – đã nhận nuôi Billy mà giam cầm nó và đối xử với nó như đầy tớ.

Bọn trẻ bị cấm túc thường hay phải xoi bữa tối nguội lạnh trong căng-tin. Nhưng khi Billy và Charlie xuống lầu lúc 6 giờ, căng-tin xanh da trời vắng tanh. Ghế chất hết cả lên bàn và một tấm trải ca-rô xanh da trời phủ kín quầy.

Charlie mở cửa đi vào bếp và ngó quanh quất. Không thấy một mống người. Tất cả nồi niêu xoong chảo nặng nề đều treo vào chỗ, cửa bếp lò đóng lạnh te, đến cả tiếng nước sôi cũng không có.

“Bọn mày làm gì ở đây?” Một giọng cất lên.

Charlie quay lại. Đứng mặt đối mặt với vợ của lão Weedon. Mụ Weedon là người mặt thót, dữ tợn, mắt lồi, thường ngày phụ trách căng-tin xanh lá cây.

“Cháu tìm bà bếp trưởng,” Charlie nói.

“Bà ta ra ngoài rồi.” Đôi môi không máu của mụ Weedon chẹp chẹp một cách cáu kỉnh.

“Tụi cháu muốn ăn tối.” Charlie nhìn Billy, đang đứng hy vọng cạnh một chiếc bàn chất đầy ghế.

Mụ Weedon liếc qua Billy. “Tao đoán là mày bị cấm túc, phải không Charlie Bone?”

“Điều đó không có nghĩa là cháu sẽ không được ăn,” Charlie ngang ngạnh.

“Chắc!” Mụ Weedon quay lưng bước ra. “Tụi bay theo tao,” mụ nói với lại bọn chúng.

Căng-tin xanh lá cây cũng trong tình trạng như căng-tin xanh da trời: ghế để hết lên bàn, quầy phủ kín, có điều là bằng một tấm trải màu xanh lá cây.

“Tao chỉ có đậu nướng thôi,” mụ Weedon sấn sổ. “Bọn mày ra ngồi kia,” mụ chỉ một cái bàn. “Tao không có bốn phận trực, nhưng bà bếp trưởng đi đột xuất quá, có trời biết đi đâu, gia đình Bloor muốn bữa tối của họ, và tao phải mang lên tận chái phía tây để dọn cho họ, nếu tụi mày cảm phiền.”

Charlie chưa bao giờ biết mụ Weedon lại nói nhiều như thế này. “Bà bếp trưởng chưa đi hẳn đâu ạ?” Nó ngập ngừng dò hỏi.

“Đi hẳn? Dĩ nhiên là chưa.” Đôi mắt lồi của mụ Weedon nheo híp lại. “Sao hỏi vậy? Cái gì khiến mày nghĩ mụ ta sẽ đi hẳn?”

“Không ạ. Chỉ là... tụi cháu thắc mắc.”

Mụ Weedon nhăn nhó lắc đầu. “Mày thắc mắc nhiều quá mức tốt đẹp cho mày.” Mụ nện gót đi qua cửa vô nhà bếp.

Charlie và Billy dỡ hai chiếc ghế xuống khỏi cái bàn mụ Weedon đã chỉ, và ngồi xuống.

Món đậu được dọn ra không còn ấm nữa. Bánh mì nướng bị cháy và không có lấy một mẩu bơ. Charlie quyết định xin thêm lượt hai. Bảo Billy đi theo mình, nó tới cánh cửa nhà bếp xanh lá cây và ngó vào. Không thấy tấm hơi mụ Weedon đâu cả.

“Đi,” Charlie thì thào. “Vô coi có đồ ăn không. Anh đói chết lên được.”

Chúng rón rén vô nhà bếp. Một hàng hộp thiếc đập vào mắt Charlie. Không nghi ngờ gì, chúng đựng bánh bích quy sô-cô-la và nhân nho. Tụi nhóc nhón mỗi thứ hai chiếc, rồi vừa ăn nhồm nhoàm vừa đi sâu hơn vô phòng. Billy phát hiện một hộp bánh bơ giòn, liền dứt một chiếc vô túi quần. Charlie thấy một ổ bánh mì gừng thì bẻ ra lấy một khúc. Nó đã bắt đầu bót bót dói. Chúng tới cánh cửa đằng cuối nhà bếp và bước ra một mảnh sân, nơi có một cầu thang đá dẫn lên đường cái.

“Í, tụi mình có thể ra ngoài bằng đường này,” Charlie nói. “Tụi mình có thể lên vào thành phố và tìm tới một tiệm cà phê ngon lành và...”

Cùi chỏ Billy thúc vào mạng sườn Charlie. “Coi kìa!” thằng bé thì thào.

Ở cuối sân có hai người ngồi chồm hổm ở trong một góc tối. Thật ra, họ không hẳn là người. Mắt họ sáng quắc như mắt của loài thú ăn thịt và mặt họ lăm chằm những mảng lông. Trong vài giây họ bất động đến nỗi cứ tưởng họ là những pho tượng nhưng, bất thành linh, họ phọt ra một tiếng rên và hấp tấp đi về phía cầu thang. Họ leo cầu thang bằng cả bốn chân, nhảy phóc lên bậc trên cùng nhanh như mèo. Cánh cổng sắt thông ra đường kêu lảnh lót khi hai đáng người đẩy mở nó ra và biến mất.

Billy bấu chặt lấy cánh tay Charlie. “Họ là cái gì đó?”

“Anh không biết. Nhưng họ đang đi theo anh.” Nó nhận thấy có gì đó ở cái góc hai người lạ hời hợt vừa ngồi. Hình như là một tô bánh pudding? Nó bước lại gần xem sao.

“Coi này!” nó la lên. “Cái tô này còn một nửa các món điểm tâm. Đậu phộng, cháo yến mạch, chuối và vài thứ nữa. Trông như có người đem tới cho họ ăn vậy. Lại xem này.”

Trước khi Billy kịp nhúc nhích thì một bàn tay phóng ra khỏi khung cửa đằng sau nó.

Mụ Weedon chớp lấy đằng sau cổ áo Billy và giật, suýt làm nó nghẹt thở. “Tụi mày vừa mới làm gì đó?” Mụ trợn mắt nhìn Charlie.

“Tụi cháu đói bụng,” Charlie đáp.

“Đó không phải là lý do để rình mò.” Mụ Weedon buông Billy ra và đẩy dúi nó một cái. “Tụi mày có thấy ai ở đây không?”

“Tụi...” Billy chu mỏ, nhưng Charlie nhanh trí la lớn, cắt lời thẳng nhỏ. “Không, không thấy ai.”

“Hừm.” Mụ dòm Charlie đầy ngờ vực, đôi mắt muốn lòi ra. “Đi vô.”

Chúng cum cúp tuân lệnh.

“Tao sẽ báo với tiến sĩ Bloor vụ việc này,” mụ Weedon nói khi mụ theo chúng vào căng-tin. “Khôn hồn tụi mày lên thẳng giường đi ngủ đi.”

“Tụi cháu không làm gì sai trái,” Charlie phản kháng.

“Mày chỉ được cái mồm,” mụ gầm gừ.

Chúng nghe thấy tiếng đồng hồ treo tường kêu tích tắc khi bước ra khỏi cửa căng-tin. Charlie lần sờ khúc bánh mì gừng trong túi, mừng rơn là cả hai đã thỏ được cái ăn trước khi bị tóm.

Bà giám thị dòm vào kiểm tra bọn nhỏ khi lên phòng tắt đèn. “Ngày mai ông cậu mày sẽ đến đón mày,” bà ta nói lạnh trơ. “Mày thật là phiền phức, Charlie Bone.”

“Billy sẽ về nhà với cháu,” Charlie bảo.

Bà giám thị dẫu cón môi lên nhưng không châm chích gì. Ông cậu Paton đã buộc gia đình Bloor phải ký một thỏa thuận hứa cho Billy nghỉ cuối tuần ở bất kỳ đâu nó muốn.

Một đêm lạnh toát, chúng rúc vào chăn và ăn bánh lấy được trong nhà bếp. Charlie nhanh chóng ngủ thiếp đi. Nó mơ thấy ba mẹ, đang cười sòng trên con thuyền, xem cá voi hát dưới đại dương. “Chúng hát thật đó con,” mẹ nó đã nói vậy. “Con có chắc là không muốn đi không?”

Charlie thấy mình lắc đầu. Ba mẹ cần thời gian riêng tư bên nhau. Họ đã mất mười năm xa cách nhau; ngoài ra, bản năng mách bảo Charlie rằng mình phải ở lại trong thành phố, nơi mà có quá nhiều người muốn ba nó “biến khỏi trần gian”, nơi mà những mưu mô quỷ quyết đang mạnh nham, nơi mà các bạn của Charlie liên tục bị nguy hiểm rình rập.

Trong giấc mơ của Charlie, tiếng cá voi hát từ từ biến thành tiếng ai oán, thê lương, và trong khi lắng nghe nó chợt nhận ra mình đang thức, và một lần nữa, đang lắng nghe tiếng tru tuyệt vọng, từ xa.

“Billy, em có nghe thấy không?” Charlie thì thào.

“Có,” Billy đáp. “Nó vẫn lặp đi lặp lại những lời: ‘Cứu tôi với!’ Charlie, những lời đó như đập thẳng vào tim em. Tụi mình phải làm gì bây giờ?”

“Cứu nó!” Charlie đáp, mặc dù nó không biết phải cứu cách nào.

BỘ BIẾN DẠNG

Sáng Chủ Nhật, mưa dầm, thỉnh thoảng chuyển mưa tuyết, trôi lượt trượt xuống những tấm kính cửa sổ. Bầu trời tối súp, xám như chì, nhiệt độ đóng băng. Vẫn không thấy bóng dáng bà bếp trưởng đâu, nên Charlie và Billy phải ăn bữa sáng khốn khổ trong căng-tin xanh lá cây: lại bánh mì nướng cháy, không bơ, không cốt bắp. Chúng đã chắc chắn là mình phải đứng lên mà không được uống gì thì mẹ Weedon đặt kịch một bình nước và hai cái ca xuống bàn chúng.

“Cháu nghĩ lẽ nào tụi cháu không được một miếng bơ?” Charlie thận trọng hỏi.

“Mày nghĩ đúng đấy,” mẹ Weedon nói.

“Còn mứt?” Billy gợi ý.

Mẹ Weedon lơ tít thẳng nhóc và hăm hăm đi ra. Hai phút sau trở lại với một bình đựng cái gì trắng trắng. “Váng kem đây,” mẹ bảo tụi nó. “Rất tốt cho tụi mày.”

Hai thằng nghi ngờ nhìn cái gọi là váng kem. Ngay khi mẹ Weedon tạch khỏi, Charlie thò con dao ăn của nó vào bình rồi nhấc ra, dính nhoe nhoe. Nó liếm con dao. “Uuuurrrghh! Kinh tởm.”

Billy lại có quan điểm khác. “Em thích nó,” thằng bé trét dày váng sữa vào miếng bánh của nó. “Bánh cháy sẽ đỡ hơn với cái này phết lên.”

Ăn sáng xong chúng lang thang lên phòng Nhà Vua. Không có ai để bảo chúng phải làm gì. Nếu Manfred Bloor ở đó, thế nào hắn cũng ra lệnh chúng phải ra sân chơi. Hắn rất khoái đuổi cổ bọn trẻ ra ngoài trời, đặc biệt là những khi trời lạnh và ẩm ướt. Mà Manfred bấy nay đâu chẳng thấy?

“Em nghe nói hắn trông như quái vật.” Billy liếc quanh căn phòng, nơm nớp sợ Manfred xò ra từ sau một kệ sách. “Hắn bị gù lưng và què.”

“Anh ngạc nhiên là hắn còn sống,” Charlie nói khẽ. “Không nhiều người sống sót nổi sau khi bị báo tấn công đâu.”

“Báo!” Vẻ khiếp đảm pha lẫn trong giọng nói của Billy. “Trông chúng y như mèo bình thường vậy, trừ màu lông.”

“Ừm.” Charlie chưa bao giờ ngưng thắc mắc làm thế nào mà ba con mèo, trong vài phút sống còn, lại biến thành báo, có khả năng xé xác người ra thành từng mảnh. À, không thành từng mảnh đâu, nhưng thế là đủ rồi.

Đến giữa trưa hai thằng quyết định đi tìm bà bếp trưởng. Sau một bữa sáng sơ sài, bao tử chúng đã đánh lô tô rồi. Khi đi xuống cầu thang chính, chúng thấy một bóng người đang băng qua tiền sảnh. Áo chùng đen phủ toàn thân người đó. Chỉ còn nhìn thấy được bàn chân, bọc trong giày boots đen, bên dưới cẳng chân mặc quần xắn đến mắt cá. Chiếc mũ trùm ụp kín cái đầu bổ về trước, thò ra từ đôi vai thông xuống một cách bất tiện, quái dị.

Hai thằng bé đông cứng lại khi thân hình đội mũ trùm khắp khiêng đi tới cánh cửa dẫn vào chái phía tây. Có vẻ bất lực trong cách hấn giật và lắc cái vòng tay cầm, hình như hắn không thể vận được nó vậy. Nhưng cuối cùng cánh cửa cũng mở ra, và đến khi đó cái hình hài mới quay về phía bọn trẻ.

Chúng định ninh là sẽ thấy một gương mặt cau có, biểu thị sự tức giận vì bị dòm ngó. Nhưng người đàn ông đội mũ trùm không có mặt. Charlie và Billy thấy mình nhìn vào một chiếc mặt nạ trắng khoét hai lỗ xiên xiên, viền bạc và một cái miệng há hoác hình con thuyền. Thế rồi hắn biến mất, lướt qua cánh cửa nhỏ với tốc độ đáng kinh ngạc, bỏ lại hai thằng trơ khấc ra ở cầu thang.

“Manfred,” Billy thì thầm.

Charlie gật đầu. “Chắc vậy.”

“Em thấy ớn sườn. Em đang cố tưởng tượng gương mặt hắc thế nào.”

“Đừng tưởng tượng,” Charlie nói.

Mãi rồi cuộc chúng tìm ra bà bếp trưởng ở đằng cuối nhà bếp của bà. Bà đang vừa làm bầm to tiếng một mình vừa thấy hành băm vào một cái chảo kêu xèo xèo. Charlie gọi bà, nhưng không thấy đáp lại, nó bèn chạm nhẹ vào cánh tay bà. Bà bếp trưởng hoảng hồn thét lên và chiếc thìa gỗ bà đang cầm bay vèo lên không.

“Sao con làm thế?” Bà nói lạc giọng.

“Tại bà không nghe con gọi, bà bếp trưởng. Bà đang nói chuyện một mình.”

“Thế à? Ồ, ta đã nói gì?” Bà bếp trưởng vuốt thẳng tạp dề và vắn nhỏ ga lại.

Khi nghe kể về thức ăn mà hai thằng nhỏ đã phải ề cổ ra nuốt, bà bếp trưởng bình tâm lại một chút và hứa chúng sẽ có súp thịt trong bữa trưa. “Sau đó có thêm bánh hấp phết táo nữa,” bà thêm. “Ta đã làm một ít trong lò để cho nhà Bloor.”

“Bà đã ở đâu vậy, bà bếp trưởng?” Billy hỏi. “Thường bữa sáng nào bà cũng ở đây kia mà.”

“Ta đã ở nhà một người bạn. Có thể nói là suýt nữa ta đã không trở lại. Nhưng bạn của ta đã thuyết phục ta phải trở lại. Bà ấy là người rất nhạy cảm.” Bà bếp trưởng mở vung ra và thấy vào chảo một nắm lá gia vị.

“Ừmm!” Charlie nhắm mắt lại. Mùi thơm từ cái chảo bay ra mê hồn đến độ nó tưởng như mình đang ăn món đó.

“Chưa xong đâu.” Bà bếp trưởng xua hai thằng bé trở lại căng-tin. Vài phút sau bà xuất hiện với hai tô súp thịt bốc khói.

“Bà sẽ không rời học viện Bloor đâu, bà nhỉ?” Charlie hỏi bà bếp trưởng.

Bà nhăn mặt. “Billy đã kể cho con nghe về thằng Dagbert đó rồi à?”

“Con biết rành về Dagbert,” Charlie thở dài, “về Lord Grimwald và những gì hắc đã gây ra cho bà. Kinh khủng quá, bà bếp trưởng, nhưng Dagbert không biết bà là ai. Tại sao bà phải sợ nó?”

“Ta không cưỡng lại được, Charlie. Chỉ cần nghĩ về gia đình đó thôi là ruột gan ta lộn nhào. À, Billy này, con chuột của con bị chuyển đi rồi.”

“Rembrandt? Sao? Sao vậy ạ? Sao nó không thể ở quán Cà Phê Thú Kiểng?”

“Tại nó tự cảm thấy ô nhục. Về tội ăn cắp bánh bích quy. Thật đáng giận. Con biết bà Onymous yêu thương nó biết chừng nào không. Bà ấy không muốn nó đi, dĩ nhiên rồi, nhưng ông Onymous thì nhất quyết. Ta nghe nói con rắn tội nghiệp nhớ nó kinh khủng, đến nỗi gần mất màu luôn. Nhưng mà thôi, việc đã rồi.”

“Nhưng bây giờ Rembrandt ở đâu?” Billy thất kinh. “Nó có vui không? Nó có thích chỗ ở mới của nó không?”

“Nó ở tiệm Ấm Đun,” bà bếp trưởng thông báo với chúng. “Không thể chôm chĩa được gì ở đó, ngoài trà, tất nhiên. Theo tin tức ta thu thập được thì nó không thích nơi đó cho lắm.” Bà quay đi.

“Tiệm Ấm Đun ở đâu vậy bà?” Billy tha thiết hỏi.

Bà bếp trưởng ngần ngừ. Đầu óc bà hình như đang ở nơi khác. “Tiệm Ấm Đun,” bà lơ đãng, “ở đường Piminy. Hãy hỏi thăm bà Kettle – một người bạn thân của ta. Ăn súp đi kìa.”

Khi bà bếp trưởng đi trở vào bếp, Charlie nhận thấy lò xo đã biến khỏi bước chân của bà. Bà vốn là người quyết đoán và lạc quan, thấy bà buồn nản như vậy khiến nó lo lắng.

Không lâu sau, bánh hấp phết táo hiện ra tiếp theo súp thịt như đã hứa. Ăn xong, để lại bà bếp trưởng vẫn nói chuyện một mình, Charlie và Billy trở về phòng Nhà Vua. Không có người cai quản nên bọn chúng khó lòng ép mình tự học bài được.

“Nếu Olivia ở đây chị ấy sẽ rủ tụi mình đi thám hiểm cho coi,” Billy hít hà.

Nhưng Olivia không có ở đó, và nghe nhắc đến tên con nhỏ khiến Charlie lộn tiết. Nó không tài nào quên được cái kiểu con nhỏ hối hả chạy đi, hét bảo nó là đồ dối trá và lừa phỉnh.

“Đi, tụi mình đi thám hiểm đi,” Billy nài nỉ.

Charlie rên rầm và đặt sách xuống, bất thần nó bỗng thấy ham thích. “Thì đi.”

Thám hiểm ở đâu? Billy không có đáp số. Không thể là trên gác mái, nơi lão Ezekiel sống chung với những thí nghiệm rừng rợn của lão. Không phải dưới tầng hầm, nơi tiến sĩ Bloor cất giữ những dụng cụ tra tấn cổ xưa, trong đó có những món thấy là dụng cụ. Càng không thể ra sân chơi, vì ngoài ấy mưa tuyết đã chuyển thành bức màn mưa đá trắng xóa.

Cuối cùng chúng quyết định vào phòng Mỹ Thuật. Ngắm tranh luôn luôn là thú tiêu khiển, mặc dù tranh không đẹp gì cho cam. Phòng điêu khắc ở bên dưới trưng bày một số tác phẩm rất ấn tượng. Lysander là nhà điêu khắc tài năng. Những bức tượng của Tancred cũng rất thú vị, có điều không phải lúc nào ta cũng biết đấy là tượng gì.

Phòng Mỹ Thuật ở ngay đầu kia phòng ngủ chung của chúng và nhìn ra vườn. Hôm nay những cửa sổ dài chỉ nhìn ra được một làn mưa tuyết và mưa đá lay động. Chúng hắt ánh sáng quái gở lên rừng băng vẽ và giá vẽ.

“Tụi mình đi xem tượng của Lysander đi,” Billy đề nghị.

Một cầu thang xoáy tròn ốc bằng sắt rên chầm chầm trở tỉnh xảo dẫn xuống phòng điêu khắc. Trong lúc chúng đi xuống, một âm thanh bất thành linh vang lên chỗ chúng. Tiếng hát. Hay là tiếng đọc kinh? Có thể là ai? Theo như chúng biết thì không có đứa nào khác bị cấm túc vào cuối tuần này.

Khi xuống tới phòng điêu khắc, chúng nhón chân vòng qua những khối gỗ, thạch cao và những bức tượng hình thù kỳ lạ. Ở chính giữa phòng dựng tác phẩm của Lysander: một bức tượng cỡ bằng người thật, hình mẹ anh ấy, bà Hortense Sage, và đứa con mới sinh của bà.

Chúng càng tiến vào căn phòng dài thì tiếng tụng kinh càng rõ dần. Đến khi chúng băng tới đầu kia, không nghi ngờ gì cái tiếng ấy phát ra từ căn phòng sát vách: căn phòng dành cho lớp vẽ năm nhất và lớp may trang phục.

Charlie đặt tay vào nắm cửa.

“Mở đi,” Billy thì thầm. “Coi đó là ai.”

Charlie mở phăng cửa ra.

Một tiếng rú lên hoảng hốt, cùng với một đồng giấy, kim ghim và vải – hai thằng bé thấy mình nhìn sững vào Dorcas Loom. Trên chiếc bàn rộng trước mặt con nhỏ có một cây kéo khổng lồ, to nhất Charlie từng thấy. Nó còn thấy cả những cái hũ và hộp gỗ, những hộp thiếc nhỏ và những bó dược thảo xếp thành hàng ngay ngắn bên cạnh cây kéo. Chắc chắn bà cô Venetia của nó có dính dáng đến mấy thứ này.

“Ồ rình mò!” Dorcas gào to.

Charlie mặc kệ ánh mắt buộc tội của con nhỏ. “Cô làm gì trong trường thế này?”

“Chứ mày làm gì ở đây?” con bé quát lại, vừa vội vàng đẩy một tờ khăn giấy lên cái gì đó màu xanh da trời. Nhưng Charlie đã kịp thấy nó là vật gì.

“Tôi bị cấm túc,” nó nói một cách thờ ơ. “Còn lý do của cô là gì?”

Đã định thần lại, Dorcas lên giọng kiêu căng. “Tao không cần lý do. Tao làm việc cho bà Venetia của mày.”

“Tôi thấy cô có đủ đồ nghề thích hợp đấy.” Charlie cầm một cái hộp thiếc lên và đọc trên nhãn hiệu. “Bọ Biến Dạng. Dùng để...”

“Trả đây cho tao!” Dorcas giật lấy đáy hộp trong khi Charlie vẫn giữ chặt cái nắp. Và điều tất yếu là cái hộp tách bung ra làm hai phần.

Một đám mây bọ màu cam đổ ụp ra bàn, phủ kín kéo, kim ghim và ống chỉ cotton.

“Ồ quỷ!” Dorcas thét gầm, quính quáng lôi các thứ ra khỏi đám bụi cam. “Cút khỏi đây. CÚT

MAU!”

Charlie và Billy đứng ngầy ra như phỗng. Ngay trước mắt chúng, những đồ vật bị đàn bọ bám đang từ từ thay đổi hình dạng – chúng kéo dài ra hơn, thon lại, và lảng hơn.

“Chị đang là... làm gì đó, Dorcas?” Billy run rẩy hỏi.

“Không phải việc của mày,” con nhỏ rống như bò bị chọc tiết. “CÚT MAU! CÚT ĐI!”

Dorcas bắn giạt qua bên bởi một tiếng gầm từ ngưỡng cửa.

“Mày điếc hả, Charlie Bone?” Lão Weedon quát. “Tao đã lùng sục khắp cái học viện chết tiệt này tìm mày. Đến giờ về nhà rồi. Trừ phi mày định ở đây thêm một đêm nữa.”

“Không, không,” Charlie hấp tấp. “Cháu không nghe thấy. Phải Ông cậu Paton...”

“Hắn không vào. Liên tục gọi cho tao từ cái mobile tàn tạ của hắn. Món đồ phải gió. Thà đừng bao giờ phát minh ra thì hơn. Theo tao thì đó là đồ dùng của quỷ.”

Charlie vù qua lão Weedon, Billy lọt tọt theo sau. Chúng phóng bay lên phòng ngủ chung để lấy giỏ xách và trở xuống tiền sảnh trong vòng ba phút đứng. Lão Weedon ì ạch đuổi theo chúng xuống cầu thang.

“Chúng mày không xứng đáng một ngày nghỉ,” lão vừa làu bàu vừa mở khóa cánh cửa nặng nề.

Charlie không mất công đối đáp rằng một ngày rời khỏi trường không phải là ngày nghỉ. Rốt cuộc mưa tuyết đã ngừng, nhưng thay vào đó lại là một màn sương đóng băng. Thoạt đầu chúng không nhận ra chiếc xe của Ông cậu Paton đậu bên kia quảng trường. Như thường lệ, đầu ông cúi gầm xuống một quyển sách. Nhưng không như thường lệ, ông không đeo kính đen.

“Hầu như chả thấy gì trong màn sương này,” Ông cậu Paton nhận xét khi bọn nhóc lồm cồm chui vào ghế sau. “Nên ta nghĩ chẳng ai nhìn thấy ta.”

Ông lái xe cẩn thận ra khỏi quảng trường. Trời đã gần tối, đèn đường hiện ra như những vầng sáng dịu nhẹ, treo lơ lửng trong màn sương.

“Sương gì kỳ quái,” Ông cậu Paton nói trong khi nhìn thẳng về trước. “Nó có mùi muối. Chắc từ biển bay vào, có trời biết, cách nhiều dặm chứ ít gì.”

“Biển.” Charlie bắt đầu nối kết các sự việc lại với nhau. “Ông cậu Paton, có một thằng bé mới tới trường của con. Nó được ban phép thuật, theo như nó nói, là dìm chết đuối.”

Ông cậu Paton cười khà. “Dìm chết đuối? Vậy chắc là bóng ma từ con tàu đắm hay sao?”

“Chuyện nghiêm túc đấy ạ, thưa ông Yewbeam,” Billy sốt sắng. “Nó dìm chết người ta.”

Charlie thêm. “Cha nó là Lord Grimwald. Người mà đã...”

“Quỷ thần ơi! Ta hiểu ý con rồi, Charlie. Một kẻ hủy diệt từng có trên đời. Hắn im hơi lặng tiếng đã khá lâu. Ta tưởng hắn chết hay bị chôn vùi đâu đó rồi chứ. Nên nhớ...” Ông cậu Paton nhấn còi với một chiếc xe lù lù hiện ra khỏi màn sương, rò sát tới thật nguy hiểm. “Đạo này có nhiều vụ đắm tàu gần khu vực của hắn. Phần lớn là ngư dân. Họ giải thích là do thời tiết, nhưng đâu biết chừng, ai ngờ được.”

“Vùng của hắn ở đâu?” Charlie hỏi.

“Phương Bắc.” Ông cậu Paton phẩy bàn tay ra một hướng vô định. “Một trong những hòn đảo. Không ai biết vị trí đích xác. Bọn chúng rất bí hiểm, lũ nhà Grimwald ấy. Lưu truyền rằng khi một đứa con trai trong gia đình tới 12 tuổi thì, hoặc là cha nó hoặc là nó sẽ chết. Không thể nào cả hai cùng sống qua khỏi năm sinh nhật thứ 13 của đứa con trai. Thảm họa gia đình, ta có thể nói thế, nhưng mặt khác, một kẻ dìm chết đuối vẫn tốt hơn là hai.”

Charlie đã mất cha khi còn quá nhỏ nên không nhớ gì về cha. Nhưng bây giờ cha nó đã được tìm thấy, sẽ thật kinh khủng nếu như nó mất cha lần nữa, ở tuổi 12. Nỗi sợ bất giác khiến nó rùng mình, khi nghĩ giờ này ba mẹ đang ở ngoài biển khơi. Thậm chí nó còn nếm thấy vị muối trên môi.

Chiếc xe giạt nảy lên dừng gấp lại vì Ông cậu Paton chợt nhận ra mình đã ở bên ngoài nhà số

9. Khi họ bước ra khỏi xe, màn sương bao kín lấy họ như một tấm màn băng giá. Billy bật ho và ôm bùm lấy ngực, nói lớt đớt. “Nó chui thẳng xuống cổ họng. Như là nuốt trứng len cotton vậy.”

Khi ba ông cháu leo lên những bậc cấp, tiếng chuông nhà thờ bị nghẹt xuyên qua không gian mù sương. Ông cậu Paton nói, “À, nó nhắc ta mới nhớ. Hôm nay là đám cưới của bà cô Venetia đó, Charlie.” Ông mở cửa trước ra.

“Một ngày khủng khiếp cho đám cưới,” Charlie bình luận khi bước vào trong nhà. “Xui phải biết, còn nghĩ vậy.”

Ông cậu chùi chân vào tấm thảm chùi chân. “Ta không được mời, cũng tự nhiên thôi.”

Hai thằng bé mừng hóm vì ngoại Maisie cũng không được mời. Chúng có thể ngồi xơi một bữa trà ngon lành mà không có bộ mặt chau bệu của nội Bone lù lù bên kia bàn.

“Phải chi con thấy bà nội của con nhỉ,” ngoại Maisie nói. “Rốt cuộc bà ta quyết định đi đám cưới. Về bất bình lộ ra đầy mặt, nhưng bà ta vẫn không thể bỏ lỡ sự kiện này. Bà ta diện màu tím từ đầu đến chân. Đúng, thậm chí đôi giày cũng tím với cái nơ to sụ bên trên. Còn nón thì ôi thôi! Gắn bao nhiêu là nhỏ. Trông như một tô trái cây trộn.”

Hình ảnh gương mặt dài của nội Bone phía dưới những chùm nho màu tím làm Charlie bị hóc khoai tây chiên, cả bàn cười rộ lên, Ông cậu Paton cười to nhất.

Charlie định đi thăm Benjamin sau bữa trà, nhưng quang cảnh từ cửa sổ nhà bếp nhìn ra chẳng khích lệ chút nào. Những ngôi nhà phía bên kia đường chìm trong bóng tối và sương mù. Tất cả chỉ có thể nhìn thấy những đốm sáng bức bối từ những chiếc xe hơi chạy cực chậm trên đường.

Billy nuối tiếc nhìn ra cửa sổ. Nó ao ước được đi lấy con chuột cưng của mình nhưng không dám xin xỏ vào một đêm hiểm họa như thế này.

“Mai tui mình sẽ đi lấy Rembrandt sớm,” Charlie hứa. “Tui mình sẽ rủ Benjamin với Hạt Đậu đi cùng luôn.”

Đâu đó trong đêm, màn sương mù lơ lờ cuộn đi khỏi, nhường chỗ cho sương giá bao kín lấy thành phố và một vầng trăng tròn hiện ra tí trên trời. Từng mái nhà sáng lấp lánh như rắc bạc. Trong vùng đồng hoang bên kia sông, một sinh vật bị nhốt giữ bắt đầu tru lên thống thiết.

Sáng Chủ Nhật chào đón hai thằng nhỏ bằng ánh nắng rực rỡ và bầu trời xanh băng giá. Chúng tự làm bữa sáng cho mình – cốm bắp, bánh mì nướng và sữa – trước khi có ai thức dậy. Nhưng ngoại Maisie rảng cổ xuống cầu thang trong bộ đồ ngủ màu hồng và những ống cuốn tóc ngay khi chúng vừa ăn xong.

“Nhớ về nhà vào giờ ăn trưa đấy kẻo không ta sẽ đi theo các con,” bà nói. “Đường Piminy ở ngay đằng sau nhà thờ lớn, gần tiệm sách cô Ingledew. Nếu các con muốn ghé ăn trưa ở tiệm sách thì phải gọi điện cho bà biết.”

“Tui con không tới đó đâu,” Charlie ngượng nghịu nói.

Ngoại Maisie ngheo đầu qua bên. “Con cãi nhau với một trong những bạn gái đấy à.”

“Con không có bạn gái,” Charlie nóng nảy. “Và con chẳng cãi nhau với ai cả.”

Trên đường ra cửa bọn con trai để ý thấy một cái mũ to tướng, màu sắc sỡ đặt trên chiếc ghế trong hành lang. Trông nó đúng là tô trái cây trộn. Cái mũ khiến Billy bật cười khúc khích và Charlie lập tức cảm thấy nhẹ người đi.

Benjamin luôn sẵn sàng để đi thám hiểm, và Hạt Đậu ở sát cánh bên nó, vui mừng tí tởn khi sợi dây dắt chó được lấy xuống khỏi cái móc trong hành lang.

Ba mẹ Benjamin đang mài miết làm việc khi ba thằng bé rời nhà số 12. Là thám tử tư có nghĩa là ngày nghỉ cuối tuần cũng bận rộn y như ngày thường. Hôm nay cô chú không ra ngoài điều tra, mà ở trong nhà bếp để thiết kế một diện mạo cải trang tinh vi khác. Họ phải thường xuyên làm mới việc hóa trang của mình khi đang “theo dõi một đối tượng”, như cách nói của họ. Có nhiều khi đến cả Benjamin cũng không nhận ra ba mẹ mình. Những lúc như vậy, cô chú rất mãn nguyện, mặc dù Benjamin thì không.

“Mình ăn trưa ở nhà bồ nhé?” Benjamin hỏi khi chúng đi về phía nhà thờ lớn.

Charlie nhận ra cô chú Brown hay ỷ vào ngoại Maisie dọn cho con trai mình những bữa thịnh soạn vào cuối tuần. “Dĩ nhiên,” Charlie đáp.

“Billy lấy được Rembrandt xong, tụi mình có tới quán Cà Phê Thú Kiểng ăn quà không?” Benjamin háo hức hỏi.

“Không,” Charlie nói, hơi nhanh.

Benjamin khựng lại. “Sao vậy?”

“Có thể nói thế này, Emma và Olivia sẽ ở đó và tụi nó không hân hoan khi gặp mình.”

“Sao vậy?” Benjamin hỏi tiếp

Charlie kể cho nó nghe về Dagbert.

“Nhưng bạn bè phải làm lành với nhau chứ,” Benjamin kiên quyết. “Bồ có thể giải thích cho tụi nó rằng đó là một sự hiểu lầm khủng khiếp.”

“Không dễ vậy đâu,” Billy nói, trong khi Charlie dướn vượt lên trước. “Anh biết đấy, Dagbert đã làm tất cả tụi em điên tiết hết cả lên. Nó gọi em là đồ dị dạng.”

Hạt Đậu kéo Benjamin chạy theo Charlie. Benjamin thở hừng hực. “Mình nghĩ bồ nên xin lỗi.”

“Hừ, không đâu.” Charlie bước nhanh hơn nữa. “Chuyện thế là thế.”

Không đúng. Charlie rất muốn xin lỗi Emma và Olivia. Có điều nó không nghĩ ra cách làm điều đó như thế nào. Nó quên phéng là mình phải đi qua khúc cuối ngõ Nhà Thờ Lớn trên đường tới đường Piminy.

Tiệm sách cô Ingledew lọt thỏm trong ngõ Nhà Thờ Lớn, thuộc dãy nhà gỗ nơi bóng râm nhà thờ lớn đổ xuống. Charlie nhìn khắp con hẻm rải sỏi dẫn tới tiệm sách và quầy quả rế vào đường Piminy. Nó thắc mắc Olivia có ở trong tiệm sách với Emma hay không. Tụi nó đang làm gì? Giúp dì của Emma, cô Ingledew, không sai. Chắc là đang phân loại sách, quét bụi những bìa sách bọc da, chùi những gáy sách mạ vàng bao những trang sách mỏng manh. Hoặc tụi nó đang tưởng tượng một kế hoạch trừng phạt Charlie vì những lời mà nó không bao giờ nói?

Về mặt nào đó Charlie đã đoán đúng. Emma và Olivia đang ở trong tiệm sách thật, đang tưởng tượng một kế hoạch – chỉ có Olivia tưởng tượng thì đúng hơn. Nhưng kế hoạch đó chẳng liên quan gì đến Charlie. Mà liên quan tới một thử nghiệm.

Tài phép của Olivia vẫn còn bí mật đối với gia đình Bloor. Chỉ bạn bè cận kề nhất mới biết con nhỏ là người tạo ảo giác. Trong đám biết điều này, vài đứa, gồm Charlie, nghĩ việc con bé bị phát giác chỉ là vấn đề thời gian thôi, bởi vì Olivia là diễn viên. Nó ham vui, và nổi mê thích dùng tài phép của mình để đùa chơi thỉnh thoảng lại chế ngự, điều khiển nó.

Chính sự ám ảnh về chim của Emma đã gợi cho Olivia nảy ra một ý tưởng vô cùng nguy hiểm. Emma có thể bay, nhưng trước tiên nó phải biến thành chim mới bay được. Nó hay vẽ chim, sưu tập lông chim, và mê mải ngắm hình những loài chim đã bị tuyệt chủng từ lâu. Buổi sáng hôm đó Emma chợt nảy ra trong óc về một loài chim mà nó chưa bao giờ nghe nói đến. Loài chim này ở trong một quyển sách xưa quý hiếm nhất của dì nó.

Emma cầm quyển sách vào phòng trong và để mở ra trên đầu gối. “Hãy tưởng tượng nào, Liv! Mình giống như con chim này, mỏ dài thật dài, chân to thật to, nhưng đôi cánh lại bé xíu đến nỗi không thể bay lên khỏi mặt đất.”

Olivia nằm thẳng cẳng trên chiếc ghế xô pha thoải mái của cô Ingledew. Nó đặt tay sau gáy và nhắm mắt lại. “Tớ hình dung được con chim thần đó rồi,” nó cười nụ. “Bây giờ tớ tạo con chim đó ra cho bồ thấy nhé, Em? Rồi bồ biến thành con chim đó. Thế là có hai con, và tụi mình sẽ để cho dì của bồ đoán, xem con chim nào là Emma, con nào là ảo ảnh?” Nó mở mắt ra, ngồi bật dậy, vỗ hai tay vào nhau. “Đúng. Tụi mình làm đi.”

Emma nhìn xoáy vào nhỏ bạn, nhú mày lo lắng. “Tớ không nghĩ vậy đâu, Liv. Vậy không đúng.”

“Có gì mà không đúng? Đi, Em!”

“Tội mình không nên... sử dụng tài phép làm vui.”

“Thì sao? Ai nói thế?”

“Đó là điều tội mình ai cũng phải biết,” Emma cứng cỏi.

Olivia ngả ịch xuống trở lại đồng gối nệm. “Hừ, tớ sẽ làm.”

“KHÔNG, Liv. Làm ơn đừng. Coi chừng bồ...”

Nhưng con chim thần đang thành hình kia. Khi Olivia ngoái nhìn qua vai, một mảng lông sắc sỡ hiện ra trên không trung phía sau đầu nó. Emma bắt lực nhìn đám lông bắt đầu vào đúng vị trí trong hình hài của một sinh vật đẹp mê hồn. Đôi cánh rộng, cái đuôi xòe ra duyên dáng, mắt đen như hạt huyền, và cái mỏ sắc màu cam.

Chưa hài lòng với hình dáng con chim, Olivia cho nó bật ra những tiếng cú cu dài khi nó ép qua khung cửa che rèm vào trong tiệm.

Đúng lúc đó chuông tiệm sách rung kính coong, cửa mở ra và một phụ nữ cao to xuất hiện ở ngưỡng cửa.

Cô Ingledew đang dán tựa sách trên quầy chột ngược lên, bối rối. Hai sự việc cùng xảy ra với cô một lúc. Một, đó là cô đã quên khóa cửa tiệm vào ngày Chủ Nhật và hai, một con chim quái lạ vừa sống chuồng khỏi sở thú và tìm đường vô tiệm sách của cô. Tình huống thậm chí còn hoang mang hơn khi Emma chạy ù vào phòng, hét to. “Ồi không!” Nghe vậy con chim biến phụt vào không khí.

“Á,” vị khách lạ lên tiếng. “Một ảo giác. Thú vị quá.”

Không nghi ngờ gì về vị khách không được chào đón kia. Nhìn mái tóc đen rúc, lông mày cao hình cánh cung chắc hẳn Emma sẽ biết đó là bà cô Venetia của Charlie. Nhưng giờ mặt mới thay đổi làm sao! Không còn váy bẩn thỉu và áo khoác thùng thình như dạo gần đây nữa. Người phụ nữ này mặc veston màu hoa tử đinh hương rất lịch duyệt, cổ áo viền lông thú, với đôi giày boots cũng viền lông thú ở cổ.

“Ta vừa mới lấy chồng,” người phụ nữ nói, đi xuống ba bậc thang vô trong tiệm. Giờ ta là bà Venetia Shellhorn. Ta chuẩn bị đi hưởng tuần trăng mật đây.”

“Vậy ư?” Cô Ingledew nói, không một mảy may tươi tỉnh lên.

“Đúng. Và ta muốn đưa...” bà cô Venetia ngoái nhìn ra sau vai. “Chúng đâu rồi?” mặt ta cấm cản.

Cửa mở ra, rất chậm.

“Các con của ta,” bà cô Venetia vẫy bàn tay đeo gang ra cửa.

Đứng ở bậc thang trên cùng là hai đứa trẻ ẻo lả, thương tâm nhất mà Emma từng thấy.

Chiếc ấm của Feromel

Bà cô Venetia vẫy bọn trẻ và chúng lật phật tiến tới trước, đưa con gái dẫn đầu, thằng con trai hầu như không nhích tí nào.

“Đây là Miranda.” Bà cô Venetia chộp bàn tay con bé và giằng tới đứng bên cạnh mẹ. “Nó nhỏ thó so với 7 tuổi, nhỉ? Nhưng Eric, ừm, trời đất, nhìn nó này. Ai mà nghĩ nó 6 tuổi cơ chứ?” Mẹ lao xổ ra chỗ thằng bé, cố tóm tay nó nhưng nó lùi phắt lại và đứng dựa vào tựa sách.

“Lại đây, thằng ngu.” Bà cô Venetia xỉa xối. Mẹ quay qua cô Ingledew. “Ta được cho biết là thằng cháu trai của ta hay tới đây vào chủ nhật.”

Cô Ingledew nói sảng. “Không phải luôn luôn.”

“Không thành vấn đề.” Bà cô Venetia nhìn Emma. “Ta cho là hôm nay mày sẽ gặp nó, phải không, Ella ... hay gì gì đó?”

“Ờm...” Emma ấp úng.

“Mày hãy chuyển chúng cho nó.” Bà cô Venetia bảo con nhỏ.

“Chuyển chúng...” Emma lưỡng lự. “Ý bà là chuyển các con của bà?”

“Chứ mày nghĩ gì?” Bà cô Venetia đẩy Miranda một phát về phía Emma.

“Bà không thể để chúng ở đây được,” cô Ingledew căm phẫn.

Bà cô Venetia bước lên các bậc thang, tiếng giày cao gót nện đoàng đoàng như tiếng súng nổ. “Không có ai ở nhà số 9. Paton chắc chắn có ở nhà, nhưng hẳn không bao giờ ra mở cửa. Vì vậy ta phải để bọn trẻ ở đây. Chị Eustacia của ta sẽ đón chúng lúc 5 giờ. Ta nghe nói cô làm bánh mì sandwich rất khéo, cô Ingledew.”

“Đây là tiệm bán sách, không phải nhà trẻ.” Cô Ingledew giận dữ đến nỗi cô dẫn mạnh một cuốn sách quý xuống quầy.

“Ta làm sao đưa chúng đi tuần trăng mật của ta được hả?” Xong, bà cô Venetia vừa hát vừa lướt ra ngoài đường. “Lũ trẻ nít...Hãy ngoan.”

Cánh cửa kính coong đóng đập lại bỏ lại cô Ingledew chết điếng, nhìn chăm chăm qua đầu Miranda tới Emma.

“Hừ!” Mãi cuối cùng cô Ingledew mới thốt lên lời. Chắc hẳn cô muốn trút giận xối xả, nhưng hai đứa trẻ trông thiếu ngủ quá, cô nhận ra nếu mình than thở chỉ làm sự tình éo le hơn trước mà thôi. Bà cô Venetia đã lợi dụng bản tính tốt của cô.

Lúc này hai đứa trẻ đã dính chùm vô nhau. Chúng đứng nắm tay nhau giữa tiệm lăm lét dòm, trước tiên là Emma rồi tới cô Ingledew. Quả thật chúng quá nhỏ so với tuổi của chúng. Miranda có tóc màu lông chuột và mắt xám. Nó mặc quần jeans và áo khoác đỏ, chiếc áo hình như đã thu lại mấy cỡ. Ống tay áo thậm chí không che nổi hai cổ tay ồm như chân chim của nó. Mái tóc rối bù của Eric sậm màu hơn, rõ ràng đã lâu rồi chưa được cắt, rủ lộn xộn xuống vai nó thành những nùi rối bong. Nó mặc quần nhung kẻ màu xanh lá cây, bẩn bết nơi đầu gối, áo jacket đen mất tiêu vài cái nút.

Tim Emma se lại vì chúng. Con nhỏ vốn không thể chịu nổi khi thấy những sinh vật bé nhỏ khốn khổ. “Đến gặp bạn của chị đi.” Nó chìa tay ra. “Tụi chị đang vẽ chim. Các em có thích vẽ không. À mà, chị là Emma.”

Miranda nói “Tụi em đi lấy con chó của mình được không?”

“Chó?” Cô Ingledew nhăn mặt. “Nó đâu?”

“Chúng cháu phải để nó ở nhà. Nó rất cô đơn. Nó ghét ở một mình lắm.” Mắt Miranda rơm rớm nước.

Olivia chọn đúng khoảnh khắc này để thò đầu ra khỏi tấm rèm. “Ồ!” Nó ré lên khi thấy bọn trẻ. “Tớ không biết là có người ở đây. Tớ đang nằm bẹp đề phòng có người thấy con chim.”

“Chim nào?” Eric sáng rỡ lên.

“Ồ. Thì con chim.” Olivia tỉnh bơ. “Em là ai?”

Bọn trẻ nhìn Olivia chòng chọc, im re.

“Đây là Miranda và Eric,” Emma nói, hơi quá đơn đả. “Chúng là em họ...em họ kế mới của Charlie Bone, tớ nghĩ vậy.”

Olivia tròn mắt. “Tội nghiệp không. Chị chả ham bà con gì với gia đình đó. Chị là Olivia.”

“Olivia!” Cô Ingledew gay gắt. “Làm ơn đừng nói kiểu đó về gia đình Charlie.”

“Úi!” Olivia rụt đầu vào.

“Làm ơn cho tụi cháu đi lấy con chó đi?” Miranda kéo nài.

Cô Ingledew gãi đầu. “Cô không biết, cung. Ý cô là, làm sao cháu vô nhà được? Mẹ kế của cháu có để chìa khóa lại cho cháu không?”

Miranda lắc đầu.

Cô Ingledew thở dài. “Chờ cô chút. Để cô hỏi ý kiến một người bạn.” Cô lấy chiếc moblie của cô từ trong túi quần ra và bắt đầu bấm số.

Emma lừa hai đứa trẻ vô nhà sau trong khi cô Ingledew gọi cho ông Paton Yewbeam. Miranda và Eric nghi hoặc ngó xung quanh căn phòng đầy sách và cuối cùng quyết định ngồi xuống ghế sofa, dính sát vào nhau.

“Dì của chị có lâu không?” Miranda hỏi. “Chattypatra sẽ ư ử, ư ử đến chừng nào tụi em về với nó.”

“Tên oách quá.” Olivia nhận xét. “Gốc gác từ đâu vậy?”

“Tên nó đã là Cleopatra,” Miranda nói. “Nhưng tại vì nó nhiều chuyện quá. Ờm, cứ sửa, tru ròi rên la. Vì vậy mà mẹ...” nó im bặt và nhìn Eric. Thằng bé bấm môi dưới lại nhưng không khóc. “Vì vậy mẹ.” Miranda tiếp, “Mẹ em gọi nó là Chattypatra(1) (*Cleopatra là tên nữ hoàng Ai Cập. Vì con chó hay “nói nhiều” nên mẹ chúng đổi thành Chattypatra, chat tức là nhiều chuyện, tán gẫu.*)”

“Hay ghê,” Olivia gật gù.

Cô Ingledew ngó vô phòng và bảo với chúng, chừng nào ông Yewbean tìm được chìa khóa nhà bà cô Venetia, ông sẽ sai Charlie mang tới đây.

“Vậy sẽ rất lâu?” Đôi môi rướm đỏ của Miranda khẩn nài nhìn cô Ingledew.

“Cô không nghĩ vậy đâu, cung. Nào, mấy cung có muốn giúp Emma làm bánh sandwich không?”

“Dĩ nhiên rồi,” Olivia mau mắn. “Đi thôi, tụi mình kẹp mật ong với chuối, hay là pho mát với nho khô, hay là bưởi với đậu phộng? Hay là xúc xích với cam.”

Cô Ingledew thở phào – Miranda, mê mụ đi theo Olivia vô nhà bếp, Eric bám sát gót.

Ngay khi cô Ingledew vừa quay ra tiệm thì ông Paton Yewbean gọi báo tin nội Bone đi vắng, đóng cửa rồi, và giờ không cách chi vô phòng bà ta tìm chìa khóa.

“Ồi, Paton, em không biết phải làm gì nữa. Lũ trẻ đáng thương lắm. Trông chúng rất đau khổ. Em nghĩ con chó sẽ làm chúng vui lên.”

“Bà chị quý quái của tôi nghĩ gì thế không biết?” ông Paton căn năn, “Sao lại thấy chúng tới tiệm của em? Này, Julia, anh không biết có được hay không, nhưng anh đoán chắc chắn là bà Venetia hay để chìa khóa cửa dưới một bức tượng thần lùn khổng lồ, góm ghiếc ở bậc thang trên cùng nhà bà ta.”

“Tượng thần lùn?” Cô Ingledew nói, cô chưa từng léo hánh đến nhà bà Venetia bao giờ.

“Sinh vật dữ tợn. Bằng đá. Tai to. Mũi dài. Có râu quai nón. Ngồi chồm chồm. Bàn chân to

dùng.”

“Em biết thần lùn,” cô Ingledew nói nhanh. “Em chỉ thắc mắc sự khôn ngoan của việc để chìa khóa của dưới tượng thần lùn là gì thôi.”

“Nó không phải là vật sống, Julia thân yêu.”

“Em biết nó không phải là vật sống.” Cô Ingledew thở dài náo nức. Đôi khi ông Paton không sống cùng thế giới với người khác. “Ý em là nhớ có người tìm thấy chìa khóa và vô nhà.”

“Nhà đó ai trên đời này muốn vào? Cửa cái quý giá của bà Venetia toàn những thứ để ếm bùa mà chỉ mình bà ta mới biết cách sử dụng thôi.”

Cô Ingledew chịu thua. “Cảm ơn, Paton. Bọn em sẽ nghĩ kỹ về nó.”

Về phần mình, Ông cậu Paton tự hỏi cô Julia sẽ nghĩ về cái gì. Ông rất yêu mến cô, nhưng đôi khi họ không ở trong cùng tần số. Ngay khi Charlie và đám bạn nó về nhà, ông sẽ bảo nó mau mau tới nhà bà Venetia coi có tìm thấy chìa khóa dưới bức tượng không. “Mà khoan, suy nghĩ lại, tốt hơn để chúng ăn trưa xong ta hãy nói,” Ông cậu Paton độc thoại.

Trong khi đó Charlie, Billy và Benjamin đang chậm rãi thả bộ trên đường Piminy. Chúng vẫn chưa tìm thấy tiệm Ấm Đun, trong bụng đã bắt đầu nghĩ cái tiệm đó không tồn tại. Đường Piminy chỉ có những tiệm nhỏ, kỳ dị, tất cả đều đóng cửa, dĩ nhiên, vì hôm nay là Chủ Nhật. Nào là tiệm pho mát, tiệm làm đèn cây, tiệm làm giày, tiệm làm đồ mộc, rồi thì tiệm làm bánh mì, tiệm bán hoa và thậm chí có cả tiệm đá.

“Tiệm Đá,” Charlie lầm bầm, ngó vô cửa sổ tối hù. “Vậy tức là sao?”

“Chắc là họ bán đồ dùng làm bằng đá?” Benjamin đoán mò.

Bất chợt Charlie nhận ra một hình khối cao lớn ở bên trong cửa sổ. Nó nhìn kỹ hơn và thốt lên: “Một bức tượng”. Khi mắt nó đã quen với bóng tối, nội thất của tiệm dần hiện rõ ra. Bây giờ nó có thể thấy những bức tượng khác: một nhóm tượng những người lính La Mã to bằng người thật; bên cạnh họ là ba người phụ nữ mặt mày hung hãn cầm dùi cui và rìu, lùi xa hơn nữa thì tới một người đàn ông trông giống yêu tinh hơn là con người. Ở gần cuối phòng, bên dưới cửa sổ mái, có một hiệp sĩ cưỡi ngựa cầm thương. Con ngựa của hiệp sĩ có cầm lông chim ở đầu, và bên dưới yên, thân mình nó phủ tấm mền được kết từ lá cây.

“Ông ta đang đấu thương,” Benjamin nói ra vẻ am tường.

“Tưởng tượng nếu họ sống thì sao nhỉ!” Billy thì thầm.

Charlie lùi một bước khỏi cửa sổ. Rất có thể, trong thành phố có những con người có khả năng khiến cho tượng sống dậy lắm chứ.

“Mình ngửi thấy mùi cá,” Benjamin nói. “Cả Hạt Đậu cũng ngửi thấy.”

Hạt Đậu đã bước tới một cửa tiệm đằng phía cuối đường. Chú ta đang đứng giữa vỉa hè và sửa um lên bức xúc.

“Nó sửa vậy là vì nó thích cá hả?” Charlie hỏi khi nguyên đám chạy học tốc về phía con chó vàng.

“Ghét thì có,” Benjamin thở phì phò, tóm lấy vòng cổ Hạt Đậu.

Nhưng bên trong cửa sổ con chó đang sửa hoàn toàn trống trơn. Một tấm biển đề “CÁ”. Những mẫu tự màu xanh da trời in cầu thả trên nền trắng, trông như viết đề lên dòng chữ gì khác nữa. Thật vậy, nếu nhìn kỹ hơn, ta có thể thấy chữ “Bán thịt” bên dưới tấm biển trắng.

“Các anh có biết em thấy nó mùi gì không?” Billy nói.

“Dagbert,” Charlie đáp.

Cả đám trở mắt nhìn cái tiệm trống hoác rồi nhìn lên cửa sổ tầng trên, tự hỏi đây có đúng là nơi Dagbert cư ngụ hay không. Và nếu đúng thì, loại người nào lại làm chủ một cửa tiệm vắng teo với tấm biển quá quá như vậy.

“Những người rất lập dị,” tiếng ai đó vang lên, dường như đọc được tâm trí của bọn chúng.

Cả đám quay lại và thấy một phụ nữ đứng bên ngoài một ngôi nhà cách đó ba căn. Mái tóc

màu đồng của bà láng đến nổi trông như bà đội mũ bảo hiểm, chiếc áo bông màu đen bóng đến độ cứ tưởng nó làm bằng thép. Người bà to bề ngang, với đôi vai rộng tạo ấn tượng về một sức mạnh phi thường.

“Bà đang chờ mấy cung mãi,” người phụ nữ nói. “Bà là bà Kettle, bạn của bà bếp trưởng. Có một con vật nhỏ đang nôn nóng gặp mấy cung muốn chết.”

“Rembrandt!” Billy kêu lên, chạy thục mạng tới chỗ bà.

“Cung là Billy đây mà? Còn cung chắc chắn là Benjamin rồi, nhìn con chó là biết liền, và cung là Charlie. Vô đi, mấy cung, trời lạnh héo queo ngoài đó.” Bà Kettle đi vô tiệm, chắc chắn khác một trời một vực so với cái tiệm cá vắng hoe đằng kia.

Tất cả mọi thứ trong tiệm của bà Kettle hình như đều sáng bóng nhoáng. Chỉ khi mắt Charlie quen với ánh sáng chói lóa xung quanh, nó mới nhận ra vật gì cũng đều là ấm đun nước. Đủ mọi hình thù, kích cỡ và màu sắc. Chỗ này ấm chen chúc nhau trên các kệ, chóc kia ấm khoa sắc trên bàn hoặc ngồi riêng lẻ, chễm chệ trên những chân đế. Ở vị trí danh dự đặt một cái ấm đồng lớn nhất mà Charlie từng thấy. Nó hiên ngang đứng đối diện giữa cửa sổ, có hàng loạt ấm khác nhỏ hơn bao quanh; ta có thể thấy hình ảnh lạ lùng, nghiêng nghiêng, mang các sắc thái màu đồng của toàn bộ cửa hàng phản chiếu lên mặt bên sáng hoáng của nó.

“Cái đấy chỉ để trưng thôi, mấy cung.” Bà Kettle nói khi nhìn theo ánh mắt của Charlie. “Cái ấm chiến nhất của bà ở đằng sau phòng này cơ. Đi với bà nào.” Bà lướt qua một ô cửa vòm ở cuối tiệm và ra hiệu cho chúng vô một căn phòng khác, cũng chất đầy ấm đun nước, nhưng phòng này có nhiều không gian hơn một chút xíu. Bốn chiếc ghế bọc đệm chỗ ngồi, không có ấm ở trên, kê quanh một cái bàn nhỏ.

Billy chả bụng dạ nào để ý đến cái gì. Không sao kiểm chế nổi sự nôn nóng, nó buột mồm: “Nó đâu? Con chuột của cháu đâu?”

“Ái chà. Bà tự hỏi,” bà Kettle ghẹo nó, “cung tưởng bà quên rồi ư?”

“Phải,” Billy lờ miệng. “À không. Làm ơn đi, nó đâu rồi?”

“Có ngay đây!” Bà Kettle khoắc tay vào một trong hàng lô hàng lổc ấm và lấy ra một con chuột đen bóng.

Billy giật con chuột khỏi tay bà, hét tướng, “Rembrandt!”

“Nó yêu cái ấm đó lắm,” bà Kettle nói. “Nó đã thử tất cả rồi nhưng đó là cái ấm nó thích nhất.”

Benjamin trông lo lắng. “Ừm, bà bán ấm đun nước ạ?”

“Đừng lo, cung,” bà Kettle nói. “Bà rửa sạch bên trong ấm thường xuyên mà. Chuột có thể là sinh vật dơ dáy đấy chứ?”

Charlie chợt nghe thấy có tiếng trống vọng đến từ đâu đó phía sau. Hạt Đậu nhắng nhít muốn gặp Rembrandt đến nỗi cái đuôi xù, ngoe nguẩy của nó đập từng xèng vào hai cái ấm tráng men.

“Rembrandt không muốn chơi,” Billy nói, ôm rịt lấy con chuột.

Trước một hiệu lệnh từ Benjamin, Hạt Đậu đành miễn cưỡng thôi quật đuôi nhưng tiếng trống lập tức được thay thế bằng tiếng hú inh ỏi từ một cái ấm đang đun trên bếp.

Bà Kettle cởi áo khoác ra và bảo bọn trẻ làm theo mình. Xem ra nhiệt độ tăng lên ít nhất hai chục độ, Charlie cởi áo len rồi cởi áo jacket của nó ra luôn.

Bọn con trai ngồi xuống và bà Kettle rót trà đậm đặc ra bốn cái tách. Benjamin không thích trà nhưng nó hiểu ra mình còn nhận được cái gì khác nữa ở nơi toàn những ấm là ấm này. Nói cho ngay, đó là thứ trà cực ngon, và sau vài ngụm, chúng hoạt bát hẳn lên, kể cả Benjamin. Cứ như là nuốt loại không khí mà làm cho ta thấy nhẹ tênh và tỉnh người ra vậy.

Trong khi uống trà, bà Kettle kể cho chúng về tiệm cá trên đường này, mặc dù chả đứa nào hỏi bà về chuyện đó.

‘Nơi đó từng là tiệm bán thịt,’ bà Kettle nói. “Ông chủ tiệm rất dễ mến, hay cho bà thêm thịt

vụn. Ừm, ông ấy bỗng nhiên một sáng thức dậy và ra đi. Không một lời từ biệt.’

“Chắc tại ông ấy nhận được một lời đề nghị mà ông ấy không thể từ chối,” Charlie đoán.

“Chắc chắn,” bà Kettle đồng ý. “Nhưng mấy cung nghĩ coi, ai đã trả tiền mua cái nơi trái khoáy đó thì phải chuyển cái gì vô đấy chứ. Đằng này, bà chưa bao giờ trông thấy một cái vẩy cá trưng ở cửa sổ nữa là.”

“Nhưng nó có mùi cá,” Benjamin chỉ ra.

“Đích xác.” Bà Kettle chồm tới trước. “Mấy cung biết không, bà nghĩ chữ “CÁ” treo lên cửa sổ chỉ để giải thích cho cái mùi đó thôi. Không phải vì họ bán ca steps gì hết.”

“Ồ,” Charlie ngậy ra khi hiểu được ngụ ý của bà Kettle. “Nếu ý bà muốn nói có ai ở đó bốc mùi cá thì cháu biết là ai rồi.”

“Thật à?” Đôi mắt màu đồng của bà Kettle căng tròn lên như trái cam.

“Nó tên là Dagbert Endless,” Charlie bảo với bà. “Hễ nó đi đến đâu, mùi cá theo nó đến đó. Nó nói nó có thể chìm chết người. Cha nó là Lord Grimwald, và...”

“Chúng tôi biết rồi!” Bà Kettle kêu lên. “Hoặc đoán ra rồi. Bà bếp trưởng đã nghi ngờ, nhưng không chắc lắm. Ôi, bà bạn đáng thương của bà, bà hi vọng bà ấy không gặp rắc rối. Bà đã cảnh báo bà ấy đừng đến đây nữa, chúng ta là chỗ bạn thân thiết.”

Charlie nói, “Nhưng cách đây đã lâu, khi Lord Grimwald làm điều ác độc đó...”

“Chắc chắn hẳn đã cưới ai đó rồi,” Billy thêm, “vì vậy hẳn sẽ không quấy rầy bà bếp trưởng nữa.’

“Cũng chẳng có gì khác.” Bà Kettle uống hết tách trà của mình. Hình như trà khồn có tác dụng tăng lực cho bà chút nào. Mà đứng ra trông bà ủ ê. “Bà bếp trưởng là chỗ bạn thân thiết,” bà lặp lại, lắc đầu.

Để làm bà vui lên, Benjamin hỏi bà có cái ấm điện nào không.

Ai dè bà Kettle phẫn nộ. “Cung gọi thứ đó mà là ấm? Bà thì không. Ấm nước sôi là bởi bếp lò nóng, chứ không phải khi bấm một cái nút.

Benjamin nở nụ cười tên tò. “Cháu xin lỗi.”

Charlie quyết định đã đến lúc ra về. Bọn chúng đến để lấy Rembrandt và chúng đã có con chuột rồi. Nó đứng lên cảm ơn bà Kettle đã mời trà.

“Không có chi, Charlie Bone. Cung sẽ đến nữa chứ?”

Charlie đáp, “Dĩ nhiên ạ.”

Bà Kettle dẫn bọn chúng trở lại phòng trước, nhưng lúc sắp đi qua ô cửa vòm, Charlie chợt dừng lại. Nó chợt cảm thấy có cái gì ở phía bên trái gần giắt rất khác thường. Nó phải dựa vào tường để giữ bình tĩnh, và một cảm giác nhồn nhột trong cổ họng khiến nó bật ho. Nó quay đầu lại, rất chậm, và thấy ở trên cái bàn tròn, khuất trong bóng tối xó một vật đen xì, tròn ừm. Trông kĩ hơn nó nhận ra đó là một cái ấm cổ, đen kịt khói muội.

“Bà đã bảo cung là cái ấm tốt nhất của bà nằm khuất nẻo mà,” bà Kettle bảo khế.

“Cái ấm tốt nhất của bà đây sao?” Charlie tiến lại gần cái vật đen thui.

“Ừ, cho đến nay.” Bà Kettle nói khế đến nỗi Charlie hầu như không nghe thấy, nhưng nó cảm nhận được nỗi vui sướng của bà khi nói. “Nó do tổ tiên của bà, Feromel, rèn ra cách đây hơn năm trăm năm. Feromel là thợ rèn kiêm thầy pháp. Ông ấy đã rèn rất nhiều ấm sắt thần kỳ. Có trời biết bây giờ ở đâu cả rồi.” Bà đến đứng ngay sau lưng Charlie. “Cung là người chu du đúng không, Charlie? Bà đang thắc mắc cung có cảm thấy nó không?”

“Cảm thấy?” Charlie đưa tay cầm quai ấm đen cháy, trông mục đến nơi. Nắp ấm có một núm tròn bóng loáng ở giữa. Charlie nhẹ nhàng nhấc nắp ấm lên. Nó nhìn vào vòng nước đen ngòm, “Trong đây đầy nước.”

“Nó luôn luôn đầy nước,” bà Kettle bảo. “Luôn luôn. Không thể cạn. Nó có thể sôi cạn nước. Nhưng vào ngày điều đó xảy ra sẽ là kết thúc...”

Billy rón rén tới gần họ. “Kết thúc cái gì ạ?”

“Thế giới?” ánh mắt của Charlie bị mặt nước đen phẳng giữ rịt lại.

“Kết thúc một cuộc đời,” bà Kettle nói. “Đậy nắp lại đi, Charlie, rồi đem nó về cùng với cung luôn thể.”

“Cháu?” Charlie lật đật đậy nắp lại.

“Chỉ một thời gian thôi,” bà Kettle nhẹ nhàng. “Đúng, Charlie. Feromel muốn cung giữ nó.”

“Nhưng tại sao?” Charlie ngó tròn cái vật hình tròn đen như than, hai tay nó buông thõng bên sườn những ngón tay lật bật lo âu. Nó không muốn lấy cái ấm cổ xưa có khả năng dự báo chết chóc này. Bao nhiêu mạng người đã mất, Charlie tự hỏi, trong khi nó sôi cạn đi, hể hủ, trong một góc tối ám khói, thậm độc không khí bằng hơi nước hiểm họa của nó.

“Nó không phải vật xấu đâu, Charlie.” Bà Kettle cầm vật gia bảo quý giá lên và trao cho Charlie. Thế là những ngón tay run run của nó nắm chặt quai ấm.

“Bà hi vọng nó sẽ không bao giờ sôi cạn đi vì cung, Charlie,” bà Kettle nói. “Đây là thời điểm nguy hiểm cho những người như cung, nhất là khi có dính đến thằng bé người cá đó, thành thử nó rất hay ấm lên. Không cần phải đặt nó trong lò. Cung có thể đặt nó bất cứ đâu cung muốn. Nếu có hơi hướng nguy hiểm xảy ra trong không khí, nó sẽ nóng lên. Càng nóng thì cung càng phải cẩn thận.’ Bà mỉm cười khắp lượt với cả đám. “Nào, cứ yên tâm nhé, mấy cung. Bà sẽ để mắt tới tiệm bán cá.”

Chuáng cảm ơn bà Kettle về trà lần nữa, và vài phút sau, Charlie bước trên đường Primmy với một cái ấm đen tung tẩy trong tay.

Đến cuối đường, chúng rẽ ngõ quẹo và đâm sầm vào Emma, Olivia và hai đứa bé xiu xiu.

“Ồi, không, không Charlie Bone,” Olivia la bai bai rồi chạy mất tăm về phía đường Đối Cao.

Tượng thần lùn

Olivia bắt đầu khiến Charlie khó chịu. “Sao nó bỏ chạy như ma ám thế?” Nó thắc mắc. Emma nhìn nó trách móc. “Chứ cậu nghĩ tại sao?”

Charlie bức tức. “Làm sao Olivia lại tin mình đã nói những điều ấy về nó. Dagbert bịa ra đó. Thằng đấy nói láo. Bỏ đâu có tin, phải không Emma?”

“Ờm...” con nhỏ lúng túng. “Tớ luôn tin khi người ta bảo tớ... không đẹp, hay tớ ngu, hay...”

“Bỏ không nên vậy, đồ...” Charlie kịp dừng lại. “Ý mình là bỏ tuyệt đối không đc tin lung tung.”

“Dagbert luôn luôn dối trá,” Billy đỡ lời.

“Nó bảo Billy là đồ dị dạng,” Benjamin thêm.

“Mà Billy có bức mình đâu,” Charlie bảo.

“Đã bức,” Billy sửa lại.

Charlie giả bộ như không nghe thấy. “Và tớ thích các kiểu tóc của bỏ, Em.”

Trông bộ Emma tươi lên. Con nhỏ suýt mỉm cười. “Để mình sẽ giải thích tất cả cho Liv. Nó rất nhạy cảm về diện mạo của mình. Nhưng, nói thật, mình nghĩ nó thích phóng đại mọi thứ lên cho kịch tính một chút. Chẳng bao lâu nó sẽ chán mang vẻ mặt cau có, và rồi nó sẽ lại hành xử như chưa từng có chuyện gì xảy ra ấy mà.”

“Mình hi vọng sẽ nhanh nhanh lên,” Charlie bảo.

Thằng bé con này giờ cứ dòm trừng trừng cái ẩm đen. Thành linh nó hỏi. “Cái gì đó?”

“Cái này á?” Charlie giờ cái ẩm lên với vẻ e dè. “Là cái ẩm cũ anh mượn đó mà.”

“Cũ, cũ ơ là cũ,” thằng bé nhận xét.

Emma hét lên. “Xin lỗi, tớ quên mất. Đây là hai đứa em họ của bỏ đó, Charlie.”

“Ý bỏ nói chúng là ... con của bà dì Venetia?” Charlie bắt đầu lự ý tới cặp đôi cầu bơ cầu bắt. “Anh là Charlie,” nó cười toe toét với bọn trẻ. “Thì ra ... bà cô của anh là mẹ mới của các em.”

“Tụi em biết rồi,” đứa con gái nói. “Em là Miranda và đây là Eric. Tụi em đi lấy con chó của tụi em.”

“Bỏ không định đi với tụi này à, Charlie?” Emma mỉm cười đầy sức thuyết phục. “Tớ không thích Nghách Tối, mà Olivia thì về rồi.” Nó ôm lấy người và rùng mình.

“Đi chứ,” Charlie nói.

Nghách Tối không phải là nơi người ta thích đến một mình. Một ngõ hẹp tí, tối om om dẫn vào một khu toàn những tòa nhà cao, xám xịt bao quanh một mảnh sân lổm ngổm đá sỏi. Hầu hết nhà ở đó đều bị kín mít – cửa lớn thì đóng đinh chết dí còn cửa sổ thì cài thanh chắn.

Ở cuối mảnh sân có một dãy nhà cắt ngang ngõ hẻm. Nhà nào cũng có những tháp nhọn cao nghệu, những lan can sắt, cửa sổ dài, trên trần tường trang trí những tượng đá hình thù quái đản: người khổng lồ, yêu tinh, thần lùn, quỷ sa tăng và những con thú gớm ghiếc.

Nhà của bà Cô Venetia ở bên phải, vừa lợp mái mới sáng chói, trông khang trang hơn nhà của bà cô Eustacia ở chính giữa, hay nhà của bà cô Lucretia ở bên trái.

“Bà cô Venetia vừa dựng lại nhà mới,” Charlie nhận xét. “Sau vụ hỏa hoạn trông nó kinh khủng khiếp.”

“Hỏa hoạn?” Gương mặt quắc quẹo của Miranda rúm lại sợ hãi. “Chuyện xảy ra thế nào?”

“Ờ ... ề ... à, một tai nạn,” Charlie lảng tránh.

Emma nhìn nó một cái, ra điều cảm ơn nó đã không miêu tả chi tiết. Ba cầu thang dẫn lên ba cánh cửa đen; mỗi cánh cửa gắn một con số 13 bằng đồng thau ở chính giữa.

“Ba số 13,” Billy thì thầm. (Đây là nơi khiến người ta phải nói thầm với nhau). “Chắc chú đưa thư sẽ rối tinh rối mù?”

“Chắc chắn,” Charlie thừa nhận.

Có tiếng rên tru tréo từ bên trong ngôi nhà số 13 thứ ba, và Miranda thét. “Chattypatra đó! Thấy chưa?”

Chúng chạy băng qua mảnh sân và dừng lại ở chân cầu thang. Hạt Đậu bắt đầu sửa phần khích. Đuôi nó ngoáy tít hầu như không thấy đầu nữa.

“Ông của bồ bảo chìa khóa ở dưới bức tượng thần lùn,” Emma nói với Charlie.

“Thần gì?” Nhưng Charlie đã thấy nó: một khối đá lùn tùm hụp, trông như quỷ hiện hình ở góc tối mái hiên.

“Chị tới đây, Chattypatra,” Miranda gọi. “Tới đây.”

Tiếng tru càng dữ dội hơn, biến thành một tràng rú mê sảng, trong khi Hạt Đậu hòa theo bằng tiếng đặc trưng ăng ăng của mình.

“IM ĐI!” Charlie hét con chó to.

Benjamin bụm bàn tay quanh mũi Hạt Đậu. “Bồ không cần phải quát nó thế,” nó nói như bị xúc phạm.

“Xin lỗi, chỉ tại mình không suy nghĩ được,” Charlie nhìn trừng trừng bức tượng.

“Có gì phải suy nghĩ? Chìa khóa ở dưới bức tượng.” Emma bắt đầu bước lên cầu thang.

“Đừng, Em.” Charlie níu cánh tay con nhỏ. “Cầm cái này.” Nó trao cho con nhỏ cái ấm.

“Óa, nặng quá.” Emma chạm vào hông chiếc ấm đen. “Nó nóng thế.”

“Mình biết.” Charlie đã nhận thấy cái ấm đang nóng lên. Có gì nguy hiểm ở nhà bà cô Venetia? Nó bước lên cầu thang trong khi bọn kia vẫn ở dưới sân, nín khe nhìn nó. Nó cúi xuống bức tượng, chột dừng lại. Bức tượng vừa mới chớp mắt. Lẽ nào đó là hiệu ứng ánh sáng? Hay là bóng của Charlie đổ khuôn xuống khối đá? Không phải. Charlie chắc chắn một mí mắt của bức tượng vừa mới bao lấy con mắt tròn ác nghiệt. Việc xảy ra rất nhanh, hầu như không kịp thời gian cho Charlie ghi nhận. Nhưng đúng là nó đã động đây.

Charlie quay lại đám trẻ dưới kia, tất cả đang nhìn lên nó, chăm chú theo dõi, ngoại trừ Eric – thằng bé đang ngó đăm đăm bức tượng với vẻ xa xăm, quái lạ.

Charlie nín thở, cúi lẹ xuống và đẩy bức tượng ra sau. Chiếc chìa khóa cửa của bà cô Venetia lộ ra. Nó nhặt lên và vẩy vẩy xuống cho bọn kia.

Cả đám hò reo “Uu-raa!” và chạy ùa lên cầu thang.

Charlie tra chìa khóa vào ổ, vặn, và cánh cửa mở ra mà không kết lên, hướng hồ là tiếng rít dưng gáy như nó đã e ngại.

Một con chó nhỏ màu trắng bắn ra khỏi ngôi nhà và nhảy gọn vào vòng tay Miranda.

“Ôi, Chatty, Chatty!” Mắt Miranda có nguy cơ tràn lệ đến nơi.

Eric mỉm cười, một cách không cưỡng lại được.

Hạt Đậu mừng quýnh hơn bao giờ hết. Nó giật khỏi tay Benjamin, lao bổ tới, hít ngửi con chó trong tay Miranda. Chattypatra không phản đối; mà thật ra cô nàng sục mõm hít lại và sửa ăng ăng rất bình thản vào tai chú chàng.

“Cuộc hôn phối thần tiên,” Benjamin thở hắt ra toại nguyện. “Mình luôn biết một ngày nào đó Hạt Đậu sẽ tìm được bạn gái mà.”

Miranda nguýt Benkamin một cái.

Charlie trả chìa khóa vào chỗ cũ và cả đám tức tốc rút khỏi Ngách Tối. Charlie cảm thấy tội nghiệp hai đứa trẻ sẽ phải trở về, sống với bà cô Eustacia nghiệt ngã. Nó đoán liệu mình có

nên đề nghị chúng tá túc ở ngôi nhà số 8 không, nhưng có điều gì đó ngăn nó lại, có lẽ là ánh mắt lạnh lùng của Eric và cái kiêu căng bé cứ liếc trộm chiếc ấm.

“Này!” Emma trao lại cái ấm cho Charlie. “Ấm gì quái chưa từng thấy. Giờ nó nguội rồi.”

Ngón tay của Charlie nắm quanh quai ấm lạnh ngắt. Nó không hó hé gì tới lịch sử kì lạ của vật này.

Nhóm trẻ tách ra làm hai khi chúng tới đường Đồi Cao. Bọn con trai Charlie rẽ trái vô đường Filbert, trong khi đám còn lại đi về khu nhà thờ lớn.

Benjamin cần Charlie hỗ trợ mới kéo được Hạt Đậu khỏi Chattypatra, cô nàng ngoan ngoãn đi bên cạnh Miranda, chốc chốc lại dừng bước và ai oán nhìn về hướng Hạt Đậu.

“VẬY không công bằng,” Billy nói. “Hai con chó đáng ra phải đi cùng với chúng ta.”

“Em có tính cho tụi anh biết chúng nó đang nói gì không?” Charlie hỏi.

Billy đỏ mặt lên. “Trời, toàn tình yêu không à.”

Benjamin nhướn mày nhìn con chó của nó. “Chẳng hạn?”

Billy hắng giọng. “Đại khái... à, em là con chó đẹp nhất anh thấy kể từ bữa sáng.”

“Bữa sáng?” Charlie thắc mắc. “Em gọi đó mà là tình yêu?”

“Đó là thứ nó thích nhất,” Benjamin dăm chiêu. “Một miếng bánh nhân thịt bò hấp còn thừa.”

Charlie không hỏi Chattypatra nói gì nữa. Nó nghĩ mình sẽ thất vọng mất. Với lại Billy sẽ ém nhem nhiều. Đảm bảo thằng bé ngượng nên không nhắc lại những câu yêu thương ướm ắt đâu.

Rembrandt thẳng lên phòng Charlie. Nó không muốn Hạt Đậu đuổi con chuột của nó chạy lòng vòng quanh nhà.

Ngoại Maisie đã sẵn sàng một trong những bữa trưa hoành tráng nhất của bà. “Ra là các cháu đến nhà số 13?” Bà hỏi khi đám nhóc đang ngấu nghiến món bò rô-ti. “Ông Paton đã kể cho bà nghe tất cả rồi.”

“Tụi cháu đã tìm thấy con chó và Hạt Đậu mền cô nàng ngay.” Benjamin trù mền liếc con chó đang ngồi trong góc, thậm chí không đụng tới cục xương mà ngoại Maisie đã đặt xuống trước mặt nó.

“Nó tương tự rồi,” ngoại Maisie quan sát. “Đó là tình yêu đích thực.” Bất thần bà trông thấy cái ấm đen dưới sàn, cạnh chân Charlie. “Gì thế này?”

“Nó là ... ừm, cái ấm.” Charlie đáp. “Con nhận nó ở một tiệm trên đường Piminy, bà Kettle đưa.”

“Chả hiểu sao mà con muốn cái vật cũ mèm đó?” Ngoại Maisie hỏi. “Cái ấm điện của bà là tốt lắm rồi.”

“Cái ấm đó rất đặc biệt.” Billy nói.

“Àà!” Ngoại Maisie vỡ lẽ ngay. “Ta nghĩ bà Kettle cũng là con cháu Vua Đỏ.”

“Tổ tiên bà ấy là một thợ rèn kiêm thầy pháp,” Charlie bảo. “Ông ấy đã làm cái ấm này. Nó có thể... ừm, hữu ích cho con.”

“Hừ!” Dẫu tự hào về tài phép của Charlie nhưng nhiều khi ngoại Maisie cho đó là điều bất hạnh khủng khiếp. Nó đã bao phen dẫn Charlie tới nguy hiểm, rơi vào những tình huống mà chỉ nhờ may mắn Charlie mới toàn mạng.

Cửa trước xô đánh ầm rôi những bước chân huỳnh huých băng qua hành lang lát gạch bông. Charlie vội dùng chân đẩy cái ấm xa tít vô gầm bàn. Nhưng đã quá trễ. Một phút sau khi cửa mở tung, nội Bone đứng sừng sững đó, nhìn mọi người trùng trùng. Mắt bà ta lập tức hạ xuống chiếc ấm đen. Làm thế nào mà bà ta luôn nhìn thấy những vật mà Charlie muốn giấu thì quả là điềm bí hiểm.

“Cái gì đó?” Bà ta chất vấn.

“Đâu có gì,nội Bone,” Charlie làm mặt ngớ ngẩn.

“Đừng làm bộ ngu si. Tao thấy rõ mà đâu có gì. Một cái ấm bẩn thỉu. Vứt đi. Tao không muốn chứa nó trong nhà của tao.”

Ngoại Maisie kéo một chiếc ghế ra mời. “Bà muốn ăn trưa không, Grizelda?”

Không rời mắt khỏi cái ấm, nội Bone nói, “ Ta ăn rồi, đừng cố ý làm ta phân tâm.”

Charlie bắt chợt hào hứng. “Để nộp cho trường đó, nội Bone. Tụi con bị bắt phải tìm đồ vật cổ xưa cho môn lịch sử. Con thấy tự hào về mình quá.”

Mặt nội Bone hơi hơi mềm đi. Việc ở trường là một ưu tiên trong sách lược của bà ta. Tuy nhiên bà ta vẫn không bị đánh lạc hướng hoàn toàn. “Nó để nộp cho trường sao mà mày dám bảo là đâu có gì?”

Charlie cứng hàm. Nó nhìn Billy và Benjamin, hy vọng sự ứng cứu. Bọn này im de trở mắt dòm lại nó, bất lực.

Nhưng Hat Đậu đã kịp cứu Charlie. Con chó bự này ghét nội Bone không kể xiết. Chỉ cái mùi của bà ta thôi cũng đủ làm nó phọt ra một tiếng gừ tức giận.

“Tao đã bảo là không được mang con chó này vô đây kia mà,” nội Bone hướng hỏa lực về phía Benjamin.

“Phải, thưa bà Bone,” tiếng Benjamin hầu như tịt mịt.

Ngoại Maisie không đòi nào chịu để bữa trưa của mình bị gián đoạn kiểu này. “Lạy trời, Grizelda.” Bà dẫn mạnh chiếc ghế không. “Nếu bà không muốn ăn thì làm ơn lặng lẽ đi. Bọn trẻ này đang lạnh và đói, và ta sẽ không để bà hoãn bữa ăn nóng sốt của chúng đâu. Con chó đó chẳng làm gì hại cả.”

“Bà coi chừng đấy, Maisie Jones.” Nội Bone trong cơn say kiểm chuyện. Có thể thấy rõ điều đó trong nụ cười nham hiểm trên mặt bà ta. “Nếu bà còn đối đầu với ta thì bà sẽ bị đuổi cổ. Đây là nhà của ta và bà được hạ cổ cho ở nhờ mà thôi.”

Một giọng cất lên đằng sau bà ta. “Nhà của chúng ta, Grizelda.”

Nội Bone giật mình đánh thót. Bà ta đã không nghe thấy tiếng Ông cậu Paton từ đằng sau đi tới.

“Hãy thôi nói tào lao và để chúng tôi ăn yên lành.” Ông cậu Paton chộp lấy vai bá chị.

Bà ta vùng khỏi ông, làu bàu trong cổ họng rồi lùi vội lên cầu thang.

Ông cậu Paton bước vô bếp và ngồi vào chỗ đầu bàn. “Xin lỗi, tôi xuống trễ,” ông nói như không có gì xảy ra.

Bọn con trai phấn chấn hẳn lên, nhưng cố kìm chế, đề phòng nội Bone tìm cách trở xuống hoạch hộc chúng. Benjamin bị chướng bụng. Điều đáng phàn nàn duy nhất khi đến nhà Charlie : hình ảnh gây lộn ruột của nội Bone.

Phần còn lại của bữa ăn trôi qua rất vui vẻ. Đến lúc cắt bánh pudding nho, Charlie đã kể xong cho ông cậu nghe về chuyến thăm bà Kettle và phi vụ giải cứu Chattypatra.

“Chúng ta hãy xem cái ấm nào,” Ông cậu Paton nói khi khi miếng bánh pudding cuối cùng đã biến mất.

Charlie lấy chiếc ấm đặt lên bàn.

“Dơ quá,” ngoại Maisie cự nự và chõng những cái đĩa không lại.

Ông cậu Paton đeo kính vào và kéo cái ấm về phía mình. Ông nhắc nắp ấm lên. “Ừm,” ông hít ngửi chất lỏng màu đen. “Chẳng có mùi gì,” ông nhận xét, “nhưng rõ ràng nó rất, rất, rất xưa rồi.” Ông gõ gõ thành ấm. “Sắt. Đúng. Rất lạnh.”

“Đó là vì không có nguy hiểm,” Billy nói.

“Cháu cá là nó vừa mới nóng lên,” Benjamin nói, nhìn vô chỗ nội Bone đứng vừa nãy.

“Bà ấy không nguy hiểm,” Charlie nói. “Bà ấy chỉ xấu tính thôi. Nhưng có gì đó rất nguy hiểm

ở nhà cô Venetia, có lẽ là..." nó ngại ngần.

"Có lẽ là cái gì, Charlie?" Ông cậu Paton nhìn qua phía trên cặp kính nửa vàng trắng.

"Không ạ," Charlie không biết giải thích thế nào về cái chớp mắt của bức tượng thần lùn. Rất có thể đó chẳng qua là nó tưởng tượng mà thôi.

Ông cậu Paton bảo nó để cái ấm ở trong phòng nó. "Để chỗ khuất ấy, nếu ta là con," ông thêm. "Con không muốn làm mất nó đâu nhỉ."

Bình thường hẳn là Charlie đã tới quán Cà Phê Phú Kiểng vào chiều Chủ Nhật. Nhưng hôm nay không có vẻ bình thường. Nó không muốn tái độ Olivia, vả lại, có tin đồn rằng Tancred và Lysander sẽ đưa bạn gái tới đó. Về mặt này mặt khác, Charlie thấy quán Cà Phê Thú Kiểng không phải là nơi thích hợp để dẫn bạn gái tới. Bầu không khí ở đó không thể gọi là lãng mạn được.

Vì vậy bọn con trai ở lại trong bếp coi tivi, đến khi ánh sáng rời bầu trời và màn đêm sao sa phủ trùm thành phố.

Đến lúc Benjamin ra về, Hạt Đậu vẫn đượm vẻ khao khát trong đôi mắt nâu to tròn.

"Chắc mình phải đưa nó trở lại gặp Chattypatra mất," Benjamin nói từ bên kia đường. "Có lẽ cuối tuần sau."

"Ừ," Charlie đáp. Nó nghĩ đến hai đứa bé con ở Ngách Tối. Nó hi vọng Chattypatra được phép ngủ chung với bọn chúng.

Charlie nhìn Benjamin đi vô nhà nó xong rồi quay lại leo bậc cấp nhà số 9. Một chuyển động trên đường đập vào mắt nó. Có gì đó vọt ra khỏi một thân cây - vật đó thấp, không hình thù. Nó vội vàng lĩnh vô nhà và đóng sập cửa lại.

Đó là lúc thấp nển. Ngoại Maisie tắt đèn bếp, còn Charlie tắt đèn hành lang. Nội Bone là người duy nhất trong nhà đã quên mất nề nếp này. Ai nấy tưởng bà ta phải nhớ tài phép của Ông cậu Paton chứ, chỉ tính riêng bao lần bà ta bị tắm mưa thủy tinh.

"Em thích ánh nển lắm," Billy nói, nó mang con chuột xuống để cho ăn. "Cả Rembrandt cũng thích."

"Anh cũng vậy," Charlie nói.

Quả thật, khung cảnh ấm cúng, trên bếp lò khê reo và nển tắm dẫm căn phòng ấm áp trong ánh sáng vồ về. Sau đó Charlie ra kéo rèm cửa lại, thì bỗng tâm trạng an bình, thoải mái của nó bị xóa tan tức khắc, bởi vì, có hai gương mặt đang nhìn lên cửa sổ - những con mắt vàng ệch lóe lên tia sắc của laoif thú và vàng trán thấp lộ những túm lông.

Charlie thét thất thanh.

"Gì đó?" Ông cậu Paton lật đật ủa vô nhà bếp.

"Là họ," Charlie run rẩy. "Cái vật chúng ta đã thấy bên ngoài Góc Kim Cương."

Hai hình thù đội mũ trùm liền lùi khỏi cửa sổ.

Những cặp mắt cháy chĩa về phía ông, rồi hai người lẹ co giò chạy trên đường.

"Dừng lại," Ông cậu Paton gọi. "Cho biết danh tính."

Những người đội mũ trùm tăng tốc.

"Này, đừng chạy!!"

Charlie ra tới cửa vừa kịp thấy ông cậu lao xuống những bậc thang và đuổi theo hai kẻ lạ. Lúc này họ thụp cả bốn xuống mà chạy với tốc độ dữ dội. Nhưng Ông cậu Paton có đôi cẳng dài nhất thành phố. Chỉ với ba cú dướn, ông đã bắt kịp họ.

"Bắt được rồi!" ông hét, tóm gáy một trong hai kẻ lạ.

Charlie không rõ chuyện gì xảy ra tiếp theo, bởi vì đèn đường phía trên Ông cậu Paton bắt thần nổ tung và thủy tinh xổ như làn mưa bạc xuống cả ba thân hình.

Một tiếng tru cuồng nộ dội vang phố phường, nổi tiếp là tiếng thét đau đớn của Ông cậu

Paton.

“Trời, nó cần ta!”

“Không phải nó, thưa ông Yewbeam,” một giọng rít rú. “Chúng tôi là con người.”

“Ai...” Ông cậu Paton định nói.

Nhưng hai sinh vật đã tan biến vào bóng tối.

Săn Sói Hoang

Ngược xuôi đường Filbert, những cửa rà vào và cửa sổ lần lượt mở ra, cái thì bạo dạn, cái thì rụt rè. Tiếng người lao xao chỗ vào màn đêm.

“Chuyện gì đó, hả?”

“Ai vậy?”

“Ông Yewbeam nhà số 9.”

“Ông Yewbeam, ông có sao không?”

Ai đó hỏi, “Có phải nó là sói?”

Trước khi Ông cậu Paton trả lời gì, Agnes Prout, hàng xóm sát vách của gia đình Yewbeam, hét tướng. “Chắc chắn là chó sói. Nó đã vô thành phố.”

Nghe vậy lập tức năm, sáu cánh cửa vội đóng ập lại.

Nắm chặt cổ tay, Ông cậu Paton lão đảo đi ngược về nhà. Khi Charlie chạy tới đón ông, Benjamin và mẹ nó băng ào qua đường, có Hạt Đậu vô cùng sốt sắng dẫn đầu.

“Bồ có sao không, Charlie?” Benjamin hét.

“Mình không sao, nhưng ông cậu mình chắc là có.”

Cô Brown kinh hãi nhìn sừng dòng máu chảy dọc xuống những ngón tay của Ông cậu Paton. “Ông Paton, chuyện gì thế ạ? Tôi có thể giúp gì?”

“Không có chi,” Ông cậu Paton cộc cằn. “Bà Maisie sẽ băng bó cho tôi.”

“Nhưng người ông đầy thủy tinh.” Cô Brown luống cuống nhổ những mảnh vụn trên vai Ông cậu Paton.

“Làm ơn tránh ra, Patricia,” Ông cậu Paton khẩn thiết. “Cô làm đứt tay mình bây giờ,” ông bắt đầu leo lên bậc cấp nhà số 9, với Charlie đỡ cùi trở ông.

Mẹ của Benjamin chưa chịu về nhà. Cô kiên quyết đứng trên vỉa hè, nhất định phải moi đến cùng sự huyền bí ở ngay mé cửa nhà mình. “Nó là sói phải không?” Cô nghiêm trang. “Mọi người đang bàn tán. Họ gọi nó là Sói Hoang. Ta có thể nghe tiếng nó tru hàng đêm. Chắc hẳn nó sống trong vùng đồng hoang bên kia sông.”

“Patricia,” Ông cậu Paton khẳng định. “Không phải tôi bị sói tấn công.”

“Thế thì là cái gì...”

“Đó là con người!” Rồi không ngoài nhìn lại, Ông cậu Paton sải bước vô nhà.

Charlie thấy mình nên có lời. “Xin lỗi,” nó quay qua Benjamin và cô Brown. “Ông cậu của cháu bị thương. Chúc ngủ ngon, Benjamin, chúc ngủ ngon, cô Brown.”

“Chúc ngủ ngon, Charlie,” Benjamin lo lắng. Về mặt mẹ nó quả quyết: Tôi-sẽ-tìm-bằng-được-sự-thật-của-việc-này.

Cô Brown dĩnh đạc bước về nhà số 12, Benjamin và con chó theo sát nút. “Mẹ sẽ tìm hiểu tận cùng việc này,” cô nói.

“Gì gì thế này?” Ngoại Maisie hét lên khi Ông cậu Paton loạng choạng vô nhà bếp.

“Ông cậu Paton bị cắn.” Charlie giúp ông cậu ngồi xuống ghế.

Ông cậu Paton xắn tay áo lên. “Bà vui lòng lấy cho tôi một chậu nước sạch và một ít thuốc sát trùng.”

“Ông có bao giờ bị chó cắn đâu!” Ngoại Maisie hót hơ hót hải ra bồn và hứng nước vô chậu. “Khéo ông nhiễm bệnh dại đấy, Paton.”

“Không phải chó cắn,” Ông cậu Paton nói yếu ớt. “Chắc chắn không phải là chó.”

“Ơn trời,” ngoại Maisie bung chậu nước tới bên Ông cậu Paton. Cầm cổ tay ông, bà bắt đầu chậm bằng khăn sạch.

Charlie chọn người khi nhìn những vết răng. Ngoại Maisie chậm liên tục bắt đầu có tác dụng. Khi máu sạch hết, vết thương ở cổ tay lộ rõ ra.

“Tôi thấy giống như sói cắn,” ngoại Maisie nhận xét khi quan sát cổ tay Ông cậu Paton. “Những vết này, hình như là răng năng – răng cửa không sâu thế này, chắc chắn là hai cái răng năng, ở một trong hai bên.”

“Tôi không thể giải thích được.” Ông cậu Paton để cho ngoại Maisie bằng cổ tay mình bằng một miếng vải voan trắng. “Sinh vật đó nổi tiếng người với tôi. Chưa hết, nó còn biết tên tôi.”

“Trời, ai mà tin được!” Ngoại Maisie đứng lên và đem cái chậu trở ra bồn.

Suốt quãng thời gian đó, Billy ngồi im thin thít, ôm chặt Rembrandt vô ngực. Trông nó vừa sợ hãi vừa hoang mang.

“Em sao vậy, Billy?” Charlie hỏi. “Em biết những sinh vật đó à?”

“Không hẳn,” Billy nhú mào sâu hoắm. “Em chỉ đang suy nghĩ thôi.”

“Suy nghĩ gì?” Charlie ngồi xuống sát bên nó.

“Ừm, thật ra em đang thắc mắc.”

“Thắc mắc gì?”

“Giọng nói – khi nó tru thì nghe như chúng ta hay nghe thấy ban đêm. Thật khó giải thích, nhưng nó sử dụng cùng một ngôn ngữ.”

“Nhưng tiếng chúng ta nghe thấy ban đêm là sói, Billy cung à,” ngoại Maisie bảo. “Người ta gọi nó là Sói Hoang.”

“Kẻ tấn công tôi hầu như là con người,” Ông cậu Paton thêm.

Billy lễ phép làm mặt buồn bĩnh. “Chúng là một,” nó khẳng khẳng.

Ông cậu Paton rung mình thấy rõ. “Trường hợp đó, ta đành kết luận là chúng có họ hàng. Thật tình, ta mệt rũ đến không còn sức mà giải đáp những câu đố này nữa. Ta đi ngủ đây. Tui nhỏ cũng đi ngủ đi, nhanh lên. Ngày mai còn đi học.” Ông đứng dậy, hơi nhăn mặt khi ông nắm bàn tay trái vô lưng ghế mình đang ngồi.

Ngoại Maisie lắng nghe tiếng Ông cậu Paton lê chân lên cầu thang. Bà lắc đầu. “Ông cậu của con không ổn đâu, Charlie, nếu con hiểu ý ta. Ta cầu cho vết cắn không có nọc độc.”

Charlie không có cơ hội chờ xem vết cắn của Ông cậu Paton có khỏi không. Sáng thứ Hai nào cũng quỳnh quáng cả lên. Quần áo nhét vội vô giỏ xách, bữa sáng vội vã, sau đó Charlie và Billy ra khỏi nhà, chạy học tốc đến cuối đường Filbert để đón xe buýt của học viện.

Ngoại Maisie vẫy tay tiễn chúng, hét với theo. “Ta sẽ báo cho các con nếu ông cậu trở nặng. Cẩn thận đấy, các con.”

Lũ trẻ trong học viện không được phép dùng điện thoại, radio hay tivi. Vài đứa nhớ nhà đã lén mang điện thoại di động vô, nhưng trong học viện luôn có gián điệp sẵn sàng tố giác bạn bè để lấy lòng gia đình Bloor. Điện thoại di động luôn luôn bị phát hiện và bị tịch thu, còn chủ nhân thì bị cấm túc.

Bà bếp trưởng là mối dây liên lạc duy nhất của Charlie với thế giới bên ngoài, nhưng nó e ngại không biết nỗi sợ Lord Grimwald có ngăn bà tiết lộ tức cho nó hay không.

Suốt cả ngày không thấy bà bếp trưởng xuất hiện trong căng-tin. Tới bữa trà, Charlie nhòai người qua quày, khẽ hỏi một cô phụ việc nhà bếp thân thiện tên là Valerie, xem có phải bà bếp trưởng bị bệnh không.

“Cô thấy bà ấy khỏe mà. Chắc bà ấy bận tối mũi nên không ra quày được.”

Charlie lo lắng. “Cô cho cháu gọi... gọi lời hỏi thăm bà ấy được không?”

“Được chứ cưng.” Cô Valerie nhoẻn miệng cười.

Bất chợt có tiếng eo éo. “Vậy ra bà bếp trưởng là bạn của anh à?”

Charlie quay lại. Dagbert đã lén đến đằng sau nó từ bao giờ, nhẹ đến nỗi Charlie không biết.

“Kh... không,” Charlie ú ớ. “Chỉ là đồ ăn ngon hơn khi có bà bếp trưởng.”

Đôi mắt xanh lục của Dagbert lóe lên. “Tôi nào có buộc tôi anh gì đâu, Charlie.”

Charlie tắt tươi ra khỏi quầy. Nó không còn muốn ăn nữa. Billy theo nó ra khỏi căng-tin.

“Có tin gì về ông cậu của anh không?” Billy hỏi.

“Làm gì có,” Charlie dấm dăng. “Anh chưa gặp bà bếp trưởng.”

Billy lót tóc đi khỏi, trông tủi thân ghê gớm.

Khi bà bếp trưởng không xuất hiện trong bữa ăn sáng thứ Ba, ruột gan Charlie như lửa đốt.

Fidelio chạy tới Charlie khi nó thơ thẩn trong sân chơi giờ nghỉ giải lao đầu tiên. “Trông em như có mây đen phủ xuống vai vậy.” Fidelio đấm nó một cái thân tình.

“Đâu có!” Charlie đẩy tay bạn đi.

“Sao gắt gỏng ghê thế!”

Charlie thấy hối hận. “Em đang lo cho ông cậu của em. Ông bị một... một vật cản, với lại em cũng lo sốt vó vì chưa thấy bà bếp trưởng đâu, mà Dagbert thì...?”

“Charlie, khoan nào!” Fidelio chặn lại. “Bình tĩnh coi, từ từ kể anh nghe chuyện gì xảy ra.”

Fidelio là người lắng nghe cực giỏi. Charlie nhận thấy đáng lẽ ra mình phải giải bày với anh từ trước rồi mới đúng. Nó tả lại kỳ nghỉ cuối tuần của nó, bắt đầu bằng chuyến đi tới nhà bà Kettle và kết thúc khi ông cậu bị tấn công. “Người ta nhất mực bảo thứ mà tụi em nghe thấy tru ban đêm đó là Sói Hoang, nhưng Ông cậu Paton khẳng khẳng đó là người. Còn, cái này mới quái dị, Billy bảo giọng của chúng giống nhau.”

“Hừm...” Fidelio dừng lại giữa đường. “Giống nhau?”

Charlie bỗng dưng xao lãng vì một cảnh tượng rất thú vị. Tancred đang sóng bước cùng một cô gái cực kỳ xinh đẹp, tóc vàng óng thả dạt dề xuống áo chùng tím tới gần chấm eo. Làn da láng mịn, môi mọng đỏ, đôi mắt xám với hàng mi dài, cong vút. “Hê, đó là bạn...”

“Bạn gái của Tancred,” Fidelio nói nốt. “Tracy Morsell, có biệt danh Kẹo Ngọt đối với dân năm ba.”

“Thật không? Anh biết nhiều ghê.”

“Chứ sao,” Fidelio thừa nhận. “Anh dỏng tai nghe ngóng trong sân chơi. Và đằng kia là Emma Tolly tội nghiệp, ôm trái tim tan vỡ.”

Theo ánh mắt của Fidelio, Charlie thấy Emma ngồi cô độc trên một khúc gỗ ở góc sân xa xa. Một chồng sách đặt trên đùi Emma và, dù ở khoảng cách xa thế này cũng có thể thấy rõ con nhỏ đang buồn rười rượi.

“Nó...?” Charlie quay qua Fidelio.

“Nó đặc biệt mến Tancred? Thật. Xưa nay em không để ý à?”

“Em khờ thật,” Charlie vỗ trán. “Đúng rồi, giờ anh lại nói ra. Tội nghiệp Em.”

Tiếng tù và đi sẵn rúc lên khắp sân, gọi bọn trẻ trở vô lớp học, và Charlie chạy tới giúp Emma nhặt đồng sách rơi khỏi đùi, văng tứ tung dưới chân con nhỏ - những trang sách bay bay như những đôi cánh trắng trong gió buốt.

Emma cười cảm kích khi nhận sách từ tay Charlie. “Mình khùng quá mới định học bài ngoài này,” nó nhỏ nhẹ. “Mình có một ý nghĩ điên rồ là nếu mình làm hết bài tập về nhà thì tối nay mình sẽ không phải tới phòng Nhà Vua nữa.”

Charlie lắc đầu. “Đâu được, Em. Họ sẽ giao bài khác cho bồ làm.”

“Mình biết.”

Fidelio chờ chúng để cùng đi vô trường. Ba đưa chúng nó làm tốp cuối cùng rời sân chơi.

Đêm đó Charlie chờ lắng nghe tiếng tru đằng xa. Đêm nay tiếng ọ ẹ và hơi thở nặng nề của bọn con trai đang ngủ quanh nó dường như lớn hơn. Sau đó nó thấy Billy cũng thức giấc. Charlie có thể nhìn thấy cái đầu trắng lòa nhòa của Billy khi nó ngồi dậy ở phía bên kia giường Dagbert.

“Billy?” Charlie thì thầm. “Em có nghe thấy gì không?”

“Em có nghe tiếng tru một lần,” Billy nói khẽ, “nhưng rất nhỏ.”

“Nó nói gì?”

“Em không chắc...” Billy đắn đo. “Hình như là ‘cha’.”

Bỗng rồi chúng nghe thấy tiếng súng nổ từ xa, không thể lầm lẫn được.

Rên nhẹ một tiếng, Billy chui tọt xuống tấm trải giường của nó.

Charlie nằm xuống trở lại gối, thầm nghĩ, Mình hy vọng họ không giết chết nó.

Tại nhà số 12 đường Filbert, Benjamin Brown vẫn còn thức tỉnh rụi. Nó ước gì có Charlie ở nhà để cùng chia sẻ hai ngày qua với mình. Quá nhiều sự việc đã xảy ra. Đầu đuôi là từ cuộc họp được triệu hồi gấp rút trong hội đồng thành phố. Cô chủ Brown quyết định cho Benjamin đi dự cùng. “Sẽ tốt cho con,” cô Brown nói. “Con có thể học hỏi được đôi điều.”

Benjamin bán tín bán nghi, tới hồi nó hiểu ra đề tài bàn thảo là về Sói Hoang. Và đúng là nó học được nhiều điều. Trong đó có một điều là người ta thường nói dối khi sợ hãi.

Nỗi sợ bao trùm tòa nhà nguy nga tối hôm đó. Nỗi sợ hiện lên trong mắt mọi người; nỗi sợ được nghe thấy trong những lời nói rón rén và phập phồng. Benjamin ngồi giữa cha mẹ, ngay hàng ghế đầu. Gia đình Brown muốn quan sát từng chi tiết nhỏ nhất của những sự kiện kiểu như thế này.

Có năm người ở trên bục. Họ ngồi đằng sau một cái bàn dài, mỗi người có một tập bìa hồ sơ và một ly nước trước mặt. Benjamin nhận ra vị chủ tọa, ông Marchwell, ủy viên hội đồng lỗi lạc, người thường hay tới thăm trường nó; nó cũng nhận ra người hàng xóm sát vách của Charlie, Agnes Prout.

Ông Marchwell khai mạc phiên kiện cáo bằng một bài diễn văn ngắn. Ông nói với thánh giá rằng tất cả họ ở đây là vì những lý do đồng nhất: trước hết, để thảo luận cách thức và phương tiện nhằm xác định “những âm thanh bất thường” (một kiểu mô tả rườm rà về tiếng tru, Benjamin nhận ra vậy) phát ra từ bên kia sông, và thứ hai, để quyết định xem sinh vật chủ thể của “những âm thanh bất thường” đó có đe dọa đến cư dân thành phố hay không.

Tới đây, Agnes Prout thô lỗ cắt lời ông Marchwell.

“Đe dọa hay không á? Dĩ nhiên nó đe dọa mười mươi còn gì. Nó là sói đích xác, quý tha ma bắt!”

Vài người vỗ tay tán thưởng cơn giận bột phát này. Benjamin hài lòng là ba mẹ nó vẫn để nguyên tay trên đùi.

“Chúng ta không biết chắc đó là sói, thưa bà Prout,” ông Marchwell nói.

“Chúng ta biết rõ ràng rành,” Agnes đập lại. “Chính mắt tôi đã thấy nó. Nó đã cắn ông hàng xóm của tôi, ông Yewbeam. Tôi đã thấy vết thương. Một dòng máu phụt ra từ cổ tay ông ấy – một dòng máu hãn hoi.”

Cô Brown giơ tay lên.

Ông Marchwell hơi chồm tới trước. “Cô có ý kiến, cô... ề, cô...?”

“Brown,” mẹ của Benjamin đứng lên. “Trish Brown. Tôi muốn nêu bật rằng, ông Yewbeam bảo với tôi là ông ấy bị một con người cắn. Một... người cổ xưa, có lẽ vậy, nhưng chắc chắn

không phải là sói.”

Benjamin tự hào về mẹ mình quá đi mất. Nó thậm chí còn tự hào hơn khi mẹ cương quyết giữ lập trường trước những lời phỉ báng, rửa xả từ Agnes Prout.

“Nhảm nhí. Cô Brown. Phi lý! Hoặc là ông Yewbeam không còn minh mẫn, hoặc là cô điếc. Đó không phải là người. Mà là sói.”

“Nếu ông Yewbeam ở đây...” cô Brown bắt đầu.

“Ông ta không có ở đây,” Agnes cướp lời, “Thế thôi.”

Cô Brown giận đỏ phùng mặt và ngồi xuống. Chú Brown vỗ vỗ lưng cô.

“Hay lắm, mẹ,” Benjamin thì thầm. Mẹ nó cười với nó một nụ cười nhẵn nhụi.

Benjamin ngược nhìn lên những bóng đèn sáng choang trên trần nhà. Chắc chắn ông cậu của Charlie không thể tới dự cuộc họp này được. Mọi người sẽ bị chụp vô bóng tối, với mưa thủy tinh bao phủ ngay khoảng khắc ông bước qua cửa.

Cử tọa bắt đầu phùng phùng khí thế. Khắp phòng những cánh tay đưa lên rào rào. Người người la ó không chờ đến lượt mình. Bất lực, ông Marchwell giơ tay lên nài nỉ họ hãy tỏ ra văn minh, cho phép mọi người nghe nhau nói.

“Tôi đã thấy nó ở đại lộ Cruckton!”

“Có người bảo tôi nó ở đường Piminy!”

“Nghe nói nó được trông thấy ở quảng trường Nhà Thờ Lớn!”

“Nó bắt mèo ăn!”

“Và cả chó nữa!”

“Sẽ đến con nít mới sinh cho coi!”

“Rồi trẻ con!”

“Phải giết nó!”

Phải hồi lâu tiếng huyền não mới dịu bớt, nhưng ông Marchwell là người quyết đoán, và ông đã xoay sở kiểm soát được phần còn lại của buổi họp. Chỉ về cuối, sự cuồng loạn mới ngấm vô trong vài tiếng nói.

Một phán quyết được đưa ra. Ngài thị trưởng sẽ được báo cáo về sự bức xúc mãnh liệt của cư dân về “cái vật” trong đồng hoang, theo đó một cuộc đi săn sẽ được tổ chức. Bắt buộc truy phải truy kích, phải bắt, hoặc phải giết cái được gọi là Sói Hoang. Vì ban ngày sinh vật đó im tiếng, nên cuộc đi săn sẽ bắt đầu vào lúc sẩm tối, ngày ngày hôm sau.

Khi cuộc họp giải tán, những tốp nhỏ vẫn còn tụ tập trên vỉa hè bên ngoài tòa thị chính. Benjamin nghe thấy những giọng điệu quá khích. Bạo lực sôi sục trong không khí. Trong nó bỗng dưng nghĩ những con người điên cuồng này còn nguy hiểm hơn bất cứ loài Sói Hoang nào.

Cô chú Brown lẳng lặng bước về nhà. Benjamin nhìn lên vẻ bất bình trên mặt họ và quyết định không hỏi han gì hết. Đúng vừa lúc leo lên bậc cấp nhà số 12, họ nghe thấy tiếng tru sầu thảm xuyên qua bầu không khí lạnh căm.

Benjamin rùng mình. “Nó không có vẻ nguy hiểm, mà nghe như nó đang u sầu.”

“Buồn u uất,” cô Brown đồng ý. “Có gì đó không ổn trong việc này.”

Năm phút sau, ngồi trong gian bếp ấm và sáng sủa, chú Brown nêu lên những giả thiết. “Thế này nhé. Chúng ta nghe thấy tiếng kêu từ đồng hoang, đúng không? Một con thú kêu, có thể nói vậy, một tiếng kêu mang ý nghĩa gì đó. Kêu cứu. Giờ ông Yewbeam nói ‘cái vật’ tấn công ông là con người.”

“Ông Paton Yewbeam không ngốc,” cô Brown chen vào. “Ông nói nó là con người, và em hoàn toàn tin ông ấy.”

“Anh cũng tin, Trish,” người chồng vội nói. “Anh tin. Cái vật mà căn này có mang đặc điểm

thú, vì vậy, có thể có mối liên hệ giữa cái vật trong đồng hoang và kẻ tấn công ông Yewbeam.”

Benjamin chăm chú lắng nghe ba mẹ thảo luận. Được thừa hưởng óc tò mò, nghi ngờ, cũng như khả năng phân tích, diễn giải và linh cảm gấp đôi cha mẹ, bản thân nó hứa hẹn sẽ trở thành một thám tử tài ba.

“Con có một linh cảm,” Benjamin nói.

Cô chú Brown đánh giá rất cao câu nói này.

“Linh cảm, ôi, Benjamin!” Cô Brown tỏ ra rất hài lòng.

“Là gì vậy con? Nói đi!” Chú Brown háo hức nghiên cứu vẻ mặt con trai.

“Ừm...” Benjamin quyết định kéo dài sự chú ý mà nó đã lôi kéo được. “Ờm, có lần Charlie đã nói với con về một anh học sinh, tên là Asa Pike, chưa hề được trông thấy ở học viện trong học kì này. Anh ta được ban phép thuật, giống như Charlie, chỉ có điều anh ta biến thành thú vào ban đêm.”

Chú Brown gật đầu thiếu kiên nhẫn. “Asa? Phải, ba mẹ biết cậu ta.”

“Ờm...” Benjamin nhấn nhá một lúc. Nét mặt lưu tâm của ba mẹ nó có vẻ rất mãn nguyện. “Điều ba mẹ không biết là Asa, một người có thời từng kề cận Manfred Bloor, ờm, Asa đã giúp Charlie tìm ra ba của nó, và con đoán là Manfred vô cùng tức giận về điều ấy, vì vậy, rất có thể hẳn đã nhốt Asa ở đâu đó để trừng phạt.”

Cô chú Brown nhìn con trai với vẻ thán phục và vui mừng khôn xiết.

“Benjamin, con nói chí phải,” chú Brown hồ hởi.

“Một khi đã nhận ra chính xác tiếng tru đó, vậy con có nghĩ ra cách nào để cứu con vật tru đó không?” Cô Brown hỏi con trai.

Ở điểm này thì Benjamin nói dối ngây thơ: “Không”, trong khi một ý tưởng đang hình thành trong đầu nó. Đằng sau nó, Hạt Đậu đang nằm ngủ sóng suốt trong ổ. Hạt Đậu có thể tìm thấy bất cứ cái gì, Benjamin suy tính. Nếu người được thứ gì thuộc về Asa, thì con chó bự có thể tìm ra anh ta. Benjamin giữ ý kiến này cho riêng mình. Nó không muốn bố mẹ nó giúp. Nó muốn tìm thấy Asa một mình, hay có lẽ cùng với Charlie.

“Chúng ta phải nhanh chóng làm gì đó ngay,” chú Brown nói, “không thì đội săn sẽ giết thẳng bé đáng thương đó trước khi họ nhận ra nó là ai. Để anh sẽ đi gặp ngài thị trưởng.”

“Ông ấy không tin anh đâu,” cô Brown rầu rĩ. “Ông ấy vốn không quan tâm đến những việc xảy ra ở học viện Bloor. Ông ấy biết về những đứa trẻ được ban phép thuật, dĩ nhiên, nhưng ông ấy không thích thừa nhận điều đó.”

“Để con sẽ suy tính thêm,” Benjamin nói.

Tìm được một thứ thuộc về Asa không dễ như Benjamin tưởng. Nó phát hiện ra rằng chưa từng ai thấy cha mẹ của Asa bao giờ. Không ai biết họ sống ở đâu. Hình như họ không có họ hàng thân thích. Bất cứ thứ gì Asa từng mặc hay từng sờ vào đều nằm sâu trong học viện Bloor, một nơi mà những người như Benjamin không thể nào vô được. Chắc chắn gia đình Bloor sẽ không sót sáng tham gia cứu Asa. Anh ta đã dối phe. Họ có thể coi anh ta là kẻ chiêu hồi, một kẻ phản bội.

Đến lúc Benjamin đi học về ngày hôm sau, đội săn đã sẵn sàng. Hóa ra cả nửa thành phố đi theo dõi. Bốn mươi người đàn ông tráng kiện tập hợp trên cây cầu dẫn tới vùng đồng hoang. Chỉ huy là cảnh sát trưởng Constable và cảnh sát viên Wood, một tay súng cừ khôi. Dưới trướng của họ là một đội quân tạp nham, trông quyết chiến trong trang phục hổ lốn – áo khoát có mũ, áo liền quần, áo gió, áo mưa. Đầu họ đội nón len, mũ trùm đầu, mũ nồi và thậm chí cả nón cao bồi. Vài người đi ủng không thấm nước, hoặc giày thể thao nhưng phần lớn đi giày boots da vững chãi. Một nửa quân số mang súng săn, còn lại cầm đèn nháy và dùi cui.

Tiếng hò reo vang dậy khi bốn mươi hai người đàn ông rầm rập qua cầu và quẹo phải, đi vào con đường mòn cặp dòng sông. Đi chừng vài mét, con đường mất hút vào những bụi cây thấp rậm rạp – cửa ngõ vùng đồng hoang.

Đứng trên một lối mòn bên hông dòng sông thành phố, cha của Benjamin theo dõi toàn bộ chiến dịch. Chú ấy trở về nhà trong tâm trạng trĩu nặng, lo âu.

“Không xong rồi,” chú nói với vợ và con trai khi cả nhà ăn trứng bác và rau bina. “Sẽ xảy ra thảm họa mất thôi, hãy nhớ lời ba nói. Với súng ống thế kia, thế nào cũng có người bị giết trong vùng đồng hoang mà chưa chắc đã là cậu bé người sói.”

Benjamin bắt giắc nghĩ đến Naren, bạn của Charlie. Cô bé sống với cha mẹ nuôi trong căn nhà nhỏ sâu trong vùng đồng hoang. Nơi đó là một bí mật, thơ mộng, là nơi bảo tồn, nung nấu của thú bị lạc và bị thương. Liệu nó còn là bí mật khi cả toán người vũ trang súng, dùi cui và đuốc hùng hổ, đâm đập cây cối xông đến?

Ước gì mình có thể bàn tính với Charlie, Benjamin nghĩ.

Charlie ngủ thiếp đi. Nó choàng tỉnh thì thấy ai đó đang lay vai mình.

“Charlie, có cái gì ở trên tường đằng sau anh. Chử.” Đó là giọng của Dagbert.

Charlie ngồi dậy, dụi mắt.

“Nhìn kìa! Đằng sau anh,” Dagbert thúc giục.

Charlie nhìn quanh. Bức tường phía trên giường nó hiện ra chữ “Tạm biệt”. Lọt trong một mảng ánh trắng, những mẫu tự run rẩy, lộng cọng như không chắc mình đã xếp đúng chưa.

“Naren!” Charlie nói, quên cả thì thầm. “Em đi đâu?”

Không có thông điệp trả lời. Bức tường vẫn trống không. Mảng ánh trắng biến mất và căn phòng trở lại bóng tối mịt mù như thường lệ.

“Cái gì vậy?” Dagbert hỏi.

Lốt cái trang của Asa

Charlie lật sấp người xuống, giả bộ ngủ. Nó cảm thấy một cú thụi mạnh vô lưng. “Thôi!” Nó cúi tiết nói thầm.

“Nói cho tôi về những chữ trên tường,” Dagbert rít rú.

“Không. Đó là thông điệp riêng tư.”

“Tôi sẽ không nói cho ai đâu”.

“Hừ!” Charlie đứng dậy và đi vô buồng tắm. Nếu có đôi co thì hãy đôi co ở những chỗ không ai nghe thấy-sẽ an toàn hơn. Đúng như nó đoán,Dagbert lò dò đi theo.

Charlie đóng cửa lại. Mặt trắng lại lướt ra khỏi đám mây,rọi ánh sáng vừa đủ cho hai thằng bé trông thấy mặt nhau.

Charlie đứng dựa lưng vô bồn tắm. Vòi nước lạnh đang xả lớn,kêu tồ tồ,dồn dập. Dagbert đứng bên cạnh bồn,gương mặt xanh nhợt dưới ánh trắng.

“Tôi không phải là gián điệp. Anh biết,anh có thể tin tôi mà.”

“Cậu giỡn chơi”,Charlie ngồi lên mép bồn. “Cậu rình rập tôi như do thám,và cậu làm cho hầu hết bạn bè tôi quay lưng lại với tôi.”

“Không phải”.

“Gần vậy. Tại sao cậu làm thế?”

Dagbert tụt xuống sàn bên cạnh buồng tắm,đặt hai bàn tay lên đầu gối. Nó nhìn những ngón tay dài của mình,giơ lên từng ngón một,và cuối cùng đan hai tay vào nhau.

Tổng, tổng, tổng, tổng, tiếng vòi nước chảy trong khi Charlie chờ câu trả lời.

Thình lình,mái tóc quăn tít của Dagbert duỗi ra,như có bàn tay vô hình giật mạnh nó một cái. Nó trở nên đen bóng và ep xuống. “Mặt trắng điều khiển cuộc đời tôi,” cuối cùng Dagbert nói. “Giống như thủy triều vậy. Tôi thường khốn đốn khi mặt trắng chui vô đám mây,tệ nhất khi nó bị trái đất nuốt trọn. Tôi không yêu cầu anh tha thứ cho tôi,Charlie,bởi vì tôi ko thể cưỡng lại điều mình làm. Nhưng nếu anh cho tôi biết về những chữ trên tường ấy,tôi hứa là không theo anh nữa.”

Charlie ngẫm nghĩ lời đề xuất của Dagbert. Nó không cần phải cho Dagbert biết Naren sống ở đâu. Ngoài ra,nếu Naren tạm biệt,tức là cô bé đã rời ngôi nhà tranh trong vùng đồng hoang. “Tôi biết một cô gái”,Charlie bắt đầu. “Tên cô ấy là Naren,mặc dù tên thật của cô ấy dài hơn. Một cái tên người Mông Cổ. Cha mẹ cô ấy bị chết đuối trong một trận lụt...”

“Không liên quan tới tôi”,Dagbert nói lạ. “Tiếp đi”.

“Cô ấy là con nuôi của con trai lão Ezekiel,ông Bartholomew,và người vợ Trung Hoa của ông. Họ sống ở ngoài thành phố,hay đã từng sống ở đó.”

“Nhưng những chữ...những chữ trên tường đó”,Dagbert sốt ruột.

“Đó là tài phép của Naren. Cô ấy có thể gửi thông điệp lên không trung. Miễn là rèm cửa mở và trăng sáng...”

“Giống như là nhắn tin bằng điện thoại di động?”

Charlie nhả mặt. “Không phải. Cô ấy không cần thiết bị gì hết. Cô ấy chỉ có chiếc găng tay của tôi làm thiết bị phát thôi.”

“Ra vậy.”Dagbert ấn tượng quá.

“Tốt hơn chúng ta trở lại giường đi”,Charlie nói.

“Chỉ mỗi...” Dagbert không thể nói hết câu. Có gì xảy ra với nó-nó bắt đầu co giật dữ dội.

Charlie bật dậy, không dứt mắt khỏi thằng bé quằn quại dưới sàn. Những ngón tay của Dagbert từ từ bung ra, nó vươn cả hai tay về phía Charlie.

Thất kinh hồn vía, không thốt lên lời, Charlie không thể chạm vào những ngón tay như que củi, dài một cách bất tự nhiên đó, bởi vì chúng bắt đầu nở ra. Một quầng sáng xanh lá cây nhạt xổ khỏi làn da của Dagbert-mặt nó, đôi bàn chân trần và hai bàn tay của nó rực sáng lân tinh. Thậm chí cả chỗ da có bộ đồ ngủ bao bọc cũng phát sáng lấp lánh qua lớp vải dày.

Charlie cố cưỡng lại niềm thôi thúc phải chạy khỏi thằng bé phát sáng này càng xa càng tốt. “Cậu làm sao vậy?” Nó lao ào.

Thằng bé dưới sàn run bần bật đến mức chỉ lách ngáp được vài tiếng: “Ll-ii-n-h linh...v-ậ-tt... Dưới...dưới gối...tôi”.

Chừng mấy giây Charlie mới nghe ra Dagbert nói gì. Mỗi khi hiểu được điều thằng bé đang đau đớn lẫn lộn muốn, Charlie đâm bổ vô phòng ngủ chung và sờ soạng dưới gối của Dagbert. Những ngón tay nó chạm trúng một, hai, ba...bảy vật nhỏ, cứng cứng. Quơ tất cả vô bụm tay, nó ù té trở lại phòng tắm và chật vật đặt chúng vô lòng bàn tay của Dagbert, cố bóp cho những ngón tay phát sáng bao lấy chúng. Năm con cua vàng bé tẹo với một con cá vàng trong một tay, và một con nhím biển ở tay kia.

Dagbert nhắm mắt lại và gục đầu xuống. Chầm chậm, sự run rẩy ngừng lại. Từ từ, ánh sáng lân tinh mờ đi. Dagbert mở mắt và nhếch miệng cười.

Charlie quỳ xuống trước mặt nó. “Sao vậy, Dagbert?”

“Đó là ngày sinh nhật của tôi”. Nó liếc nhìn đồng hồ đeo tay của nó. “Đúng duyét giờ. Một giờ đúng.”

“Sinh nhật của cậu? Tôi không hiểu”.

“Giờ tôi đã 12 tuổi. Tôi luôn biết sẽ có gì đó xảy ra với mình, nhưng tôi không bao giờ đoán được đấy là điều gì.”

“Ý cậu là sao?” Bất chấp khoảnh khắc dị thường này, dù choáng sốc và chẳng hiểu đầu cua tai nheo, Charlie vẫn không kiềm chế được một cú ngáp. Nó đứng lên và dựa lưng vô tường cho vững.

Dagbert đứng dậy, vẫn còn hơi run. “Có nghĩa là tôi mạnh bằng cha tôi. Anh cấm không được nói với ai. Một sinh linh cũng không. Tuyệt nhiên cha tôi không được... Chưa nên biết. Anh hiểu chứ?”

“Tôi hiểu. Và tôi hứa không nói với ai.” Charlie lại ngáp. “Cả hai hãy giữ lời hứa đấy chứ?”

“Đồng ý,” Dagbert nghiêm trang.

Chúng lui hui trở về giường. Điều cuối cùng Charlie muốn trước khi ngủ thiếp đi là vẻ nhấp nháy của những linh vật biển.

Thật nhẹ nhõm biết chừng nào khi thấy bà bếp trưởng trong bữa sáng hôm sau. Trông bà đã gần gần là bà như cũ. Bà có một tin cần báo cho Charlie. Chờm người qua quây, bà thì thầm, “Benjamin, bạn con, đã liên lạc với ta.”

“Ben!” Charlie thốt lên.

“Suyt! Bộ con muốn toàn thế giới nghe thấy à?”

“Con xin lỗi”, Charlie lí nhí.

Nói chuyện với bà bếp trưởng luôn phải khéo léo, đặc biệt là khi đang xếp hàng lĩnh phần ăn sáng. Hên là Billy ở ngay sau Charlie và Fidelio ở đằng sau thằng bé.

Bà bếp trưởng nhòai xa hơn khỏi quây. “Nó muốn con tìm quần áo gì đó của Asa Pike. Việc này liên quan tới tiếng tru. Con có nghe thấy tiếng súng nổ đêm qua không?”

“Có”, Billy đáp.

“Con muốn cho sữa vô cháo yến mạch không, Charlie?” Bà bếp trưởng hỏi khi có hai đứa con gái đứng đỉnh đi ngang qua.

“Có ạ”.

“Có một đôi đi săn”. Bà bếp trưởng rót sữa vô tô cho Charlie. “Ta nghe nói họ đã bắn trúng gì đó. Hi vọng không phải là người nào chúng ta biết.”

“Ý bà muốn nói là...?” Mọi chuyện bỗng nhiên sáng tỏ. Charlie bước ra một chiếc bàn. Rất chậm, và chậm, nó gắn kết các sự kiện lại với nhau!

Khi Billy và Fidelio tới ngồi cùng bàn với nó, Charlie thì thào. “Chắc chắn là Asa ở ngoài vùng đồng hoang. Ít nhất là Benjamin nghĩ vậy.”

Billy gật đầu, lờ phờ, làm như nó đang mải nghĩ gì đó. “Em cũng nghĩ thế. Chính vì thế mà Ben cần quần áo, để Hạt Đậu có thể đánh hơi tìm.”

“Chiếc áo khoác với nón cũ duy nhất của Asa ở khoa Kịch,” Fidelio nói. “Olivia ở khoa Kịch. Cho nên nó có thể tìm được.”

“Em biết cái áo khoác cũ đó,” Charlie nói, khá là xúc động, “Asa có bao giờ cải trang thành công đâu? Em nợ anh ấy đủ thứ. Em phải giúp anh ấy.” Nó không nói Nếu Olivia chịu lắng nghe em.

Dagbert bung tô cháo của nó đến bàn bọn chúng. “Tôi ngồi đây nha?”

Fidelio cười toét. “Không được phả mùi cá hôm nay thì có thể được”.

Mặt Dagbert vẫn trơ khấc. “Cảm ơn”. Nó ngồi xuống giữa Charlie và Billy.

Charlie liếc trộm nó. Không một dấu vết ánh sáng lân tinh quái gở như đã phát ra từ Dagbert đêm qua. Thực tế, trông nó hoàn toàn bình thường đến nỗi Charlie ngờ ngợ mình đã mơ cảnh tượng trong buồng tắm.

Khi Charlie đứng lên, Dagbert không để ý. Khi Charlie rời căng-tin, Dagbert không đi theo. Nó cũng không lén đến gần Charlie khi kết thúc buổi tập hợp hay vô phòng để áo khoác xanh da trời. Vậy hàm ý là nó đang giữ lời hứa?

“Tụi mình hãy nói chuyện với Olivia lúc nghỉ giải,” Fidelio đề nghị khi cùng Charlie đi tới lớp tiếng Pháp.

“Ừ”. Charlie không ham nói chuyện với Olivia, nhưng nó chả nghĩ ra được ý gì hay hơn.

Dù sao Emma đã nhận xét đúng về Olivia. Đúng như Emma dự đoán, Olivia đã chán trò thù ghét Charlie rồi. Mặt khác trông Charlie bận tâm bận trí đến mức Olivia tò mò muốn biết có chuyện gì mà sao lại vậy. Chính Olivia chủ động đến chỗ Charlie và Fidelio trong giờ nghỉ giải lao đầu tiên, chứ không phải ngược lại.

Charlie thở phào. Những lời xin lỗi đã mòng mòng trong đầu nó. Giờ thì nó đỡ phải phiền toái lựa lời thích hợp.

“Đằng ấy đang âm mưu cái gì vậy, Charlie Bone?” Olivia hỏi tỉnh bơ, vừa xoay người thực hiện một động tác múa trên mặt sân phủ dày sương giá.

Đứng ngay đằng sau Olivia, Emma cười tươi rói.

“Thật ra tớ tớ định nhờ bồ một việc,” Charlie đánh bạo nói.

Olivia lại xoay người đứng trên ngón chân. “Có đáng không?”

“Sự giúp đỡ của đằng ấy?” Charlie lúng túng.

Fidelio liền ra tay giải cứu. “Có việc bọn này rất khó làm xong nếu không có em, Liv. Vì vậy tụi này khẳng định sự giúp đỡ của em rất đáng giá.”

Nụ cười ngoác trên mặt Olivia. “Tớ phải làm gì?”

“Tụi mình cần tìm quần áo Asa đã từng dùng để hóa trang,” Charlie nói. “Tớ chắc chắn nó có ở khoa Kịch. Bồ biết cái áo khoác, cái mũ cũ và bộ ria mép thấy ghê cứ hay rơi ra đó mà.”

“Biết rồi.” Olivia dậm đôi giày đánh cộp vào nhau và nhảy lò cò tới lui. “Anh ta từng hay dán lông mày giả nữa. Rồi cả đôi giày bột bị lủng lỗ bên trong.”

“Ờ,đúng,đúng,”Charlie hấp tấp. “Quan trọng là bồ có biết chúng được cất ở đâu không?”

“Biết chứ.” Olivia rớt cuộc cũng chịu đứng im. “Hầu hết trang phục được cất trong tầng hầm,dưới nhà hát. Để bữa trưa tớ sẽ đi lấy cho đằng ấy. Khi đó có nhiều thời gian hơn.”

“Tuyệt,Liv!”Charlie hét om.

Fidelio hích nó. “Còn điều khoản nữa,Charlie. Nhớ không? Vậy em muốn gì khi giúp tụi này,Liv?”

Olivia tròn mắt ngó lên trời. “Ồ,em không biết nữa. À,có. Một thsnh kẹo mềm sô-cô-la của ông Onymous...và...đằng ấy phải cho tớ biết tại sao đằng ấy muốn có đồ của Asa.”

Charlie lưỡng lự. Đạo này nó rất hay dẫn đo,không dám chắc mình có thể tin cậy ai. Fidelio không e ngại như nó. Anh kể cho Olivia nghe về tiếng tru đằng xa,Benjamin giả thiết đó là Asa,và Hạt Đậu có thể tìm được Asa nếu ngửi được mùi quần áo của anh ta.

“Vậy là nếu tớ tìm được đồ thì tớ có thể đi vô đồng hoang cùng với đằng ấy?”

“Nếu tụi này có thể đi cùng bồ vô phòng Trang Phục,”Charlie nói,bắt đầu thấy hoa mắt vì nhìn Olivia quay tít hoài.

“Được. Chừng nào đằng ấy vô vùng đồng hoang?” Xem ra cũng đã chóng mặt,Olivia lão đảo dưng lại.

“Ngày mai. Sáng sớm. 7 giờ.”

“Tớ sẽ có mặt.” Olivia không cưỡng được quay một cú chót khi tiếng tù và rúc lên vang động sân chơi. “Hê,nhìn kìa,’ con nhỏ nói. “Dagbert Endless kết thân với Gabriel Silk”.

Kì lạ nhưng đúng vậy. Charlie thấy Dagbert và Gabriel vai sát vai đi vô cửa vườn,trò chuyện say sưa.

“Chắc tại mặt trắng”,Charlie lầm bầm.

“Hả?” Fidelio hỏi.

“Không có chi”.

Emma đang mỉm cười,nhưng Olivia lại nói, “Nhìn đôi chim uyên kìa.”

Nụ cười rời khỏi mặt Emma. Tancred Torsson và Tracy Morsell đang thông thả đi qua sân sương giá làm như không hề có tiếng tù và. Cánh tay Tancred quàng qua cổ Tracy,bàn tay anh ôm vai chị,và Tracy nhìn Tancred như thể anh là chàng trai duy nhất trên cõi đời.

“Gấp rút lên,hai người!” Fidelio rống vang,mặc kệ sự tình là họ học trên mình một lớp.

Tancred và Tracy chẳng đoái hoài gì.

“Họ không nghe anh đâu”,Charlie nói. “Đi,đua tới cửa nha.”

“Tớ tới trước tiên”, Olivia thét ầm,lao vèo đi. “Cá một thanh sô-coola mềm nữa”.

Bọn con trai phóng theo con nhỏ,nhưng Charlie nhận thấy bước chạy của Emma rất thiếu nhiệt tình. Olivia thắng trận cá cược,dầu chẳng đưa nào nhận lời thách đố của nó.

Lớp kịch thường học ở trong nhà hát của trường. Chính tại nơi đây cô Marlowe,trưởng khoa Kịch,cho ra đời những xuất phẩm nổi tiếng do chính cô viết kịch bản,sản xuất và đạo diễn. Cô là một phụ nữ nhỏ nhắn,linh lợi,mặt chỉ chít nếp nhăn,dấu tích cấu biết bao cảm xúc không ngừng đi qua đó. Tóc cô thường cột đuôi ngựa,được mô tả là tóc muối tiêu,hoặc nói một cách khác là nâu và xám,và cô hay quàng khăn màu sắc kì lạ,váy nhung dài,và giày bột da lộn tuyền theo tông màu quần áo của cô.

Hên làm sao,Olivia là học trò cưng của cô Marlowe,cho nên khi cô bắt quả tang con nhỏ với đám bạn mò vô khu Phục Trang,cô không nổi trận lôi đình như đúng ra cô phải thế.

Những bức màn nhung nặng chịch kéo ngang qua sân khấu. Và khi Olivia mở cánh cửa sập phía cuối sân khấu ra,nó không biết có cô Marlowe đang ngồi một mình trong gian phòng tối

om,nghiền ngấm vở kịch kế tiếp của mình.

“Ồi! Ai đó?” cô Marlowe tức tốc chạy lên cầu thang bên hông sân khấu và ngó vô bức màn. “Olivia! Em đang làm gì đó? Còn hai cậu này...các cậu đâu thuộc khoa Kịch.”

“Xin lỗi cô Marlowe. Tụi em xin lỗi”. Fidelio tỏ ra dễ thương khi nó muốn. “Tụi em không biết cô ở đó,chứ không thì tụi em đã hỏi rồi ạ. Số là,em vừa mới viết xong một bản nhạc kịch mà tụi em sẽ biểu diễn vào hè này,trong vườn nhà Olivia”-con nhỏ trở mặt lên,dĩ nhiên-“nhưng em muốn hỏi xem có thể mượn một số trang phục được không. Olivia đã định đi hỏi cô,nhưng bạn ấy không tìm thấy cô ở đâu.”

Charlie và Olivia nhìn Fidelio trân trân,thán phục quá xá. Làm sao anh chàng xoay sở nghĩ ngay tức khắc ra được một lí do hay đến thế?

Đương nhiên cô Marlowe rất ấn tượng. “Vở nhạc kịch! Tuyệt diệu!” Cô rên lên. “Cô hi vọng em sẽ mời cô. Dĩ nhiên em mượn trang phục được mà,nhưng nhớ cho cô coi em mượn những bộ nào để cô còn ghi vô sổ” Cô rút đầu ra,nhưng chớp mắt lại ló đầu vào,dặn thêm. “Cẩn thận đấy,các em. Một trong những bóng đèn bị gỡ rồi. Dưới đó tối lắm đấy.”

“Tụi con ổn thôi,cô Marlowe,” Olivia tươi cười. Nó đặt một bàn chân xuống bậc thang gỗ và bắt đầu đi giạt lùi xuống căn phòng phía dưới. Charlie theo sau. Fidelio đi cuối cùng.

Olivia bật một công tắc và một bóng đèn treo ngay trên đầu nó vụt sáng một khoảnh phòng gần cầu thang. Những tủ gỗ thông cao dựng thành hàng dựa vô một bên tường,trong khi hàng lô hàng lóc rương,hòm và giỏ đan bằng cây dương liễu xếp ra tới tận giữa phòng. Phía bên kia,một hàng cột đá cổ xưa tạo nên những hốc thụt tối,không thể thấy được gì.

“Chỗ đó đáng ra phải có một bóng đèn nữa.” Olivia chỉ lên trần nhà ở cuối phòng.

“Hi vọng đồ của Asa không ở đó”. Charlie khẽ rùng mình.

“không,nó ở tầng này”,Olivia nói chắc như đinh đóng cột. “Chả phải kiếm lâu đâu. Cô Marlowe rất đề cao tính hiệu quả. Coi này,mọi thứ cô đều dán nhãn cả. Tất cả quần áo của năm 1900-2000 ở đầu này. Chúng sẽ cũ lùi dần cho tới chỗ để da gấu và đồ đóng khố...”

“Trong bóng tối’,Charlie nói.

“Nhiều đồ quá”,Fidelio reo lên. “Anh nghĩ mình sẽ viết một vở nhạc kịch thật đấy”.

Olivia chọn ra ba cái rương và đề nghị mỗi đứa kiếm trong một cái. Một tám thẻ đề “1900-2000. Áo khoác. Nam” lủng lẳng ở quai của từng cái rương.

Charlie là đứa đầu tiên bật ngược nắp rương lên. Nó lùi bắn ra,thét ré lên khi một con bọ cánh cứng to xù phụt qua thành rương.

“Cứ chờ một bầy dơi phụt ra thì biết”,Olivia cười ngặt nghẽo.

Charlie liếc tới những mảng tối đằng xa,rồi nhìn màn đen kịt đằng sau hàng cột. Liệu do trí tưởng tượng của nó,hay là có gì lóe lên trong ấy? Mắt một con dơi,hay rằng nanh bóng nhoáng của một con thú? Nó ráng tập trung tìm quần áo trong rương.

Chính Fidelio là người tìm ra áo khoác của Asa. “Đây rồi. Anh nhận ra nó ở bất cứ đâu.” Nó lôi ra manh áo dài,rách rưới mà Asa từng hay mặc dịp cuối tuần,khi đi rình rập cho Manfred.

“Giờ đến nón!” Olivia nói,mở một cái tủ dán nhãn “1900-2000. Mũ. Nam”. Một bức tường mũ hiện ra bên trong tủ.

Charlie nhào tới giúp. Nhưng chiếc mũ lưỡi trai của Asa không có trong đám mũ quả dưa,mũ phớt,mũ vải,mũ pamana,và hàng hà mũ quân đội treo trước mặt chúng.

Olivia mở cánh tủ thứ hai. “Á,có cơ may hơn”,con nhỏ tuyên bố,đảo khắp hàng mũ bị nhay cấn lam nham.

Charlie vồ lấy một chiếc mũ vải tuyết cũ mềm lũng nhiều lỗ bên trong. “Của Asa!”. Nó la lên. “Tớ biết cái này”.

Chúng quyết định không kiểm giày làm gì. Vả lại,đồng giày boots đen trông cái nào cũng giống cái nào. Charlie mở nắp một thùng thiếc đề “Râu quai nón,vân vân” lên,nhưng có nhiều bộ râu quá để mà lựa. Sau đó nó đọc nhãn trên một cái tủ đề “Mặt nạ”,liền ngó xem. Bên trong đeo

mặt nạ đủ chủng loại:mặt thú vẽ,sáng lấp lánh,đen thui,trắng bột,sợ người,chú hề,các loại ma,ma cà rồng,quái vật.

“Chao ôi!” Fidelio kích động quá,nó giật ra một chiếc mặt nạ đỏ tươi,lông mày đen và miệng vàng chóa. “Đây là tất cả những gì anh cần. Một vở nhạc kịch mặt nạ. Anh sẽ viết một vở cho coi.”

Hai đứa kia giúp anh chàng chọn thêm mười chiếc mặt nạ nữa-ba con thú,hai con quái vật,một mặt người trắng,buồn thiu,một ông đầy mụn cơm,hai cái vàng óng và một cái đen sì có đôi mắt viền vàng. Cái cuối cùng này gọi Charlie liên tưởng tới bức tượng ngồi tùm hụp trong tiền sảnh. “Tụi mình ra khỏi đây mau”,nó giục giã.

Tiếng tù và rúc lên đúng lúc chúng leo lên tới sân khấu. Charlie cuộn áo khoác và nón thành một núi chạt và kẹo dưới nách. Nó nhìn những bậc thang tối lần cuối,sau đó Olivia đóng cửa sập lại.

“Có phải khóa không?” Charlie hỏi.

“Không. Nó không bao giờ khóa. Sợ có người có thể bị kẹt dưới đó”. Con nhỏ cười hích hích.

Trong căn phòng bên dưới chúng,có kẻ khập khiễng chui ra từ sau những hàng cột. Một cái giỏ dương liễu kẹo cột kẹt khi phải chịu sức nặng của cái khối khoác áo choàng đen,lòm khòm. Co ro trong bóng tối,nó nguyên rủa Charlie Bone ,lập đi lập lại.

Cây cầu bất trắc

Chiều thứ Sáu, Billy Raven bỗng đổi ý. Thằng bé bảo với Charlie là nó sẽ không nghỉ cuối tuần ở nhà Charlie nữa.

“Anh tưởng em muốn giúp tui anh tìm Asa,” Charlie nói.

Billy chậm rãi tháo dây giày bộ của nó. Chúng đang ngồi trong phòng để áo khoác xanh da trời. Charlie cởi đôi giày đá bóng của nó. Cuối cùng Billy nói:

“Ở trong vùng đồng hoang. Tất cả muông thú. Không phải là em không thích thú vật, em thích chứ, nhưng chúng nó kêu ghê quá – bao nhiêu thú dồn vô một nơi như đồng hoang, mỗi loài nói bằng một ngôn ngữ khác nhau, nghe bum, bum, chát, chát trong tai em. Em thích ở lại đây với bà bếp trưởng hơn.

Bọn trẻ sàng tới lui trước mặt chúng, đưa nhảy qua giày, đưa bò lồm cồm dưới băng ghế, đưa tìm quần cộc, áo sơ mi bị thất lạc. Charlie cúi sát xuống Billy. “Em còn để Rembrandt ở nhà anh. Ngoại Maisie sẽ bắn lên cho coi.”

Billy cởi giày ra và ngồi nhìn trao tráo vào chúng. “Có lẽ bà Maisie sẽ mang nó tới đây và để nó lại chỗ bà bếp trưởng.”

Charlie nhún vai. “Để anh hỏi bà xem sao. Ừm, anh đi xếp giỏ đồ xách đây, gấp lại em thứ Hai nha.”

“Chúc may mắn,” Billy đáp.

Charlie đã loay xoay giấu xong mớ đồ của Asa dưới đáy giỏ. Về đến nhà nó lôi chiếc áo khoác với cái nón cũ ra và tổng vô tủ quần áo của mình. Benkamin rung chuông đúng lúc nó xuống lầu dùng bữa trà.

“Hai con định làm gì thế?” Ngoại Maisie hỏi khi hai thằng bước vô bếp. “Trông mặt các con ghi rõ những âm mưu với chuyện thám hiểm kia.”

“VẬY Ạ?” Benjamin lóng ngóng sờ lên cằm.

“Nhìn các con là ta biết ngay, cả Hạt Đậu nữa.” Ngoại Maisie bắt đầu lục lọi tủ lạnh tìm cục xương đầy thịt mà bà đã để dành cho con chó.

Charlie không chắc mình nên tiết lộ bao nhiêu cho ngoại Maisie biết. Nó không muốn làm bà lo lắng. “Bọn con có một kế hoạch nhỏ nhỏ cho ngày mai,” nó nói băng quơ. “Chơi trốn tìm với Hạt Đậu.”

“Thế à!” Ngoại Maisie thả cục xương cho Hạt Đậu.

Họ ngồi xuống dùng bữa trà. Ông cậu Paton thường không xuống giờ này, cho nên Charlie không quá nôn nao. Nó có thể nói chuyện riêng với ông cậu sau. Nó muốn lời khuyên của ông về dự tính chúng sắp thực hiện.

“À quên, ông cậu của con đi rồi,” ngoại Maisie bảo, bày ra bánh lúa mạch mới ra lò.

“Đi?” Charlie buột miệng kêu. “Bà nói đi là đi đâu?”

“Việc gì sốt vó lên thế, Charlie. Ông ấy ra biển như thường lệ ấy mà.”

“Để thăm ông cố?” Charlie hỏi.

“Đúng vậy. Không được hé một lời với bà Bone đấy, nhớ không. Chúng ta không muốn mụ mà tới đó và quậy tung cả lên.”

“Dạ,” Charlie lầm bầm. Charlie liếc Benjamin, rõ ràng thằng này cũng đang nghĩ như nó. Mặc dù không mong đợi Ông cậu Paton sẽ đi cùng vô vùng đồng hoang, nhưng chắc chắn chúng cũng an lòng phần nào nếu ông biết về cuộc phiêu lưu và sẵn sàng ra tay giải cứu nếu có gì bất trắc. Benjamin đã bồn chồn lắm rồi. Nó lưỡng lự không biết có nên nói cho ba mẹ mình biết mình đi đâu không. Charlie cười trấn an nó. “Fidelio sẽ đi với tui mình, lại cả Olivia nữa.”

“Ừa?” Benjamin không biết nên mừng rỡ hay bực bội. Olivia quá lờ lợt so với gu thẩm mỹ của nó.

“Ta thấy coi bộ nghiêm trọng hơn trò trốn tìm rồi đấy,” ngoại Maisie nghi ngờ. “Ta hi vọng các con không làm điều gì dại dột.”

“Không có tí dại dột nào đâu, bà Jones ạ,” Benjamin nghiêm trang.

Một giây sau chuông điện thoại reng. Trước khi ngoại Maisie nhắc máy Charlie đã có cảm giác thắc thỏm là rắc rối thứ hai sắp nổi lên.

“Điện thoại của con này, Charlie,” ngoại Maisie gọi.

Chân Charlie lết bết vô hành lang.

“Tươi lên coi, Fidelio, bạn con gọi mà,” ngoại Maisie trao ống nghe cho Charlie.

“Chào, Charlie, tin xấu đây,” giọng Fidelio phẫn chấn.

Charlie thở dài. “Gì đây? Đừng nói là này mai anh không thể đi à nha.”

“Xin lỗi, Charlie, anh quên khuấy mất. Anh đã hứa với ba anh về buổi hòa nhạc này rồi. Nó thuộc tua lưu diễn mùa hè. Rất, rất quan trọng. Nó có thể tạo bước ngoặt cho sự nghiệp tương lai của anh...”

“Ừ, ừ,” Charlie ủ rũ. “Được rồi, thần đồng, tụi em sẽ phải đi mà không có anh.”

“Thế cuối tuần tới thì sao?” Fidelio đề nghị.

“Quá trễ. Asa không chừng đã bị thương. Chúng ta phải tìm thấy anh ấy vào ngày mai.”

“Hoặc đã chết.”

“KHÔNG!” Charlie phản đối. “Em không tin anh ấy chết rồi. Chúc buổi hòa nhạc thành công nha, Fido!” Nó đặt ống nghe xuống.

Ngoại Maisie nhìn Charlie với vẻ lo lắng ruột khi nó quay lại bàn. “Cái gì mà chết chóc vậy?” Bà hỏi.

Charlie quyết định cho bà biết một phần nhỏ sự thật. “Tụi con đang nói về Sói Hoang. Fidelio nghĩ có thể nó chết rồi. Tụi con đã nghe tiếng súng đêm qua.”

“Đó là tiếng súng săn,” ngoại Maisie nói, “Nhưng theo như ta được biết thì họ không giết được con gì cả. Đừng bận tâm, ta chưa nghe thấy tiếng tru hai đêm nay rồi.”

Charlie và Benjamin nhìn nhau.

Vào sáng thứ Bảy Charlie thức dậy vì một tiếng gõ nhẹ trên ô kính ở cửa phòng nó. Trời vẫn tối om om, thoát đầu nó tưởng là tuyết đập vô cửa sổ. Đến khi nhìn ra thì thấy Benjamin và Hạt Đậu đứng bên dưới cột đèn đường.

Charlie mặc đồ ấm nhất của mình vào. Trước khi rời phòng, nó đẩy cái ấm đen vô sâu hơn trong ggaafm giường. Cái ấm nóng lên khó chạm vô – dù không đủ nóng để làm nó bị phỏng, nhưng chắc chắn là nóng hơn nhiệt độ phòng. Nếu đây là lời cảnh cáo, Charlie nghĩ, thì giờ mình cũng chẳng thể làm gì được với nó. Charlie đảo mắt khắp phòng tìm con bướm trắng, chiếc gậy phép của nó biến thành – kẻ canh gác căn phòng cho nó. Cuối cùng, Charlie cũng thấy nó trên thanh ray treo rèm, đôi cánh chấm bạc dựng thẳng đứng như cánh bướm.

“Chúc tốt may mắn đi,” Charlie nói.

Con bướm xòe cánh và đậu xuống vai nó.

“Bồ được chào đón đi với tụi tớ,” Charlie nói. “Rất vui mừng.”

Đến lúc nó mở cửa ra, Benjamin đã có Olivia nhập bọn. Con nhỏ diện áo khoác thủy thủ bằng len thô, giày boots da nặng chịch và khăn quàng sọc quấn mấy vòng quanh cổ.

“Sẵn sàng cho bất cứ việc gì!” Olivia hát kiu lo khi nó xông vô hành lang.

“SSUYTT!” cả Charlie lẫn Benjamin đều nhắc nó.

Charlie hất ánh mắt lo lắng lên lầu, đỉnh ninh là cả hai bà nội, ngoại sẽ ủa ra khỏi phòng họ, nhưng may thay, chắc họ vẫn còn đang ngủ say.

Olivia giơ lên một chiếc ba lô vật bả đồ chơi, thì thào: “Đồ ăn đủ cho cả tuần ở đây nè. Tớ đã tấn công tủ lạnh nhà tớ trước khi đi. Tớ bảo với mẹ tớ là tớ qua chơi nhà Emma một ngày, điều đó cũng đúng một phần, Dù gì mẹ tớ phải làm việc và tới đêm Chủ Nhật mới về nhà.”

Charlie quyết định tự mang đồ ăn lấy. Olivia thường ăn những thức ăn lạ lùng, mang những cái tên khó phát âm. Nhón chân đi vô bếp, nó quay ra với một gói bánh bích quy và xúc xích nguội. Nó nhét tất cả vô ba lô của nó, dần lên trên áo khoác và mũ của Asa. “Đi thôi,” nó nói.

Khi chúng rời khỏi nhà, một hàng ánh sáng xanh lét bắt đầu hiện ra phía trên đồi xa, nhưng khi chúng gần tới dòng sông, ánh sáng nhòa dần và cả bọn bị quăng tòm vô màn trời xám mờ.

Có hai cây cầu bắc ngang qua sông – một cây cầu sắt cổ xưa, nhỏ hẹp mà hội đồng thành phố đã khuyến cáo là không an toàn để sử dụng, còn cây kia được xây bằng đá vững chãi, rộng, an toàn tuyệt đối. Chrllie đã dùng cây cầu sắt để đi thăm Naren, nhưng hôm nay nó chọn cây cầu đá. Không việc gì phải làm khó sứ mạng giải cứu của cả bọn.

Hạt Đậu dường như cũng biết có nhiệm vụ đang chờ mình. Nó chạy đằng trước, im ru gà rù,

không một tiếng sủa nào vượt ra khỏi miệng. Chỉ có cái đuôi ngúc ngoắc cật lực là biểu lộ sự kích động của nó.

Vừa băng qua khỏi cầu, ba đứa trẻ vô con đường mòn mà chỉ vài ngày trước đội đi săn đã hành quân vô cánh đồng hoang. Olivia lôi cây đèn pin to su ra khỏi ba lô của nó. Luồng ánh sáng mạnh từ cây đèn giúp chúng thấy đường qua những bụi cây viền thấp quanh khu rừng. Một khi xa khỏi mé ngoài để vô sâu trong rừng, những bụi mâm xôi và cỏ thô nhám quang dần đi. Chúng thậm chí còn tìm thấy mottj lối mòn hẹp.

Giờ đã đến lúc tung Hạt Đậu vào hành động. Charlie lôi đồng áo choàng với nón từ trong ba lô ra và chìa về phía chú chó. Hạt Đậu hít ngửi. Chợt nó tru lên một tiếng và lùi phắt lại. Thú vật luôn sợ Asa – một sinh vật là người ban ngày, là thú lúc trời tối khiến chúng luôn lo lắng và hoang mang. Bản năng mách bảo chúng phải tránh xa loại này.

“Tìm đi, Hạt Đậu,” Benjamin dỗ dành. “Đi mà. Tụi tao cần mày giúp đó.” Nó giật đồng đồ từ tay Charlie và đặt xuống đất, vỗ vỗ. “Hạt Đậu, tìm đi.”

Hạt Đậu thận trọng sán lại gần mớ đồ. Nó hít ngửi – cái áo khoác trước rồi đến cái nón. Nó lại tru rống lên, và rồi, bất thần, phóng đi khỏi, chạy dọc theo lối mòn hẹp, thỉnh thoảng lại phóng khỏi lối mòn mà sục sạo trong cỏ, rồi lại chạy tiếp.

“Nó bắt được mùi rồi,” Benjamin la lớn, đuổi theo chú chó của mình.

“Chắc chắn nó đã tìm thấy gì đó,” Olivia tán đồng, chạy theo Benjamin.

Charlie hốt mũ áo lên và chạy theo cả bọn. Nó ngạc nhiên sao Olivia có thể chạy nhanh thế, cả Benjamin cũng nhanh không kém. Ánh sáng từ cây đèn pin của Olivia lia loan xạ, chỗ nào cũng soi tới, ngoại trừ mặt đất, thành thử Charlie thấy mình chệch choạc khỏi lối mòn, đâm sầm vô cây cối và lão đảo vấp dây dây leo.

Có một tiếng thét ở đằng trước, rồi lại một tiếng nữa. Quá trễ, Charlie tông ầm vô Olivia, trong khi con nhỏ va ỉnh vào Benjamin.

“Tớ lạc nó rồi,” Benjamin nói.

Một tràng sủa đằng xa thúc cả bọn lại lao tới trước. Mãi cuối cùng, một tia sáng le lói bắt đầu thấm qua cành cây. Tiếng sủa đổi hướng. Cả bọn dừng lại, nghe ngóng. Lúc chỗ này, lúc chỗ kia, lập tức Hạt Đậu ở khắp mọi nơi. Chúng rời khỏi lối mòn và luồn sâu vô rừng cây, để rồi chỉ bị kéo giật lại vì một tiếng sủa nữa.

“Nó trêu ghẹo tụi mình,” Olivia than phiền. “Nó không thể ngửi gì hết. Nó chỉ đùa chơi thôi.”

“Có thể,” Benjamin nói.

Vài phút trôi qua. Tiếng sủa ngưng. Chúng chờ và cứ chờ. Không có gì. Benoamin gọi con chó của mình, nhưng không có tiếng sủa đáp lại.

“Ăn chút gì đi,” Olivia nói, chuyền cho Charlie một thanh sô-cô-la.

“Tớ không nuốt nổi,” Benjamin nói. “Chắc Hạt Đậu gặp nguy rồi chứ không thì nó đã quay trở về. Nó luôn luôn trở về khi tớ gọi mà.”

Khi ánh sáng mùa đông bắt đầu rạng khắp vùng đồng hoang, một luồng gió buốt thốc lên, tiếng âm u, lắc rắc của cành trụi lá nhấn chìm một tiếng tru ở rất xa.

Da đầu của Charkie rợn lên. “Đó là cái ... vật hay Hạt Đậu?”

“Không chắc,” Benjamin đáp.

“Dù là gì tụi mình nên tìm hiểu nó thì hơn,” Olivia nói. “Gì thì gì, đó là lí do tụi mình ở đây kia mà?” Dẫn đầu, con nhỏ sắp ngửa qua lối mòn, trong khi bọn con trai cầm cổ đuổi theo.

Charlie không chắc lối mòn sẽ kết thúc ở đâu, khi nào, nhưng nó dần nhận ra đã lạc mất đường rồi và giờ chúng đang đi theo Olivia trên lộ trình mà tất cả phụ thuộc vô con nhỏ.

“Mình chả biết Olivia có biết cậu ấy đi đâu không?” Charlie nói với Benjamin.

“Biết chứ,” Olivia đáp lại. “Thính giác của tớ đạt một trăm phần trăm và tớ biết tiếng tru vọng tới từ hướng này.”

Lúc này chúng đã ở nơi rậm rạp dễ sợ của vùng đồng hoang. Cây cối sin sít đến độ mặt trời thấp chỉ lọt được vài tia sáng li ti xuống mặt nền phủ rêu.

Olivia dừng lại và bọn con trai đuổi kịp con nhỏ. “Tớ đang chờ một tiếng tru nữa,” con nhỏ nói. Tức thì một tiếng tru nữa vang lên. Nghe đục ngệt, thô thiển, càng lúc càng gần, cho tới khi Hạt Đậu bất thành linh bắn ra khỏi bụi rậm và lao bổ tới bên chúng. Lông nó dính bết hạt cỏ, tai dầy ngược ra phía sau và mặt đón dác kinh sợ.

“Gì vậy, Hạt Đậu?” Benoamon ôm chặt cứng cổ con chó. “Mày đã tìm thấy gì?”

Hạt Đậu gừ một tiếng giân dữ, rền vang. Nhất định không muốn trở lại nơi nó vừa xỏ ra.

“Chắc nó đã thấy gì đó rồi?” Olivia hỏi.

“Đã tìm thấy gì đó, tớ nghĩ vậy,” Charlie nói.

“Chỉ cho tụi tao đi, Hạt Đậu.” Benjamin cố chui qua mảng bụi rậm trước mặt.

Hạt Đậu cúi gầm đầu, gừ tiếp. Chợt nó nhảy chồm chồm vòng quanh bọn trẻ, làm như cố ngăn không cho bọn chúng thấy cái thứ mà nó vừa tìm thấy.

“Được rồi, Hạt Đậu, tụi tao phải tìm ra nó mà!” Charlie hẩy đầu con chó bụi đi rồi lội ùm vô đám cành thấp, cho tới khi nó và bọn kia đứng trong một mảng trống nhỏ, có nắng mặt trời. Một đụn lá khô vòng lên ở chính giữa; một ụ đất tựa như nấm mồ. Một bó hoa giọt tuyết cắm ở một đầu ụ đất.

Ở đầu kia trắng trống, một khối hình ngồi thụp giữa đám rể cây gồ ghề. Nhanh như chớp, cái hình hài đó quay mặt lại bọn chúng. Không nghĩ ngờ gì về cái chết mũi hoang dã và mảng trán thấp lông lá. Đó là một trong những sinh vật đã cắn Ông cậu Paton.

Bọn trẻ hồn xiêu phách tán. Chúng chắc hẳn sẽ thấy Asa, hoặc chí ít là thấy con thú anh ta biến thành.

“Người ... người là ai?” Charlie tiến sát một bước nữa tới sinh vật lạ.

Nó gừ Charlie, rồi khóc thút thít.

Olivia chụp cánh tay Charlie. “Đừng lại gần nó.”

“Không sao, Liv.” Charlie gạt tay con nhỏ đi. “Coi kìa, nó ... à, bà ấy (bản năng cho nó biết đó là một phụ nữ) ... sẽ không làm hại tụi mình đâu. Bà ấy đang buồn thảm. Có lẽ bà ấy vừa mới chôn ai đó xong.”

“Asa?” Benjamin thì thào.

Charlie bước lại gần người phụ nữ và ngồi xổm xuống trước mặt bà. “Bà có biết Asa Pike không?” Nó hỏi nhẹ nhàng.

Từ từ, bà ta quay đầu về phía nó. Nhìn sát trông bà không đến nỗi đáng sợ. Có vẻ hiền lành trong đôi mắt vàng, và một lúm đồng tiền trên gò má tái xám của bà.

“Tôi là mẹ Asa.” Giọng bà yếu ớt và khản đặc.

“Đó là ...” Charlie ngoái nhìn lại nấm mồ.

“Cha của Asa.” Đôi mắt vàng của người phụ nữ trào dầm lệ.

“Người ta đã giết ông ấy?” Charlie hỏi.

Người phụ nữ e ngại ngược nhìn lên khi Benjamin và Olivia nhích tới gần hơn. Không tiện đứng cao phía trên bà, bọn chúng ngồi quỳ gối xuống đằng sau Charlie.

“Cháu là Charlie Bone?” Người phụ nữ thở hắt ra náo ruột. “Do cháu mà ...” bà nhìn nấm mồ và đôi mắt lại dầm dìa.

“Cháu rất tiếc nếu cháu đã làm gì khiến bác gặp tai họa,” Charlie nói.

Bà lại thở dài. “Ờ, ờ. Nhưng cháu không thể làm khác được, phải không?”

Olivia bò lại gần hơn. “Asa chưa chết à?”

Người phụ nữ lắc đầu. “Tôi không biết. Bọn họ đã bắt nó, đã nhốt nó. Nó bị cầm tù trong một cái hang, không thể thay đổi hình dạng từ thú thành người, vì nơi đó tối tăm, vậy đấy. Chúng tôi mang đồ ăn cho nó và bảo nó đừng tru, nhưng nó không thể kìm nổi.

“Và sau đó đội đi săn tới,” Benjamin nói.

“Và rồi đội đi săn tới,” giọng bà thều thào đến nỗi chúng không nghe được.

Charlie e dè nói tiếp, “Vậy là đội đi săn đã giết chồng bác?”

Người phụ nữ bắt đầu run bần bật. Giọng bà líu ríu như chim, nức nở, bàn tay những ngón dài, xù lông che lấy mặt. “Họ đã giết ông ấy. Giết rồi. Ông ấy cố đánh lạc hướng họ ra khỏi con trai mình. Một phát súng nổ vang, ông ấy ngã xuống. Tôi đã kéo ông ấy vô bụi rậm, lấy cành, lá phủ lên để họ không tìm thấy ông ấy. Nhưng cái gã bắn ông ấy đã tận mắt thấy ông ấy ngã xuống, thấy mặt đất loang máu nơi ông chồng tội nghiệp của tôi gục ngã. Hắn nghĩ ông ấy lết đi chỗ khác rồi chết, cho nên họ đã bỏ đi rồi.”

“Vậy là họ không tìm thấy Asa,” Olivia nói.

“Đúng thế. Nhưng khi tôi tới, định báo với con trai là cha nó đã ... chết,” bà nhắm mắt và gương mặt nhăn nhúm lại, “thì Asa đã đâu mất. Hang của nó trống trơn, cánh cửa chẵn song để mở khóa. Bọn họ đã chuyển nó tới nơi sâu hơn trong lòng đất, tôi biết thế, để tiếng tru của nó không còn bị nghe thấy nữa.”

“Bọn họ là ai, bác Pike?” Olivia hỏi. “Phải bác là bà Pike không ạ?”

Người phụ nữ lộ vẻ ngạc nhiên. “Đúng, đó là tên tôi.”

“Gia đình Bloor bắt Asa phải không ạ? Charlie hỏi.

“Đúng, bọn chúng.” bà hần học.

Bọn trẻ nhìn nhau. Chúng nó đi giải cứu Asa, nhưng hóa ra lại tìm thấy mẹ anh ta, người xem ra cần được giúp đỡ không kém gì Asa.

“Cháu nghĩ tụi cháu nên đưa bác tới nơi ... đến nơi an toàn nào đó, bác Pike ạ,” Charlie nói, “Để đề phòng đội đi săn trở lại. Nhà của bác ở đâu?”

“Xa, rất xa.” Bà Pike bỗng khật khà khật khưỡng. “Không thể trở về, khi mà con trai của tôi ở đây, bị nhốt đâu đó.”

Olivia đứng lên. “Bác Pike ạ, bác không thể ở trong vùng đồng hoang được. Bác sẽ bị gió thổi chết mất. Và như Charlie nói, rất có thể đội đi săn sẽ trở lại.” Giờ đã biết tên người phụ nữ, Olivia nói như thể bà là một người bạn.

Bà Pike trả lời bằng một nụ cười thiếu nảo. “Tôi không thể bước nổi. Tôi bị ngã khi chuyển chông tôi. Mắt cá chân của tôi bị treo rất nặng.”

“Càng lúc càng tệ hơn,” Benjamin lầm bầm.

Hạt Đậu tru lên thống thiết. Nó vẫn ở đầu kia trắng trắng, không hiểu chuyện gì mà nhốn nháo vậy.

Charlie mãi miết suy nghĩ. Chỉ có một nơi duy nhất chúng có thể đưa bà Pike tới: quán Cà Phê Thú Kiểng.

“Cháu biết người sẽ chăm sóc bác,” Charlie nói. “Tên ông ấy là Onymous. Giờ cháu sẽ đỡ bác dậy. Olivia, qua bên kia giúp bác Pike.”

Bà Pike không phản đối khi bọn chúng xốc bà đứng dậy trên cái chân lạnh lặn, nhưng bà rên thảm thiết khi chúng kéo bà ra xa khỏi nấm mồ.

Chúng quyết định không trở về lối cây cầu đá. Giờ này lối đi đó nhộn nhịp người qua lại. Chúng buộc phải dùng cây cầu sắt nguy hiểm. Không ai trong chúng nặng lắm, nếu cẩn thận thì có thể băng qua an toàn. Quán Cà Phê Thú Kiểng không xa cầu, và nếu may mắn chúng sẽ tới nơi trước khi ai đó nhận ra con người kỳ quái cà nhắc giữa chúng.

Chúng tìm lại được lối mòn, và chẳng bao lâu sau, khi rừng cây bắt đầu thưa đi, chúng thấy có hai hàng cột rào gỗ xù xì ở đằng trước. Charlie biết cả bọn đã tới ngôi nhà của ông Bartholomew Bloor. Khu bảo tồn thú hoang.

Dù bà Pike, chúng lết vô mảnh sân từng có lần đầy ắp thú. Giờ đây vắng tanh vắng ngắt.

“Đây là đâu?” Olivia hỏi.

“Bạn tớ, Naren, sống ở đây,” Charlie nói. “Cha bạn ấy không giống như những người nhà Bloor khác. Ông ấy ghét họ. Ông ấy cảm thấy an toàn khi sống tách biệt thành phố, nhưng vẫn gần lâu đài của Vua Đỏ. Ông muốn giữ bí mật nơi này. Chắc ông đã cùng gia đình rời đi ngay sau khi nghe tiếng đội đi săn tiến vô vùng đồng hoang.”

“Tôi biết họ,” bà Pike nói khàn khàn. “Họ rất tốt với chúng tôi. Tới xem đi, cậu bé. Coi chừng họ đã đi thật chưa.” Bà giẫy khỏi Charlie và dựa vô thanh hàng rào trên cùng.

Charlie chạy tới ngôi nhà và nhìn qua cửa sổ. Cái bàn còn đó, cả hai chiếc ghế, nhưng món thứ khác đều biến mất: Tranh ảnh treo trên tường, bóng đèn, ấm đun nước, nồi niêu xoong chảo, bộ tách sứ và đồ lưu niệm mà ông Bartholomew đã sưu tầm trong những chuyến chu du đây đó của mình. Tất cả đều không còn.

“Không còn ai ở đó,” Charlie nói, bước trở lại nhóm người.

Bà Pike lại rên rĩ. “Ồi, không, không. Rồi họ sẽ ra sao? Đây là nơi rất tốt, họ rất tử tế.”

Bất giác Charlie hiểu ra tại sao bà Pike lại quan tâm đến ông Bartholomew và gia đình ông đến thế. “Bà đã sông ở đây phải không?” nó nói.

Bà Pike gật đầu. “Ở trong nhà kho, một thời gian.” Từ sâu trong cuống họng bà bật ra một âm thanh kỳ cục, đầu bà bổ tới trước và bà bắt đầu tuột luột xuống đất.

Olivia chụp lấy bà, vừa kịp lúc. “Bác ấy xỉu rồi. Ai đỡ tay bác ấy mau. Sẽ không dễ đâu.”

Đúng là không dễ. Làm sao có thể nhắc và kéo bà Pike đi tới tận cầu, Charlie không bao giờ biết. Người phụ nữ tội nghiệp hơi tỉnh lại, lết đi được một chút, sau đó xuội lơ trong cánh tay chung đ như một xác chết. Cuối cùng khi chúng tới cây cầu, Charlie đau như toàn thân, và nó thấy bọn bạn cũng như tử hệt như mình. Thế nhưng nỗi khó khăn của chúng xem ra mới chỉ

bắt đầu.

“Không an toàn,” Olivia tuyên bố, nhìn trân trối vô thanh sắt mỏng manh khuất lấp trong sương mù.

“Được mà, Liv. Mình đã đi qua nhiều lần rồi,” Charlie nói. “Benjamin cũng thế ... cả Hạt Đậu luôn.”

“Mấy người điên rồi,” Olivia kêu lên.

“Đó là cách duy nhất,” Benjamin chỉ ra.

“Thế còn bác ấy thì sao?” Olivia nhìn bà Pike tựa oằn trên vai Charlie.

Làm như để trả lời con nhỏ, một màn sương giá cuộn về phía chúng, là đà trên sông. Giờ thì chúng không thể thấy gì đằng trước hơn một mét. Olivia huơ huơ cây đèn pin chặn màn sương đang xò tới. Chẳng xuyên thủng nó được tí naog. “Vô phương,” con nhỏ van vãn.

“Tụi mình phải mò đường mà đi,” Charlie hăng hái nói. Rốt cuộc cần phải có người lạc quan chứ. “Đi đi. Benjamin, bỏ đi trước, một tay vịn lan can, tay kia nắm đuôi áo mình để dẫn đường cho mình. Mình sẽ đi giật lùi và kéo bác Pike, còn Olivia đi cuối cùng để canh chừng bác Pike không ngã lộn qua bên ...”

“Và kéo cả đám tụi mình theo luôn,” Olivia nói thẳng thừng.

Không đứa nào nghĩ ra kế hoạch nào hay hơn, thế là chúng bắt đầu đoạn đường cam go ban đầu qua sông. Chúng chỉ nhích được vài mét thì Benjamin thét thất thanh. “Tay vịn mất rồi ... tớ không thấy ... không thể thấy gì hết. Sương quá dày và ... và ... có gì đó không biết.”

Charlie chớp lấy đoạn thanh vịn cuối cùng trước khi mắt xích bị gãy. Tiếng gầm rú xộc đầy tai nó, và nó kinh hoàng khi thấy nước dội lên chân mình. Không thể thế này được, nó nghĩ. Dòng sông ít nhất phải mười mét bên dưới cầu. Làm sao nó dâng lên tới tận đây được. Nó sợ nghĩ tới trò dìm chết người của Dagbert.

Tiếng í ới chập chờn của Olivia vọng tới Charlie. “Chân tớ ướt sũng rồi nè. Sông này có thủy triều lên xuống không đó? Đằng ấy nghĩ, đây là thời điểm đặc biệt trong năm mà nước dâng cao hay không?”

Charlie thì phân vân liệu đây có phải là thời điểm để nói dối. Nó biết con sông này không có thủy triều, nhưng nó cần phải giữ vững tinh thần của cả bọn. “Có thể,” nó ậm ừ. “Tụi mình phải bỏ thôi. Vây an toàn hơn.”

“Nhưng như vậy sẽ ướt hết. Có khi chết đuối,” Benjamin rú rít. “Tớ không biết miếng tay vịn tiếp theo ở đâu, hoặc nếu có thì... Ồi ... Ồi!”

Một quãng sáng bất ngờ tỏa rực khu vực xung quanh chúng.

“Con bướm của cậu đó,” Benjamin thét. “Coi kìa, Charlie! Trên đầu cậu í.”

Charlie ngược lên. Đúng thật, dập dờn không trung phía trên nó là con bướm trắng, đôi cánh bạc phóng ra những luồng sáng rực rỡ.

“Cảm ơn!” Charlie nín thở. “Mình chẳng biết làm sao nếu không có bồ, Clearwen!”

“Tớ thấy tay vịn rồi,” Benjamin hét. “Ờ. Nắm được rồi. Đi nào, Charlie.”

Đến giờ, tất cả ba đứa đang bò bằng đầu gối. Vây là tốt. Charlie cảm thấy mình bay về phía dòng nước. Một tay nó túm chặt bà Pike, còn tay kia, nó bấu chặt cạnh của cây cầu.

Sợ đông cứng người lại, Benjamin không thể nhích thêm bước nào. “Tụi mình chết đuối mất thôi,” nó thét gào.

“Đúng vậy nếu tụi mình không đi tiếp!” Olivia thét lên.

Đằng sau con nhỏ, Charlie nhận ra hình thù đen đen của Hạt Đậu, đang bò chậm rãi bằng bụng về phía chúng. Cây cầu bắt thần nghiêng dữ dội. Cả đám thét rùm trời khi bị trôi tuột lướt trên cầu, quính quíu bám vô bất kì cái gì chộp được. Có tiếng tru hã hùng, khi Charlie nhìn qua thân hình sóng sượt của bà Pike, nó thấy Olivia, một cánh tay quắp chặt vô thành cầu, tay kia vòng ôm chặt chân bà Pike. Bên kia con nhỏ, cây cầu trống trơn.

“Phải Hạt Đậu tru không?” Benjamin thét. “Nó có sao không?”

“Đi đi, Ben,” Charlie gầm gừ.

“Không thể. Mình rớt mất.”

Cả lũ sẽ rớt, Charlie nghĩ, rồi tất cả bọn sẽ rồi đời. Nó mừng tượng Hạt Đậu đang vùng vẫy chống lại dòng nước hung dữ. Chú chàng sẽ chẳng cầm cự được lâu.

Từ từ, cây cầu chao trở lại, tới khi thẳng về như cũ. Cả bọn chờ một cú giật nữa. Không xảy ra.

Bỗng nhiên, thanh sắt bên dưới chúng trở nên chắc chắn và vững chãi. Khi Charlie đứng lên, nó

cảm tưởng chân mình bám vô cầu như có lực từ. Tuy vậy nó có thể di chuyển khá an toàn.

“Bồ có cảm thấy gì không?” Nó gọi Benjamin.

“Có. Có. Giờ mình thấy an toàn rồi,” Benjamin đáp. “Đã có thể thấy bờ bên kia, chỗ con bướm của bồ đang bay.”

“Oa!” Olivia đứng hơi dặng hai chân ra. “Kỳ diệu chưa. Nhìn này, chân bác Pike không còn lết dưới cầu nữa.”

“Tui mình đi đi!” Charlie ngần ngại, rầu rĩ liếc nhìn khoảng trống trên cầu đằng sau Olivia. Nó thấy chạnh lòng vì thương tiếc. Bây giờ cả bọn có cơ hội lớn để sống sót, nhưng Benjamin sẽ phản ứng thế nào khi nó phát hiện Hạt Đậu đã rơi xuống sông?

Vùng đồng hoang vẫn chìm lỉm trong sương giá dày đặc, nhưng màn sương đang lùi khỏi mặt nước, và Charlie có thể thấy đầu kia cây cầu, nó nhoè mắt lại, rắng dỗi ra xa. Liệu có tin được những gì nó đang nhìn thấy kia không?

“Đằng ấy nhìn gì thế, Charlie?” Olivia hỏi.

“Có ai ở đầu cầu đằng kia,” Charlie khẽ nói.

“Đâu?” Olivia quay lại. “Ồ, oa!”

“Chẳng phải tớ nhìn lắm chứ?”

“Không, Charlie,” Olivia sợ sệt. “Tớ cũng thấy ông ấy.”

Hình ảnh đó rất mờ. Hầu như nhòa trong màn trời xám xịt, ngoài tấm áo đỏ chói, không nghi ngờ gì, hoặc chiếc mũ giáp viền bạc với chòm mũ đỏ rực.

“Một hiệp sĩ,” Charlie lầm bầm.

Benjamin ngoái nhìn lại. Nó quá trẻ để nhìn thấy hiệp sĩ, bởi vì ngài đã biến vô màn sương. Tất cả Benjamin thấy là cây cầu trống lỗng.

“Hạt Đậu đâu? NÓ RƠI RỒI!” Benjamin gào lên. Nó lao trên cây cầu, nhảy phóc tới mặt đất khô ráo và chạy dọc theo bờ sông, cạnh dòng nước xoáy trào.

Tộc Người Merromal

Tiếng nhốn nháo đã khuấy động bà Pike. Giật mình ngồi bật dậy, bà ngơ ngác. “Chuyện gì thế hả?”

“Con chó của Benjamin rơi xuống sông, bác Pike à,” Olivia bảo. “Giờ Benjamin đang chạy đi tìm nó.”

“Dưới đó ư?” bà Pike thừ ra nhìn những bọt sóng trắng xóa sủi ùng ục trên dòng nước. “Nó chết đuối mất, thằng bé tội nghiệp.”

“Bạn ấy có óc xét đoán mà,” Olivia trấn an bà. “Ít nhất chúng ta đã an toàn rồi. Dạ, chỉ còn một quãng nữa thôi, là chúng ta tới nơi.”

Charlie nghĩ Benjamin an toàn. Tuy nhiên mẹ của Asa cần được giúp đỡ hơn bất kì ai khác.

Bà Pike cố nhảy cà nhắc nốt quãng đường còn lại qua cầu, nhưng phải vịn vô cánh tay Charlie để leo những bậc thang lên đường cái.

“Charlie Bone, có ánh sáng ở trên đầu cậu,” bà Pike nói khi họ lên tới đỉnh dốc.

“À phải, cây đuă phép của cháu đó. Đúng ra nó từng là đuă phép của cháu. Nó đã tỏa sáng để giúp chúng ta băng qua cầu.”

“Đuă phép...” bà Pike nói xa xăm. “Thật hữu ích.”

Lối dẫn vô thành phố hẹp tí, có hai hàng cây cao lằn hai bên. Một khi lên tới đường Đồi Cao thì chỉ còn một quãng ngắn là tới quán Cà Phê Thú Kiểng.

Thành phố sáng hôm đó lờ mờ. Sương mù đặc quánh và lạnh, không ai chú ý hai đứa trẻ và một người khập khễnh, mặt giấu kín trong mũ trùm đầu. Bà Pike không đi nhanh được như ý Charlie, nhưng cuối cùng họ cũng rẽ vô con hẻm rải sỏi tên là hẻm Ếch.

Đứng ở mé đầu hẻm Ếch, quán Cà Phê Thú Kiểng trông cổ kính. Không ai biết nó tọa lạc ở đó bao lâu rồi, bởi vì nó được xây hẳn vô bức tường dày đã chín trăm năm tuổi. Phía trên cửa sổ treo một tấm biển vẽ lổn ngổn lông, móng vuốt, đuôi và cánh. Ai không mang theo thú cưng đều không được phép vô quán. May sao, Charlie quen thân với ông bà chủ.

Giờ là 10 giờ. Quán thường mở cửa lúc mười rưỡi. Charlie nhấn chuông. Dĩ nhiên, không có lời đáp. Chủ quán, ông bà Onymous không thích khách đến sớm. Họ sẽ mở cửa theo đúng nguyên tắc.

Charlie nện thình thình vô cửa sổ, kêu inh ỏi. “Cứu với, ông Onymous, nhanh lên, làm ơn!”

Bà Pike khẽ rên một tiếng rồi chìm ngấm xuống đất.

“Ông Onymous, nhanh nhanh lên,” Charlie gào. “Có một tai nạn.”

Cánh cửa mở ra đột ngột và một ông hộ pháp, áo len vàng, đứng ngó chòng chọc xuống bọn chúng và rống om. “Bọn bay biết là quán không mở tới chừng nào mười rưỡi cơ mà.”

Đấy là Norton Cross, người gác cửa, hoặc vệ sĩ, như cách Charlie hay gọi. Bốn phận của Norton là ngăn không cho kẻ không có thú vô trong quán.

“Đây là trường hợp khẩn cấp, chú Cross,” Olivia kêu lên.

Norton khoanh tay lại trước ngực. “Thú cưng đâu?”

Charlie không đáp.

“Ta nghĩ chú mày gọi con bướm đó là thú cưng,” Norton nói.

“Ừm...” Charlie ú ớ.

“Có một con trên đầu chú mày,” Norton nói.

“À đúng. Thú cưng của cháu đó,” Charlie đồng ý.

“Còn cô?” Norton hỏi Olivia.

“Chú làm mất thời gian rồi,” Olivia bực bội. “Cháu không có...”

Vừa lúc đó có một tiếng rên từ dưới đất vọng lên. Bà Pike đứng dậy trên bốn chân và bò tới trước. Bà ngược nhìn Norton. Anh ta lùi bắn lại, cứng hàm luôn.

“Thì vô đi,” mãi rồi anh ta mới lảm nhảm.

Olivia và Charlie giúp bà Pike đứng dậy và khó nhọc lôi bà vô quán. Thở hồng hộc, bà buông xuôi để được lái đi qua quán, quanh qua quây và vô nhà bếp.

“Có khách,” Norton vừa thông báo vừa kéo giạt tấm rèm đằng sau quầy.

Gian bếp ấm cúng nhà Onimous bao giờ cũng tiếp thêm tinh thần cho Charlie. Đây chính là nơi ba con mèo tá túc khi chúng không ra ngoài thực hiện những phi vụ quan trọng. Không có vết tích gì cho thấy chúng được gọi là những con mèo lửa. Hôm nay cả ba đang ngủ trên nóc tủ, ba cái đuôi dài sáng rực thông xuống bên hông thành hình những dấu chấm hỏi ngược. Một con màu vàng, một con màu cam và một con màu đồng đỏ.

Ngay cả ông Onimous cũng có nét hao hao giống thú. Người nhỏ thó, tròn trĩnh, rậm lông, răng sắc, và móng tay dài nhọn hoắc, ông gọi trong tâm trí người ta về một loài gặm nhấm cuộn mình thu lu. Còn về vợ ông, bà Onimous đối nghịch hoàn toàn với chồng. Bà cao xấp xỉ hai mét, tóc lưa thưa, có cái mũi dài chưa từng thấy ở con người nào.

Khi người không-hẳn-là-người tập tễnh đi vô nhà bếp của họ, gia đình Onimous không hề động dậy một sợi lông. Với họ, bà chỉ là một sinh vật tội nghiệp nữa, rõ ràng là đang cần trợ giúp.

“Ngồi xuống đây, xin mời,” bà Onimous kéo một chiếc ghế ra cho vị khách của mình.

Bà Pike ngồi chìm trong ghế, thở phào ra và gục đầu xuống bàn.

“Chúng ta có rầy rà gì đây?” ông Onimous hỏi.

Olivia đáp, “Bác đây được gọi là bác Pike. Bác ấy bị trật mắt cá. Nhưng tụi cháu cần sử dụng điện thoại của ông, ông Onimous. Rất khẩn cấp. Hạt Đậu đã chết đuối và Benjamin đang đi tìm nó.”

“Dòng sông dâng lên,” Charlie thêm. “Cao tới tận cầu. Coi chừng Benjamin cũng chết đuối luôn. Và cháu nghĩ có lẽ mình nên trở lại tìm bạn ấy.”

“Chao ơi! Hãy cứ chờ đây, Charlie Bone.” Bà Onimous chạy tới điện thoại của quán cà phê. Charlie và Olivia có thể nghe thấy tiếng bà cao giọng lác quác trong khi chúng đứng chờ, bồn chồn ở hai bên bà Pike.

Chưa đầy một phút sau, bà Onimous trở lại, vẻ lo lắng. “Cảnh sát nói không có báo cáo nào về dòng sông dâng cao cả. Thật ra cảnh sát Singh còn để ý thấy nước cạn chưa từng thấy khi ông ta qua cầu sáng nay. Và nếu có một thằng bé tìm chó thì đấy là việc của nó. Cha mẹ nó phải báo cáo nó mất tích thì cảnh sát mới ra tay làm gì đó.”

“Sông dâng cao mà,” Olivia tức giận. “Nước tràn qua chân cháu. Giày cháu vẫn còn ướt đây nè. Cháu đã thấy nó... trù phi...”

“Dagbert-kẻ-dìm-chết-người,” Charlie nói khế.

Olivia trở mắt nhìn nó, kêu to: Dagbert!

“Bọn nhỏ, cởi giày ra và đọc bên lò đi,” ông Onimous bảo, “Xong rồi ngồi xuống nói cho ta biết về người phụ nữ tội nghiệp này.” Ông gật đầu với bà Pike.

Charlie và Olivia tháo giày và vớ ướt ra, đem đặt bên bếp lò. Nhưng khi ngồi xuống Charlie không sao giải thích rành mạch với ông bà Onimous về những gì đã xảy ra. Nó thắc thỏm lo sốt vó cho Benjamin. Vì vậy nên Olivia là người kể lể dài dòng về Asa bị giam hãm, đội đi săn và phát súng bắn chết ông Pike.

“Quân sát nhân!” bà Onimous phẫn nộ. “Chỉ vì người ta...” bà liếc mái tóc đỏ, thô cứng của

bà Pike, “là người lạ, thật vô căn cứ. Dù là ai hay là cái gì, giết người vẫn là giết người.”

“Cháu đồng ý,” Olivia tán thành. “Nhưng cháu không nghĩ bác Pike muốn ra tay hành động, kiện cáo hay bà gọi là gì cũng được. Cháu thì cháu nghĩ bác ấy không muốn bị nhìn thấy.”

Ông Onimous nhẹ nhàng vỗ vai bà Pike. “Giờ bà đang ở bên những người bạn. Chúng tôi sẽ làm những gì có thể cho bà. Có một phòng ấm áp ở bên trên quán. Bà cứ đến đây chừng nào bà muốn. Chúng tôi sẽ tìm kiếm con trai bà, nếu cậu ấy vẫn...”

Bà Onimous lườm chòng và lắc đầu lia lịa.

“Tôi cho là bọn chúng đã giấu cậu ấy ở nơi tối tăm nào đó và...” ông Onimous nhăn mặt, đưa tay lên bịt mồm, cơ hồ vừa bật ra một ý nghĩ. “Ồi trời ơi, tôi tự hỏi...”

“Ông biết anh ấy ở đâu à?” Charlie hỏi.

“Nói cho tụi cháu đi,” Olivia hét to.

“Không thể được, các cháu. Phải cân nhắc đã.” Ông Onimous ngồi xuống và xoa xoa cái cằm râu ria của mình.

Những lời của ông có tác động đến bà Pike. Bà ngóc đầu lên, nhìn quanh mọi người, đôi mắt vàng khắp khởi hy vọng. “Nó, Asa của tôi, có thể được cứu?”

“Có thể, bà à,” ông Onimous nói chắc chắn. “Nào, bây giờ bà nói gì đó về bà cho chúng tôi biết đi – làm sao bà tới thành phố này? Thứ lỗi cho tôi, nhưng dường như bà là người lạ ở đây.”

“Đúng thế,” bà Pike chấp hai tay lại với nhau, “Làm ơn cho tôi chút nước.”

“Ồi, đầu óc tôi nghĩ đi đâu thế này?” bà Onimous vội phóng tới ấm nước. “Bà uống trà thảo dược nhé, một loại thức uống hồi tỉnh. Và bánh nhân hạt, có lẽ là nho khô nghiền và gia vị tăng lực.”

“Tôi cũng định đề nghị thế đấy,” ông Onimous nói, lấy một cái ly từ tủ bếp. “Nhưng trước tiên, hãy uống chút nước đã.”

“Và một ít đậu đông để chườm mắt cá?” Olivia đề nghị.

“Đậu đông. Ta thấy cháu cũng biết dăm ba điều rồi đó, Olivia.” Ông Onimous đặt ly nước trước mặt bà Pike, sau đó moi trong tủ đông ra một túi đậu.

Trong khi bà Pike được chăm sóc, Charlie đứng dậy. Benjamin vẫn lẩn cấn trong tâm trí nó. Ai đó phải đi tìm Benjamin. Nhưng khi Charlie vừa ra cửa, bà Pike bắt đầu nói, giọng khêu khào, kéo nó quay lại. Rồi hầu như vô thức, nó thấy mình đã ngồi xuống trở lại, và lắng nghe một câu chuyện lạ thường.

Lời lẽ tuôn ào ạt khỏi miệng bà Pike như thể bà đã kìm nén suốt bao năm rồi, chỉ chực chờ đến lúc có thể kể về gia đình mình, và về cái nơi kì lạ mà từ đó bà đến đây. “Chúng tôi sống ở nơi mà người ta gọi là chốn bị nguyên rủa, những khu rừng, hít thở với những bí mật trong không khí. Tất cả bắt nguồn từ Cafall-Hóa-Thú. Ngài là một trong những người con của Vua Đỏ - người con độc ác ấy. Nhưng Cafall đã cải tà quy chính, các vị biết rồi đấy, một cách hoàn toàn đột ngột. Chính vào một trong những lúc bất thần hoàn lương, ngài đã trốn chạy khỏi lâu đài. Quý sứ đang sống ở đó và ngài không thể chịu đựng thêm được nữa. Thành thử, ngài dong buồm ra khơi và tình cờ tìm thấy vùng đất Merromal. Merromal là một dân tộc những người giống như tôi.” Vầng trán nặng bì bì của bà Pike hơi nhích lên, và bà nhăn mặt nhếch ra nụ cười. “Không phải tất cả người Merromal trông đều giống như tôi và ông Pike. Một sự cuốn hút lẫn nhau đã kéo chúng tôi lại với nhau.”

“Rồi Cafall cưới một cô vợ người Morromal, và họ sinh ra một người con trai. Đấy chính là khi sự thay đổi bắt đầu. Đứa trẻ là một cậu bé vào ban ngày, nhưng đến tối lại là một con thú. Việc cứ thế kéo dài, thế hệ này qua thế hệ khác.”

Bà Pike húp soàn soạt mấy ngụm trà thảo dược. Rõ ràng bà có nhiều điều nữa để nói, và những khán giả háo hức vẫn im lặng, chờ bà nói tiếp. Charlie lịch sự cúi nhìn xuống khi hàm răng khổng lồ của bà ngoạm vô chiếc bánh nướng nhân hạt, nhưng Olivia không kìm nổi cái nhăn mũi.

“Thật mát lòng mát dạ khi được lắng nghe chăm chú,” bà Pike phúi vụn bánh khỏi cằm và tiếp. “Tôi sẽ kể cho các vị nghe về gia đình tôi.”

“Xin vui lòng,” ông Onimous gật đầu sốt sắng.

“Chúng tôi đưa con trai mình đến vương quốc này cách đây mười lăm năm. Người Merromal không giỏi đi đó đây, nhưng chúng tôi, ông Pike và tôi, khao khát muốn thấy nhiều hơn nữa về thế giới mà tất cả chúng ta đang sống. Tôi nghĩ các vị hẳn là đang thắc mắc, với học vấn của mình thì làm sao chúng tôi đến đây được...” Bà nhìn quanh bàn, nhưng không ai thừa nhận ý nghĩ như vậy vừa suột qua đầu mình. Bà Pike mỉm cười. “Ừm, để tôi kể tiếp. Đây là nhờ vào sách vở.”

“Cafall mang theo một quyển sách vĩ đại của cha ngài, khi ngài rời khỏi lâu đài, nói về những truyền thuyết thần kỳ. Kể từ đó chúng tôi liên tục sưu tầm thêm nhiều truyền thuyết, nhiều trang viết nữa. Chúng tôi có nhà in... ờ, đúng vậy. Chúng tôi có thư viện, rất nhiều thư viện. Hễ một người Merromal đi chu du đâu đó, họ luôn mang về nhà thêm nhiều sách, nhiều đề tài, nhiều trang viết, nhiều ý tưởng nữa. Chúng tôi là những người rất có giáo dục, mặc dù đôi khi con cái chúng tôi thấy khó khăn với việc học ở trường. Như trường hợp xảy đến với Asa nhà tôi.”

Charlie nhớ lại Asa cứ thi rớt lên rớt xuống. Nó chờ bà Pike tiếp, nhưng lúc này bà đang dốc lòng vào việc ăn uống. Bà lén tất cả chỗ bánh còn lại vô miệng và nhai ngốn ngấu.

“Thêm bánh nữa nhé, bà Pike?” bà Onimous lật đặt cắt thêm mấy lát bánh nữa và đẩy đĩa bánh qua bàn. “Nào, Charlie, Olivia. Ăn đi. Có nhiều lắm đó.”

Charlie mừng vì bà Onimous là người đầu tiên lên tiếng, vì vậy phá tan bầu không khí khó xử. Nó nhón lấy một lát bánh, đợi bà Pike nuốt hết rồi hỏi. “Tại sao bác lại gởi Asa vô học viện Bloor, bác Pike?”

Bà nhìn nó kinh ngạc. “Chứ nó còn đi đâu nữa? Đó là nơi Vua Đỏ từng sống, nơi những đứa trẻ được ban phép thuật đến học. Mặc dù chính xác ta không thể gọi tai ương của Asa là tài phép được. Nhưng chúng tôi cảm thấy nó thích nghi, được một thời gian. Manfred Bloor đặt nó dưới đôi cánh bảo bọc của anh ta, cuộc sống đã khá tốt cho Asa... và rồi...” giọng bà trượt đi.

“Rồi anh ấy đổi phe,” Olivia chen vào. “Anh ấy đã giúp Charlie tìm được cha.”

“Gia đình Bloor sẽ không bao giờ tha thứ cho Asa phải không ạ?” Charlie rầu rĩ hỏi.

Bà Pike vỗ bàn tay Charlie. “Nó đã làm điều đúng đắn. Không phải lỗi của cháu, Charlie Bone à. Chúng tôi tự hào Asa của chúng tôi đã giúp cháu, đã chống lại nhà Bloor. Nhưng chúng tôi không ngờ sự trả thù lại tàn khốc đến vậy. Nếu Manfred không bị thương như thế...” Bà ngược lên nhìn ba con mèo.

“Tôi biết,” ông Onimous nhìn theo ánh mắt của bà. “Thật khó tin chúng có thể làm thế với một con người.”

“Chúng đã từng là báo,” Charlie thủ thỉ. “Chứ ông nghĩ gì?”

Tất cả mọi người nhìn lên ba cái đuôi rục rịch, và Sư Tử, con mèo cam, tỉnh giấc – làm như nó cảm thấy có người đang nhìn mình vậy. Nó duỗi chân mình, ngáp, rồi nhìn cảnh tượng bên dưới bằng con mắt vàng lạnh đậm, cao ngạo.

“Cháu chả thấy tiếc thương gì cho Manfred,” Charlie nói. “Hắn đã thôi miên ba cháu sâu đến nỗi ông ấy không bao giờ tỉnh giấc nếu không có những con mèo kia.”

“Chúng tôi biết,” bà Onimous nói.

Có một điều Charlie muốn hỏi bà Pike. Xem ra đây là thời điểm thích hợp. “Bác đã đến ngôi nhà vắng của cháu cách đây một tuần, phải không bác Pike? Cháu nghĩ cháu đã thấy bác ở ngoài đường, khi ông cậu cháu... à, khi bóng đèn đường nổ tung.”

Bà Pike quay qua nhìn Charlie. Dường như bà sợ hãi. Miệng bà giật giật và tay bà bắt đầu run rẩy. “Đó là nhà cháu à?” bà thì thào.

“Nơi đó đã từng là nhà cháu,” Charlie sửa lại. “Lúc này cháu không sống ở đó, nhưng chừng nào ba mẹ cháu đi nghỉ về, và thợ xây sửa chữa xong... ờ, thôi. Cháu xin lỗi. Charlie không thể

nói tiếp vì bà Pike có vẻ rất phiền não. Bà vùi hai tay lên che mặt và toàn thân run dữ dội.

Bà Onimous quàng tay ôm vai người phụ nữ đau khổ. “Rồi, rồi. Charlie không có ý muốn hại ai đâu, tôi chắc chắn đấy.”

“Cháu thật sự xin lỗi,” Charlie nói lạc cả giọng. “Cháu không cố ý làm ai buồn hết.”

Ông Onimous lấy một nắm khăn giấy từ cái hộp trên trần bát đĩa ra và đưa cho bà Pike. Bà giặt lấy xấp khăn, chấm mắt, chùi má và hỉ mũi ục ục. Khi tất cả các việc đó đã được làm xong, bà thôi run, thẳng vai lại và nói, giọng cương quyết. “Tôi không thể chối được. Cháu đáng được biết sự thật, Charlie Bone.”

Charlie sững sờ trước thái độ thẳng thắn bất thần của bà Pike. “Cảm ơn,” nó lầm bầm.

Lại một sự im lặng chờ đợi khi bà Pike chậm mắt và hắng cổ họng lần nữa. Rủi thay, bầu thinh lặng lần này bị Olivia phá vỡ. Không thể chịu căng thẳng lâu thêm nữa, con nhỏ khấn nài. “Sự thật thế nào, bác Pike?”

Bà Pike nháng ánh nhìn quở trách vào con nhỏ. “Tôi sắp nói đây,” bà nạt.

Olivia mỉm cười ngượng ngùng và tụt lút vô ghế của nó.

Cao giọng lên mấy nấc, bà Pike tuyên bố. “Chúng tôi bị hăm dọa.”

Tất cả mọi người sững sờ, trước khi có lời cảm thán nào được thốt lên, bà Pike tiếp. “Có một gã tên là Weedon đã bắt Asa đáng thương. Hắn bắt thằng bé đi và nhốt nó vô trong bóng tối. Khi con trai chúng tôi không về nhà, chúng tôi đã tới học viện, lúc đó rất trễ rồi, nên không ai nhìn thấy chúng tôi. Gia đình Bloor bảo chúng tôi sẽ nhận lại con nếu chúng tôi tìm được thứ họ muốn: một cái hộp, khảm xà cừ. Họ đoán nó ở trong nhà cũ của cháu, Charlie. Chúng tôi đã lùng sục từng li từng tí trong đó, quyết tâm không thấy hộp thì không trở về. Không hộp, không con, họ đã nói vậy.” Bà Pike nuốt đánh ực và lại hỉ mũi.

Charlie chờ bà trở lại câu chuyện, nhưng khi không thấy, nó hỏi. “Bác có thấy cái hộp đó không?”

“Không một tăm hơi,” bà Pike thở dài. “Nó không có ở trong ngôi nhà đó, tôi thề vậy. Lão già, Ezekiel, bảo lão biết Lyell Bone, cha của cháu, đã giấu nó, Charlie. Nhưng khi Lyell bị ế mả, chú ấy quên sạch về nó. Chắc hẳn họ sẽ không bao giờ buộc chú ấy nói ra nó ở đâu. Nhưng giờ chú ấy tỉnh, họ sợ chú ấy đột nhiên nhớ ra nơi mình đã cất nó.”

“Chắc chắn nó phải có giá trị lắm,” Olivia kích động.

“Cái gì đó cực kỳ quan trọng,” bà Onimous đồng tình.

Chồng của bà thêm, trầm tư. “Vấn đề sống còn. Ồi trời, lời tôi.”

“Cái gì đó, Orvil?” bà vợ hỏi. “Trông ông nghiêm trang thế.”

Ông Onimous cười nhe răng, nhưng không có sức thuyết phục. “Tôi chỉ nghĩ vớ vẩn thôi, chẳng có gì hết.”

Charlie nhận thấy hình như mình cũng có ý nghĩ giống như ông Onimous. “Không vớ vẩn đâu ạ,” nó nói. “Ông nghĩ là họ muốn ngăn ba cháu trở lại, phải không? Để phòng ba cháu tìm thấy cái hộp trước họ.”

“Nó có vụt qua đầu ta,” ông Onimous thừa nhận.

Charlie đứng lên, giận dữ và bướng bỉnh. “Nếu họ nghĩ có thể bắt lại được ba của cháu thì họ làm rồi. Ba cháu đang ở cách đây hàng ngàn dặm.”

“Dĩ nhiên, Charlie,” bà Onimous từ tốn nói. “Chú ấy an toàn.”

“Cháu sẽ nói chuyện với ba cháu về cái hộp ngay khi ba cháu về,” Charlie tiếp, “Và chúng cháu sẽ cùng tìm nó.”

“Có thể có gì trong đó nhỉ?” Olivia nóng nảy. “Tớ không thể chờ nổi đến lúc coi nó. Ngay bây giờ cậu không tìm nó được sao, Charlie. Tớ sẽ giúp đằng ấy?”

“Rất có thể Lyell đã trao cái hộp đó cho ai rồi,” ông Onimous tư lự.

Căn phòng lặng đi khi tất cả mọi người nghĩ về điều này. Olivia vừa mở miệng. “Nhưng, ai...”

thì họ nghe thấy tiếng Norton Cross mở cửa quán và thét om, “Ngã tôi bây giờ!”

“Trời ơi, đến giờ mở cửa quán rồi!” Bà Onymous chạy vòng qua bàn, chui vào qua mấy tấm rèm chuỗi hạt. Bà rút lên kinh ngạc và tái xuất hiện một giây ngay sau cùng với Benjamin Brown. Kề sát bên thằng bé có một con chó ướn nhép bước đi.

“Ben!” Cả Olivia lẫn Charlie thét vang

“Tớ tưởng nó bị chết đuối rồi chứ,” Olivia lao tới và ôm chầm lấy con chó vấy bùn.

Benjamin cười toe toét với tất cả mọi người. “Có ai đó đã cứu nó. Coi nè.” Nó lôi trong túi quần ra một sợi lông chim dài, đỏ rực. “Tớ thấy nó mắc vô vòng cổ của Hạt Đậu. Chắc chắn nó là một thông điệp, nhỉ?”

“Hiệp sĩ,” Charlie lẩm bẩm.

“Hiệp sĩ nào?” ông Onymous hỏi.

Trong khi bà Onymous lau khô cho Hạt Đậu bằng khăn tắm, Olivia mô tả hiệp sĩ chúng đã thấy đứng trong màn sương bên kia cầu. “Ban đầu chúng cháu không thể tin vô mắt mình, nhưng Charlie cũng thấy. Ngài mặc áo choàng đỏ và đội mũ giáp bạc có cắm lông chim trên đỉnh.”

“Hiệp Sĩ Đỏ.” Ông Onymous gãi cằm.

“Ông có định nói cho chúng tôi biết ngài ấy là ai không?” bà Onymous hỏi.

“Không ai biết chắc,” đôi mắt sáng của ông Onymous chớp chớp mấy lần rồi mới nói. “Người ta tin rằng hiệp sĩ đó và Vua Đỏ là một.”

Lysander và Lauren

“Vua Đỏ!” Charlie dâng trào một niềm hi vọng khôn tả. “Dĩ nhiên rồi. Còn ai ngăn cây cầu khỏi chìm chết đuối mình? Còn ai cứu Hạt Đậu vô đây?”

Olivia nghi hoặc. “Nhà vua là một cái cây mà, Charlie. Tụi mình đã thấy ngài rồi. Bây giờ ngài vĩnh viễn là một cái cây.”

“Chúng ta không chắc chắn điều đó”. Charlie nhìn ông Onymous. “Phải không ạ, ông Onymous?”

Người đàn ông nhỏ bé xòe tay ra. “Chúng ta làm sao biết được, Charlie? Trong thành phố này bất kỳ điều gì cũng có thể xảy ra. Giờ ta phải chăm lo quán đây. Bà Pike, bà cứ ở đây nhé, chúng tôi sẽ thu xếp cho bà sau”. Ông phóng vù ra khỏi bếp, mang theo một khay đựng bánh quy dành cho chó và mấy tô hạt cho chim.

Bà Pike lắng nghe mọi người bàn luận với nếp nhăn mỗi khoảnh khắc mỗi hần sâu thêm. Nhắc tới Vua Đỏ không làm bà khuây khỏa hơn. “Tôi nằm ngoài sự cứu vớt”, bà rầu rĩ. “Gia đình Bloor nhất định muốn tôi phải chết. Tôi đã không tìm được cái hộp, trong khi chỉ biết về nó thôi cũng đã đóng dấu số phận tôi rồi. Tôi đã không hề hớ hê cho một mống nào cả. Rồi họ sẽ đoán ra tôi đã nói với các vị. Họ muốn chìm tôi chết đấy, Charlie, không phải là cậu hay bạn bè cậu đâu”.

“Đó chỉ tại dòng sông nó vậy thôi, bác Pike”, Olivia nói rất khoát. “Không ai chủ ý chìm bác chết đâu. Ý cháu muốn nói là, ai mà phát hiện ra tụi cháu vào lúc sớm bạch như vậy, lại trong sương mù nữa?”

Bà Pike không thể nguôi ngoai. “nếu Asa còn sống, họ sẽ lại rắp tâm hại nó. Dù gì nó cũng là người hóa thú”. Bà hỉ mũi một phát nghẹt thối khiến Hạt Đậu lùi phắt vô góc phòng và gừ hộc lên. “Trời ơi, con chó sợ tôi, mà trong đời mình tôi có làm hại một con thú nào bao giờ”.

“Không phải nó sợ đâu ạ, tại nó bối rối đấy”, Benjamin nói, cố ra vẻ lễ phép.

Nhưng tiếng sủa của Hạt Đậu từ trong quán vọt ra liền kéo theo hàng tràng tiếng mèo ngoao, một tiếng ngựa hí và một tiếng hét lặp đi lặp lại, “Bớ chó! Bớ chó!”

Không nghi ngờ gì về cái kiểu gọi quen thuộc ấy. Đó chính là tiếng của Homer, con vẹt của Lysander. Charlie, Benjamin và Olivia liền chào tạm biệt bà Pike, Charlie hứa với bà cho dù chuyện gì xảy ra thì Asa cũng sẽ được cứu sống.

“Bác sẽ an toàn ở đây, bác Pike”. Olivia ôm siết lấy người phụ nữ đau khổ. “Gia đình Onymous rất tuyệt vời”.

Ba đứa trẻ nối đuôi nhau ra khỏi nhà bếp, hiện ra ngay phía sau quầy của quán. Đứng đối diện bên quầy là Lysander và một cô gái tuyệt đẹp có một con vẹt đậu trên vai. Còn con vẹt của Lysander vắt vẻo trên đầu anh ấy.

“Chào, đám nhóc”, Lysander nói. “Đây là Lauren...ờ, còn đây là Cassandra”.

“Chị là Lauren, nó là Cassandra”, cô gái nói, đập đập vô chân con vẹt. “Các em ngồi chung với bọn chị chứ?”

Có vẻ là một ý thú vị đấy. Ba đứa bèn bước vòng qua quầy và ra xếp hàng.

“Bồ nợ tớ một thanh kẹo mềm sô-cô-la đó”, Olivia nhắc Charlie.

“Bồ xứng đáng được hai”, Charlie nói, kiểm tra túi coi có đủ tiền không.

Quán Cà Phê Thú Kiểng tấp nập người và thú. Chắc có lẽ trong những ngày u ám, lạnh xình, thú cưng cũng cần đàn đúm và giao tiếp xã hội hết như chủ chúng vậy. Trước khi đến được cái bàn trống duy nhất, năm đứa phải nhảy qua vô số mèo, thỏ, phải ép mình lách qua một con chó khổng lồ, một con ngựa lùn bé tí tẹo và chui qua một con cú bay thấp.

“Phù ừ!” Lysander thả phịch người xuống ghế đồng thời đưa tay lên vỗ trán. “Đông quá xá! Nơi này trở nên quá nổi tiếng rồi đó. Món Homer thích đã hết sạch”. Anh chuyền một khúc bánh nướng cho con vẹt. “Ăn đỡ cái này đi, Homer”.

Homer nhần miếng bánh vào mỏ, rồi lại thả xuống chân mà mổ một cách uể oải.

“Nơi này tuyệt quá”, Lauren xuýt xoa, nhìn quanh quán. “Ước gì anh đưa em đến đây thường xuyên, Sander”.

Charlie cố đánh giá cô gái này. Chị ấy quá đẹp. Với mái tóc đen lượn sóng và đôi má lúm đồng tiền thế này chắc chắn Charlie đã nhận ra chị nếu chị học ở Học viện Bloor. “Chị không học trường tụi em phải không?” nó hỏi.

Lysander cười phá lên. “Việc gì phải dè dặt thế, cô ấy học một trường rất bình thường, phải không, Lauren?”

“Em biết, chị học trường em”, Benjamin bẽn lễn. “Nhưng em nghĩ là chị không để ý đến em”.

“Để coi”, Lauren nhìn kĩ Benjamin. “Á. Em là Benjamin Brown. Ba mẹ em là những thám tử tư nổi tiếng đây mà?”

“Ờm, không nổi tiếng lắm đâu”. Benjamin đỏ mặt và cúi xuống thấy cho Hạt Đậu một thanh bít-tết thứ hai.

Lysander muốn biết Charlie và đám bạn đã làm gì trong bếp nhà ông bà Onimous.

“Một câu chuyện dài lắm”, Charlie ngần ngại. Nó biết Lysander rất đáng tin cậy, nhưng không dám, chắc về Lauren.

Nhưng chẳng ai cản được Olivia. Hầu như không dừng lại để thở, con nhỏ thuật lại tỉ mỉ từng khoảnh khắc của buổi sáng suýt trở thành thảm họa của tụi nó, từ lúc chúng tiến vô vùng đồng hoang tới khi Benjamin tái xuất hiện cùng với Hạt Đậu và cộng lông chim màu đỏ.

Trong khi Lysander vẫn trầm ngâm im lặng thì Lauren trầm trồ khen Olivia có tài kể chuyện mới lôi cuốn làm sao.

“Chị không nghĩ chuyện đó có thật”, Lauren bảo Olivia, “mà nó không thể tin được, ý chị là, những người ở học viện Bloor rất là...là, thú vị, nhưng mà, hây”, chị hạ thấp giọng, “có một người không-hẳn-là-người ở ngay đây, trong nhà bếp này!”

“Thật ra, bác ấy là người”, Charlie nghiêm trang. “Chị Lauren, chị tuyệt đối không được nói cho bất cứ ai biết việc này. Đó là điều rất bí mật, rất riêng tư”.

“Cậu ấy nói đúng đấy”, Lysander nói, tựa như mộng du. “Lauren, em phải hứa là không bao giờ nhắc lại những gì em vừa nghe hôm nay, thậm chí với cả bạn thân nhất của em”.

Lauren nhìn anh ra điều hờn trách. “Lysander Sage, anh là bạn thân nhất của em. Và em hứa sẽ không bao giờ nói với một ai”.

Lauren có vẻ ngoài nồng nhiệt, không thể có gì nghi ngờ chị. Charlie thở phào nhẹ nhõm. “Anh có ý kiến gì không, Sander?” nó hỏi.

Lysander đưa một mẫu bánh khác lên cho Homer. “Em nói có thể ông Onimous biết Asa bị đưa đi đâu. Chúng ta phải chờ ông ấy nói ra cho tụi mình. Sau đó chúng ta sẽ kéo Tancred vào cuộc”.

“Tancred?” Olivia quắc mắt. “Anh ta có thể làm được gì?”

“Tancred sẽ rất quan trọng, cũng như con bướm của em vậy, Charlie”. Lysander liếc con bướm trắng đậu trên tai trái Charlie. “Nó đã cứu các em hôm nay, anh chắc chắn nó sẽ cứu chúng ta lần nữa”.

“Cả Hiệp Sĩ Đỏ”, Benjamin lặng lẽ nói. “Ngài cũng đã cứu bọn em”.

“Đúng, Hiệp Sĩ Đỏ”, Lysander tán thành.

Chúng quyết định là sẽ lại gặp nhau vào chiều hôm sau. Lysander bảo sẽ cố thuyết phục Tancred tới quán, nhưng anh không hi vọng lắm. Tracy Morsell không thích thú vật, trong khi Tancred chẳng muốn rời cô nàng phút nào.

Olivia nhận xét rằng nó thấy việc đó thật ngớ ngẩn. Lysander nhún vai và cười toét với bạn gái của mình.

Khi Lysander và Lauren rời quán, hai con vệt của họ bổ đầu lên xuống nhịp nhàng vào nhau, như thể chúng cũng đang hẹn hò.

“Tớ tưởng Lysander lạnh lùng sắt đá cơ chứ”, Olivia rầu rầu nói.

Benjamin và Charlie bắt đầu trở về đường Filbert, trong khi Olivia hướng về phía tiệm sách cô Ingledew. Đang đi gần tới ngõ Nhà Thờ Lớn thì con nhỏ thấy một dáng người quen quen chạy thục mạng vô đường Piminy. Người khác chắc chỉ ghi nhận diện mạo đó rồi bỏ qua, nhưng Olivia thì không.

“Ế!” con nhỏ hét gọi. “Đằng ấy đi đâu đó, Dagbert Endless?”

Vài khách bộ hành ngoái nhìn Dagbert, thằng này dừng sững lại giữa đường, rồi từ từ quay lại nhìn thẳng mặt Olivia.

“Chào!” Olivia hét. “Đằng ấy sống ở đó à?”

Dagbert nhìn chòng chọc con nhỏ. Trong đôi mắt xanh biển của nó vằn lên ánh lạnh lẽo đến nỗi Olivia bỗng nổi da gà.

“Thì thôi vậy”, con nhỏ tự nói, tự cáu kỉnh vì nghe giọng mình run run. “Ai quan tâm đằng ấy sống ở đâu?” đoạn đi tiếp tới quảng trường và vô tiệm sách cô Ingledew.

Đường thầy pháp

Cô Ingledew đang tiếp hai vị khách cùng mê thích một quyển sách hiếm. Cô mỉm cười với Olivia và chỉ tấm rèm ngăn cách phòng khách của cô.

Olivia thấy Emma bên bàn của dì nó, đang viết danh sách những tựa sách vào một quyển sổ bìa đen. Con nhỏ mừng sáng rõ lên khi thấy Olivia. “Tớ đang lo cho bồ đi vô vùng đồng hoang trong khi trời còn tối mịt đất này, Liv.”

“Bồ mà có mặt ở đó chắc chắn bồ còn lo hơn nhiều,” Olivia ríu rít.

Cô Ingledew thò đầu qua tấm rèm và thông báo với chúng là cô vừa hoàn thành một vụ bán hàng hời nhất suốt bao năm nay. Hai vị khách thách nhau tới khi đẩy giá của cuốn sách hiếm đó lên cao ngất, và một vị phải bỏ cuộc. “Chúng ta ăn hãy mừng nào. Cô sẽ đóng cửa tiệm một lát.”

Khi cửa tiệm sách vừa đóng lại, dì của Emma rót ra ba ly rượu bồ lâu năm, và chuyễn quanh. Cô Ingledew là một trong số rất ít người mà Emma và bạn bè của nó tin cậy, và ngay khi Olivia nốc hết ly rượu của mình, nó nắc cụt ba cái, xong xuôi liền sà vào câu chuyện vùng đồng hoang của nó.

Olivia có khuynh hướng thêm thắt màu mè cho câu chuyện mỗi lần con nhỏ kể lại, nhưng công bằng mà nói, câu chuyện ít nhiều vẫn chính xác.

Khi Olivia kể xong, cô Ingledew dần ly rượu của mình xuống mà thốt lên. “Tai họa thật, Olivia. Bọn trẻ các con tự chuốc nguy hiểm vào thân. Cô thật sự mong các con không vô vùng đồng hoang nữa. Bất luận có chuyện gì xảy ra.”

“Chắc chắn tụi con sẽ không băng qua cây cầu sắt nữa đâu,” Olivia lảng tránh. “Vớ lại, con vừa gặp thằng Dagbert kẻ-dìm-chết-người í. Con biết, nghe thì quái đản, nhưng Charlie nghĩ chính thằng đó dính líu đến việc nước sông dâng lên quá nhanh.”

“Không quái đản đâu, Olivia. Tất cả chúng ta đều biết những gì có thể xảy ra ở nơi này.” Cô Ingledew rót thêm một ly rượu bồ nữa, chiết thêm một xíu rượu gin pha vào. “Cô không thích đường Piminy. Đã có quá nhiều biến cố xảy ra ở đó trông quá khủ.”

“Kể tụi con nghe đi, dì,” Emma nài.

Cô Ingledew nhìn đồng hồ đeo tay. “Dì phải mở cửa tiệm lại đây. Dì không muốn bỏ lỡ mỗi bán hàng nào hết.”

“Những chuyện gì đã xảy ra trên đường Piminy vậy? Làm ơn kể cho tụi con đi,” Olivia năn nỉ.

Cô Ingledew nhìn ly Rượu của mình. Cô cầm chai rượu bồ lên nhưng rồi lại đặt xuống. “Đó là con đường cổ nhất trong thành phố này,” cô nói mà hơi rùng mình. “Trận hỏa hoạn thế kỷ 18 không bao giờ chạm tới nó. Có người nói đấy là vì có rất nhiều thầy pháp sông ở đó. Chẳng hạn như Feromel thợ rèn, Melmott thợ đá. Và có cả một thợ giày chuyên đóng những đôi giày thần kỳ, và nhiều người khác nữa với những tài phép mà dì không nhớ được. Thường ngày họ vốn hay chành chọe nhau, nhưng vụ hỏa hoạn đã kéo họ xích lại gần nhau, chỉ một ngày thôi, nhưng những cố gắng hợp tác của họ cũng đủ đẩy lùi ngọn lửa. Bây giờ tất cả họ chết rồi, dĩ nhiên.”

“Có một cửa hàng bán ấm đun nước,” Emma dăm chiêu nói. “Charlie được cho một cái ấm quái chiêu ở đó.”

“Vậy à?” cô Ingledew tỏ vẻ quan tâm, nhưng có người gõ cửa tiệm và cô tần ngần rời khỏi bọn con gái để đi ra tiếp khách hàng.

Olivia thường ở lại tiệm sách đêm thứ Bảy. Mẹ nó, một minh tinh lẫy lừng, không thể lúc nào cũng ở nhà trong khi đang đóng phim. Xem ra Olivia chẳng buồn việc đó tí nào. Nó khoái ngủ chung với Emma trong căn buồng nhỏ tẹo, mái xô nghiêng với những xà nhà thấp bằng gỗ sồi.

Đêm đó, hai đứa con gái lẫn ra ngủ sớm, nhưng những biến cố khuấy động ban ngày cứ đột nhập những giấc mơ của Olivia, tới khi nó giật mình choàng tỉnh giấc, va bùm vô cái thành giường trống cầu nó.

“Gì thế?” Emma hoảng hồn, ngồi dậy.

“Chỉ là tớ thôi,” Olivia rên rỉ. “Tớ không sao ngủ yên được, Em. Tớ cứ nghĩ lan man đến những việc đã xảy ra hồi sáng. Trong đầu tớ biết rõ, đường Piminy sát đây vẫn đang có những trò phù thủy ếm bùa diễn ra.”

“Tớ hiểu ý bồ rồi.” Emma kéo tấm trải giường lên tận cằm. “Đặc biệt là nếu Dagbert-dìm-chết-người ở đó.”

“Tụi mình thử nhìn một cái xem sao, chỉ để thỏa trí tò mò thôi?”

Không muốn tỏ ra là kẻ hèn nhát, Emma miễn cưỡng lao thảo. “Ừ.”

Có một ô cửa sổ nhỏ trốn giữa những thanh xà đằng sau giường Emma. Với người cao dưới mét tám, nó chỉ lộ ra một khoảng trời, nhưng khi Emma đứng lên đệm gối, nó có thể thấy mảng sau của những ngôi nhà trên đường Piminy.

Olivia leo lên giường của Emma và cả hai cùng kiễng chân trên gối.

Một ngõ hẹp chạy giữa sân sau của những ngôi nhà đường Piminy và ngõ Nhà Thờ Lớn. Một ngọn đèn đường đơn côi tỏa ánh sáng lù mù xuống những bức tường gạch, thùng rác, bịch rác và những bãi cỏ luôm nhuôm. Bọn con gái đang đảo mắt khắp khung cảnh rờn rợn xem có gì đáng lưu tâm thì có một vương sân khiến chúng chú ý. Không gian nhỏ rải sỏi đỏ chen đầy những khối hình màu xám, hắt bóng quái rợn lên các bức tường.

“Có nhiều người,” Olivia nói thầm, “làm bằng đá.”

“Tất cả đều gãy bể,” Emma nhận xét.

“Hoặc chưa làm xong. Một người đàn ông không có đầu, và một phụ nữ không có cánh tay...”

“Cả thú nữa,” Emma hăng hái thêm. “Một cái đầu sư tử, một con ngựa trông như thật, ngoại trừ...”

“Nó không có đuôi. Tớ thích con chó khổng lồ chỉ có hai chân kia.”

“Nó đang ngồi, nhìn kia, bồ có thể thấy một bàn chân sau của nó.”

“Ừ đúng rồi.” Olivia chụp cánh tay bạn. “Em, bồ có nghĩ chúng do cái ông thợ đá già đó làm ra không, tên ông ta là Melmott hay gì đó.”

“Ờm, nếu đúng vậy chẳng nữa, ông ta cũng không thể ở đây để làm cho chúng sống dậy.” Tiếng cười của Emma hơi đối lòng, bởi vì con nhỏ không chắc điều này là thật.

Bất thành linh, một quầng sáng rực màu cam lóe lên, thấp sáng bức tường cách sân nhà ông thợ đá vài căn.

“Đó là gì vậy?” Olivia leo lên thành giường nhìn cho rõ hơn. “Tớ nghĩ ai đó vừa mới nhóm lửa. Ước gì tớ có thể thấy rõ hơn. Coi kia, lại một chớp sáng nữa.” Olivia nháy xuống gối. “Tụi mình đi xem đi?”

Emma lắc đầu. “Khuya lắc khuya lơ rồi. Tụi mình không thể đi rình mò đêm hôm được. Với lại có thể là lửa đốt củi nhà ai ấy mà. Đốt củi trong lò sưởi đâu phải là phạm pháp.

“Vào giờ này trong đêm? Nhỡ có hảo hoạn thì sao? Những căn nhà cũ này sẽ bị cháy rụi như gỗ diêm. Tụi mình phải đi tìm hiểu coi có chuyện gì đang diễn ra.”

“Để tớ tìm hiểu được rồi,” Emma nói.

Olivia chỉ thấy lờ mờ nét mặt bạn. Trông Emma cực kì nôn nao.

“Ý bồ là ... bay?” Olivia thì thầm.

“Phải. Bồ phải để cửa sổ mở toang ra.” Emma thế chỗ của Olivia trên thành giường. Đầu và vai nó lúc này nhô lên khỏi bệ cửa sổ. Nó hít một hơi thật sâu và tưởng tượng mình đang vút lên những vì sao. Tưởng tượng đôi cánh đen vỗ trên nền trời xanh thẫm như nhung... giờ nó đã cảm nhận chúng, mạnh mẽ và dễ điều khiển, đang nhắc bóng mình lên cao, cao, cao!

Đứng từ cả cánh tay vô cửa sổ mở rộng, Olivianghe thấy tiếng lách rách khe khàng của lông mới hình thành. Nó cảm thấy một luồng khí quét qua mặt, sau đó thấy hai dải cánh đen quạt vào bầu trời khuya. “Chúc may mắn, Em,” nó nói.

Emma bay phía trên con hẻm cho đến khi nó tới mảnh sân sáng nhờ những chớp lửa lóe sáng lên từng chớp. Nó đậu trên một bức tường, nhìn xoáy vô cửa sổ nhỏ, rực những tia lửa và chớp sáng. Nếu muốn tìm nguồn phát ra thứ ánh sáng tựa pháo hoa đó thì Emma phải bay lại gần hơn.

Hít một hơi thật sâu, lúc này phải huy động lòng can đảm hơn bất kì thứ gì khác, Emma đâm bổ qua sân và đậu xuống cái gờ hẹp bên ngoài khung cửa sổ sáng choang. Ô kính cửa động chỉ chút những giọt nước. Phía bên kia những giọt nước lấp lánh, một cảnh tượng kì lạ trải ra trước mắt Emma.

Ở chính giữa phòng, một người cao lớn, đầu trùm nón bảo hộ bằng kim loại có kính che mắt. Người này mặc bộ áo liền quần màu xanh dương bẩn thỉu, đeo găng dài bằng da, nhưng nhìn đáng điệu có vẻ là một phụ nữ.

Một lò rèn cháy bùng, bốc ra khói mù mịt cùng với những lưỡi lửa khi người phụ nữ sọc mạnh cây kẹp khổng lồ vô giữa lò. Bà rút ra một vật đẹp, dài, mỗi xăng-ti-mét của nó đều rung rực một tia lửa đỏ lóa. Cầm chặt cái kẹp, người phụ nữ đặt món đồ lên một khối sắt các cạnh lồi vào: một cái đe, Emma đoán vậy.

Đi tới một hàng kệ, người phụ nữ lấy một cái búa thật lớn và bắt đầu quai vào thanh kim loại lóe sáng. Chát, chát, chát! Tiếng búa dội âm vô tường, trong khi những cái bóng hiện ra rồi biến mất theo ngọn lửa lóe lên rồi tắt lịm.

Kim loại đập vô kim loại không phải âm thanh duy nhất Emma nghe thấy. Lồng dưới tiếng chát chát, một giọng ề ề bắt đầu cất lên, không nhạc điệu, nhưng sau đó lại cùng nhịp với nhịp búa, nghe âm âm, trầm đặc, không thành lời, cơ hồ như đang ếm bùa.

Đến giờ thì Emma có thể thấy rõ vật gì nằm trên cái đe. Định hình bên dưới quai búa là một thanh gươm sáng chói. Lưỡi gươm mỏng như dao cạo, mũi gươm sắc đến nỗi hình như nó xuyên thủng bóng tối.

“Một thanh gươm,” Emma nín thở. Ai, vào ngày này và thời đại này, lại muốn một thanh gươm? Ai lại cần gươm? Người thợ rèn này rõ ràng không phải là Feromel, vậy bà ấy là ai?

Emma lướt khỏi bầu cửa sổ và bay đến đậu trên một bức tường. Mừng quá, không có nguy hiểm đe dọa những ngôi nhà xung quanh. Lửa chỉ ở gọn trong lò rèn thôi. Mọi người đều có thể an tâm ngủ ngon trên giường của mình. Thế nhưng có rất nhiều điều phải suy ngẫm.

Emma thấy Olivia đang kiên nhẫn đợi bên cửa sổ, nó liền bay về kể cho bạn nghe về thanh gươm và người thợ rèn.

“Một thanh gươm?” trong cơn phấn khích, Olivia trượt khỏi thành giường. “Úi da!” Nó lại reo lên. “Giờ bồ sẽ vô nhà đó chứ, Em?”

“Tớ muốn xem mặt trước của những căn nhà kia thế nào,” Emma nói. “Tớ không có nhiều cơ hội là chim đầu. Tớ phải tận dụng nó.”

Olivia không chắc đó có phải là ý kiến hay. Nếu bọn thầy bùa vẫn còn sống ở đường Piminy thì rất có thể có kẻ sẽ nhận ra một con bé trong lốt chim. Nhưng đêm nay Emma đang nổi máu phiêu lưu. Trước khi Olivia kịp can ngăn, Emma đã vút lên, bay qua mái ngói uốn cong nhà người thợ rèn và tuôn vô đường Piminy.

Mặt trước xưởng rèn mới kinh ngạc làm sao. Trưng bày trong cửa sổ là đủ loại, đủ kiểu ấm đun nước trông giản dị, quē ketch- cái lớn nhất làm bằng đồng, sáng đến nỗi nó hắt ánh sáng màu nhạt xuống con đường rải sỏi. Không một dấu tích bào hiệu về một người thợ rèn đang kéo bễ bên lò rực cháy ở đằng sau tòa nhà.

Emma đậu trên một cột đèn đường và khảo sát dãy nhà cổ kính. Đường Piminy ôm giữ một bầu năng lượng kỳ bí. Không khí lạn rạn những âm thanh câm nín, khơi dậy lên những cảm xúc

mãnh liệt. Emma chỉ muốn bay trở lại chốn an toàn nơi tiệm sách, nhưng nó thấy mình dần sâu hơn vô con đường. Luồn qua những hàng cây, liếc nhìn những cửa sổ và thấy lũ chuột nhắt chạy nhốn nháo tìm chỗ núp. Khúc này một con mèo vồ mồi, quăng kia một con chó sủa ông ổng. Chẳng phải Olivia nói đã thấy Dagbert Endless chạy tới đây sao? Chắc là tiệm bán cá có tấm biển nhăm nhở treo trên tường kia chẳng? Đậu trên tấm biển thôi ấy, Emma ngó vô cửa sổ phía trên. Có một khe hở nhỏ giữa các tấm rèm giúp nó nhìn được căn phòng. Emma nín thở, thật kỳ quái, mọi bức tường đều cuộn cuộn ánh lên những sắc màu thủy cung, và trên giường có ai đó, mặt phát sáng, đang nằm.

Cố kìm tiếng kêu kinh hãi, Emma lao tới đậu trên một cái cây gần đó, vừa rĩa lông vừa lắng nghe tim mình đập bung bung. “Dagbert. Dagbert kẻ-dìm-chết-người,” nó líu nhíu một mình.

Một con cú đậu trên cành cây bên đường đối diện rúc lên, ra điều muốn phàn nàn. Mi phải ngủ mới đúng, màn đêm là độc quyền của loài cú.

Emma im thít. Từ từ định thần lại. Nó đã thấy quá đủ cho một đêm. Nếu các nhà khác cũng chứa chấp bọn ma thuật hiểm độc thì nó cũng chẳng muốn biết về họ. Nó xò ra khỏi cây ... và rơi đuồn đuột trong nỗi kinh hoàng. Chắc hẳn nó đã rơi bẹp xuống đất rồi nếu như không cố bấu được một cành cây vào phút chót.

Đúng khoảnh khắc ấy, bên dưới Emma có một thằng bé đang đứng. Nó nhận ra thằng này, Eric Shellhorn. Thằng bé không đứng một mình. Khi Emma ngó xuống qua những cành cây, một bóng người xông ra khỏi bóng cây. Hắn đeo mặt nạ, lòì ra đôi mắt viền bạc lấp lánh.

“Làm đi!” chiếc mặt nạ ra lệnh.

“Đây!” Eric lặp lại ỉu xiu.

Thằng bé con bước về phía một trong những cửa hàng. Emma không thể thấy gì phía bên kia cửa sổ tối thui của cửa hàng đó. Eric dừng lại. Nó đang nhìn từng từng vô cánh cửa. Tập trung cao độ đến mức có những làn sóng li ti gợn rập rờn trong không trung.

Thình lình, cánh cửa bật mở và một người đàn ông bằng đá bước ra. Dáng đi của người đá nặng nề và lập chập, chân nhấc thật cao và đầu gối gấp lại, kêu rệu rạo. Mỗi bàn chân đá nện xuống, một tiếng thịch đơn điệu rung chuyển mặt đất, hết như tiếng đại bác từ đằng xa vọng về.

Thanh Gươm Bất Khả Chiến Bại

“Bồ có chắc đó là Eric không?”

“Chắc.” Emma thì thầm trả lời câu hỏi của Olivia, giọng khàn đặc. Nó đang nằm trên giường, mắt nhắm lại, cố ngủ, nhưng thừa biết mình sẽ không tài nào ngủ được. Hình ảnh người đàn ông bằng đá, thằng bé phát sáng và thanh gươm sắc cứ chạy loạn xạ trong đầu nó. Nhắm mắt lại để xua chúng đi càng vô ích.

“Cái thần sầu quỷ cái gì đang diễn ra trên đường Piminy vậy ta?” Olivia nói, mà theo quan điểm của Emma thì hơi quá lớn.

“Bồ nghe dì mình nói rồi đấy. Thậm chí cả trận đại hỏa hoạn cũng không phá hủy được những ngôi nhà cổ ở đó kia mà, vì nơi đó có rất nhiều thầy pháp sinh sống.” Emma ngáp. Nó mệt bã người.

“Ừ, nhưng tại sao tất cả những điều ấy lại bắt đầu rục rịch vào lúc này?”

Emma ước ao Olivia cho mình một chút yên tĩnh. Nó không muốn nghĩ về những gì nó vừa thấy. “Có lẽ nó luôn luôn diễn ra như thế nhưng không ai để ý.”

Một tiếng “Hừm!” rõ to vọng từ đầu kia phòng. “Mình không nghĩ thế, Em. Có chuyện gì đã xảy ra. Chuyện đó chắc chắn liên quan tới Charlie.”

“Tại sao là Charlie?”

“Bởi vì ba nó vừa trở về sau mười năm. Điều đó rất có khả năng đánh động đến ai đó, đúng không?”

“Sao vậy?” Emma lè nhè buồn ngủ.

“Tớ không biết rõ,” Olivia thú nhận. “Chỉ linh cảm thôi.”

Cả hai đứa cùng im lặng suy tư một lúc, sau đó, một cách thần kỳ, nó ngủ thiếp đi.

Sáng Chủ Nhật, khi Emma và Olivia xuống ăn sáng, chúng thấy cô Ingledew trong bộ áo choàng ngủ bằng nhung đang vui vẻ đón ông Paton Yewbeam. Chắc hẳn ông đã tới khi trời còn tối. Họ đang uống cà phê đen, và rõ ràng đang nói dở một câu chuyện khá nghiêm trọng.

Hình như cô Ingledew đỏ mặt. Cô đứng bật dậy và đi dọn bữa điểm tâm. Ông cậu Paton cất giọng xa xăm “Chào các cô gái” trong khi nhìn cô Ingledew lướt băng qua phòng.

Olivia hích Emma. “Bồ có định kể chuyện đêm qua không?”

“Đêm qua làm sao?” cô Ingledew đặt kịch một lúc bốn tô cốc bắp lên bàn. “Đêm qua có gì xảy ra vậy?”

Emma ngồi xuống và kể lại chuyện người đàn ông bằng đá, thằng bé phát sáng và thanh gươm sắc.

Hai người lớn trầm ngâm thật lâu để suy gẫm cái tin này. Họ uống sạch cà phê, xong rồi Ông cậu Paton bảo, “Con kể lại lần nữa được không, Emma?”

Emma kể lần nữa.

“Tất cả những chuyện đó có nghĩa là gì vậy, ông Yewbeam?” Olivia hỏi. Nó nghĩ ông Paton Yewbeam biết hầu như tất cả mọi thứ trên đời.

“Có nghĩa là gì ư?” Ông cậu Paton xoa cằm. “Ta không biết, Olivia.”

Olivia không nản chí. “Con cá là ông biết, con bảo đảm ông có biết hơi hướng gì đó về những việc đang diễn ra.”

Ông cậu Paton mỉm cười. “Được rồi. Ta thừa nhận là mình có một ý nhỏ thôi. Thế này. Cha của Charlie...”

“Con biết ngay là dính líu đến Charlie mà,” Olivia hét toáng lên. “Con biết...”

“Làm ơn! Để ông Yewbeam nói,” Emma nhắc.

Olivia ngồi phịch xuống.

“Cám ơn nhé.” Ông cậu Paton nháy mắt với Emma. “Ta đã định nói, cha của Charlie tỉnh khỏi bùa mê, khỏi lời nguyền hay gì gì đó, sau mười năm. Điều đó sẽ khiến cho rất nhiều người nổi tam bành, đặc biệt những người đã kìm giữ chú ấy trong bùa mê thuốc lú. Rất có lý do cho tội ác bọn họ đã gây ra. Chúng ta vốn luôn chắc chắn đó là do sự trả thù của lão Ezekiel Bloor cho tai nạn khiến lão phải ngồi xe lăn suốt đời. Nhưng do Charlie đã kể cho ta nghe chuyện gia đình Pike sục sạo ngôi nhà cũ của nó để tìm một cái hộp, thì ta tin chắc rằng Lyell Bone bị trừng phạt bởi chú ấy đã biết gì đó, một điều mà trước sau chú ấy nhất định không từ bỏ: cái vật chứa bên trong chiếc hộp.”

“Nhưng tại sao điều đó lại khiến cho nhiều sự việc quái gở xảy ra ở trường Piminy?” Olivia hỏi.

“Có nhiều việc nổi lên, Olivia à, là bởi vì Lyell đã tỉnh lại, như ta đã nói đó. Đường Piminy một thời tập trung toàn thầy pháp. Con có hỏi ta kẻ nào đã đánh thức họ dậy hay là không?”

“D-ạ c-ó.” Olivia đổ cốm bắp vào tô của nó thành một dòng chảy chậm rãi, đầy ưu tư.

“Bọn chúng buộc thằng bé tên là Eric phục dịch cho chúng,” cô Inglegew nói, vừa đẩy bánh mì vô lò nướng. “Bà cô của Charlie, bà Venetia, cưới ông Shellhorn để chạm tay vô thằng cu bé tẹo này.”

“Nhất định cô sẽ điều tra,” Emma tuyên bố. “Con muốn biết tại sao người thợ rèn lại rèn thanh gươm.”

“Cho ngài hiệp sĩ,” Ông cậu Paton bảo nó. “Hiệp Sĩ Đỏ trên cầu.”

“Ông có nghĩ đó là Vua Đỏ không, ông Yewbeam?” Emma hỏi.

“Thật tình ta không thể nói chắc.”

“Con vẫn muốn gặp người thợ rèn.” Emma rất cương quyết. “Bà ấy là người duy nhất trên con đường đó trông có vẻ tốt bụng.”

“Bồ không thể đi mà không có tớ,” Olivia nói.

Cô Inglegew muốn Ông cậu Paton đi với chúng. “Em không thích nghĩ đến việc chúng một thân một mình trên đường Piminy,” cô bảo.

Ông cậu Paton hường nhìn buồn bã ra cửa sổ. “Giờ này quá trễ cho ta rồi. Mặt trời đã lên cao. Vả lại, cho dù người rèn thanh gươm là ai, có lẽ bà ấy chỉ nói chuyện với các cô bé khi chúng đi một mình, hơn là khi đi cùng một gã kỳ quái như ta.”

Cô Inglegew lắc đầu với Ông cậu Paton và bảo cô sẽ tới tận tiệm Ấm Đun nếu bọn trẻ không quay về trong vòng nửa giờ đồng hồ.

Emma và Olivia vội lùa hết bữa sáng, tất cả thay đồ và rời tiệm sách. Chúng nóng lòng muốn biết về người rèn thanh gươm bí ẩn đến nỗi quên cả chải đầu. Một việc hầu như chưa từng nghe nói về Olivia.

Đường Piminy thinh lặng và hoang vắng. Hai đứa con gái nhắm tiệm Ấm Đun thẳng tiến. Đi chưa được bao xa thì chúng chợt nghe tiếng bước chân đằng sau. Một tiếng nạt lớn. “Tụi bay làm gì ở đây?”

“Tao chẳng thấy việc gì mắc mớ tới mày,” Olivia nóng nảy.

“Có thể, nhưng tao vẫn muốn biết.” Đôi mắt xanh biển của Dagbert chớp từ Olivia qua Emma. “Hả?”

“Thật ra thì chúng tôi đi mua ấm,” Emma nói, cố ra vẻ tỉnh rụi.

Dagbert nhìn con nhỏ ra chiều thương hại. “Vào ngày Chủ Nhật? Tất cả tiệm đều đóng cửa. Tụi bay phải làm gì hay hơn thế cơ.”

“Tụi này chẳng làm gì hay ho cả,” Olivia quát.

Dagbert trợn mắt nhìn Olivia. “Có muốn đối ý trước khi việc khó chịu xảy ra không?”

Miệng Olivia mím chặt lại như đường chỉ, cắn phẫn.

“Được thôi.” Dagbert nhìn lướt qua chúng tới một nắp cống dưới lòng đường. Vẻ mĩa mai của nó biến thành đánh sắc ớn lạnh. Thành linh, nước bắt đầu kêu ộc ộc bên dưới nắp cống. Nó bật mở tung lên một tiếng cắc, đồng thời nước phun vọt lên thành một vòi nước đen quánh bùn. Bọn con gái bị vây kín trong đó. Thét rầm rĩ, chúng chạy qua nắp cống về hướng tiệm Âm Đun. Nhưng dòng nước truy đuổi chúng rất rát, bẻ ngoặt khỏi lộ trình tự nhiên của nó, quét vòng quanh mắt cá chúng lằng ngoằng như rắn. Sức ép mạnh đến độ chúng chúi nhủi xuống đất, không thể ghìim nổi.

Emma là đứa té sấp mặt xuống trước; Olivia chộp giữ cánh tay Emma lại cũng ngã sập theo sau. Trong khi bò lê bò cangk về phía tiệm Âm Đun, lần đầu tiên chúng nghe thấy tiếng cười ghê rợn của Dagbert. Tiếng cười nổ phọt ra nghe thành tràng khặc khặc, sủi bọt.

Olivia bấu cánh cửa tiệm cố đứng lên, bắt đầu động ầm ầm vô cửa, bất chấp đang trong cơn hoảng loạn nó nhận ra cái gõ cửa là một chiếc ấm tí hon bằng đồng.

“Cứu tôi với!” Olivia thét. “Có ai làm ơn cứu chúng tôi với!”

Emma đứng bên cạnh nó hùa thêm. “Chúng tôi sắp chết đuối rồi!”

Cánh cửa bất thần mở ra, cả hai đứa con gái nhủi đầu vô trong tiệm, mỗi đứa bắn vèo qua một bên hông của người phụ nữ cao lớn đứng sừng nơi ngưỡng cửa.

Bà Kettle trừng mắt nhìn Dagbert qua dòng nước bùn. “ĐẸP TRÒ KHỈ NÀY ĐI!”

Dagbert phát ra một âm thanh rột-rột, sâu hút trong họng, tựa như nó đang nốc ực cả một xô nước.

“Ta đã nghi chuyện này rồi mà,” bà Kettle lừ mắt nhìn cháy sém dòng nước uốn éo. “Hừ, hãy giữ nước của mày lại đi, thằng bé người cá kia!”

Dagbert sôi tiết nhìn dòng nước khô đi cấp tập. Hếch cằm lên, nó hùng hổ bước vượt qua tiệm Âm Đun mà không thèm liếc nhìn bà chủ tiệm.

Bà Kettle đóng sầm cửa lại và nói với tụi con gái. “Nào, nào, mấy cưng vừa mới lâm vào hoàn cảnh tréo ngoe nhỉ, các cô bé?”

“Vâng ạ, hoàn cảnh tréo ngoe thật,” Olivia nói. “Cảm ơn bà cứu tụi cháu. Cháu là Olivia Vertigo và đây là bạn cháu, Emma Tolly.”

“Rất vui gặp mấy cưng, bà là Katya Kettle.” Bà nhìn sát Emma. “Bà đã gặp cưng rồi thì phải?”

“Dạ. Có lẽ vậy,” Emma bối rối.

“Hừm. Cả hai vô đây. Để bà lấy đồ khô cho mấy cưng thay nhè. Mấy cưng ướt đến tận da rồi kìa.” Bà Kettle đi qua ô cửa vòm, vô căn phòng ấm cúng ở đằng sau tiệm. “Cởi đồ ra,” bà thân tình đẩy hai đứa tới bên lò sưởi. “Bà đi tích tắc thôi.” Bà biến mất sau cánh cửa kim loại dày cấn đầy đinh ốc.

Emma và Olivia cởi vớ, giày, quần jeans và áo khoác ra. Hên là châu tằm chớp nhoáng vừa rồi chưa thấm ướt chiếc áo hồng pha bạc của Olivia hay chiếc áo len xanh da trời của Emma.

Khi bà Kettle hiện ra trở lại, bà mang theo hai bộ áo liền quần to tổ bố và hai đôi vớ len dày. “Có thể không vừa đâu,” bà cảnh báo. “Cứ xắn chỗ nào quá dài lên là được.”

Cười ngượng nghịu, Emma mặc đồ và đi vớ vào. Olivia lần chần, ướm thử bộ đồ thùng thình vô người và ngẫm nghĩ cách làm thế nào để cải thiện tình hình chút nào hay chút đó. “Bà có trâm cài hay gì không?” nó hỏi bà Kettle.

Người phụ nữ phá lên cười rồn rảng. “Đừng rườm rà cái thứ đó làm gì! Cứ giả bộ cưng là nàng công chúa cài trang đi.” Bà treo đám đồ ướt của bọn chúng lên một cái giá gỗ phía trên bếp lò.

Olivia nhăn nhó chui vô cái áo liền quần, xắn ống tay lên cho tới khi lòi ống tay áo hồng và bạc của nó ra.

“Bà thấy cưng có dáng dấp của một nữ hoàng thời trang đấy,” bà Kettle cười khúc khích. “Một tách trà nhé, các cô bé?”

Trước khi chúng đáp thì có một tiếng gõ khẩn cấp ngoài cửa.

“Bà hy vọng không phải cái thằng cá tép kỳ cục đó nữa,” bà Kettle nói rồi sải bước trở ra tiệm.

“Ồ, ồ, ra là cưng,” chúng nghe tiếng bà vọng vào. “Gì thế, chàng trai?”

Có tiếng lòng bùng đáp lại và một phút sau Charlie Bone bước vô phòng.

“Ồi quý thần!” Charlie chớp mắt nhìn hai đứa con gái, không tin nổi. “Quần áo bồ sao vậy, Liv. Đó là một mớ nhất à?”

“Tớ nghĩ nó hợp với tớ,” Olivia kiêu kì nói.

Emma phá ra cười bò, Charlie cười theo, rồi Olivia cũng cười khúc khích. Bà Kettle cười to nhất. Bà đi qua cánh cửa kim loại để lấy trà trong khi vẫn còn cười phì phì.

Chỉ khi đó Emma mới nhận thấy Charlie đang cầm cái ấm cũ đen sì. “Bồ mang nó đi trả à?” con nhỏ hỏi.

“Ừ.” Charlie đặt cái ấm xuống sàn. “Tớ muốn lời khuyên của bà Kettle.”

“Nó để làm gì vậy?” Olivia hỏi.

“Bà Kettle đã đưa nó cho tớ.” Charlie giải thích nước trong ấm nóng lên thế nào khi sắp sửa có nguy biến. “Đêm qua nó nóng quá trời, gần như sôi luôn vậy đó.”

“Đêm qua à?” Emma nói một cách tự lự.

“Sao cả hai bồ ăn mặc như thợ ống nước vậy?” Charlie hỏi chúng. “Có ống nước bể ở gần đây à?”

“Bồ nói thế cũng đúng đấy.” Olivia kể cho Charlie nghe vụ Dagbert sử dụng nước lên.

Charlie nhăn mặt, lặng lẽ nói. “Mình đã cầu cho nó đừng dùng tài phép của nó kiểu đó. Nhưng mình không đoán được ý đồ của nó.”

Bà Kettle mang một khay trà tới và khi chúng kéo ghế của chúng lại sát bàn, bà hỏi, “Nào, cái gì mang mấy cưng tới đây, hả các cô bé? Bà biết mấy cưng không chỉ chạy trốn thằng người cá mà tình cờ bắn vô đây. Mấy cưng đến gặp bà phải không?”

Olivia nhìn Emma, và Emma đáp. “Dạ.”

“Thế, có chuyện gì?” bà Kettle rót trà ra đầy bốn cái ca và chuyễn quanh, trong khi Emma lóng ngóng, vuốt mũi, hắng cổ họng.

“Ừm... những bộ đồ này là của bà phải không, bà Kettle?” Emma hỏi.

“Dĩ nhiên. Không còn ai khác sống ở đây.”

“Ồ.” Emma nhìn tịt cái ca. “Không một ai ạ?”

“Không một ai,” bà Kettle đáp.

“Ờm,” Emma nhìn quanh căn phòng, lựa lời nói. Xem ra rất lố mãng, khi hỏi một người chất phác như bà Kettle rằng bà có phải là thợ rèn không.

Olivia thì không băn khoăn như thế. Mất kiên nhẫn, nó hỏi huých toẹt. “Bà có phải là thợ rèn không, bà Kettle?”

“Đúng vậy,” bà Kettle điềm nhiên nói. “Có phải cưng là một con chim không, Emma?”

Emma đỏ mặt. “Dạ. Đúng. Đôi khi.”

“Thì ra cưng đã đậu trên bậu cửa sổ nhà bà, xem bà làm việc đêm qua?”

“Cháu không rình rập,” Emma nói nhanh. “Cháu chỉ... thám hiểm.”

“Dĩ nhiên rồi, cưng. Đừng lo. Xem thợ rèn làm việc chẳng có gì hại cả.”

“Tụi cháu đến đây,” Olivia buột miệng, “để tìm hiểu về thanh gươm bà đã rèn.”

“Thanh gươm?” Charlie trở mắt nhìn bà Kettle.

“À, thanh gươm.” Bà bắt chợt nghiêm sắc mặt. “Mất cung không được hở ra lời nào về việc này với bất cứ ai mà mấy cung không tin bằng cả mạng sống của mình, nghe chưa.” Bà nhìn xoáy từng đũa với vẻ vừa nghiêm khắc vừa dữ tợn.

“Vâng ạ,” Charlie sốt sắng.

Về mặt bà Kettle dịu đi. “Bà được thừa hưởng chút ít tài năng từ tổ tiên mình, Feromel, tuy nhiên, bà rất ít khi dùng đến chúng. Nhờ thế mà bà không phải dùng đến phép thuật của mình, dù bà vẫn rèn công cụ lao động, yên cương, và thậm chí cả bàn ghế sắt. Xưa nay bà chưa bao giờ được yêu cầu rèn gươm – một thanh gươm độc nhất vô nhị, bất khả chiến bại – vì vậy, rất tự nhiên, bà vô cùng vui mừng vì lời đề nghị này.”

Charlie nôn nóng nhào người về phía bà Kettle, hỏi, “Ai đã yêu cầu bà?”

Bà Kettle mỉm cười. “Một hiệp sĩ có bươm đỏ trên mũ giáp bạc của ngài.”

“Giống người tui cháu đã thấy trên cầu quá,” Charlie nói.

Đồng thanh nói cùng lúc, hai đứa con gái hỏi bà Kettle, “Ngài ấy đã nói gì?” “Ngài ấy là ai?” “Ngài ấy đã đến lúc nào?”

Bà Kettle giơ một ngón tay lên. “Từ từ, từ từ. Bà không thể trả lời ba câu hỏi một lúc. Ngài đến đây cách đây vài đêm, rất khuya. Mặc áo giáp và đội mũ giáp sáng chói có cài lông chim đỏ thẫm, ngài ủa vô như một cơn gió đấm ánh trắng. Mặt ngài che kính kín mít, và ngài không nói một lời nào.”

“Làm sao bà biết ngài muốn một thanh gươm?” Charlie chồm tới xa đến nỗi hất đổ một chén đường.

Bà Kettle lật cái chén lại và xúc đường trở vào.

“Cháu xin lỗi,” Charlie nói, “nhưng làm ơn, làm sao bà biết ngài muốn gì?”

Bà Kettle thọc sâu vô túi chiếc áo len của mình, lấy ra một mẫu giấy gấp nếp. Bà mở nó ra và đặt lên bàn. “Dó đây này.”

Bọn trẻ trở mắt dòm một từ duy nhất trên tờ giấy:

“Caledfwich”

“Cháu không đọc ra được,” Charlie nói. “Nó không có nghĩa.”

“Với bà thì có. Cái từ đó nói với bà rằng hiệp sĩ này không phải là hiệp sĩ bình thường, lại càng không phải kẻ lừa gạt hay chơi khăm.”

“Nhưng nó có nghĩa là gì?” Charlie hỏi dồn.

“Cung không biết thật à, Charlie Bone? Nó không hát lên trong đầu cung sao?” Bà Kettle sầm soi nhìn vào mặt nó.

Charlie nhìn con chữ trên tờ giấy. “Không. Cháu xin lỗi. Nó không có nghĩa gì cả, trừ phi... nó là tiếng xứ Wales?”

“Đúng. Thế là cung biết hết rồi đó. Đúng nó là một từ xứ Wales. Đó là tên thanh gươm của vua Arthur, nhưng chỉ được nhắc đến trong những truyền thuyết cổ của xưa Wales. Đến nay nó vẫn là một mật mã, chỉ được sử dụng bởi những người đáng tin cậy.”

“Oa!” Olivia thở hắt ra. “Cháu cảm thấy mình vinh hạnh quá.”

“Không được hó hé với bất cứ ai.” Bà Kettle đặt một ngón tay lên môi.

Ba đứa trẻ sốt sắng lắc đầu, và Charlie lấp nháp, “Chỉ nói với người mà cháu có thể tin cậy bằng cả mạng sống của mình.”

“Khi nào hiệp sĩ trở lại lấy thanh gươm ạ?” Emma hỏi, vừa nghĩ mình có thể thực hiện một

chuyển bay đêm nữa.

“Không biết. Bà cứ đợi thôi. Cần phải rèn cán gươm nữa. Bà nghĩ bà sẽ dùng một chút vàng, và bạc.” Bà Kettle ngó dăm dăm qua đầu lỗ trổ. “Thậm chí bà sẽ dùng một, hay hai viên ngọc trai.”

Charlie sực nhớ ra tại sao mình đến đây. “Suýt nữa cháu quên mất.” Nó nhắc cái ấm của Feromel để lên bàn. “Cái này đã sôi nóng lên đêm qua.”

“VẬY Ừ?” Bà Kettle đặt tay lên cái ấm đen xỉ. “Giờ nó nguội rồi. Nhưng đêm qua là một thời khắc nguy hiểm. Cách đây vài căn nhà, những tượng đá bắt đầu chuyển động.”

Miêng Emma há hốc ra. “Bà biết việc đó à?”

“Bà luôn theo dõi thằng bé đó. Cả những kẻ đồng lõa đáng sợ của nó. Bà nghĩ cung cũng đã trông thấy chúng trong khi bay rồi.”

“Cháu không thể tin vô mắt mình,” Emma nói. “Eric nhìn chăm chăm một cánh cửa và thế là người đàn ông đã bước ra. Thật kinh khủng.”

“Cháu đã nghi Eric,” Charlie lầm bầm.

Bà Kettle đứng lên và dọn những cái ca không vào khay. “Đến giờ đi làm. Quần áo mấy cung khô rồi, các cô bé.”

Charlie quyết định ra về trước khi những bộ áo liền quần được cởi ra. Nó thỏa thuận hen gặp bọn con gái ở quán Cà Phê Thú Kiểng vào buổi chiều. Cầm cái ấm lên, nó cảm ơn bà Kettle trong khi rời tiệm.

Charlie vừa quay lại đường Filbert thì thấy Benjamin vừa hộc tốc chạy trên đường về phía nó vừa hỏi.

“Charlie! Charlie! Bờ có thấy Hạt Đậu đâu không?”

“Không.”

“Nó chạy mất tiêu rồi. Nó giật dây xích ra khỏi tay mình và chạy biệt tăm.” Mặt Benjamin nhúm nhịu lại lo lắng. Khi chạy tới bên Charlie, nó khom người xuống, thở như bò. “Mình đau xóc cả hông vì chạy.”

“Hạt Đậu đâu có hay đi kiểu vậy.”

“Không bao giờ, trước giờ đâu có thế. Nó có thể đi đâu, hả Charlie?”

Charlie cố nghĩ đến tất cả những nơi mà Hạt Đậu muốn tới mà không có Benjamin. Chỉ có một nơi bật ra khỏi đầu nó: “Chattypatra.”

Benjamin đứng thẳng phất lên. “Chattypatra? Ý bồ nói là nó tới Ngách Tối?”

“Đó là nơi bạn gái của Hạt Đậu sống. Không phải nó khoái con chó nhỏ đó tí tồ lồ sao?”

“Ờ đúng,” Benjamin công nhận.

“Thế thì tụi mình đi mau.”

“Á không, không phải Ngách Tối,” Benjamin rên rỉ, “mình ghét nơi đó.”

“Mình cũng ghét. Nhưng nếu bồ muốn tìm Hạt Đậu thì mình nghĩ nó chỉ ở đó thôi.”

Trong khi chạy lúp xúp đến Ngách Tối, Charlie nhận ra mình vẫn còn cầm cái ấm đen. Nó bắt đầu khiến cánh tay Charlie mỏi nhừ và Charlie ước gì mình để nó ở nhà. Charlie kể cho Benjamin nghe mình vừa gặp bọn con gái và chuyện Dagbert nhằm nhe muốn dìm chết chúng. Tuy nhiên nó không đủ động đến thanh gươm. Mặc dù nó tin tưởng bạn, nhưng Benjamin không được ban phép thuật.

Nếp nhăn lo âu của Benjamin càng sâu hơn. “Dagbert cũng đã cố dìm chết tụi mình, đúng không.”

“Mình nghĩ vậy.”

Khi đến ngõ hẻm dẫn tới ba căn nhà số 13, hai đứa con trai bước chậm lại. Charlie không ngạc nhiên khi cảm thấy cái ấm đang nóng lên. Nhiệt độ ở Ngách Tối luôn thấp hơn những nơi

khác vài độ, và sức nóng của cái ẩm hóa ra lại có tác dụng trấn an.

Trước mặt chúng sừng sững dãy nhà cao với những ban công đen xỉn, những mái nhà nhọn hoắt và những con thú bằng đá viền quanh các cửa sổ dài.

“Mình không nghĩ Hạt Đậu ở đây,” Benjamin hạ thấp giọng, “Trừ khi họ bắt nó vô trong rồi.” Nó bắt giác rùng mình.

Charlie thoáng thấy một chuyển động nơi khoeo mắt. Đó là tấm rèm, hay ngôi nhà hơi chao nghiêng?

Benjamin thở hốc lên, nói khản cả giọng, “Charlie, có gì chuyển động. Một trong những sinh vật đá ở cửa sổ đó.”

Chúng đứng đờ ra tại chỗ, sợ sệt nhìn ngôi nhà của bà cô Venetia. Đột nhiên cánh cửa bật mở và Miranda chạy ào xuống những bậc thang, mỗi tay xách một con chó, cả hai đều sủa như điên.

“Hạt Đậu!” Benjamin hét, lao về phía con chó to.

“Em thấy các anh tới,” Miranda nói. “Mờ... mờ... bà ta muốn nhốt con chó của anh trong hầm rượu. Nhưng em đã giữ nó an toàn cho anh. Mờ... bà ta không thích chó.”

Benjamin vòng tay ôm choàng lấy con chó bụi, chú ta nồng nhiệt liếm chủ nhân của mình. Gương mặt của Benjamin bắt đầu bừng lên hạnh phúc.

Charlie nhận thấy mắt Miranda sưng búp, có hai vệt đỏ chạy xuống hai bên má. “Em ỔN chứ, Miranda?” nó hỏi.

Miranda nhìn Charlie tuyệt vọng. “Không. Em nghĩ là không,” con bé thì thào. “Mờ... mờ...” Rõ ràng nó không thể nào phát âm được từ “mẹ”.

“Bà cô của anh thường hay làm gì em?” Charlie nói.

“Bà ta không thích em.” Miranda lăm lét nhìn ra sau một cái. “Bà ta chỉ quan tâm tới Eric thôi. Eric, nó... nó không còn là em trai của em nữa.”

“Sao vậy? Nó làm...?”

Hạt Đậu bất thành linh sủa toáng lên cảnh báo. Khi nó phóng lên những bậc thang, bức tượng thần lùn bên cánh cửa ngoác ra cười hiếm độc và bay bắn lên không trung.

“Coi chừng, Miranda!” Charlie hét. Nó cố đẩy con bé ra khỏi đường bay của thần lùn, nhưng không thể tin nổi, bức tượng đổi hướng trên không trung và nhắm ngay chó Miranda, nhào trúng lưng con bé.

Con nhỏ gục xuống ngay chân Charlie rồi nằm xoài ra vỉa hè. Mặt nó trắng như tờ giấy.

Chiếc Áo Choàng Bị Đánh Cắp

Charlie và Benjamin bàng hoàng đến nỗi không thốt nên lời. Chattypatra liếm tóc Miranda, ư ử thăm thương, sau đó Hạt Đậu bắt đầu tru lên. Tiếng chó ai oán khiến bọn con trai bưng tỉnh. Charlie quỳ xuống và dè dặt chạm vô vai Miranda. Rất khẽ, nó gọi tên con bé.

Mí mắt Miranda động đậy. Con bé rên rĩ.

Một người đàn ông hiện ra ở ngưỡng cửa. Ông ta tóc nâu, ép vạt ra sau, đeo kính. Vừa thấy Miranda ông ta rú lên hoảng hốt và chạy ào xuống những bậc thang.

“Chuyện gì thế này?” người đàn ông thét.

“Cháu...” Charlie lắp bắp.

“Miranda! Miranda!” Người đàn ông cuối xuống con gái mình. “Ơn trời! Nó còn sống.” Ông ta bồng con nhỏ lên tay, ra lệnh cho bọn chúng. “Nói cho ta biết chuyện gì đã xảy ra!”

Charlie chỉ biết nói với ông ta sự thật, nghe thật lố bịch. “Bức tượng thần lùn...” Nó quay ngoắt lại. Bức tượng đã trở về chỗ cũ của nó bên cánh cửa, thỉnh lặng, không chớp mắt. Chỉ là một khối đá. Charlie hít một hơi thật sâu và nói, “Cháu biết ông không tin đâu, thưa ông, nhưng bức tượng đó đã bay xuống đây và đâm trúng lưng Miranda.”

Người đàn ông nhìn Charlie trân trối. “Ta tin cháu. Ta là Shelhorn, cha của Miranda. Ta nghĩ chắc hẳn cháu là Charlie.” Ông quay sang Benjamin. “Còn cậu là Benjamin, bởi vì có con chó. Miranda đã kể cho tôi nghe về các cậu.”

“Cháu nghĩ ông là ông dượng của cháu,” Charlie nói.

Ông Shelhorn có vẻ ngạc nhiên. “Chắc là vậy. Nào Charlie, cậu làm ơn đưa Chattypatra đi khỏi đây được không?”

Charlie lùi bắn lại. “Cháu nghĩ là không được, thưa ông. Miranda sẽ ra sao nếu không có nó?”

“Dĩ nhiên nó sẽ nhớ Chatty. Nhưng ta sợ sẽ có điều không hay xảy ra với con chó nếu nó ở lại đây. Thỉnh thoảng ta sẽ đưa Miranda tới thăm nó, nếu ta... nếu vợ ta...” Ông sợ sệt liếc tới cánh cửa để mở. “Ta phải đưa Miranda vô trong nhà. Làm ơn đi, các cậu. Làm ơn đưa con chó đi đi.”

Mắt Miranda chớp mở và con bé nói. “Có gì tổng vô lưng con. Đau quá.”

“Ờ, cung ơ. Để ba đưa con vô nhà nhé.” Ông Shelhorn bồng Miranda lên bậc cấp và vô nhà.

Chattypatra lao bổ theo họ, nhưng cánh cửa đóng sập lại trước khi nó kịp lên tới nơi.

“Giờ sao?” Benjamin thở dài.

“Tội mình phải giữ Chattypatra, chứ còn làm sao nữa?” Charlie nói.

Chattypatra lập tức rú lên những tiếng kêu tan vỡ trái tim. Bức tượng thần lùn nhìn nó. Charlie nhìn bức tượng. Và bức tượng giương ánh mắt trơ đá, hiểm độc về hướng Charlie.

“Được đấy, thần lùn! Giới gây tai họa đi!” Trao Benjamin cái ấm, Charlie phóng lên cầu thang, chop lấy Chattypatra và nhảy một phát xuống vỉa hè. “Chạy!” nó thét.

Benjamin chạy, Charlie bay theo, với Chattypatra ngó ngoáy, kêu la dưới nách nó. Hạt Đậu chồm bên cạnh chúng, thúc giục chúng bằng những tiếng sủa động viên. Nếu chúng mà ở nào khác trong thành phố thì hẳn những cửa sổ đã mở tung ra với những giọng nói tức giận muốn biết việc gì mà náo loạn lên vậy rồi. Nhưng ở Ngách Tối này thì không. Hầu hết các ngôi nhà đều vắng chủ. Vài nhóm người ở đó thì cúi đầu xuống coi như không phải việc của mình. Họ không muốn biết những gì xảy ra ở ba căn nhà số 13.

“Ước gì Billy ở đây,” Charlie thở phì phò. “Nó có thể nghe được con chó khờ khạo này nói gì.”

“Đừng... gọi... Chatty là... khờ khạo.” Benjamin thở không ra hơi. Nó dừng lại, hít vô khó nhọc.

“Coi kìa!”

Đang đi về phía chúng là ba con mèo. Chúng dàn hàng ngang bước, vai sát vai, đồng, cam, vàng. Những cái đuôi tọ nhổng lên cao, những cặp mắt vàng rực dán chặt vô Charlie. Hạt Đậu ngồi xuống, giương mắt nhìn chúng. Chattypatra im bật. Nó thôi oằn oại mà nhìn những sinh vật sáng rực kia cho tới khi chúng đến đứng bên Charlie, rừ rừ đầy nhịp điệu.

“Chào, những con mèo lửa!” Charlie nói. “Các bạn cảm phiền nói gì đó với con chó này đi?”

Những con mèo lửa không cảm phải kích lệ. Sư Tử, con mèo cam, ngóc đầu lên và kêu một

tiếng meeo lớn hướng thẳng vô mũi con chó nhỏ. Dương Cửu, con mèo nổi tiếng gọi, và rồi con mèo vàng, Nhân Mã, luyến luyến đoạn kết.

Chattypatra mê lịm đi. Nó hít hít những con mèo lửa và vẩy đuôi rối rít.

“Tớ nghĩ chúng hoàn thành rồi đó,” Benjamin nói. “Bỏ nó xuống đi, Charlie, coi xem nó có chạy theo được không.”

Charlie đặt Chattypatra xuống vỉa hè. Nó ngồi xuống, sung sướng quật cái đuôi lông xù lập phập xuống đất.

“Dù chúng nói gì thì chúng cũng dụ được con chó rồi,” Charlie nói.

Sứ mạng của những con mèo lửa mới chỉ bắt đầu. Tiếng kêu của chúng tắt đi, chúng tiếp tục bước về phía ba ngôi nhà số 13. Trong phong thái nhanh nhẹn, hùng dũng của chúng cố chủ đích chết người. Chúng đến để giữ an toàn cho một đứa trẻ, để bảo vệ con bé khỏi bức tượng thần lùn, khỏi bà dì ghẻ và thằng em chuyên ếm bùa.

“Giờ thì mình không cảm thấy quá lo nữa.” Charlie thở phào nhẹ nhõm. “Nếu có gì khống chế được bức tượng thần lùn phải ở nguyên vị trí của hắn thì đó là những con mèo lửa.”

Ba con mèo đã tới nhà bà cô Venetia. Chúng leo cầu thang tới bức tượng thần lùn và nhìn trừng trừng vô đó. Hải lòng là nó chưa động đậy, chúng tự động vào vị trí. Nhân Mã ở bậc thang trên cùng, Sư Tử ở cửa, và Dương Cửu ở bức tường hiên.

“Tui mình về thôi,” Charlie nói.

Khi đám con trai bước ra khỏi hẻm tối, Chattypatra ngoan ngoãn đi theo chúng.

“CON VẬT NÀY LÀM GÌ Ở ĐÂY?” nội Bone quát ồm tỏi.

Người cuối cùng Charlie muốn gặp khi về tới nhà là bà nội bản tính, ghét chó của nó.

“Con chó đó là của bà em tao. Mày ăn cắp nó!” nội Bone thúc cho Chattypatra một cái bằng mũi giày đen bóng lộn của bà ta.

“Đừng!” Charlie thét. “Nó không phải chó của bà Venetia. Nó là của Miranda. Cháu chăm sóc nó vì bà Venetia không thích chó.”

“Tao cũng không thích. Cho nó ra. Đuổi nó đi.” Bà ta xô tới con chó nhỏ, khiến nó vội chạy tọt ra núp dưới gầm ghế trong hành lang.

“Tao không chứa chấp nó, mày nghe rõ chưa!” nội Bone rít giọng. “Đuổi con vật thối tha đó ra khỏi đây.”

Charlie kêu la. “Ông cậu Paton, cứu con!”

“Hắn không có nhà đâu,” nội Bone nói, thỏa mãn vô cùng. “Cả bà ngoại mày cũng không. Chỉ có mình mày với tao thôi, Charlie Bone. Vì vậy, tổng con chó ra, không tao sẽ giết nó!”

“Aaaahhh!” Charlie thét vang. Nó quỳ thụp xuống sàn, bò xuống gầm ghế và lôi Chattypatra run rẩy ra. Kẹp con chó dưới nách, nó lao ra cửa, trong khi nội Bone chạy đi lấy vũ khí bí mật của mình: cây gậy kiếm nguy trang bằng một cái dù đen.

“Aieeee!” Charlie mở cửa trước ra và nhảy xuống những bậc thang.

Benjamin đang đứng bên ngoài nhà nó. Nghe thấy tiếng thét la, nó định băng qua nhà số 9 xem sao thì Charlie đã bắn phọt ra khỏi cửa và băng ào qua đường.

“Nội Bone!” Charlie thét lạc cả giọng. “Bà ta đang phát khùng! Đòi giết Chattypatra.”

Nội Bone. Hat Đậu hiểu cái tên này. Nó gừ một tiếng hung tợn và chắc hẳn đã xông qua nhà số 9 rồi nếu Benjamin không tóm vòng cổ nó lại.

Charlie nháo nhào chạy lên bậc thang nhà Benjamin và cùng nhau cả bọn chui tọt vô nhà số 12.

“Bớt ồn ào nào, các cậu,” chú Brown la từ trong phòng làm việc của chú. “Chúng tôi đang rất bận.”

“Bà Maisie không làm bữa trưa cho cháu hôm nay à?” tiếng cô Brown có vẻ thất vọng.

“Cháu sẽ không về nhà một thời gian,” Charlie đáp. “Nơi đó không an toàn.”

“Ồ?” cô Brown xem ra không lấy gì làm lo lắng. Là một thám tử tư, cô vốn đã quen với những chốn hiểm nguy. Nội Bone khét tiếng là ác độc, nhưng bà ta chưa bao giờ giết ai cả - theo như cô Brown biết.

Benjamin nảy ra một ý. Nó ngó vô thư phòng. Ba nó đang ngồi trên bàn viết còn mẹ nó đang viết trên chiếc bàn nhỏ, vương vãi đầy giấy. Mãi rồi mới nhận ra Benjamin đứng ngoài, cô Brown ngược lên. “Ba mẹ vừa nhận một vụ án. Nó hóc hiểm, kích thích đến nỗi ba mẹ không

thể buông nó ra được.”

“Có tin gì về cậu bé người sói không?” chú Brown hỏi. “Ba đã gọi cho ông thị trưởng rồi, nhưng ông ấy bảo Sói Hoang nằm ngoài quyền hạn của ông ấy. Việc tệ lắm, Ben, Rất tệ.”

“Dạ, không có tin chính xác,” Benjamin nói, rồi thêm. “Con không nghĩ ba mẹ sẽ ăn bữa trưa này?”

Cô Brown nhìn với vẻ áy náy. “Mẹ nghĩ có bánh mì...”

“Không sao đâu mẹ,” Benjamin tươi tỉnh lên. “Tụi con sẽ tới quán Cà Phê Thú Kiểng.”

“Hay đấy.” Cô Brown mỉm cười nhẹ nhõm. “Có rất nhiều tiền trong hũ đường.”

Hũ đựng đường không có đường kể từ khi cô chú Brown quyết định kiêng đường luôn. Giờ nó được dùng để dành, mà thường vun lên đáng kể mỗi khi gia đình Brown lao vào một công vụ đòi hỏi phải thay đổi quần áo và hóa trang nhanh.

Đúng lúc đó Chattypatra chọn cách tự giới thiệu mình. Nó xấn xổ tới bên cô Brown, tin cẩn vẫy vẫy cái đuôi xù.

“Thôi không thêm chó nữa!” cô Brown than van, tuy có hơi mềm lòng khi cô vuốt cái đầu mềm mại của Chattypatra. “Nó dễ thương quá, nhưng thật tình là chúng ta...”

Charlie thò đầu qua cửa. “Không lo đâu cô Brown. Tụi cháu sẽ đưa nó tới quán Cà Phê Thú Kiểng.”

“Nó là chó lạc à?” chú Brown hỏi.

“Không ạ, nhưng hoàn cảnh của nó thương tâm lắm. Ben sẽ giải thích cho cô chú sau. Cô chú vui lòng báo cho ngoại Maisie biết tụi cháu đi đâu.”

Quán Cà Phê Thú Kiểng không đông như ngày thứ bảy. Còn vô số đĩa đựng đầy những món trông ngon mắt ở trên quầy. Charlie và Benjamin là hai vị khách duy nhất đang xếp hàng, chúng còn có thể chuyện trò chớp nhoáng với ông bà Onimous. Vừa nghe xong câu chuyện thăm thương về Chattypatra, ông bà đồng ý ngay sẽ giữ nó trong quán đến chừng nào số phận nó được định đoạt.

“Nhưng còn cô bé đó thì sao?” bà Onimous hỏi. “Ta rất tiếc phải nói thế này, Charlie, mấy bà cô của cháu đáng bị tổng giam hết đi... cả bà nội cháu nữa.”

“Cháu cũng nghĩ vậy,” Charlie buồn bã.

Ông Onimous chồm qua khỏi quầy, bùm tay che miệng và nói khẽ. “Cậu có thằng em là một... một người làm đá sống dậy?”

“Xem ra đúng là vậy,” Charlie nói.

“Phiền toái rồi đây. Phải làm gì đó về vụ này. Bà Pike có khá lên chút rồi. Nhưng bà ấy sẽ khỏe hơn nhiều nếu tìm thấy con trai.” Ông Onimous nhào xa hơn dọc theo quầy khi một phụ nữ nhỏ quắt, tóc trắng và một con ngựa lùn tí hon tới xếp hàng. “Cô Blankhoff, hân hạnh gặp cô,” ông Onimous đơn đả. “Hôm nay Brunhilda thế nào?”

Charlie bưng hai đĩa pho mát ống, bánh nhân lý gai, bánh bích quy rắc quế tới một cái bàn bên cửa sổ. Benjamin theo sau với một cái tô lớn đựng thịt bít-tết thái miếng, gà viên và thận bào. Nó đặt cái tô xuống đất, và ngạc nhiên thấy Hạt Đậu lịch sự ngồi bên cạnh cái tô trong khi Chattypatra chọn xơi sạch sẽ những miếng bít-tết khoái khẩu nhất của cô nàng.

Chattypatra rút đầu lại, sung sướng liếm mép, nhưng Hạt Đậu không nôn nóng tiến ngay đến cái tô mà đợi đến khi chắc chắn Chattypatra đã no nê rồi.

“Bồ có thấy chưa?” Benjamin nói. “Ý mình là, phải chăng đó là tình yêu.”

Charlie nhất trí, nhưng đầu óc nó đang lưu tâm đến thứ khác. Từ vị trí của nó bên cửa sổ có thể thấy rõ hẻm Eech và, mặc dù không chắc chắn lắm, nó nghĩ mình vừa thấy một bóng người quen quen chạy men theo bức tường và biến mất vô một đàn dê đang lù lù đi tới.

“Năm còn dê,” Benjamin nhận xét. “Có đủ chỗ cho tất cả chúng không?”

“Chúng bé tí tị hà,” Charlie lẩm bẩm. “Benjamin, hình như mình vừa mới thấy Joshua Tilpin ở đây.”

“Có gì ngạc nhiên đâu. Thằng đó luôn rình rập bồ mà, Charlie.”

“Kệ tụi nó.” Charlie cắn que phó mát.

Chúng phải kéo dài bữa trưa của chúng thêm một tiếng nữa. Bọn con gái hẹn tới chiều mới tới, và đến lúc chúng xuất hiện thì Charlie đã nhần hết hai mươi lăm que phó mát, theo như Benjamin. Charlie không hề đếm. Nó cảm thấy buồn nôn.

“Trà hoa cúc nhé,” bà Onimous đề nghị khi Charlie lảo đảo tới quầy, nấc cụt liên tục.

Charlie cầm ca trà và ngồi nghỉ một cách thoải mái. Những cánh hoa nổi trên mặt nước. Tỏa mùi khá dễ chịu. Nó lại ngồi xuống khi Lysander đến cùng với Gabriel Silk. Lysander vẫn chưa thuyết phục được Tancred xa rời cô bạn gái của anh. “Mối tình” của anh với Lauren đang trở nên thân thiết hơn, theo như anh thông báo với chúng. Lauren nhờ anh gửi lời chào tất cả bọn chúng, nhưng Chủ nhật nào chị ấy cũng phải đi thăm bà.

“Lauren tuyệt quá,” Benjamin tán dương.

Charlie chưa hề nói chuyện với Gabriel kể từ biến cố bức mình với Dagbert. Nó hơi ngượng ngùng khi Gabriel vô vàn ngồi xuống cạnh nó.

“Anh khỏe chứ, Gabe?” Charlie ngó ngang qua khuôn mặt dài, lúc nào cũng bí xị của Gabriel. Gabriel không thể biểu cảm khác đi được. Trông thì ảo não nhưng hôm nay dường như trong lòng cậu có roi rói hơn. “Cũng ổn,” cậu nói, đặt Rita, con chuột cưng nhất của mình, lên bàn.

“Nè, có lẽ anh không ngờ nổi những gì thằng Dagbert dám làm đâu?” Charlie hỏi.

“Ừ.” Gabriel nở nụ cười buồn tênh, “Tôi không ngờ, em thấy đấy, Charlie. Tôi biết thằng người cá đang cố ý làm gì: chia rẽ tất cả tụi mình để tụi mình không còn giúp đỡ lẫn nhau được nữa. Hừm, chiêu đó không xi nhê với anh đâu.”

“Hay lắm, Gabriel Silk!” Olivia vỗ thụp một cái vô lưng anh chàng, khen ngợi.

Gabriel đỏ mặt lên. “Các vị đình không cho tôi biết đang có chuyện gì xảy ra à?”

Đã có quá nhiều việc xảy ra. Trước tiên chúng phải kể cho Gabriel về cái ngày chúng đi lùng kiếm Asa thì gặp cái chết của ông Pike. Sau đó Gabriel và Lysander nghe vực lắng nghe Charlie mô tả bức tượng thần lùn dịch chuyển và vụ giải cứu Chattypatra. Đến khi Olivia thuật lại việc hiệp sĩ yêu cầu bà Kettle rèn thanh gươm, thì Lysander không còn kìm chế được nữa.

“Ngài ấy là ai? Ngài định sẽ làm gì với thanh gươm?” Nổi tò mò quá sức khiến cho giọng nói trầm của Lysander ré lên the thé như tiếng vẹt.

“Ngay cả bà Kettle cũng không biết,” Emma nói.

Gabriel coi bộ suy tư. “Gươm đã,” anh nói, nhét Rita trở vô túi áo.

“Anh nói gươm đã là sao?” Olivia hỏi.

“Gươm đã! Gươm đã! Gươm đã!” Homer quang quác từ trên vai của Lysander.

“Suýt!” Charlie vỗ chân con vẹt.

“Suýt!” con vẹt lặp lại.

Gabriel chờ đến khi thật im lặng mới nói. “Các bạn có chắc chắn là Hiệp sĩ mặc áo choàng đỏ khi các bạn trông thấy ngài không?”

“Chắc chắn,” Olivia đáp. “Cà lông chim đỏ cắm trên mũ giáp nữa.”

“Thú vị thật,” Gabriel nói.

“Sao vậy?” những đứa khác nhao nhao.

“Bởi vì tấm áo choàng của Vua Đỏ biến mất rồi,” Gabriel nhìn quanh những gương mặt chết chững. “Các bạn biết tôi ám chỉ tới tấm áo choàng nào rồi chứ?”

Còn gì mà nghi ngờ? Charlie lo sợ tức khắc là chiếc áo sẽ rơi vào tay của những kẻ không thích hợp. Nó luôn tự hỏi làm sao mà tấm áo quý giá nhường ấy lại tồn tại được những chín thế kỷ. Nó biết rằng Guanhamara, con gái của Vua Đỏ, đã mang tấm áo tới Ý, khi nhà vua biến mất. Nó được lưu truyền qua bao thế hệ hậu sinh của bà, để rồi cuối cùng ngự trong một cái rương mơn vẹt trong ngôi nhà xiêu vẹo của Gabriel Silk ở trên đồi. Có lần, Charlie đã chứng kiến phép nhiệm màu vô song của tấm áo choàng đó. Bởi vì Gabriel đã mặc nó trong trận chiến với thầy bùa Harken. Gabriel ừ lì, hiền như cây cỏ đã chịu đựng nổi cuộc tấn công chết người của lão thầy bùa mà vẫn bình an vô sự.

“Làm sao mà tấm áo... biến mất được, Gabe?” Lysander hỏi. “Anh muốn nói đến vật vô giá nhường đó? Một vật quý báu như vậy. Tấm áo choàng của chính Vua Đỏ.” Trong khi nói, Lysander bắt đầu vung cả hai cánh tay lên cuồn cuộn. “Bộ, em không khóa kỹ nó lại à?”

“Có chứ.” Bị xúc phạm sâu sắc, mặt Gabriel đỏ rần. “Nhà tôi là những vệ sĩ canh giữ tấm áo đó. Anh cho rằng gia đình tôi không xứng đáng với vinh dự này sao? Gia đình tôi gìn giữ nó là báu vật và canh chừng nó bằng cả mạng sống của mình.”

“Anh đã cất áo ở đâu, Gabriel?” Emma hỏi khẽ.

“Trong một cái hòm để dưới gầm giường của ba mẹ tôi. Thỉnh thoảng, khi tôi bị hành khó chịu, ba tôi lại cho tôi mặt nó vào. Ba tôi biết nó sẽ xoa dịu tôi. Cậu hiểu tài phép của tôi chứ?”

Gabriel nhìn Charlie và Charlie gật đầu. “Ừm, tấm áo choàng là vật duy nhất từng có người mặc

rồi mà tôi có thể mặc được. Cuối tuần vừa rồi, tôi cảm thấy bức bối trong người quá mức. Tôi đành xin phép ba cho tôi được mặc áo chỉ vài phút thôi. Ba tôi từ chối. Khi tôi nài nỉ mãi thì ba tôi mới bảo ‘Gabriel. Nó biến mất rồi. Chúng ta không còn có chiếc áo choàng nữa.’”

Cả bọn sững người nhìn Gabriel, hoảng hồn vía.

“Vậy là nó đã bị đánh cắp,” Lysander nói dứt khoát.

Lần đầu tiên Charlie thoáng nghĩ hiệp sĩ trên cầu có cứu chúng thật không. Rồi còn thanh gươm là sao? Lẽ nào bà Kettle nhầm lẫn? Coi chừng hiệp sĩ tới cửa nhà bà không phải là người đáng tin cậy. Có lẽ ông ta đã học biết được ngôn ngữ bí mật của họ, và dùng nó để chiếm đoạt thanh gươm nhiệm màu, một thanh gươm có thể được sử dụng để chống lại những người mà đúng ra đang khẩn thiết cần sự trợ giúp của ông ta.

Charlie đứng lên. “Chúng ta phải báo cho bà Kettle đề phòng. Em phải tới đó ngay đây, trước khi bà ấy trao thanh gươm cho một... kẻ mạo danh.”

“Charlie, khoan đã,” Lysander ngăn lại. “Chỉ vì tấm áo choàng bị mất, thì không nhất thiết phải nghi hiệp sĩ là kẻ mạo danh.”

“Nhưng cũng không có nghĩa là không phải.” Charlie đẩy ghế của nó lại.

Khoảng khắc tiếp theo, Charlie bị tóm chặt bởi một bàn tay mạnh mẽ, đầy lông lá. “Charlie, cậu bé của ta,” ông Onimous nói. “Đừng đi vội. Ta đã định nói với cậu từ trước. Ta đã nhớ ra.”

“Gắt lên!” Homer la leo leo.

Lysander bụm tay che mắt Homer. “Ông nhớ ra cái gì, ông Onimous?”

“Nó ở đâu... lối đi bên dưới lâu đài. Nơi mà cậu bé người sói có thể bị giam cầm.” Ông Onimous cười tươi rói với cả bọn, tự hài lòng vì mình đã nhớ ra một thông tin quan trọng đến vậy. “Bà cố của ta đã từng làm việc ở trong học viện Bloor. Chỉ là lao công thôi, nhưng là một người rất xông xáo. Bà đã tìm một cửa sập ở đằng sau sân khấu. Bà đã mở nó ra và leo xuống, vào một căn phòng tối đen có bao nhiêu là quần áo cũ treo trong tủ. Bà ấy muốn đi xa hơn, nhưng đèn lồng của bà tắt, mà bà là người yếu bóng vía nên đành phải đi lên. Sau đó bà hỏi một nhân viên khác về nó. Đó là một ông già, một người hầu gì đó, sinh năm 1799 – hãy tưởng tượng coi – và ông ấy trả lời ‘À, đúng, có một lối từ căn phòng đó, đi sâu xuống, sâu xuống, sâu, sâu, sâu tới vô trong lòng đất tối tăm. Đó là một câu chuyện xưa, xưa lắm rồi, cách đây lâu, lâu, thật lâu, rằng lối đi đó dẫn đi mãi, đi mãi ra tới tận dòng sông’”.

“Tụi cháu đã vô căn phòng đó rồi!” Olivia vọt miệng, giọng nó vỡ lắc rắc vì phấn khích. “Nhưng ở đằng sau nó tối đến nỗi tụi cháu đã không dám đi vô quá xa.”

Ông Onimous vụt tắt nụ cười. “Vậy thì rất có nhiều khả năng bọn chúng đã nhốt cậu bé tội nghiệp dưới đó.” Ông nhìn Charlie. “Nhưng ta không bảo các cháu nên đi xuống đó đâu đấy, không, không đời nào. Ta không thích nghĩ rằng lời nói của ta đẩy các cháu vào một cuộc hành trình nguy hiểm chết người.”

Nhưng đã quá trễ cho ông Onimous rút lại lời của mình. Một khi đã nói ra, chúng có tác động tức khắc lên Charlie. Nó đã nhấp nhóm nhắm tới lộ trình nguy hiểm chết người đó rồi.

Charlie và cuộc hành trình nguy hiểm

Ý định của Charlie là đi tới tiệm Ấm Đun cảnh nhanh càng tốt, nhưng có rất nhiều người trong thành phố muốn chặn đường nó. Dẫu thương tật và sức seo đầy mình, Manfred Bloor vẫn có uy lực kinh khủng đối với những đứa trẻ được ban phép thuật khác. Joshua Tiplin là một trong vài đứa khâm phục hẳn mê muội nhất và thằng này còn hơn cả sốt sáng giúp Manfred Bloor trả thù Charlie.

Manfred biết những con mèo lửa là thủ phạm gây ra những thương tích ghê hồn cho hắn, nhưng chúng làm thế là để bảo vệ Charlie, vì vậy Charlie phải bị trừng phạt. Ngoài ra, còn có vấn đề Asa nữa. Manfred vẫn chưa từ bỏ ý đồ “Sói Hoang”, như tất cả mọi người gọi Asa. Thêm vài tuần nữa trong ngục tối thôi, Manfred tính toán, là Asa sẽ trở lại như xưa: một sinh vật hủy diệt hoang dã, sẵn sàng tuân thủ mọi mệnh lệnh của Manfred mà không đắn đo ... trừ phi Charlie Bone tìm ra cậu bé người sói và phóng thích nó.

Charlie nhận thức rõ là có những kẻ nguy hiểm đang ẩn núp trong thành phố, nhưng nó không biết chúng ẩn ở đâu, và phải mất mấy phút nó mới hay mình đã chạy về hướng ngược lại với hướng mình định đi. Nhưng đến lúc đó thì đã quá trễ cho nó xoay chuyển tình thế.

Charlie dừng chạy. Nó đang đi xuống một dãy cầu thang gỗ hẹp rí dẩn vô một ngõ hẻm tối đen như mực. “Mình đang làm gì ở đây thế này?” Nó tự hỏi. “Mình đang định tới tiệm Ấm Đun cơ mà. Sao lại có cảnh này?” Nó cố quay đầu leo trở lên để ra ánh sáng, nhưng hình như nó bị tắc kẹt ngay trên cầu thang. Lối duy nhất nó có thể đi được là đi xuống.

“Hừ, tao sẽ không đi đâu!” Charlie hét vô bóng tối. “Tao sẽ đứng tại chỗ suốt đêm nếu phải thế.”

Cầu thang đánh võng. Charlie tì một tay bấu chặt vô tường và hồn xiêu phách tán thấy nó tuột lướt dưới những ngón tay mình. Cầu thang đang dịch chuyển càng lúc càng xa nơi có ánh sáng. Khi cầu thang tăng tốc, Charlie bị quăng tới trước, đập phịch xuống mặt đá cứng lạnh. Chân cẳng nó nặng như chì, cố cựa quậy nhưng vô ích. Charlie cảm thấy mọi hơi thở trong người bị tống ra hết, và nó không còn đủ sức để mà hét lên.

Nỗi khiếp đảm khiến Charlie nhắm mắt lại. Rồi nó từ từ mở mắt ra. Charlie thấy một quang sáng đằng trước, cách đó vài mét, phát ra từ một cái đèn lồng lớn, trông cổ xưa đặt ở dưới đất. Phía trên quang sáng đó hiện ra ba bộ mặt được chiếu tỏ - những bộ mặt không cười xếp chung với bóng tối mịt mù. Joshua Tiplin và hai chị em sinh đôi nhà Branko.

Dù đang lóa mắt, Charlie không cần tới một giây để nhận ra, năng lượng từ tính của Joshua kết hợp với siêu năng của hai chị em sinh đôi đã kéo nó vô con hẻm hiểm ác này. Bây giờ sức mạnh của chúng đã mạnh hơn trước, lại cấu kết với nhau nên chúng tạo ra một trường lực hầu như không gì phá nổi.

Không hiểu bằng cách nào, Charlie xoay sở bật được tiếng nói ra khỏi cơ thể đau như dằm của mình. “Tụi bay muốn gì?”

“Tụi tao không muốn mày,” một trong hai chị em sinh đôi trả lời trong tiếng cười võ vụn.

“Mà mày phải hứa một lời,” đứa kia trong hai chị em sinh đôi tiếp, giọng con này đục sâu và hiểu chiến hơn.

“Một lời hứa?” Charlie rên rầm.

Đến lượt Joshua nói, giọng cứng rắn, không thương xót. “Mày phải từ bỏ ý định ngu ngốc đi tìm Asa Pike.”

“Nếu tao không bỏ?” Charlie mấp má qua kẽ răng.

“Không có nếu,” hai chị em sinh đôi đồng thanh. “Mày phải từ bỏ.”

Có tiếng lở đất rùng rùng phía trên Charlie. Nó quay đầu lại, đúng lúc thấy một tảng đá lớn bật văng ra khỏi vị trí của nó trong bức tường cao sát đấy. Charlie lùi bắn lại, giờ hai tay lên che đầu, chờ hứng một cú rơi không thể tránh vô giữa sọ.

Nhưng tảng đá đó không hề chạm đến nó. Một cơn gió bao liệt quét xuống con hẻm; bị chụp cứng trên không trung, tảng đá trệch ra khỏi đường bay và bổ nhào xuống ngay bên cạnh Joshua Tiplin. Một tiếng thét chói óc vang lên khi Joshua bị nhấc hống chân lên và bị xách đi mất. Hai chị em sinh đôi, bám dính vào nhau, cũng chịu chung số phận. Charlie có thể nghe thấy bàn chân chúng đập những bức tường của ngõ hẻm trong khi chúng lộn tưng phèo trên không, gào rú tựa như những nữ thần báo tử.

Rồi một tiếng sấm đình tai và một đám mây đen ngòm luồn cuộn trên đầu. Tiếng gào khóc của lũ trẻ trên không nhòa thành tiếng rú kinh hồn không ngừng mà dần bị nhấn chìm vô tiếng sấm và tiếng mưa rơi lộp độp xuống mặt đất.

Charlie cuộn mình thu lu thật thảm thương và chờ cơn bão đi qua.

Phải cần tới một nguồn năng lượng vô biên mới có thể tạo ra thời tiết hung hãn đến vậy, và chủ nhân gây ra nó khi xong việc thế nào cũng mệt như tử cho mà xem. Anh ta nên để cơn bão tan chậm chậm hơn là bắt nó kết thúc đột ngột như thế.

Mãi cuối cùng, khi Charlie triệu hồi đủ can đảm mà ngóc đầu lên, nó nhận thấy cây đèn lồng, dù bị phủ trùm trong bão cát, vẫn còn sáng. Ai đó đã xích cây đèn lại gần Charlie. Nó trông thấy hai cái cẳng dài bọc trong hai ống quần jean ướt nhẹp màu xanh dương. Hoảng sợ một trận tấn công khác, còn tàn khốc hơn trận nó vừa mới chịu đựng, mắt Charlie hải hùng lướt dần lên trên. Nó thấy một cái áo khoác thủy thủ, một chiếc khăn quàng cổ màu xám, và trên chiếc khăn quàng, một gương mặt mỉm cười có mái tóc vàng dựng tua tủa tên đỉnh.

“Charlie!” Tancred gọi.

“Tancred,” Charlie thở dốc. “Là anh thật không?”

“Chứ còn ai. Em ổn chứ, Charlie?”

“Ừm, em chưa chết.” Charlie cố gượng đứng dậy nhưng cần có cánh tay của Tancred đỡ mới xong.

“Sao anh biết em ở đây?”

“Đi theo con bướm của em. Anh đã nhận ra nó ngay lập tức. Nó cuống quít bay vòng vòng quanh đầu anh, đâm húc vô má anh, nó còn cắn cầm anh khi nó nghĩ anh chạy chưa đủ nhanh. Ngay khi thấy khoảng không chơi vơi ở chỗ lẽ ra là cái cầu thang, anh biết có cái gì đó vô cùng khủng khiếp đang diễn ra.”

Charlie ngoái nhìn lại. Những bậc thang nằm thành một đồng đồ nát, xa tít bên dưới so với mặt đường.

“Anh đã phải nhảy xuống.” Tancred sẫm soi một cái dầm dầm vô ngón tay cái của mình. “Tội mình không thể ra khỏi đây bằng đường ấy được.”

“Hai chị em sinh đôi,” Charlie lấp báp. “Bây giờ chúng quá... quá mạnh và máu lạnh. Còn Joshua thì ...”

“Chúng sẽ mất sức mạnh trong một thời gian.” Tancred cười ngoác. “Đi, Charlie. Tội mình về nhà em nào.”

Cuối cùng cây nến trong lồng đèn đã cháy hết và hai thằng bé phải lò mò nhích tới trước, trong khi con bướm trắng chồn vờn ở trên đầu, soi đường cho chúng. Charlie cứ nơm nớp lo mình sẽ vấp phải một cái xác, nhưng chẳng thấy tăm hơi Joshua hay hai chị em sinh đôi đâu cả.

“Chúng đang nằm dưới một cánh đồng ở đâu đó,” Tancred nói. “Anh cố ý cho gió đủ mạnh để bốc chúng ra khỏi thành phố.”

Charlie kinh ngạc trước tài phép lạ thường của Tancred. “Em ước gì mình có thể làm được điều gì đó hữu ích,” nó lầm thầm.

Tancred vỗ lưng nó. “Em vẫn luôn làm điều có ích đấy thôi, Charlie. Anh cảm thấy xấu hổ

phải thú thật với em là Kẹo Ngọt đã thổi cho anh làm đường lạc lối một thời gian.” Anh nhìn con bướm sáng chói lướt lơ như chờ chúng nhảy lên chụp bắt, rồi cười phá ra. “Em biết không, con bướm đó đã chỉ cho anh thấy ánh sáng.”

“Như thế nào?”

“Tracy thấy cho anh một tối hậu thư: ‘Đi theo con bướm đó dẫn đó thì anh sẽ bị bỏ, Tancred Torsson’ – cô ta nói vậy đó. Vậy là không hay nhỉ? Anh đã thấy đúng con người cô ta, Charlie. Một cái đầu rỗng hấp dẫn.”

“Chị ấy rất đẹp,” Charlie nói, cố biện minh cho sự ly khai tạm thời của Tancred. “Vì vậy em có thể hiểu nổi... nổi...”

“Nổi ám ảnh? Ờ, đúng, cô ta rất đẹp,” Tancred chua chát.

Cuối cùng chúng cũng leo lên được con đường nhộn nhịp những cửa hàng và ánh đèn sầm uất, Charlie dần cảm thấy mình lại thuộc về thế giới thực một lần nữa.

“Làm sao tụi mình tới được đường Piminy từ đây?” nó nói.

Tancred ngớ ngàng. “Sao em muốn đi tới đó?”

Vì bây giờ Tancred đã tỉnh ngộ, cho nên, trong khi băng qua thành phố, Charlie vẽ lại cho anh thấy bức tranh toàn cảnh. Cũng chính thanh gươm đã khiến Tancred lưu ý, hết như đối với Lysander.

“Một thanh gươm?” đôi mắt xanh da trời của Tancred sáng lên. “Oa! Và em nghĩ Hiệp Sĩ Đỏ có thể là kẻ mạo danh vì ông ấy đã đánh cắp áo choàng của nhà vua?”

“Em không biết chắc, Tanc. Em chỉ cảm thấy là mình phải cảnh báo cho bà Kettle.”

“Anh không thể đợi nổi để thấy tiệm bán ẩm và gặp người thợ rèn này.” Tancred bắn vọt đi và Charlie phải cố cầm chạy để theo kịp anh.

Cơn bão vừa rồi đã nhốt phần lớn dân cư thành phố ở rịt trong nhà của họ. Lũ trẻ ở quán Cà Phê Thú Kiểng đình ninh là Charlie đã trở về đường Filbert rồi, tất nhiên, nên thu gom thú cưng lại và đi về nhà chúng. Benjamin cực nhọc vật vã mà không tách được Hạt Đậu ra khỏi Chattypatra, nhưng ông Onimous đã thuyết phục được hai con chó bằng một gói bít-tết của chó cho Hạt Đậu mang về nhà, và một tô kem cho Chattypatra ở đằng sau quầy.

Dư âm của cơn bão còn nhấn nhá trên đầu Charlie và Tancred khi chúng tất tưởi chạy trên đường Piminy. Tancred phân bua rằng anh không thể kiềm chế được. “Nhưng thời tiết là một vỏ bọc để bảo vệ chúng ta, Charlie, em không cảm thấy thế sao?”

Có, Charlie cảm thấy gì đó chứ. Nó linh cảm một sự xung đột dữ dội ở đường Piminy, cứ như vừa có những lần chiến tuyến được dựng lên vậy. Bao nhiêu thầy pháp đã từng sống ở đây? Ai trong số họ xứng danh con cháu Vua Đỏ, và ai dùng phép thuật để chống lại hàng xóm láng giềng của mình.

Khi chúng đi tới tiệm Đá, Tancred ghé mắt dòm vô cửa sổ. Anh rùng mình rut sâu vào chiếc áo khoác mùa đông của mình. “Thử nghĩ coi, Charlie. Một đội quân đá chuyển động. Ai có thể đánh bại đội quân đó?”

Charlie không trả lời.

Bên ngoài tiệm bán cá, Tancred lại chùng chình lần nữa. Anh ngược nhìn cửa sổ phía trên tấm biển bôi bác. Charlie đã kể cho anh nghe những gì Emma đã thấy, nhưng dù gì Tancred vẫn cứ dừng lại. Ở đây, anh cảm thấy một kẻ thù mà mình sinh ra để đối đầu với hắn. Anh không biết mình và Dagbert có chung một tổ tiên bão tố: Petrello, người tạo bão, sương mù, và những dòng thủy triều chết người.

Charlie nhìn tấm biển hú hít trong gió. Nó giật cánh tay Tancred. “Đi thôi. Em muốn tới nhà bà Kettle.”

“Nó thậm chí không phải là một cái tiệm,” Tancred nhận xét. “Chẳng có gì để bán, cho dù bọn họ là ai chẳng nữa. Nhưng anh cũng ngửi thấy mùi cá rõ ràng.” Anh lùi lại khỏi cửa sổ, tay bịt mũi.

Charlie không thể chậm trễ cuộc thăm viếng hơn nữa, nó vọt chạy tới tiệm Ấm Đun và gõ cửa rầm rầm. Tancred chạy tới với nó, chúng đợi vài giây rồi Charlie lại đập gõ tiếp, động hết sức bằng cái đập cửa hình chiếc ấm.

“Trời đất ơi, Charlie Bone, cái gì đưa cưng trở lại đây thế? Bà đang bận tay.” Bà Kettle đứng ở ngưỡng cửa, tay khoanh trước ngực. Bà mặc áo liền quần lấm lem dầu mỡ và mặt bà dính đầy nhọ. Trông bà chẳng có ý muốn cho ai vô nhà cả.

“Xin lỗi, bà Kettle,” Charlie hấp tấp nói, “Nhưng có chuyện đã xảy ra, mô-th chuyện mà bà nên biết.”

Bà Kettle chồm tới trước và dòm dáo dác ngược xuôi con phố. “Cưng vô đây. Chúng ta không muốn cả lối phố biết chuyện của chúng ta. Ai đi cùng với cưng thế này?”

“Tên cháu là Tancred Torsson,” Tancred tự giới thiệu, bước vô cửa hàng. “Cháu đang gây ra một chút bão mà nó hiện đang thổi qua cửa nhà bà.”

“Chút bão ư? Trận cuồng phong chết tiệt thì có. Chắc chắn cậu lợi hại đấy. Ta là Katya Kettle. Hân hạnh gặp cậu.” Bà lắc cánh tay Tancred nồng nhiệt đến độ anh phải giữ lấy vai mình, tưởng như cánh tay rời khỏi khớp xương đến nơi.

Khi theo bà Kettle vô căn phòng sau cửa bà, chúng nhận thấy có tiếng lạch cạch và tiếng gì rơi tòm phát ra từ hai phía bên hông chúng. Nhìn quanh, chúng thấy nắp của một cái ấm màu xanh dương cứ nhấc lên không lại rớt cạch xuống. Điều tương tự cũng diễn ra với một cái ấm đồng, rồi một cái ấm nhỏ bằng sắt.

“Chuyện gì thế ạ, bà Kettle?” Charlie hỏi.

“Chứ cưng nghĩ là gì hả, Charlie? Khối năng lượng tích tụ trên đường này dư sức thổi bay mái nhà của bà đi.” Bà Kettle ngồi xuống ghế, và thăm cái trán bóng lờng của mình bằng một miếng giẻ nhem nhuốc dầu.

“Bão tố của cháu thường không có tác động như thế,” Tancred nói, ngồi xuống bên cạnh người thợ rèn to lớn.

“Bão tố của cưng!” Bà cười buồn rầu với Tancred. “Đó chỉ là một phần thôi. Cái ác đang len lỏi trong thành phố này, cưng à. Đang nở rộ như một bông hoa ăn thịt người khổng lồ, và tất cả nảy sinh từ anh chàng Manfred Bloor trẻ tuổi hiểm độc. Sự thù hằn của hắn ghê gớm đến mức nó sẽ trấn áp chúng ta, trừ phi chúng ta phải làm gì đó để chống lại nó.”

“Có ai biết về thanh gươm bà đang rèn không?” Tancred hỏi, liếc nhìn cái ấm lớn đang run rẩy mà Charlie quan sát nãy giờ.

Bà Kettle nhún vai thật rõ. “Ai biết được? Chúng biết những gì ta làm. Ai mà không nhận ra những tia lửa và tiếng quai búa vọng ra từ sau cái tiệm nhỏ của ta, nhưng chẳng bao lâu nữa hiệp sĩ sẽ có thanh gươm của ngài, và chúng ta sẽ thấy ...”

Charlie quay phắt lại. “Bà Kettle! Cháu không nghĩ bà nên đưa thanh gươm cho Hiệp Sĩ Đỏ.”

“Điều gì khiến cưng nghĩ vậy?” trông bà Kettle ngạc nhiên thực tình.

Charlie chật vật chuyển mối nghi ngờ của mình thành lời. “Hiệp sĩ trên cầu mặc áo choàng đỏ và ... và Gabriel Silk, gia đình anh ấy giữ áo khoác của Vua Đỏ, à, anh ấy nói có ai đó đã đánh cắp chiếc áo rồi; chiếc áo của nhà vua ấy.”

“Charlie Bone!” Người thợ rèn nhìn nó phẫn nộ đến nỗi nó lùi lại dựa vô cái bàn để la liệt ấm. “Bị đánh cắp ư! Mượn, hay có lẽ đòi lại, nhưng không bao giờ ăn cắp. Điều gì khiến cưng nói như vậy?”

“Cháu không biết,” Charlie lảng tránh ánh mắt nghiêm khắc màu đồng của bà. “Nhưng một thanh gươm như thế, bà Kettle, sẽ bất khả chiến bại phải không? Rủi nó rơi vào bàn tay không thích hợp, thì nó sẽ nguy hiểm vô cùng.”

“Nó cần phải nguy hiểm, thằng bé khờ à. Những lời của Feromel ở trong đầu bà khi bà rèn thanh gươm. Chính pháp thuật của ngài tạo hình cho khối thép bên dưới tay búa của bà. Ngài đi cùng bà trong từng bước của quá trình này.”

“Nhưng giả sử hiệp sĩ đó là kẻ mạo danh thì sao?”

Người phụ nữ mở mắt nhìn nó trên trời, không tin nổi. “Cung nghĩ là ta không biết ư?”

“Không phải,” Charlie nói yếu ớt. “Cháu chỉ giả sử thôi.”

Bà Kettle đứng lên và lại lau mặt lần nữa. “Hừ, nếu đó là điều cung đến để nói với ta thì cung phung phí thời giờ của ta rồi. Ta có việc cần làm, như mấy cung thấy rõ rồi đấy.”

Đằng sau Charlie, cái ấm sắt khổng lồ rú lên những tiếng u u, phả hơi nước. Cái nắp ấm nặng nề bắn vọt lên không, rồi rơi oạch xuống đất một cái choang văng óc. Charlie định nhặt nó lên thì nhận thấy mặt trắng chiếu trong mặt nước đen trong lòng ấm. Nó nhìn kĩ hơn thì mặt trắng lướt khỏi khung cảnh, để rồi được thay thế bằng một vòng tròn lửa nhấp nhô.

“Đừng nhìn!” một giọng ra lệnh, nhưng ánh mắt của Charlie bị những hình ảnh thay đổi trong ấm giữ chặt lại. Bây giờ nó có thể thấy một người đàn ông bên bếp lửa, đang cho thêm cành khô vào ngọn lửa. Mình đang chu du, Charlie nghĩ, nhưng đây không phải lúc. Nó tuyệt đối không được... chu du vô trong đó!

Nó nghe thấy tiếng người luống cuống cảnh báo nó. Những bước chân đằng xa, một bàn tay chìa ra, nhưng những ngón tay bầu chặt vai nó lại nhẹ tênh như bụi.

Bây giờ bắt đầu chuyển lộn nhào, trôi lướt, chuệch choạc qua không gian mà Charlie vừa thích thú vừa kinh hoàng. Những giây đầu tiên của cuộc hành trình luôn luôn đáng sợ nhất, khi chân nó bị hổng khỏi thế giới nó đã biết để trôi tuột vô thế giới nó không biết.

Nó đáp xuống đông rơm chất chù ụ ở phía sau một căn phòng. Một cửa sổ nhỏ, cao trên tường, bao tròn vàng trắng tròn. Ánh mắt Charlie rê từ mặt trắng tròn đến người đàn ông đang nuôi ngọn lửa. Nó chưa bao giờ thấy người nào cao lớn và vai rộng đến thế. Ở ông toát lên sức mạnh vô song, và Charlie hi vọng ông ấy không thù địch, bởi vì rõ ràng ông có thể bóp một người như nó dễ như bóp một con rệp không được chào đón.

Ánh sáng duy nhất trong phòng tỏa ra từ ngọn lửa nhưng khi mắt Charlie quen với bóng tối, nó có thể thấy sàn nhà trống trơn, những bức tường gạch xám xịt, kít bồ hóng. Bên cạnh ngọn lửa là một cái ấm sắt to dùng, có lẽ đúng là cái ấm mà Charlie đã rơi vào.

Khi người đàn ông cời ngọn lửa, một đám tro bay tung mù khắp phòng và Charlie hắt xì.

“Lòng trung thành!” người đàn ông thét, quay khỏi đồng lửa. Ông trở mắt nhìn Charlie, chột dạ. “Mi là cái gì? Phải là kẻ bọn chúng phái tới dò la ta?”

Charlie đứng run lấy bầy và, hắng giọng nói, “Ừm, không phải, thưa ngài. Cháu đến từ... từ, cháu là người chu du.”

“Người chu du?” Người đàn ông thả cây cời lửa xuống và đi về phía Charlie, nheo mắt nhìn xuống nó một cách nghi ngại. “Một người chu du?” Ông lặp lại. “Giống như bà Amoret?”

“Bà Amoret?” Trí óc bắn loạn của Charlie quay mòng. “Con gái út của Vua Đỏ? Phải, cháu nghĩ cháu là hậu duệ của bà.”

“Quà tặng cho số mệnh của ta.” Người đàn ông vạm vỡ chộp lấy vai Charlie. “Hãy biết rằng ta là Feromel, và đây có lẽ là ngày cuối cùng của ta trên đời.”

“Ngày cuối cùng của ông? Tại sao?” Charlie hốt hoảng hỏi. “Sao lại vậy?”

“Chúng muốn một vật, nhưng không đòi nào chúng sẽ có nó đâu. Hãy coi đây!” Từ một cái bàn ở góc phòng, Feromel nhặt lên một cái gói bọc vải đỏ. Giở miếng vải ra, ông để lộ một cái gương sáng loáng. Tay cầm bằng vàng chạm khắc nhiều hình chim mắt cần đá ruby trên một bố cục hình viên kim cương. Thanh chặn ngang mang hình hai con báo có cánh với những đốm sáng bằng saphia.

Nước vàng cổ xưa ánh ngời và vẻ đẹp của cán gương trên nền vải đỏ khiến Charlie thở hốc lên. “Cái này của Vua Đỏ phải không ạ?” nó thì thào.

Feromel mỉm cười. “Ta tin cháu là một trong những người đáng tin cậy.”

“Cháu hi vọng mình được như vậy,” Charlie nhiệt thành.

“Thế thì hãy biết rằng chính tay nhà vua đã trang trí cán gương phép thuật này. Thanh gương

đã biến mất, ta hi vọng sẽ rèn một thanh khác, nhưng giờ thì quá trễ rồi.”

Một tiếng ầm vang như tiếng sấm động vô cánh cửa và Feromel thét. “Lẹ lên, chúng ta phải giấu nó đi.” Ông băng qua phòng, nhặt cây còi lửa lên và trao cho Charlie. “Hãy gạt ngọn lửa qua bên, cậu bé, trong khi ta làm phần còn lại.”

Cố hết sức để không run rẩy, Charlie cầm lấy cây còi lửa và đẩy những cành khô đang cháy qua một bên.

Ông Feromel đeo đôi bao tay dài bằng da vào, rồi một tay nhặt cán gươm bọc trong gói vải lên, cầm chắc, tay kia ông thọc thẳng ra sau ngọn lửa và xê dịch một viên gạch ống khói.

Lại một đợt động thành thành xóc tai nữa khiến cánh cửa dày của người thợ rèn văng oằn vô trong. Hơi nóng hầm hập từ ngọn lửa tấp vào làm nước mắt Charlie chảy dàn giụa, nhưng nó thấy rõ lỗ hổng đen trong bức tường gạch, và nó nhìn bàn tay đeo găng của ông Feromel, bị lửa cháy xém, đẩy gói vải đỏ vô cái hốc rồi kê một viên gạch đóng lại.

“Xong rồi, cậu bé. Cảm ơn cậu!” ông Feromel tháo đôi găng tay cháy sém ra và đấm thụp vô lưng Charlie.

Cánh cửa không còn chịu nổi sức đập từ bên ngoài nữa. Nó đổ ập vào phòng và ba khối hình khệnh khạng bước qua đóng gỗ vụn: một người đàn ông đá, một phụ nữ đá lăm lăm dùi cui, cùng bức tượng thần lùn mà dựng bên ngoài ngôi nhà của bà cô Vernetia.

Dù vận hết sức lực phi thường của mình, ông Feromel cũng không tung nổi một cú đòn. Năm đấm to xu của ông nảy tung khỏi những thân hình đá bạo tàn, đôi chân dài của ông ngã nhào dưới cái đầu bổ tới của thần lùn.

‘Đi đi, cậu bé! Hãy tự cứu mình!’ ông Feromel kêu lên.

Bủn rủn tứ chi, Charlie cuống quýt không biết phải đi đâu. Nó bị bỏ lại đằng sau vật duy nhất có thể đưa nó trở về - con bướm trắng của nó.

Cán gươm bị giấu

Charlie giờ nắm tay lem luốc bờ hóng lên dụi mắt. Nó ngược nhìn những thanh xà rực sáng ánh lửa lò, mong ngóng thấy đốm sáng nhỏ xíu là con bướm của mình. Khẩn thiết hy vọng nó đã theo mình tới đây.

Lũ người đá hình như không thấy nó. Chúng đang bận hủy diệt ông Feromel quả cảm. Bị áp đảo về số lượng và sức mạnh, người thợ rèn quyết không đầu hàng cho tới lúc mọi tia lửa của sự sống trong ông tắt lịm. Chúng kiến cảnh trừng phạt man rợ mà ông Feromel phải chịu, Charlie phi thân vào gã đàn ông đá, gã chỉ huơ một cánh tay bành ki là gạt Charlie văng bay qua căn phòng. Nó lui hui đứng dậy và húc vào chân con mụ đá, nhưng vô ích, khác nào cố húc đổ một thân cây.

Bức tượng thần lùn chĩa ánh mắt trơ đá, hung tợn vào Charlie. Hắn xoay người một phát, ngáng cản Charlie từ phía dưới. Charlie hồng giò ngã up xuống đất lần nữa, và, khi nó nhắm mắt lại đau đớn, một luồng sáng phụt qua tầm mắt nó. Khoảng khắc tiếp theo, nó trôi lênh bênh.

“Charlie! Charlie!” những tiếng gọi từ xa trôi dần đến.

“Nó đang chu du phải không? Đáng lẽ nó không nên nhìn vô cái ấm đó.” Giọng này om xòm và cẩu kính.

“Cháu nghĩ nó đang ra khỏi đó kìa.”

Charlie thấy mình nhìn xuống một vòng nước đen như mực. Từ từ, nó ngóc cái đầu đau như búa bổ lên. Khắp xung quanh nó, hàng hà ập đùn nước nhấp nhô nhấp nháy. Ánh sáng từ chúng tỏa ra chói đến độ Charlie phải nhắm tịt mắt lại để tránh bị lóa.

“Ngồi xuống, cậu bé.”

Charlie được dìu tới một cái ghế, và nó vô cùng cảm kích đặt thân mình nhúc nhối của mình xuống. Một gương mặt to, bong nhẫy mồ hôi, dí sát vào mặt nó.

“Cưng làm thế để làm gì, hả?” bà Kettle hỏi. “Làm chúng tôi sợ một mẻ bặt vía.”

“Xin lỗi,” Charlie lung búng. “Nó tự nhiên xảy ra. Ông ấy cần cháu, nhưng vô ích rồi. Cháu không thể giúp được gì.”

Tancred trao cho Charlie một ly nước. “Em đi lâu đến mấy thế kỷ luôn đó, Charlie. Đông cứng tại chỗ. Không dấu hiệu sự sống. Anh với bà Kettle không sao dịch chuyển em được.”

Charlie hóp mấy ngụm lớn thứ nước lạnh dễ chịu. “Ở trong đó nóng dễ sợ,” nó láp ngáp.

“Ở đâu, cưng? Cưng đã đi đâu?” Gương mặt lớn của bà Kettle dờ đi khi bà ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh ghế của Charlie.

Hít một hơi thật sâu, Charlie nói, “Thật ra, cháu nghĩ mình đã ở ngay tại đây, có cả ông Feromel nữa.”

“Feromel?” bà Kettle bất giác chấp tay vào nhau. “Cưng đã gặp ngài?”

Charlie liếc nhìn gương mặt hoan hỉ của bà. “Xin lỗi, bà Kettle. Cháu đã cố, nhưng vô ích. Cháu không thể giúp được ông ấy. Cháu đã chứng kiến cảnh ông ấy chết. Gã đàn ông đá đã giết ông ấy. Sự thực mà chúng ta biết là như vậy.”

“Chao!” Tancred lẳng lặng thốt lên.

Một quãng im lặng kéo dài trong khi Charlie đấu tranh tự vấn lương tâm, không chắc có nên kể cho bà Kettle nghe về cái cán gươm vàng đó hay không. Bà là hậu duệ của ông Feromel, đường đường chính chính, bà phải biết về sự tồn tại của nó, nhưng Charlie vẫn lẩn tránh nghĩ Hiệp Sĩ Đỏ chưa hẳn đã là bạn.

“Đừng lộ mặt thoái chí thế, cung.” Bà Kettle cầm bàn tay Charlie, vỗ vỗ. “Chắc chắn cung không thể xoay chuyển được đâu. Hột xúc xắc đã đổ ra. Bọn dê tiện đã ra tay khi đầu óc cung chìm vô trong cái ấm kia. Bà vốn luôn thắc mắc về nó mãi.” Charlie nhìn theo ánh mắt bà tới cái ấm to dùng, đặt trên bàn. “Đôi khi bà nghe thấy có tiếng lục đục, rồi có những khi bà thề là bà thấy ánh lửa nháng lên khỏi mặt nước đen của nó. Bà luôn tin rằng cái ấm cổ đó phản chiếu kết cục bi thảm của tổ tiên mình. Nhưng tại sao? Bà thường tự hỏi. Mục đích của việc ngài lưu lại ngày cuối cùng của mình trên đời này là gì?”

Charlie không thể giấu diếm sự thật lâu hơn được nữa. “Bởi vì ông ấy giấu một vật, bà Kettle ạ, và có lẽ ông ấy hy vọng, một người chu du nào đó, giống như cháu sẽ trở lại và thấy chỗ ông ấy giấu nó.”

“Giấu cái gì, Charlie?” Tancred hỏi.

Charlie nhìn từ Tancred qua bà Kettle. “Một cán gươm. Ông ấy bảo nó do chính tay Vua Đỏ trang trí.”

“Cái gì!” bà Kettle nhảy bắn khỏi ghế. “Nó ở đâu, Charlie? Ông Feromel đã giấu nó ở đâu?”

“Trong ống khói.”

“Ống khói?” người thợ rèn hét lên, chạy tới cánh cửa kim loại. “Thế thì ở trong lò sưởi. Bà phải dập tắt lửa đi mới được.”

“Không, không,” Charlie nói. “Không phải trong lò sưởi. Nó chỉ có một chút lửa ông ấy nhóm trong căn phòng.”

“Có một ống khói kia,” Tancred chỉ mảng tường bao ống khói ở đằng sau một lò sưởi lớn bằng sắt.

Charlie lắc đầu. “Nó ở gần mặt đất, vì vậy nó phải thấp hơn nóc lò sưởi.”

Tancred nghi hoặc nhìn cái lò sưởi trông kiên cố. “Nó phải nặng đến cả tấn.”

Bà Kettle không hề bác bỏ điều đó. “Đi nào, mấy cung, giúp bà một tay.” Bà bước tới lò sưởi và bắt đầu giật nó ra khỏi bức tường.

Hai thằng bé không còn cách nào khác, phải xắn tới giúp bà. Hên là lò sưởi chưa đổ lửa, trong khi Charlie lôi từ phía mặt sàn, Tancred giật ở bên trên Charlie, và bà Kettle kéo ở trên đỉnh. Từ từ một bên lò sưởi dềnh dàng bắt đầu dịch chuyển khỏi tường. khi nó tách ra một lỗ hổng chừng nửa mét, bà Kettle la lớn. “Dừng lại, mấy cung. Bà có thể nhìn vô trong ống khói được rồi.”

Charlie ghé mắt dòm vô trong lò sưởi. “Một cái lỗ rất nhỏ,” nó nhận xét.

“Thế thì chúng ta sẽ cho nó to hơn.” Bà Kettle đi huỳnh huých qua cánh cửa sắt vô xưởng rèn và quay trở lại hầu như ngay tức khắc, lấy ra một cái búa thật lớn. Ép mình vô giữa bức tường và lò sưởi, bà đẩy một phát cực mạnh bằng cặp móng to lớn của mình. Lò sưởi lùi lại ít nhất một mét nữa, cho bà thợ rèn đủ chỗ để quai búa vào bức tường đáy ống khói.

Rắc! Chỉ một búa là đủ đập vỡ những viên gạch trên ống khói. Bị bao bọc trong đám bụi đen, bà Kettle động thêm một nhát nữa. Với nhát thứ ba, một đồng gạch văng khỏi đáy ống khói, vùi bà Kettle tới tận đầu gối.

“Aa-ha!” người thợ rèn reo lên chiến thắng. “Charlie, đến lượt cung đó. Cung coi ngài Feromel đã cất vật báu đó ở đâu.”

Dùng chân hất đồng gạch vỡ ra để lấy đường đi, bà dịch tới phía sau lò sưởi và chỉ cái lỗ lớn mình vừa đập ra. “Cung nghĩ sao?”

Charlie không biết phải nghĩ gì. Nó cố tưởng tượng căn phòng tối nơi nó đã giúp ông Feromel giấu cán gươm. Liệu cái này có đúng là ống khói đó?

“Tìm đi, Charlie!” Sự nhiệt tình của Tancred thổi tung những đám bụi lên không, khiến Charlie bật ho.

“Bình tĩnh, Tancred!” bà Kettle trách cứ. “Này, Charlie đeo cái này vô.” Bà trao cho nó một

đôi bao tay quá khổ.

Charlie cẩn thận đeo chúng vào. Chuyển động của nó chậm chạp và lưỡng lự, bởi vì đầu óc nó đầy ắp mỗi hồ nghi. Có lẽ một vật quý như vậy không bao giờ được tìm thấy, nhất là bởi một đứa như nó, cái thằng không bao giờ tỏ ra xứng đáng được chạm vào vật sở hữu của nhà vua vĩ đại.

“Cái gì níu cứng lại vậy, Charlie?” bà Kettle dịu dàng hỏi.

“Bao tay này quá rộng,” nó giả vờ.

“Thế thì tháo nó ra. Hôm nay không có lửa trong ống khói.” Bà Kettle bật cười, Tancred cũng cười theo. Tiếng cười của họ dường như lạc điệu với tình huống tôn nghiêm này.

Charlie tháo chiếc găng tay phải ra và đặt xuống nóc lò sưởi. Nó dặng chân gạt vài mẩu gạch qua bên, rồi quỳ gối xuống trước cái lỗ rộng trong đáy ống khói. Nó có thể thấy gạch ở đằng sau, trét dính lại bằng nhựa đường và bồ hóng. Nó chồm tới trước và rà bàn tay đeo găng khắp bề mặt bức tường. Có một viên gạch hơi lục súc bên dưới ngón tay nó. Charlie nghĩ bụng mình đã không nhìn thấy. Nó đang nghĩ về tấm áo choàng bị mất cắp. Nếu Hiệp Sĩ Đỏ là kẻ trộm, thì liệu ông ta có xứng được trao cho thanh gươm thần?

“Cháu không chắc phòng này đúng hay không,” nó nói.

“Chắc chắn mà. Ngài Feromel đã sống ở đây. Ngôi nhà này hầu như không thay đổi.” Bà Kettle nhìn Charlie thật lâu, thật xoáy. “Cứng có chắc không, cứng? Thử lần nữa coi.”

Một lần nữa Charlie rà bàn tay quanh tường. Viên gạch lỏng tảo ra một tiếng lách nhẹ, gai người, nhưng Charlie không nghe thấy.

“Cái gì đó?” Tancred la lớn. “Anh nghe có tiếng gì.” Cậu quỳ gối xuống bên cạnh Charlie. “Nghe như cái gì đang lỏng ra.”

“Chỉ là vôi vữa thôi,” Charlie phản đối.

Tancred không chịu. Thò hẳn đầu và vai vô bên trong ống khói, anh sờ soạng mảng tường bằng cả hai tay. “Đây rồi!” Anh nhắc viên gạch lỏng và đem nó ra ngoài ánh sáng.

“Chà!” bà Kettle ập hai bàn tay to lớn vào má mình. “Bà không tin nổi. Có gì trong đó, Charlie? Đằng sau viên gạch có gì? Mau lên, MỒ xem sao, cứng.”

Charlie thò tay phải vô trong cái hốc. Những ngón tay nó rờ trúng mặt trên của một vật cứng bọc vải. Mất một tích tắc chần chừ, nó chậm chậm lôi cái bọc ra khỏi bức tường. Bên dưới lớp bụi dày, miếng vải đỏ phai màu lộ ra. Charlie thấy mình không thể thở nổi. Âm thanh duy nhất trong căn phòng hình như là tiếng tim nó đập hối hả. Nó trao cái bọc cho bà Kettle.

“Ôi, Charlie!” bà thở dốc. “Bà có nên nhận?”

“Dĩ nhiên,” Tancred nôn nao. “Mở tấm vải ra. Chúng ta hãy xem đi.”

Phải một lúc, bà Kettle xúc động đến nỗi không nhúc nhích được. Bà nhìn một cách tôn kính cái bọc vải đầy bụi, rồi thận trọng mở nó ra.

Trong ánh sáng của phòng đựng ấm, cái cán gươm trông thậm chí còn lộng lẫy hơn Charlie nhớ. Choáng sốc đến không thốt nên lời, cả ba người nhìn ánh vàng rực rỡ, những con chim tinh xảo và những con báo cần saphia.

“Đó là vật đẹp nhất cháu thấy trong đời mình,” Tancred trầm trồ.

“Không chỉ đẹp, mà còn bất khả chiến bại,” bà Kettle nói. Hạ thấp giọng đến nỗi hầu như bọn trẻ không nghe được, bà thêm, “và có phép màu.”

“Nhờ nó không khớp với thanh gươm của bà thì sao?” Tancred hỏi, đôi khi cậu lại thực tế một cách đáng ngạc nhiên.

Bà Kettle quay ngoắt đôi vai rộng của bà và ra lệnh. “Theo bà!”

Hai thằng bám sát gót bà qua cánh cửa kim loại, vô căn phòng mà bà gọi là xưởng rèn. Có một hộp kim loại dài nằm dài trên cái bàn thô. Bà Kettle mở nắp hộp lên và họ ngăm nhìn thanh gươm sáng chói. Ngay cả khi chưa hoàn tất, nó cũng khiến một cơn rùng mình chạy dọc

sống lưng Charlie – trông nó thật nguy hiểm.

Mũi gươm thon dần thành một đầu nhọn phản trắc, nhưng phần chuôi gươm thừa ra một dải kim loại dài chừng mười lăm xăng-ti-mét.

“Không có tay cầm,” Tancred nhận xét. “Ý cháu nói là nó không có cán.”

Một lần nữa, bà Kettle mở cái gói bụi bặm ra. Bà kính cẩn nhìn cán gươm hoàn mỹ và rồi, rất thận trọng, nâng nó lên sát mặt. Ngó xuống phía dưới hai con báo có cánh, bà vui mừng thốt lên, “Đây rồi!” và quay phần đầu cán gươm về phía bọn con trai.

Chúng thấy một khoảng đen ở giữa – một rãnh hẹp được làm để tra cái gì như là phần đuôi của một thanh gươm vào.

“Charlie,” bà Kettle nói, “nhấc thanh gươm lên.”

Charlie chùi hai bàn tay dính bồ hóng vô quần và nhẹ nhàng nâng dải kim loại mỏng ở chuôi thanh gươm lên.

“Tốt, giữ chắc lấy,” bà Kettle ra lệnh.

Bà mỉm cười với chúng, nhưng Charlie có thể thấy là bà rất hồi hộp, không dám tin chắc cán gươm có thể tra vừa thanh gươm. “Cao lên, Charlie,” bà nói, giọng bà hơi run.

Charlie nâng thanh gươm lên thêm vài xăng-ti-mét nữa, và bà Kettle từ từ tra cán gươm dải kim loại. Nó lách vô khe êm đến nỗi dường như có một lực hấp dẫn kéo cánh của những con báo trôi xuống lưỡi gươm sáng loáng.

“Được làm để khớp nhau,” Tancred thở hắt ra.

Hầu như đồng thời với lời cậu nói, một cơn gió mạnh lùa qua sàn xưởng rèn cùng với một tiếng thổi phào phụt ra từ đâu đó sâu trong những bức tường cổ xưa.

Charlie nhìn Tancred.

“Không phải anh,” Tancred nói, lo lắng nhìn quanh phòng.

“Đó là ngài Feromel,” bà Kettle bảo, một dòng nước mắt ngấn ứ mắt bà. “Cảm ơn, Charlie. Ngài đã yên lòng rồi.” Bà đặt thanh gươm giờ đã hoàn chỉnh vô hộp của nó và đóng nắp lại.

“Cháu có làm gì đâu, thật mà” Charlie nói, hơi bối rối. “Nó cứ thế xảy ra thôi.”

“Cung đã làm nhiều lắm rồi, giờ cung phải co giò chạy thôi,” bà liếc nhìn ra cửa sổ. “Trời tối rồi kìa, có lẽ chúng đã đến rồi.”

“Ai cơ?” Tancred hỏi, thấp thỏm nhấc vai lên.

“Manfred và đồng bọn, dù chúng là cái gì hay là bất cứ ai.” Mặt bà Kettle nghiêm lại khi bà dẫn hai thằng trở lại biển ấm đun nước. Và khi Tancred và Charlie bước ra ngoài trời xẩm tối, một tiếng thì thào trầm trầm rót vào tai chúng qua cánh cửa đang đóng lại. “Đừng làm gì ngu ngốc cho đến chừng nào Hiệp Sĩ Đỏ có thanh gươm của ngài.”

“Làm sao tụi mình biết được điều đó?” Tancred hỏi khi chúng chạy hối hả trên con đường thấp sáng qua loa.

“Có lẽ bà ấy sẽ có thông điệp nhắn cho tụi mình biết.”

Cả hai tăng tốc. Chúng cảm thấy nhiều con mắt đang dòm mình qua những khe cửa sổ tối hù. Nhưng khi chúng đi qua tiệm bán cá, Tancred lại dừng bước và ngược nhìn cửa sổ phía trên tấm biển. “Dagbert không có ở đó,” cậu nói. “Anh không nghĩ thấy mùi cá.”

Charlie bước tiếp tới tiệm Đá. Nó nheo mắt nhìn vô những bóng người bên kia cửa sổ. Người đàn ông đá ở đó: đúng y cái gã đã hùng hổ xông vô nhà ông Feromel và nghiền sự sống ra khỏi ông. Charlie lùi sững lại trước ánh nhìn trơ tráo của những con mắt đá thối lồi. “Tụi mình ra khỏi đây ẹ lên,” nó nói khàn khàn.

“Đi mau,” Tancred nói, chạy tới Charlie và rồi vượt qua nó.

Khi chúng đi hết đường Piminy, Charlie quyết định ghé tiệm sách cô Ingledew. Nơi này gần hơn đường Filbert và, nếu may mắn, sẽ gặp Ông cậu Paton ở đó.

Tancred lẩn vô bóng tối, gọi to. “Gặp em ngày mai, Charlie.”

Charlie cười một mình. Nó vui vẻ phóng quẹo vô ngõ Nhà Thờ Lớn. Có đèn còn sáng bên trong tiệm. Charlie gõ cửa và hai giây sau, Emma mở cửa.

“Bồ đã ở đâu vậy?” con nhỏ hỏi. “Ông cậu của bồ ở đây.”

Charlie lao vù vô tiệm. Thật dễ chịu khi được bao quanh bởi ánh sáng dịu và những quyển sách màu nhẹ, được đắm mình vào bầu không khí đầm ấm, và được thấy Ông cậu Paton trầm ngâm ngó ra phía trên cặp kính nửa vàng trắng.

“Con có rất nhiều chuyện để kể cho ông nghe,” Charlie nói.

Tấm vải liệm teo rút

Billy hối hận về quyết định nghỉ cuối tuần trong trường của mình ngay sau khi những đứa trẻ khác ra về hết. Nhìn lão Weedon đóng rồi cài then cánh cửa nặng nề, nó liền bị nỗi cô đơn xâm lấn. Giờ nó thậm chí còn không có Rembrandt bầu bạn nữa. Có lẽ bà bếp trưởng đã tìm cách cho con chuột vô trường. Nghĩ vậy khiến Billy tươi lên tí chút và nó tức tốc đi tìm bà bếp trưởng.

Billy ngó vô mọi căng-tin và nhà bếp, kể cả nhà bếp xanh lá cây của mẹ Weedon-mẹ ta đang úp xoong nồi loảng xoảng xuống chỗ phơi bát đĩa cho ráo nước.

“Bà có thấy bà bếp trưởng đâu không?” Billy rụt rè hỏi.

“Không!” người đàn bà bị thít quát.

Vào những ngày khác, lời đáp như thế có thể đuổi Billy lút cút chạy đi một nước. Mẹ Weedon luôn khiến nó sợ hãi, nhưng hôm nay nó vẫn đứng chôn chân tại chỗ. “Bà có biết bà ấy ở đâu không?”

“Không biết. Hôm nay tao trực”.

Billy ho một tiếng thắc thỏm. “Ừm. Cháu sẽ đến đây ăn tối nhé?”

“Một trái trứng”, mẹ ta hậm hực. “Ở đây. 6 giờ đúng duýt. Tao không phải hầu mày. Không ai bảo tao cả”.

“Cháu xin lỗi”, Billy lùi ra.

Còn hơn một tiếng nữa mới tới bữa tối. Và sau đó là gì? Lên giường, nó nghĩ. Billy đi lên phòng ngủ chung và bắt đầu đọc lần thứ năm quyển Những đứa trẻ của khu rừng mới. Nó đang đọc tới đoạn ngôi nhà của bọn trẻ bị cháy rụi, thì chợt nghe có tiếng cào cửa.

“May Phúc!” Billy vùng ngay dậy và chạy ra mở cửa. Nó mừng hóm khi thấy con chó già đến nổi quỳ thụp xuống mà ôm chầm lấy con chó.

“Bà bếp trưởng đâu?” Billy hỏi, bằng tiếng ụt ịt trầm trầm.

“Sợ!” May Phúc sửa.

“Tao biết. Bà ấy sợ thằng người cá. Nhưng bà ấy đâu?”

Đầu May Phúc gục rũ.

“Bà ấy ở trong phòng của bà ở cánh Đông hả?”

Con chó già thở khò khè-hay là nó thở dài? Billy không chắc. “Đi, tụi mình đi tìm nào”.

Billy không bao giờ biết cửa nào, trong bao nhiêu cửa ở tầng bốn, là phòng của bà bếp trưởng, nhưng nó biết chắc May Phúc sẽ dẫn mình đến đúng cửa. Sau khi leo lên hai dãy cầu thang và đi lò mò qua mấy cái hành lang tối, đội âm, cuối cùng chúng tới một cánh cửa không sơn phết, có một đôi giày đi bộ nhỏ đặt bên ngoài.

Billy gõ cửa. Không lời đáp. Nó mở cửa kêu một cái két và ngó vô. Một chiếc tạp dề sạch sẽ nằm trên một cái giường ngăn nắp. Trong phòng có ghế, tủ ngăn kéo, và tủ đựng chén đĩa. Một tấm thảm mền xơ xác bên cạnh giường là thứ duy nhất làm êm bàn chân trần dưới sàn lót ván nứt nẻ. Một đôi dép lê đặt ở cuối giường. Trông còn mới.

Billy nhìn May Phúc. “Tao không tin bà bếp trưởng sống trong căn phòng này”, nó nói bằng một tràng sữa nhẹ mà nó biết May Phúc hiểu.

Phản ứng duy nhất của May Phúc là nghiêng đầu.

“Gì đó? Trông mày lo lắng vậy, May Phúc. Có gì mày chưa nói với tao. Hay là tụi mình không còn là bạn nữa?”

“Bạn!Bạn!Đúng”,May Phúc sửa. “Trốn tìm”.

“Được. Tội mình sẽ chơi sau”.

Trốn tìm là trò chơi May Phúc ưa thích nhất,bởi vì nó chơi trò này cực giỏi. Mũi nó luôn dẫn thẳng tới chỗ Billy núp. Mặc dù,thỉnh thoảng, để thêm phần khích,nó giả bộ khúu giác của nó tạm thời không theo ý nó.

Billy và May Phúc chơi trong những hành lang vắng lặng và những phòng ngủ chung cho tới gần 6 giờ,khi Billy vội vã xuống căng-tin xanh lá cây.

Quả trứng đang đợi nó-một quả trứng luộc lại,chồng chơ trên đĩa,bên cạnh một lát bánh mì mỏng dính. Một mẫu giấy trên bàn nhắc: “Ăn xong rửa đĩa”.

Billy bóc quả trứng lạnh ngắt mà nghĩ đến những quả trứng lòng đào nóng hổi ngoại Maisie dọn cho nó khi nó ở nhà Charlie. May Phúc rầu rĩ châu chực nhìn Billy ăn quả trứng nguội và miếng bánh mỏng.

“Ngon?”con chó già nua hỏi.

“Kinh tửm” ,Billy nói. Nó đi vô bếp,rửa đĩa xong rồi đặt lên chỗ úp bát.

“Gì tiếp?” Billy hỏi May Phúc.

“Trốn tìm”,May Phúc đáp

Thế vẫn hơn ngồi chóc ngóc một mình trong phòng ngủ chung.

May Phúc xí đi trốn trước. Chúng bắt đầu ở tiền sảnh. Billy nhắm mắt lại, đếm đến một trăm. Nó có thể nghe tiếng móng chân May Phúc lạch cạch đi lên cầu thang chính. Tới chiều nghĩ Billy chắc chắn tiếng móng ấy quẹo trái,sau đó chúng hoà tan vào bầu tĩnh mịch bao trùm khắp toà nhà.

“Một trăm”,Billy nói trong lồng ngực,và nó bắt đầu đi lên cầu thang.

May Phúc không thể nào mở được cửa và nó cũng hiếm khi mất công đóng cửa lại, thế cho nên Billy bỏ qua những cánh cửa đóng im ỉm ở lầu hai và lầu ba. Chỉ có các buồng tắm là May Phúc có thể vô được, nhưng không buồng tắm nào có nó cả.

Trong khi ì ạch leo lên một trong rất nhiều cầu thang, Billy chợt nhận ra mình đang hướng lên gác mái, và lập tức tìm nó thót lại. Lão Ezekiel đã từng hay cho nó sô-cô-la trong một căn phòng thấp đèn khí ở trên gác mái. Lão dùng sô-cô-la để phỉnh phờ Billy và hứa chẳng lâu nữa cha mẹ tử tế,tốt bụng sẽ đến nhận nó làm con nuôi. Có điều họ không bao giờ đến. Và sô-cô-la và những lời hứa cũng hết khi Billy kết bạn với Charlie Bone.

Billy lên tới đỉnh cầu thang và hít ngửi không khí. Mùi ô thiu và ẩm mốc. Những bóng đèn khí đặt trong lồng sắt toả ánh sáng lù mù,run rẩy xuống hành lang hẹp.

“Mình sẽ không tới đó đâu”,Billy tự nhủ. Nhưng rồi nó thấy một cái bóng vụt qua một cánh cửa khép hờ. Tao sẽ cho mày thêm một cơ hội nữa, May Phúc, nó nghĩ,và nó kiểng gót,rón rén hết sức,vô căn phòng tối thui đằng sau cánh cửa.

Thật ngạc nhiên, Billy nhận thấy sàn nhà của căn phòng được thắp sáng bằng những hàng ánh sáng mỏng mảnh. Thì ra là những khe nứt dưới ván sàn cũ đã để cho ánh sáng từ căn phòng phía dưới rọi lên. Tò mò muốn biết cái gì dưới ấy, Billy cẩn thận nằm sấp xuống sàn và hé một mắt vô một lỗ hổng lớn. Cảnh tượng trông thấy khiến nó thở hốc lên kinh hãi.

Thẳng ngay bên dưới nó,Manfred Bloor đang nằm trên ghế xô pha bọc nhung đỏ. Đầu hẳn gối lên một cái gối lụa và mắt hẳn phủ kín trong bầy bọ màu cam. Cổ nén tiếng thở hốc nữa,Billy chong mắt ngó những sinh vật nhỏ li ti đang bò lúc nhúc. Bên dưới chuyển động oằn oại của chúng, bộ mặt tái mét của Manfred đang biến đổi. Nếu Billy có thể tin vào mắt mình, thì những vết sẹo của Manfred đang mờ đi.

“Bọ phép thuật”, Billy thì thầm một mình.

Lờ dờ, run lấy bầy,Billy ngóc đầu lên, nhưng trước khi nó kịp đứng dậy, có tiếng quát tháo ở cửa. “Chúng ta có gì ở đây thế này?”

“Một thằng do thám”, vẫn cái giọng lạnh buốt đó.

Bất thành linh một tấm vải liệm màu xám ma quái bay về phía Billy, đốt xém nó trong những nếp gấp xì khói, bóp nghẹt nó cho tới khi nó cảm thấy mình không bao giờ thở lại được nữa, chìm nó vô bóng tối không gì xuyên thủng, làm nó điếc bởi hàng ngàn bầu thỉnh lặng, ghim chặt nó xuống sàn trong một mạng lưới thép.

Một lát sau, khi Billy không chắc mình có, nó còn sống không, nó ngửi thấy, qua cái lồng xịt khói, một mùi chó không thể sai được.

“May Phúc”, Billy khọt khẹt, “Mày đó hả?”

Đáp lại chỉ là tiếng tru tuyệt vọng, chẳng có nghĩa gì đối với Billy. Tiếp theo là một tràng gừ, sủa và rống. Billy không hiểu lấy một từ nào.

“Cứu tao với, May Phúc”, nó nói khản đặc. “Kéo cái khủng khiếp này ra khỏi người tao”.

Nó chờ, không còn tiếng sủa, không tiếng tru, không tiếng ư ử luôn, và Billy biết con chó già khụ đã bỏ rơi mình.

Nó không thể hiểu mình, Billy nghĩ, và mình không thể hiểu nó. Bọn chúng đánh cắp tài phép của mình rồi, thứ duy nhất mình có, thứ duy nhất khiến cuộc đời mình đáng sống.

Trong căn phòng bí mật của mình bên dưới khu nhà bếp, bà bếp trưởng bừng tỉnh sau một giấc ngủ chập chờn. Bà lảng máng nghe thấy tiếng chó rên rĩ đằng xa. Bà liền ra khỏi giường, xỏ dép lê vô và mở cửa phòng ngủ ra. Tiếng rên rĩ vẫn tiếp diễn, gần và khẩn cấp.

Bà bếp trưởng nhấn công tắc và ánh đèn dịu dịu soi rõ một phòng khách ấm cúng. Những chiếc ghế bành thoải mái có gối căng phòng quây quanh lò sưởi nhỏ. Các bức tường treo đầy những hình ảnh sinh động, và đồ gốm sứ viên vàng lấp la lấp lánh như an ủi từ trên các kệ của chiếc tủ li cổ xưa bằng gỗ sồi.

Bà bếp trưởng băng qua phòng khách và mở cánh cửa nhỏ trong góc phòng. Một buồng tối hiện ra. Bà mở một cánh cửa nữa ở cuối buồng, thì thấy May Phúc ngồi dưới chân cầu thang. Quả là căn phòng của bà bếp trưởng cực kì bí mật.

“Ừm, gì đó?” bà bếp trưởng ngáp. “Chắc là mi đánh thức ta dậy chẳng vì cái gì hết”.

May Phúc sủa. Bà bếp trưởng không thể nói được ngôn ngữ của nó, nhưng bà nhận ra vẻ cấp bách trong tiếng sủa.

“Thế thì vô mau đi, đồ chó được ban phúc”.

May Phúc không muốn vô. Nó quay lưng lại và bắt đầu núng nính đi lên cầu thang.

“Ta không đi theo mi vào giờ này đêm hôm đâu”, bà bếp trưởng thì thào, hơi bực mình.

Con chó già ngoái lại nhìn bà và tru lên một tiếng nỉ non, bà bếp trưởng linh cảm có gì không ổn rồi.

“Thế thì chờ một phút”, bà trở lại phòng lấy áo choàng. Mặc áo xong, bà rút cây đèn pin vô túi và đi theo May Phúc qua hai cánh cửa, cẩn thận đóng lại từng cánh sau lưng. Khi leo lên cầu thang bà tự trách mình sao ngớ ngẩn quá. Chắc chắn có gì mờ ám đang diễn ra trong học viện Bloor. Bà đã thấy thằng người cá và Dorcas Loom băng qua chiếu nghỉ, vào lúc tất cả bọn trẻ đã về nhà từ lâu.

Có hai lối đi vô căn phòng bí mật của bà bếp trưởng. Một bắt đầu ở buồng để chổi trong nhà bếp, nhưng May Phúc tìm một lộ trình dễ lọt qua hơn. Lên tới đầu cầu thang, bà bếp trưởng đi theo nó qua một hành lang, dẫn vòng vào, tới tận một cánh cửa cực nhỏ. Bên cánh cửa có một ô ván ốp tường bị bong bằng đúng kích thước một con chó để cho May Phúc chui ra chui vào. Bà bếp trưởng nhón một bên mày. Bà đã lên kí kể từ giáng sinh và nhất định sẽ không để bị kẹt trong bất cứ ô cửa dành cho chó nào. Bà mở cánh cửa nhỏ ra và đẩy khế một cái tủ chèn ngay trước nó. Ép mình lách qua giữa cái tủ và cánh cửa, bà bếp trưởng vô một hành lang trải thảm. May Phúc đang chờ bà sẵn.

“Giờ sao?” bà bếp trưởng hỏi con chó già.

May Phúc phóng vọt đi, ở tuổi tác và kích thước của nó thì không thể phi nhanh như thế được. Bà bếp trưởng vội vã theo sau. Khi May Phúc tới khu vực gác mái rộn người, bà bếp trưởng đi chậm lại. Bà bắt đầu cảm thấy lo sợ. Bất cứ phút nào, bà nghĩ, Lord Grimwald cũng sẽ xò ra vồ lấy mình với những sải chân kinh hoàng trong đôi ủng không thấm nước của hắn. “May Phúc”, bà rón rén gọi, “Không đi nữa”.

Nhưng con chó già lại tăng tốc, vậy là bà bếp trưởng chắc chắn có một đứa trẻ đang gặp nguy, bà liền nhớ lại lời tự hứa của mình—giữ cân bằng giữa ánh sáng và bóng tối, giữa lũ trẻ nghiêng về quỷ sứ và những đứa trẻ luôn ao ước điều tốt đẹp cho nhau. Tài phép của bà bếp trưởng là gìn giữ sự yên bình.

Cuối cùng họ tới hành lang thấp đèn khí. Gừ khẽ một tiếng, May Phúc đi vô căn phòng tối mò. Bà bếp trưởng đi vài bước vô phòng thì va trúng một cái đồng nằm dưới sàn. Chiếu cây đèn pin của mình xuống sàn, bà bếp trưởng thấy cái đầu trắng của Billy Raven bên dưới một chiếc khăn quàng trông như tấm lưới xám.

“Billy!” bà bếp trưởng vội quỳ xuống và hối hả tháo tấm vải mềm bó sát thân ra.

Một giọng nói từ hành lang nổi lên. “Tôi sẽ không làm thế nếu tôi là bà”.

Bà bếp trưởng bật phắt dậy và quay ra. Ánh sáng từ câu đèn pin của bà chiếu rõ hai khuôn mặt quen thuộc: Dagbert Endless và Dorcas Loom.

“Tụi bay làm gì ở đây?” bà bếp trưởng nạt. “Tụi bay đã làm gì thằng nhỏ tội nghiệp này?”

“Cho đáng đời nó” Dorcas nói.

“Đáng đời? Đáng đời cái gì? Con bé độc ác”, bà bếp trưởng thét lên. Bà cảm nhận con mắt của Dagbert đang xoáy vô mình và thấy chân mình mủn ra như thạch. Bà hi vọng đèn khí leo lét, không đủ cho thằng đó thấy rõ gương mặt mình, nhưng rủi thay, chính điều đó khiến cho bà thêm trẻ hơn, và nó bắt đầu nhận ra những đặc điểm của bà.

“Tôi biết bà thì phải?” Dagbert rề rà.

“Tất nhiên, ta là bà bếp trưởng”, bà quát.

“Không, ý tôi là cách đây lâu lắm kia. Tôi đã nhìn thấy hình của bà ở đâu đó”. Nó cười. “Cha tôi có nó”.

“Đừng nói nhảm”, bà bếp trưởng la nó, rồi thêm, “Cha của mi đang làm gì?”

“Ông ấy đã trở về phương Bắc. Ông ấy không thích nơi này lắm”.

Bà bếp trưởng không tin nó. “Đi nhủ đi”, bà bảo nó, “trong khi ta chăm sóc thằng bé tội nghiệp này”.

“Cấm bà làm thế”, Dorcas nói một cách cay nghiệt.

“Đúng, bà bếp trưởng. Để mặc nó đó”. Dagbert xắn xỏ tiến một bước về phía bà.

“Đi ngủ ngay lập tức”, bà ra lệnh.

“Đi ngủ”, bọn chúng giễu cợt. “KHÔNG. KHÔNG ĐI”.

Bất chợt, bà bếp trưởng thấy một bóng người lù lù đằng sau đám trẻ. Suýt nữa thì bà đánh rơi cây đèn pin vì sợ hãi. Chắc hẳn Lord Grimwald đang phăm phăm đi tới. Nhưng không phải.

“BỌN BAY HÃY LÀM NHƯ ĐƯỢC BẢO!” giọng người đó gầm vang.

Đồng thời hai đứa trẻ bị túm cổ áo và giật mạnh ra sau.

Bà bếp trưởng nhắc cây đèn pin lên một chút. Bà mỉm cười vừa ngạc nhiên vừa nhẹ nhõm cả người. “Giáo sư Saltweather!”

“Chào bà bếp trưởng!” giáo sư Saltweather giữ hai đứa trẻ quấy đạp chỉ bằng một nắm tay vững chắc. “Đám trẻ này quấy rầy bà phải không?”

“Đúng thế. Bọn chúng đã làm cái gì khủng khiếp lắm với Billy Raven đáng thương này”.

“Thằng đó ớn xương”, Dagbert rống gào. “Ông không biết ông dẩy vào cái gì đâu, đồ ngốc

già". Nó co giò đập một phát thẳng cánh vô ống quyển giáo sư Saltweather.

"Thôi ngay!" ông thầy dạy nhạc gầm.

"Tôi sẽ làm điều tôi thích", Dagbert the thê. "Chúng tôi được phép rồi".

"Không phải với ta", giáo sư Saltweather nói. "Nào,hãy trở lại cái giường khốn khổ của chúng mày đi".

Thả Dagbert và Dorcas ra, ông đẩy cả hai đứa một phát về phía cầu thang.

Dagbert đứng lì lợm tại chỗ. Nó trừng đôi mắt thủy quái ra nhìn giáo sư Saltweather. Một làn mây lượn cuộn bao quanh vị giáo sư và bắt đầu tràn lấp hành lang. Thậm chí cả Dorcas cũng lão đảo lùi lại,ho dũ dội.

Bà bếp trưởng thấy mình không thể thở nổi. Mây khói xộc xuống lấp đầy phổi bà và, nếu bà có thể tin vô mắt mình, có cá bơi xuyên qua tường và tảo biển lều phều trong dòng nước xanh lục khắp xung quanh bà. Lẽ nào nước dâng lên tận gác mái? bà tự hỏi.

"THÔI NGAY!" tiếng quát như sấm rền.

Giáo sư Saltweather xem ra không hề suy suyển trước làn mây ngạt thở và những hình ảnh nước.

Dagbert phọt ra cười ghê rợn. "Ông sẽ chết đuối".

"Ta không thể chết đuối!"

Bà bếp trưởng không chắc những gì mình đã nghe. Những lời trầm sâu đó quay quay trong đầu bà. Không thể chết đuối. Không thể chết đuối. Không thể chết đuối. Bà nhận thấy những con cá đang mờ đi, tảo biển héo quắt lại và làn mây tan loãng.

Dagbert đứng ở hành lang, trông hoang mang. Một con Dorcas khiếp đảm quặp chặt tay nó.

"Đi ngủ", giáo sư Saltweather ra lệnh, lần này với giọng điềm tĩnh, rành rõ.

Hai đứa trẻ cung cúc quay đầu và chạy biến xuống cầu thang.

"Làm sao thầy làm thế được", bà bếp trưởng ngờ vực hỏi.

"Không phải tự dung mà tên tôi là Saltweather", vị giáo sư cười đáp.

"Ờm", bà bếp trưởng hít thật sâu và nhìn chăm chăm vô gương mặt phong trần và mái tóc trắng lộp phốp như bột sóng của giáo sư. "Ông là một...một người trong chúng tôi?"

Giáo sư Saltweather mím miệng lại và đặt một ngón tay lên môi. "Tôi thích không ai biết hơn. Chính xác, tôi không phải là người được ban phép thuật, nhưng tôi có quyền năng ở những lĩnh vực nhất định". Ông xoa hai tay vào nhau. "Nào,chúng ta hãy giải phóng chú bé này khỏi tình thế khó chịu của nó nào".

Tấm vải liệm xám không dễ dàng bị gỡ đi. Nó cứ bám lấy những ngón tay của bà bếp trưởng và quần quanh ống tay áo của giáo sư Saltweather. Nhiều lần họ bóc lớp sợi khỏi đầu Bily, để rồi lại thấy một lớp khác bò lên, lấp vùi thẳng bé xuống nữa. Nhưng mãi giáo sư cũng gom được những lọn chỉ sau cùng và nắm chặt cái thứ xám ngoét kinh hoàng trong tay mình.

"Cái này, tôi tin là thứ mà người ta gọi là tấm vải liệm teo rút", ông nói chắc như đinh đóng cột. "Nó teo rút ý nghĩ hơn là teo rút vật rắn".

"Nó được dệt mà thành", bà bếp trưởng quan sát. "Bằng kim loại rất lớn".

"Một tài phép mà Dorcas thừa hưởng từ một trong những tổ tiên hiểm ác của nó, không nghi ngờ". Giáo sư Saltweather vo tròn tấm vải lại như quả banh và dứt vô túi quần. "Tôi sẽ tính sổ nó sau".

Bà bếp trưởng quỳ xuống bên cạnh Billy. "Nó tỉnh rồi,con chuột con này".

"Chuyện gì thế?" Billy rên rỉ. "Con đang tìm May Phúc thì...rồi thì..."

"Tốt nhất không nghĩ về nó nữa, Billy", bà bếp trưởng dịu dàng.

Không một lời, giáo sư Saltweather cúi xuống và bồng Billy lên. "Chúng ta có thể mang nó đi đâu, bà bếp trưởng? Không nên để thằng bé một mình đêm nay".

“Theo tôi”, bà bếp trưởng nói, “nhưng ông không bao giờ được nói với ai về nơi tôi sẽ dẫn ông tới”.

“Suốt đời, không bao giờ!” giáo sư nói.

Cuộc Giải Cứu Bắt Đầu

Rạng sáng thứ Hai, trời xám và lạnh buốt. Trời tối đến nỗi ngoại Maisie phải thắp tất cả đèn trong nhà lên.

Nội Bone thức dậy sớm hơn thường lệ. “Bà thừa biết chuyện gì xảy ra khi thằng em ta xuất hiện mà,” mẹ hạnh học từ chiếc ghế xích đu bên lò sưởi. “Tất cả bóng đèn sẽ nổ tung.”

“Tôi sẽ lo liệu hết khi nó xảy ra,” ngoại Maisie nói, “nhưng tôi không thể nấu cháo trong bóng tối.”

Charlie còn nghe thấy họ lờ lờ qua tiếng lại trong khi nó đang đánh răng trong buồng tắm. Lúc nó trở lại phòng mình, ông cậu Paton gọi khẽ qua cửa phòng ông, “Vô đây, Charlie. Chúng ta nói chuyện.”

Charlie nhìn vô phòng của ông cậu. Ông đang ngồi bên bàn viết. Ngọn nến đặt bên cạnh ông sắp cháy hết. Charlie có cảm giác là hình như ông cậu chưa hề ngủ chút nào. Giường của ông chất toàn giấy là giấy.

“Con phải nhanh lên,” Charlie thấp thỏm, “kẻo không con trễ xe buýt trường mất.”

“Việc này không lâu đâu. Vô đây rồi khóa cửa lại.”

Charlie làm như ông cậu bảo và đến đứng cạnh ông. “Ông có ngủ không vậy, Ông cậu Paton?” nó hỏi.

“Quá bận” Ông cậu Paton phẩy tay. “Nhưng xong tất cả rồi, Charlie. Ta rất hài lòng về mình. Ta đã xoay sở liên lạc được với ông Bartholomew Bloor và...”

“Naren?” Charlie kêu lên. “Họ ở đâu?”

“Suýt!” Ông cậu Paton ra lệnh. “Bé bé cái miệng lại. Họ ở đâu không quan trọng. Ta biết vài chỗ hồi xưa ông Bartholomew hay lui tới và ta yêu cầu gia đình Brown giúp ta tìm ông ấy. Họ là những thám tử tư kiên trì vô cùng, và chẳng mấy chốc họ đã dò tìm được. Barth là người rất kín kẽ, nhưng ông ấy đồng ý trợ giúp. Chiếc xe thung của ông ấy sẽ chờ bên cầu- cây cầu đá, không phải cái thanh sắt tạm bợ chết người ấy đâu. Ông ấy sẽ chờ cho tới khi bình minh nếu có thể.”

“Gần cây cầu,” Charlie lặp lại, cố kìm ngáp.

“Bên mạn Bắc. Dưới hàng cây.” Ông cậu Paton nhìn sát vô mặt Charlie. “Con có nghe kỹ không? Con định phóng thích cậu bé người sói vào đêm nay chứ gì?”

“Đúng. Đúng ạ.”

“Julia và ta đã nghiên cứu kỹ càng, và đúng như lời ông Onymous đã nói với con. Có một lối ngầm từ học viện dẫn tới dòng sông. Nó trở ra một bãi cây nhỏ phía trên triền sông. Ta chắc chắn gia đình Bloor cũng biết nó, cho nên con phải cẩn thận, Charlie. Con đi một mình hả?”

“Không ạ. Có Tancred và Lysander đi cùng. Cả Billy nữa, bởi vì nó biết nói chuyện với thú.”

Ông cậu Paton nhìn xuống đồng giấy tờ trên bàn mình. Mặt ông thật khắc khổ. “Ta cảm thấy ta không nên cho phép con tham gia việc này, Charlie. Cực kỳ nguy hiểm. Nếu có gì xảy đến với con...ta không thể tưởng tượng nổi mình sẽ ăn nói thế nào với ba mẹ con. Nhưng...”

“Nhưng đằng nào con cũng làm,” Charlie nói.

“Ta biết vậy,” Ông cậu Paton thở dài, “Cho nên ta đã cố hết sức mình khả dĩ giúp cho con dễ dàng hơn phần nào. Ta ước gì mình có mặt ở đó, nhưng ta quá lố liếu, với lại tài phép của ta...” ông mỉm cười phiền muộn.

“Những vụ nổ bóng đèn đường sẽ làm tiêu tan cuộc chơi,” Charlie vui vẻ nói.

Ông cậu Paton gật đầu buồn bã. “Nên nhớ, ông Bartholomew sẽ chờ ở mạn Bắc cây cầu. Mẹ của Asa cũng ở đó... và một người nữa.”

“Ai thế ạ?”

“Ừm. Cũng hơi phức tạp, nhưng không thể tránh được. Chồng của bà cô Venetia, ông Shellhorn, đã liên lạc với ta đêm qua. Ông ấy biết tên ta thông qua ông Onymous.” Ông cậu Paton gãi cằm trong khi Charlie nóng lòng lắng nghe.

“Ông Shellhorn quyết định phải trốn khỏi bà cô của con – đó là ý nguyện dứt khoát của ông ta, vì lợi ích của con gái ông ấy. Con bé không an toàn trong ngôi nhà kinh khủng đó. Vì vậy, họ

cùng nhau tìm đường tới quán Cà Phê Thú Kiểng và ông Bartholomew sẽ đón họ.”

“Còn Eric?” Charlie hỏi.

Ông cậu Paton lắc đầu. “Ông Shellhorn bắt đắ dĩ phải để lại con trai. Thằng bé đã thay đổi hoàn toàn. Xem ra nó thán phục bà cô Venetia, để nó can dự vào cuộc đào tẩu bí mật này là quá nguy hiểm.”

“Bức tượng thần lùn!” Charlie la lên. “Họ sẽ không bao giờ qua được hần đâu.”

“Bức tượng thần lùn biến rồi, cưng.”

Charlie thở hốc. “Sao được? Nó nặng cả tấn mà.”

“Bà thợ rèn bạn của con là một phụ nữ mạnh phi thường.” Ông cậu Paton nói. “Bức tượng thần lùn đã bị khóa lại rồi, và nếu Eric không biết chìa khóa ở đâu thì nó không thể làm cho bức tượng chuyển động.”

“Phù ừ! Ông Bartholomew Bloor sẽ chở tất cả họ đi đâu?”

“Đi rất xa, tới nơi mà họ có thể an toàn. Mà con biết đấy, ông Bartholomew Bloor là người giỏi nhất trên đời về việc này.”

Bất chợt có tiếng gõ cửa rầm rầm. “Mày ở trong đó hả, Charlie?” nội Bone la quang quác, lay càn càn tay nắm cửa. “Mày trễ xe buýt bây giờ.”

Ông cậu Paton tròn mắt và đẩy nhẹ Charlie ra phía cửa. “À này,” ông thì thào. “Con phải cần đến Olivia nữa.”

“Tại sao?” Charlie nói to.

“Để đánh lạc hướng.” giọng ông cậu Paton khế đến nỗi Charlie gần như không nghe thấy. “Ảo giác. Những chiếc xe thùng trắng.”

Từ dưới lầu trệt, nội Bone thét om sòm. “Sao tao phải mất công lo cho mày trễ xe buýt chứ, thằng ngu kia?”

Charlie cười toe toét, mở cửa phòng ông cậu Paton và nhảy xuống chiếu nghỉ. “Xong ngay đây,” nó hét vẳng nhà.

Charlie không nhận ra sự thay đổi ở Billy cho tới khi giờ nghỉ giải lao đầu tiên. Thằng bé đang ngồi trong phòng để áo khoác, đọc sách, khi Charlie thấy nó.

“Tối nay anh muốn nói chuyện với em, “Charlie nói.

“Sao vậy?” Billy hỏi.

“Chúng ta sẽ giải cứu Asa và điều quan trọng là phải tính toán thời gian.”

“Vậy à?”

“Billy, em có khỏe không?” Charlie cúi xuống thằng bé bạch tạng.

“Em không biết. Em vừa trải qua một kỳ cuối tuần lạ lắm. Em đang chơi trốn tìm với May Phúc thì...rồi thì...”

“Thì sao?”

“Em không biết. Khi em tỉnh dậy trong phòng ngủ chung sáng nay, em không còn nhớ lấy một điều gì đã xảy ra.”

Charlie ngồi xuống bên thằng bé. “Em cảm thấy ổn chứ.”

“Em ổn. Ngoại trừ một điều là em không còn hiểu May Phúc nữa, và nó cũng không hiểu em.”

Billy đóng quyển sách lại. “Charlie, anh nghĩ coi có trục trặc gì với muông thú? Hay là em đã mất tài phép của mình rồi?”

“Không đâu Billy. Anh cần em nói chuyện với Asa.”

“Ồ,” Billy bối rối. “Để em cố. Anh sẽ đánh thức em dậy khi tới lúc chứ?”

“Dĩ nhiên.”

Phòng để áo khoác xanh da trời bắt đầu đầy bọn trẻ và Charlie kết thúc câu chuyện. Nó đi ra sân, ở đó nó thấy Tancred và Lysander sóng bước đi loanh quanh. Các anh dừng lại khi thấy Charlie, và Lysander hạ thấp giọng hỏi. “Em đã quyết định đêm nay à, Charlie?”

“Phải là đêm nay thôi,” Charlie bảo, “bởi vì có người sẽ chờ đón Asa.”

“Hay,” Tancred nói. “Càng sớm càng tốt. Nhưng hãy nhớ, anh nghĩ chúng ta nên chờ tới quá nửa đêm. Anh thường thấy đèn trong khu gia đình Bloor sáng tới 1 giờ sáng.”

“Vậy thì 2 giờ,” Charlie nói.

“Em có thức dậy nổi không?” Lysander hỏi.

“Ba em cho em một chiếc đồng hồ đeo tay khi ba đi nghỉ. Nó có báo thức.” Charlie tự hào khoe chiếc đồng hồ mặt đen có vòng sổ sáng choang.

“Oa!” Tancred ân cần nói. “Quá ấn tượng. Anh hy vọng nó không dựng cả phòng ngủ chung đây.”

“Em có chắc là muốn làm việc này không, Charlie?” Lysander bắt chợt nghiêm sắc mặt. “Anh không trách em nếu em hoãn tất cả lại. Ở dưới đó trong bóng tối không dễ đâu.”

“Và Asa có thể cắn chết em,” Tancred nói khẽ.

Charlie cười toe toét, mặc dù lúc đó, ấy là điều cuối cùng nó muốn làm. “Hai anh sẽ ở đâu?”

“Anh sẽ canh chừng Manfred, còn nó sẽ đối phó với Dagbert.” Lysander hất đầu về phía cậu bạn tóc vàng.

“Vậy em sẽ không còn phải lo gì nữa, hẹn gặp lại đêm nay.”

Khi Charlie bước trở vô trường nó thấy một tốp trẻ xúm quanh Joshua và hai chị em sinh đôi. Joshua bị bầm đen quanh mắt, cái mũi của một đứa trong hai chị em sinh đôi chuyển màu xanh dương, và đứa kia quấn một cuộn băng thun tổ bố trên trán. Joshua chỉ Charlie, và đám trẻ quay lại, nhìn nó trân trân.

Charlie vẫy tay nó một cái vui vẻ.

Trong bữa trưa Charlie thấy chộn chạo trong bụng; nó gần như không ăn được gì. Suốt thời gian còn lại trong ngày, tim nó đập dồn dập, tay lạnh toát và nhóp nhép mồ hôi; đến tiết học cuối cùng, môn tiếng Pháp, nó thấy thật phiền hà, hai đầu gối cứ đập vào nhau. Mình không sợ, nó tự nhủ.

Fidelio nhoài về phía nó. “Sao vậy, Charlie?”

“Im lặng!” cô Tessier mắng.

“Để sậu sẽ nói,” Charlie thầm thì.

“IM LẶNG!” cô Tessier rống lên.

Charlie loay hoay mãi mới gặp được một mình Fidelio trong phòng ngủ chung trước bữa tối. Nó kể tất tật cho bạn nghe.

Fidelio cau mày lo lắng. “Anh đi với em nhé, Charlie? Anh không yên tâm vì em với Billy có một mình dưới đó với con thú hoang...”

“Asa chưa thành thú hoang,” Charlie nói.

“Làm sao em biết? Anh ta là thú ít nhất hai tuần nay rồi. Anh ta rất hung dữ. Sao em không bỏ cuộc đi, Charlie?”

“Asa đã liều tất cả mọi thứ để cứu em,” Charlie nói rành rõ. “Em không thể để anh ấy... chết mòn.”

Fidelio nhún vai. “Thôi được. Anh sẽ để mắt tới Dagbert nếu nó thức giấc.”

“Ồ, thế nào nó cũng thức,” Charlie nói.

Vẫn còn một người nữa Charlie phải móc nối. Olivia. Fidelio khẳng khẳng đòi đi đến phòng ngủ chung của nữ với Charlie, kéo “coi chừng em đâm sầm vô bà giám thị ở đó”.

Đúng vậy thật. Bà ta đang đứng ngay bên ngoài phòng ngủ chung của Olivia, trên tay ôm đồng khăn trải giường. “Tụi bay cấm được vô đây”.

“Cháu chỉ mượn một quyển sách thôi,” Charlie nói.

“Đi đi, không mượn miếc gì hết,” đôi mắt đen hí của bà cô Lucretia khóa chặt vô mắt Charlie.

“Ta đã nghe rất nhiều chuyện phiền phức về mày đó, Charlie Bone. Chúng tao ai nấy đều kinh tởm vì mày ra nông nổi này. Hừ, với một thằng cha như cha mày thì ai dám mong...”

“Ý bà là sao?” Charlie hét tướng lên, nắm chặt tay lại. “Cha tôi đáng giá hàng trăm người Yewbeam.”

“Hửn là một Yewbeam, đồ ngu. Ít ra đó là một điều vớt vát.” Bà ta mỉm cười cay độc khi Charlie giờ nắm tay lên.

“Charlie!” Fidelio chớp cánh tay của nó. “Tụi mình ra khỏi đây đi.”

Chúng vừa định quay ra thì cánh cửa đằng sau bà giám thị xịch mở và Olivia thò đầu ra. “Chào, Charlie. Tớ có quyển sách đằng ấy mượn rồi nè,” con nhỏ nói, hươ hươ quyển sách dạy chia động từ tiếng Pháp.

Bà cô Lucretia bước khỏi cánh cửa. “Nghe trộm là thói quen xấu xa,” bà ta nạt nộ. “Xuống lầu mau, lũ tụi bay.”

Bọn chúng sướng quá đến tưởng như không tuân lệnh được.

Trong phòng vệ rộng mênh mông, Charlie vạch kế hoạch của nó cho Olivia biết.

“Tớ thích đi với đằng ấy hơn.” Mắt con nhỏ ánh lên tia dữ dằn. “Tớ muốn biết dưới đó thế nào.”

Không chừng có kho báu...đó. Đẳng ấy định mặc Pyjamas à. Có cần ủng cao su không, tớ nghĩ có thể lội đi ấy dẫn tới sông.”

“Liv, im nghe đi đã,” Fidelio nhắc nhở. “Em có việc để làm.”

“À, cái gì?” Olivia bực dọc. Nó khoanh tay lại chờ đợi.

“Tao ảo ảnh. Liv. Đó là tất cả những gì tớ cần ở bồ. Tớ không cần bồ chui xuống đất.”

“Ồi.” Olivia thất vọng thấy rõ. “Đẳng ấy muốn có ảo ảnh ở đâu?”

“Toàn thành phố. Tớ biết Manfred đang chờ điều gì đó sắp xảy ra. Hắn biết tớ sẽ cố cứu Asa, nhưng hắn không biết là khi nào. Hắn thậm chí còn không biết là tớ đã biết chỗ Asa bị nhốt.”

Charlie liếc nhìn vẻ mặt mất kiên nhẫn của Olivia, chợt trong đầu nó bật ra ý nghĩ muốn thoái lui. “Thật ra tớ không biết chắc. Tớ chỉ đoán dựa vào lời của ông Onymous thôi.”

“Cộng với linh cảm của em nữa,” Fidelio động viên. “Linh cảm mách bảo em, đúng không?”

“Phải, linh cảm.” Nhưng linh cảm cũng mách bảo Charlie rằng nó không biết Asa ở đâu đó sâu bên dưới học viện hay là ở sâu tuốt trong bóng tối đen kịt, xa khỏi phòng phục trang. Chỉ là đoán hú họa thôi.

“Vậy đẳng ấy muốn ảo ảnh gì?”

Giọng réo rắt của Olivia kéo Charlie trở về trái đất. “Xe thùng, Liv. Những chiếc xe thùng nhỏ màu trắng, hơi xập xệ.” Nó ráng hết sức mô tả chiếc xe thùng cũ móp mép của ông Bartholomew. “Những ảo ảnh của bồ sẽ tung hỏa mù, che giấu chiếc xe thật, để phòng trường hợp có kẻ theo dõi. Cần khoảng chừng năm hay sáu chiếc, đậu quanh thành phố, và tớ cần vào khoảng giữa 2 giờ đúng, rạng sáng.”

“Đẳng ấy giống hả?” Olivia kêu lên.

“Không,” Charlie nghiêm trang.

“Ừ thì đẳng ấy không giống.” Olivia cười khì. “Emama sẽ giúp đánh thức tớ dậy. Tớ nghĩ mình sẽ khoái mê vụ này.”

Chúng rời phòng vẽ, chợt thấy một dáng hình cao, hơi gù hiên ra ở cuối hành lang. Cái hình hài ấy bắt đầu khập khiễng về phía chúng, và Charlie cứng người lại. Manfred lại ló mặt ra và tung hoành nữa rồi. Charlie chờ cho cái người đeo mặt nạ tới gần.

Fidelio và Olivia đứng hai bên Charlie, nhìn thân hình cao nhòng lọt vô luồng ánh sáng duy nhất trong hành lang.

Miệng Charlie há xệ ra. Không hề đeo mặt nạ. Không hề còn sẹo. Mặt Manfred lảng o và tai tái như từ xưa vẫn thế.

“Ngạc nhiên chưa, Charlie Bone? Sốc à?” Manfred tập tễch tiến sát đến Charlie, đứng khựng ngay trước mặt nó. “Chẳng phải tao may phước có lũ bạn tài giỏi là gì?” gã thanh niên vuốt vuốt gò má láng của mình. “Tao cá là mày không bao giờ nghĩ tao trở lại được như thế này, đúng không?”

Không thể tìm ra lời đáp, Charlie ho khục khục.

“Chúng tôi luôn hy vọng cho những điều tốt đẹp nhất,” Olivia phọt miệng. “Rất mừng khi thấy anh.. anh đẹp trai như vậy, Manfred.”

Fidelio chỉ còn biết ú ớ đằng sau bàn tay bịt miệng.

“NGÀI chứ,” Manfred sửa ông ổng. “Tụi bay phải gọi tao là ngài.”

“Vâng, thưa ngài,” Olivia nhu mì.

Chúng vội lĩnh đi khỏi Manfred, không dám nhìn nhau, nhưng khi chạy tới cuối hành lang, Manfred gọi với theo. “Tao sẽ canh chừng mày, Charlie Bone, cho nên đừng giở trò ngu dại đấy.”

“Vâng, thưa ngài,” Charlie lầu bầu.

Có một bầu không khí căng thẳng bút thần kinh trong phòng Nhà Vua tối hôm ấy. Joshua Tilpin ăn mặc lôi thôi lếch thếch chưa từng thấy. Tóc nó biết bết mẩu giấy, bụi, mạng nhện, vỏ bút chì. Những miếng plastisc dùng để bao tập rách lua tua, teo dính trong ống tay áo nó, bàn tay nó phủ kín vụn bánh mì.

Hai chị em sinh đôi nhận thức rõ Tancred là thủ phạm gây ra những vết bầm dập cho mình, nên cứ nhăm sác và hộp đựng viết về hướng cậu ấy, nhưng sức mạnh của chúng hình như đã bị rút hết và Tancred dễ dàng đẩy lui chúng chỉ bằng vài hơi gió thoảng.

Dagbert nhìn mọi diễn biến với vẻ thần nhiên, có mưu mô gì đấy. Chốc chốc nó lại tóm lấy ánh mắt Charlie và mặt nó nói cho Charlie biết tất cả mọi điều: Dagbert sẵn sàng làm bất cứ điều gì

Manfred sai khiến.

Trong hai giờ làm bài tập về nhà, Emma là đứa duy nhất mỉm cười. Tancred đã mời con nhỏ ngồi bên cạnh mình và, đổ nhừ mặt mũi lên, Emma nhận lời. Tiếp đến là cười mãi không thôi. Đó chỉ là nụ cười phảng phất, nhưng cứ tủm tỉm và nâng cao tinh thần Charlie đáng kể. Sau giờ bài tập về nhà, bọn trẻ giải tán trong im lặng. Charlie thậm chí không liếc nhìn Lysander và Tancred. Nó biết mình không được để lộ bóng gió nào về phi vụ bí mật đêm nay. Trong phòng ngủ chung, Fidelio cư xử như không có gì bất thường sắp xảy ra, mặc dù Billy cứ nhúm nhó mặt mày và ngễnh ngãng tận đầu đầu.

Đến lúc Charlie nằm xuống giường, nó cảm thấy như trong người mình có một cuộn lò xo cuộn chặt, có thể bung ra bất thình lình. Làm sao có thể nằm im đến tận 2 giờ sáng? Nó muốn đi cứu Asa ngay lập tức, trước khi nó đứt dây thần kinh mất.

Đầu khoảng giữa 11 giờ và nửa đêm, Charlie lăn ra ngủ, mệt phờ vì những tưởng tượng của chính mình. Nó đã hình dung rất nhiều khả năng khác nhau của cuộc giải cứu Asa, nên đầu óc nó cuối cùng kêu đòi được nghỉ.

Charlie tỉnh giấc và thấy ai đó nhẹ nhàng lắc cánh tay mình.

“Charlie. 2 giờ rồi,” Fidelio thì thầm.

Charlie ngồi dậy, dụi mắt. “Em thậm chí còn không nghe thấy đồng hồ mình reng.”

“Anh cũng nghĩ vậy. Charlie, Dagbert không có ở trên giường nó. Anh không biết nó rời phòng khi nào.”

Charlie lăn khỏi giường. “Giờ không thể lo lắng chuyện đó,” nó lào xào. “Em đánh thức Billy dậy đây.” Nó khoác tấm áo chùng xanh da trời, trong khi chân lò mò kiểm đôi giày.

Một cái vỗ nhẹ vào đầu khiến Billy ngọ nguậy bên dưới tấm vải trải giường. “Gì đó?” thằng bé ngơ ngác.

“Suyt!” Charlie xòe tay bịt mồm Billy lại.

“Không! Không!” giọng Billy nghet lại. “Đừng.”

“Suyt! Billy, anh đây, Charlie nè. Tới giờ đi rồi.”

“Đi đâu?”

“Suyt! Đi cứu Asa.”

“Em không muốn đi,” Billy đẩy tay Charlie ra.

Ở đầu kia phòng ngủ chung, vài đứa cựa mình ú ớ trong giấc ngủ. Chờ để chắc chắn không đứa nào tỉnh dậy, Charlie thì thảo. “Đi mà, bọn anh cần em.”

Một thoáng im lặng thật lâu, và rồi Billy với tay tìm mắt kính của nó. Thòng chân xuống sàn, nó chập vật chui vô áo chùng và mang giày. Charlie nắm cánh tay nó và, không một lời, chúng chạy băng qua phòng ngủ chung.

“Chúc may mắn!” Fidelio thì thầm thật khẽ, Charlie không nghe thấy.

Trong hành lang thấp sáng tù mù, Charlie có thể thấy đôi mắt mở lớn, kinh hoàng của Billy, chợt cảm thấy tội lỗi. “Xin lỗi, Billy. Làm ơn đừng sợ. Đáng ra anh không nên bảo em làm điều này, nhưng em là người duy nhất có thể nói chuyện với Asa.”

“Không phải Asa – mà là Sói Hoang,” Billy nói. “Và em sợ là mình không thể làm được điều cần làm.”

“Em sẽ làm được mà. Đi thôi.” Charlie bắt đầu đi mau trong hành lang.

Âm thanh duy nhất trong tòa nhà rộng lớn, đang ngủ say này là tiếng bước chân nó lẹp xẹp trên ván lát sàn bằng gỗ sồi. Bầu tĩnh mịch vô biên khiến Charlie cảm nhận như mình và Billy là những sinh vật sống duy nhất. Nhưng nó cũng biết, ở đâu đó trong bóng tối, Dagbert Endless và Manfred Bloor vẫn thức, đang rình chờ nó.

Nhưng không ai hiện ra khi chúng cặp rập đi ngược hành lang, không ai theo chúng trên hành lang hẹp tới nhà hát, và không ai chặn chúng trên sân khấu. Bóng tối trong nhà hát đen kìn kịt, Charlie phải lôi cây đèn pin của nó ra.

“Tụi mình đi đâu giờ?” Billy thì thầm.

Charlie huơ cây đèn pin ra cuối sân khấu cho tới khi trông thấy ô cửa sập. “Đó!” nó nói.

“Tối kinh quá,” Billy sợ sệt..

“Ừ,” Charlie tán đồng. “Nhưng cây đèn pin này rất tốt.” Nó rủa cây đèn pin dọc theo dưới gấu của tấm màn nhung, nơm nớp sợ Manfred ẩn đâu đó trong những nếp gấp nặng, sâu kia. Nhưng chẳng có ai ở đó. Nó nhón chân đi tới cửa sập và, lén lút ngó qua vai, cầm cái vòng sắt, nhấc

cánh cửa lên.

“Nó không khóa,” Billy nhận xét.

“Không bao giờ.”

“Nhưng biết đâu. Có ổ khóa trên khoen cửa này. Ai đó có thể đóng cửa và bấm khóa nhốt tụi mình bên trong.”

Charlie liếc nhìn cái ổ khóa gỉ sét. “Nó cũ mềm rồi, Billy. Đã nhiều năm không ai dùng tới. Có khi không còn chìa khóa mở nó nữa đâu. Nhìn nè, nó bấm vô rồi. Không ai có thể mướn nó ra.Đi.”

Hạ cánh cửa sập xuống sàn, Charlie bắt đầu xuống cầu thang gỗ.

Billy ái ngại nhìn cái ổ khóa. “Em đóng cửa sập lại sau khi em xuống nhé?”

“Cũng được,” Charlie nói nhóng lên. Nó xuống tới chân cầu thang và bật đèn lên.

Billy leo xuống và kéo cửa sập lại phía trên đầu nó. “Em chưa bao giờ xuống đây,” nó nói khi đứng trong căn phòng đầy ắp tủ với rương, hòm.

“Đây là khu phục trang.” Một ý nghĩ vụt đến với Charlie. “Tụi mình nên tìm một ít đồ cho Asa, để khi trở lại thành người anh ấy mặc.”

“Nếu anh ấy có thể trở lại thành người,” Billy làm bàm.

Charlie mở cái rương đầu tiên. Nó lôi ra một chiếc áo khoác dày bằng vải tuyết và mặc vào bên dưới áo chùng của nó. Billy chọn một cái mũ nỉ xanh da trời trong một cái tủ và một cái quần nhung kẻ trong một cái rương khác. Nó đội mũ lên đầu và cột cái quần quanh cổ. Charlie vỗ lấy đôi giày boots màu nâu để dày cui, trông thích mắt, nghĩ bụng liệu sau đó mình có đổi cho Asa được không. Nó cột dây giày lại với nhau và quàng vào cổ.

“Tụi mình tắt đèn đi nha?” Billy hỏi, khi Charlie tới chỗ hốc tối đằng sau hàng cột.

Charlie lặn chần. “Không. Tụi mình phải quay lại lối này sau khi đã đưa Asa ra tới bờ sông.”

“Nếu tụi mình tìm được Asa,” Billy lảng lảng nói.

Khi đã đi qua hàng cột, Charlie lia cây đèn pin lên bức tường rêu mốc, đen sì. Ở đằng cuối bức tường, một lối đi hình vòm, thấp lộ ra. Trong khoảnh khắc đó, Charlie muốn đánh đổi tất cả mọi thứ để được quay trở lại. Nhưng nó biết là không thể. “Đi, “ nó nói và nhẹ cả người khi nghe tiếng bước chân của Billy lép kẹp đằng sau.

Cẩn thận tuôn qua mái vòm, chúng thấy mình vô một đường hầm hẹp. Mái trần thấp, tường và sàn được xây dựng toàn bằng gạch đỏ quạch, bề lõm chỗ và lóng lánh đá vôi. Sau vài mét, đường hầm dốc sâu xuống, dốc đến nỗi tụi nhỏ bắt đầu trượt tuột luột trên gạch ẩm ướt.

“Cứu!” Billy thét rùm.

Charlie mất đà ngã oạch xuống đất, nó quính quíu chộp đại bức tường. Cây đèn pin văng khỏi tay nó. Nó nghe tiếng cây đèn lăn lông lốc dưới đất rồi ngưng. Giây sau từ xa vọng lại tiếng thịch, khô khốc.

“Âm thanh nghe như nó lọt xuống một cái hố,” giọng Billy run rẩy.

“Có thể tụi mình đã lọt cái hố đó,” Charlie làm bàm. “Cây đèn của anh tiêu là cái chắc.”

Nhưng vào lúc này, chúng không bị rơi vào bóng tối đen đặc – một vầng sáng bạc tỏa nhẹ đường hầm và, trên đầu Charlie, một đốm sáng nhỏ lấp lờ.

“Claerwen!” Charlie ngược lên nhìn con bướm trắng. “Sáng quá. Anh đã hy vọng nó sẽ tới mà.”

“Charlie, tụi mình có lạc đường không?” Billy năn nỉ. “Em không muốn bị rơi xuống hố đó.”

“Có thể có cầu thang.” Quỳ thụp xuống, Charlie thận trọng bò tới trước. Tới miệng hố, nó có thể thấy một cái thang xếp bằng sắt dựa vô tường. Ngay cả trong ánh sáng tinh khôi của Claerwen, nó cũng không thể thấy cái thang kết thúc ở đâu.

Billy bò lại chỗ Charlie và ngó xuống. “Đó là vực thẳm,” nó thét. “Tụi mình không bao giờ xuống tới đáy đâu. Có lẽ nó đi vào lòng trái đất.”

“Làm gì có.” Charlie cố ra vẻ điềm tĩnh, nhưng nó không thể giữ cho giọng đừng run.

Bỗng rồi nó nghe thấy: tiếng con thú rên rỉ đằng xa. Tiếng rên thảm não, đứt ruột đến nỗi thúc Charlie quẳng chân thòng xuống thang mà không suy nghĩ một giây.

Hiệp Sĩ Đỏ

Nếu con bướm trắng không đi với chúng, Charlie không nghi ngờ gì, chắc hẳn mình và Billy đã té xuống hố chết queo rồi. Những thanh ngang của cái thang mục toi tả. Có chỗ mất mấy thanh liên tục. Không có ánh sáng dẫn đường thì bảo đảm chúng sẽ trượt chân, mà đường rơi xuống sẽ rất xa, xa thật là xa.

Nhưng cuối cùng chúng cũng lại được đứng trên mặt đất cứng. Ở đáy hố, những bức tường lát đá tảng và đá phiến khổng lồ, và đó kia, lùm lùm trong bóng tối, có một sinh vật xám gầy gò xương.

“Asa?” Charlie khẽ hỏi.

Sinh vật đó quay phắt đầu lại. Con mắt vàng nhoé lên kinh hãi trước ánh sáng xa lạ, và nó hộc lên một tiếng rền đục.

“Nó nói gì đó, Billy?” Charlie hỏi.

Billy bóp trán. “Em không biết.”

“Em phải biết.”

“Không biết. Em đã nói với anh hoài mà. Em không còn hiểu được ngôn ngữ của thú nữa.

Cuối cùng giờ mới vỡ lẽ ra. Trước đó Charlie không hỏi chuyện Billy đến nơi đến chốn, bởi vì nó không dám để chính mình tin là Billy bị mất tài phép thuật. “Điều đó có nghĩa là em cũng không thể nói chuyện được với anh ấy?” nó hỏi hộp hỏi.

“Đừng nghĩ vậy,” Billy nói, dán chặt mắt vào sinh vật xám.

Bất thần một tiếng rống vang, và, răng nhe ra, con thú đâm xỏ vào chúng.

“Asa!” Charlie hét. “Anh không nhận ra em sao?”

Tiếng rống hạ xuống đục rờ rờ. Charlie và Billy dựa chết dí vô tường.

“Cố lên, Billy, cố lên,” Charlie nhắm mắt trong hồn xiêu phách lạc.

Phản ứng của Billy là quăng chiếc mũ nời ra giữa sàn. Sinh vật gù và xồ tới gần hơn. Billy quăng tiếp cái quần theo sau chiếc mũ. Sinh vật hít ngửi chúng, nhong đầu lên và tru.

“Em nghĩ điều đó có nghĩa là anh ấy không thích chúng,” Billy nói.

“Anh mà còn kén chọn,” Charlie lầu bầu. “Nếu anh mà không thích đôi giày boots này thì anh sẽ ăn cái mũ trùm đầu của anh luôn.” Chú ý để không làm sinh vật nổi giận, nó quăng đôi giày boots nhẹ hều qua một bên.

Sinh vật đi long tong tới đó. Khi nó cào đôi giày bóng loáng, Charlie nhận thấy con vật mới hốc hác tàn tạ làm sao. Từng cái xương sườn trơ lòi ra dưới lớp lông xám thô cứng. Hầu như khắp cơ thể không có lấy một gờ-ram thịt nào.

“Tội nghiệp,” Charlie nói khẽ.

“Em nhớ âm thanh chỉ giày boots rồi,” Billy thì thào phẩn khích, đoạn gù lên một tiếng nhẹ.

Sinh vật ngược lên. Gù một tiếng cộc lốc.

“Tốt,” Billy bảo. “Nó nói là ‘tốt’.”

“Em còn nhớ thêm âm thanh nào nữa không?” Charlie hỏi.

“Như cái gì?”

“Ừm, em coi có thể nói với anh ấy tội mình tới cứu anh ấy, và anh ấy phải mặc đồ vào nhanh nhanh lên, trước khi tội mình tìm đường hầm ra sông.”

“Charlie, anh ấy không thể mặc đồ được, anh ấy là sói. Mà sói làm sao đi giày?”

Charlie thấy mình khờ hết sức. “Ờ nhỉ,” nó ỉu xiu. “Anh ấy cần nhiều ánh sáng hơn để biến thành người.”

Billy thở hốc lên. “Em quên mất. Em chúa hay quên, nhưng mà, đây!” Billy thọc tay vô túi quần pyjamas và rút ra một cây đèn cầy. Ngọn nến lập tức bùng sáng. “Nến phép thuật của người giám hộ em,” Billy sung sướng. “Em luôn giữ nó bên mình.”

“Dĩ nhiên!” Charlie toét miệng cười. “Anh cũng quên phếng nó luôn. Anh nghĩ nó được việc đấy. Giơ cao lên, Billy.”

Kết hợp ánh sáng từ con bướm trắng và cây nến, trong hố bùng sáng hết như ban ngày. Con bướm này giờ đậu trên đỉnh tảng đá cao nhất, giờ bắt đầu bay lại gần con thú. Lờn vờn giữa hai tai con vật. Thấy một tia sáng mỏng loe loé trên mái đầu xơ xác của mình, con vật táp con bướm. Nhanh như chớp, con bướm thụt xuống đậu trên lưng con vật, tỏa một vệt sáng gắt khắp xương sống nó. Con vật quay mòng lại, rú và tru lên gầm gừ. Không nao núng, con bướm nhỏ lòn vượt qua cái đuôi teo quắt và rồi, không thể tin nổi, nó bay đan xen giữa những cẳng chân của con thú cho tới khi mỗi chân trở thành một cột ánh sáng rực rỡ. Con thú lọng cọng nhấc chân lên, nhưng tiếng gừ lịm đi chỉ còn là tiếng rên phập phều.

“Anh ấy đang biến đổi,” Billy thì thào. “Coi kìa!”

Quả đúng vậy, con thú đang biến hình – một vệt tóc đỏ lưa thưa xuất hiện giữa đôi tai rách tướp. Những đặc điểm dài của sói mờ dần đi, hiện ra một cái trán nhọt nhọt, đôi má người vàng bủng hình thành quanh cái mõm nhọn, rồi tới đôi vai xương xẩu qua lớp lông xám lơ thơ. Cùng với một tiếng thét đột ngột – có thể là tiếng tru kháng cự hay niềm vui sướng – con thú quay lưng lại và nằm bẹp xuống đất.

Vài giây sau, Charlie nhận ra mình đang nhìn trân tráo vào cái lưng của một cậu bé hăn hoi. Nó liền bước tới, cởi tấm áo khoác dưới áo chùng của mình ra và nhẹ nhàng đắp cho cậu bé.

Một tiếng nấc phụt vang trong hố. Charlie quỳ xuống bên cạnh Asa, vỗ về. “Được rồi, Asa. Tụi em đến giúp anh đây.”

Billy mang cái quần xanh lá cây và đôi giày bốt lại gần. Con bướm trở về chỗ cũ của nó nơi tảng đá. Hình như nó có ý đợi.

Từ từ, Asa đứng lên. Quay lưng về phía chúng, mặc quần và đi giày vào. Khi đã rùng mình tròng chiếc áo khoác xong, anh ta quay mặt lại nhìn Charlie và Billy với nụ cười tươi rói.

“Asa! Anh lại là anh rồi,” Charlie reo mừng.

“Đúng,” Asa nói khàn khàn. Bất ho. “Xin lỗi, cổ họng khô nghét. Chưa hề nói chuyện suốt mấy tuần.”

“Tụi em sẽ đưa anh ra khỏi đây, nhưng tụi mình phải lẹ lên. Có một đường hầm dẫn ra bờ sông. Có người đang đợi để cứu anh. Mẹ anh sẽ ở đó.” Charlie nói nhanh đến nỗi Asa thộn người ra, bối rối.

Charlie nói chậm lại. “Suy đoán của em là đường hầm bắt đầu đằng sau một trong những tảng đá kia.”

“Mẹ tôi khỏe chứ?” Asa làm bầm.

“Khỏe.” Charlie ngần ngừ rồi vụng về nói, “Em rất tiếc về ba của anh.”

Mặt Asa chột nhúm nhó lại, thấy vậy Billy vội nói, “Em cá đường hầm ở đằng sau tảng đá cao kia, chỗ con bướm của anh đậu í, Charlie. Em chắc chắn luôn đó.”

“Tụi mình lại coi xem sao.” Charlie đi tới tảng đá và cô dịch dời nó. “Cần phải ba tụi mình mới nổi. Phụ với nào, hai vị.”

Billy tắt nến của nó đi và đút trở vô túi quần. Sau vài phút đẩy và lôi, thở phì phà phì phò, chúng loay hoay dời được tảng đá vài phân khỏi bức tường. Billy nói đúng. Có một lối ra bí mật. Như được tiếp thêm sức, ba thằng đẩy tảng đá thêm vài phân nữa. Giờ thì đủ chỗ cho chúng ép mình chui qua cửa hầm.

Bọn chúng lẳng lẳng mà đi. Billy trước, rồi tới Asa. Charlie bước sau cùng, phòng trường hợp anh ta lại mất đi dạng người. Nhưng con bướm trắng đập dềnh bay sát thẳng người thú, nhằm bảo đảm ánh sáng cho anh ta giữ nguyên hình hài con người.

Đường hầm này tối đen và bốc mùi mốc hơn đường hầm đầu tiên nhiều. Tất nhiên là nó lạnh lẽo hơn. Charlie và Billy trùm mũ áo chùng lên, còn Asa, hơi lẩn chần, đội mũ nồi vào. Charlie là đứa đầu tiên nhận ra nước, khi chân Asa bắt đầu lội lóe tóe, bắn những tia nước lạnh toát vào chân Charlie.

“Anh có nghĩ nước sông sẽ tràn vô đường hầm không?” Billy hốt hoảng hỏi.

“Không thể nào,” Charlie đáp. “Đường này ở phía trên dòng sông rất xa, vả lại, tụi mình đang đi lên chứ không phải đi xuống.”

“Nhỡ sông làm lụt hang thì sao?” Billy cố chấp.

“Trời dạo này đâu có mưa,” Charlie nói. Dẫu nói vậy nhưng nó đồng thời nhớ lại cảnh nước sông dâng cuồn cuộn suýt quét chúng khỏi cây cầu. “Dagbert,” nó lầm bầm.

Vài phút sau, nước dâng sắp đầu gối. “Tụi mình phải quay lại thôi,” Billy hét.

Charlie ngoái dòm lại. Đằng sau nó, một dòng nước bùn sinh đang tràn vô đường hầm. “Không được rồi. Đằng sau tụi mình nước còn ngập sâu hơn. Lẹ lên, Billy.”

Billy dợm chân chạy, nhưng thoáng cái, nước đã cao hơn đầu gối nó. Sức nước mạnh đến nỗi nó gần như không tiến lên được. “Tụi mình sẽ chết đuối mất,” nó meo máo.

Asa xuôi dựa vô tường. “Tại tôi,” anh van vãn. “Manfred không bao giờ buông tha tôi. Hắn thù thấy tôi chết còn hơn.”

“Là Dagbert Endless đó,” Charlie cay đắng. “Tụi mình quyết không để nó đánh bại. Phải chạy tiếp thôi.” Nó vượt qua Asa và chộp lấy tay Billy. “Chúng ta phải giúp nhau. Nào, Asa, nắm lấy tay kia của Billy.”

Chúng lại bắt đầu di chuyển, chậm một cách đau đớn, trong khi con bướm trắng lượn lờ trên đầu, phát ra những tia sáng sống động có tác dụng kích lệ tinh thần bọn chúng. Thế nhưng nó không thể ngăn nước ngừng dâng, và chẳng bao lâu dòng nước xoáy mấp mé eo bọn chúng. Charlie không biết mình còn cách sông bao xa nữa. Có lẽ triền sông đã chìm dưới nước rồi cũng nên. Để rồi ngay khi ló ra, chúng sẽ bị cuốn vô dòng nước lũ.

Khi nước tới vai, Charlie bắt đầu từ bỏ hy vọng.

Xa tuốt bên trên đường hầm, Tancred Torsson đang băng qua sân chơi của học viện Bloor. Cậu vốn rất nhạy cảm với nước trong tất cả mọi trạng thái của nó. Cậu có khả năng bắt mạch thủy triều, nhận biết mưa đang trên đường tới, thậm chí cậu còn biết chắc khi nào nước trút khỏi đám mây nặng nề. Lúc này đây, Tancred biết đích xác là sâu dưới lòng đất, có nước đang tràn lấp một đường hầm cổ xưa. Cậu nghe thấy tiếng nước rùng rùng dưới chân mình, và đoán ra Charlie đang gặp nguy hiểm. Chẳng khó cho Tancred biết dòng nước chết người đó bắt nguồn từ đâu. Ở rìa khu rừng bao quanh lâu đài Vua Đỏ có ánh sáng lân tinh chiếu phừng phực lên khỏi những ngọn cây. Khi tiến tới gần hơn, Tancred bắt gặp Dagbert Endless đang dựa vô một thân cây. Đầu nó ngổng lên, mắt nhắm tịt, miệng cười cợt.

Tancred xăm xăm tiếp cận thẳng bé. “Dừng lại ngay,” cậu ra lệnh.

Dagbert choàng mắt ra. “Ồ, là mày.”

“Tao nghe tiếng nước. Mày đang chìm chết tụi chúng. Dẹp ngay.”

“Sao phải dẹp?” Dagbert sùng sộ. “Tao đang thưởng thức thời huy hoàng của cuộc đời tao.”

“Không còn nữa.” Tancred tung áo chùng của mình thành một hình vòng cung rộng màu xanh lá cây.

“Mày định làm gì?” Dagbert ngờ vực hỏi.

Một luồng khí băng giá cuốn nó xoay tít rời xa cái cây. “Thôi!” nó thét gào đúng lúc một cơn gió mạnh hất hai chân nó hồng khỏi mặt đất. Tức thì dòng sinh vật nhỏ vàng óng tuột khỏi túi nó khi nó bị úp ngược xuống, quơ quào không khí.

Dẫn người tới trước, Tancred chụp lấy những sinh vật nhỏ tí.

“Không!” Dagbert hét.

Tancred lùi lại và để cho thằng bé đâm sầm xuống đất. Dagbert nằm cứng đờ một hồi, sau đó bắt đầu run như giẻ. Mặt nó bắt đầu nhóa lên thứ ánh sáng xanh lá cây bệnh hoạn, hai bàn tay nó phát sáng và một quầng sáng dạ quang chiếu xuyên qua quần áo nó. Cơn run không sao kiểm soát được.

“Trả... sinh... vật... biển... cho... tao,” Dagbert lắp ngáp.

“Cái này á?” Tancred bốc chuyển chúng từ tay này qua tay kia. “Tao không nghĩ thế.”

“Tàn ác!” Dagbert rống lên.

“Dừng nước lại!”

“K-h-ô-n-g!”

Tancred giơ cao bàn tay nắm chặt lên và Dagbert bay vút qua khu rừng. Những cành sắc đâm rách áo quần nó, cào toạc mặt nó, gai mắc vào tóc nó và những cành trụi lột sạch giày nó. Lúc nó rơi tòm xuống đất lần thứ hai, cơn run trở nên dữ dội đến mức người nó giẫy đành đạch dưới đất. “Trả tao...” nó kêu khào.

Tancred bước tới bên thằng bé phát sáng. “Tao sẽ chẳng trả mày cái gì đến chừng nào mày ngưng nước lại.”

Im lặng thật lâu, sau đó, tiếng thở dài, Dagbert nhắm mắt lại và vắn tay xuống đất.

Tancred bắt đầu cảm thấy một sự thay đổi nơi mặt đất dưới chân mình. Cậu nhìn Dagbert và chờ đợi. Vẫn run cầm cập, Dagbert cảm những ngón tay xuống sâu nữa, sâu nữa xuống mặt đất. Cuối cùng bằng giọng run bần, nó vọt ra lời “Xong!”

“Hừm, tao sẽ không cảm ơn mày đâu.” Tancred quay ngoắt đi.

“Làm ơ-n,” Dagbert rên rỉ.

“Những sinh vật vàng óng của mày? Đến mà lấy chúng đi này.” Tancred rải những con cá bé xíu và những con cua vàng xuống bãi cỏ cao làm lẫn ranh của khu rừng. Nhưng cậu dứt con nhím biển vô túi quần. Dành cho những cuộc đổi đầu sau này, cậu nhủ thầm. Hòa mình vào bóng tối đen đặc, cậu lần đường trở lại trường. Trước đó cậu phát hiện thấy một luồng sáng ở trên lầu trên cùng của tòa nhà và không muốn làm gì liều lĩnh cả.

Lão Ezekiel đã chứng kiến toàn cảnh đó từ trên cửa sổ gác mái cao vợi của lão. Có điều, vì không biết là Dagbert không ở một mình trong rừng, lão ấn tượng quá trời trước những màu sắc chói rực bốc cuộn cuộn lên khỏi ngọn cây.

“Bắc cực quang của riêng chúng ta,” lão cười khục khục. “Giỏi lắm, Dagbert Endless.”

Trong đường hầm, sâu bên dưới cánh rừng, Charlie cảm thấy dòng nước bắt đầu yếu đi.

“Nó đang rút,” Asa hỗn hển.

Chẳng mấy chốc bọn chúng thấy bùn sinh trở lại dưới chân mình. Vài phút sau chúng đã bước đi trên nền gạch ướt lấp xấp. Dòng lũ chỉ còn là những gợn nước lăn tăn.

“Làm sao lại có chuyện này được?” Billy nói.

“Anh nghĩ Tancred đã ra tay đấy.” Charlie cười toe ngược nhìn mái trần rêu phủ.

Bây giờ chúng đang đi lên một con dốc nghiêng. Xa tít bên trên, Charlie có thể thấy vầng trăng và, dẫu bị té ạch đui mấy lần xuống nền gạch trơn trượt, mặt trăng tươi lên chúng một niềm hy vọng tươi mới và, phớt lờ quần áo ướt sũng và tay chân trầy trụa, chúng hăng hái bò lên, cho tới khi từng đứa một, lăn tòm vô một bãi cây nhỏ bên cạnh triền sông. Một làn gió mạnh đã thổi bạt mây khỏi bầu trời, để lại vạn vật tắm đẫm trong ánh trăng.

“Chúng ta tới rồi!” Charlie hét to, lăn xuống bờ dốc.

Bọn kia lần theo. Asa thậm chí còn cười rúc rích. Trông bộ dạng anh ta thật quái với mái tóc đỏ thò lòi dưới mũ nôi, và áo khoác dài trắng kín bần.

Giờ chúng đã tới đây, đủ cả ba đứa, run lập cập vì ướt và lạnh, và Charlie muốn chắc chắn Asa đến được chiếc xe thùng của ông Bartholomew. Chúng chạy dọc theo dải đất cho tới khi cây cầu hiện ra trong tầm mắt, và đó kìa, thấy nhô lên khỏi bức tường đá, là một chiếc xe thùng màu trắng.

“Asa,” Charlie chỉ cây cầu, “Thấy chiếc xe thùng màu trắng đó không? Mẹ anh ở trong đó, đang chờ anh đó.”

Nó chưa dứt lời, cả bọn bỗng cảm thấy mặt đất rung chuyển. Có tiếng rập cà rập từ xa dội đến tai chúng; lúc tiếng động lớn dần lên thì một con ngựa trắng phi xuống bờ dốc cạnh cây cầu. Trên lưng ngựa một hiệp sĩ mũ giáp bạc và áo chùng nhung trông xám xám dưới ánh trắng, tuy nhiên Charlie biết áo chùng phải là màu đỏ rực. Chúng thấy ánh thép nhóa lên khi hiệp sĩ tuốt gươm ra và lao vun vút tới chỗ bọn chúng.

Trong khoảng khắc đó, Charlie chỉ nghĩ một điều là bấy nay mình luôn đúng. Hiệp Sĩ Đỏ đó không phải là bạn. Ông ta đã được trao cho thanh gươm bất khả chiến bại mà ông ta luôn rập tâm sử dụng để chống lại bọn chúng.

Chúng quay đầu chạy, nhưng biết chạy đi đâu bây giờ, do bởi ở đầu phía ấy, một con ngựa khác cũng đang phi hùng hục về phía chúng. Mặt đất rung rinh vì tiếng vó ngựa nện xuống triền sông. Chùm lông chim xám trắng đơ trên đầu ngựa, và hiệp sĩ ngồi trên lưng con ngựa này lăm lăm một cây thương dài màu nhơn nhợt.

“Trông họ như đá,” Billy kêu re re.

“Họ là đá,” Charlie thét ầm.

Bị kẹt giữa Hiệp Sĩ Đỏ và hiệp sĩ xám, dòng sông xem ra là nơi duy nhất để tẩu thoát. Charlie đứng sừng, run rẩy trên triền đất ngập ánh trắng, không thể cục cựa, trong khi Asa và Billy đã bò thụp xuống, giật giật áo chùng của Charlie và gào thét cái gì đó không hiểu được. Và rồi, khi cả hai con ngựa lao vào chúng đến nơi, thì Hiệp Sĩ Đỏ thét vang “NĂM XUỐNG!”

Charlie nhào xuống đất ngay trước lúc ngựa và người cưỡi lướt qua phía trên nó. Một luồng khí phụt ra từ tấm áo choàng bay phần phật là ầm tới xương nó, khiến nó thoi run tức thì.

Cây thương của hiệp sĩ đá xía thẳng vô ngực Hiệp Sĩ Đỏ nhưng, vào khoảng khắc cuối cùng, con ngựa trắng thỉnh linh ngoặt hướng, nhanh hơn tia chớp, Hiệp Sĩ Đỏ phập thanh gươm của mình xuống. Một nhóe sáng đốt cháy theo chiều dài cây thương. Con ngựa đá khiếp vía quay đầu trên tiền sông. Cây thương bị kéo căng ra hết cỡ, rồi bất chợt bay chiu về phía lưng của Hiệp Sĩ Đỏ.

Charlie nghe thấy một tiếng kịch khi ngọn thương đâm trúng mục tiêu. Nhưng Hiệp Sĩ Đỏ không hề loạng choạng trên lưng ngựa. Cây thương nảy bật khỏi tấm áo choàng đỏ của ông, con ngựa trắng nhảy dựng qua bên và Hiệp Sĩ Đỏ chém mạnh cây thương bằng thanh gươm của mình, nhát nữa, nhát nữa, lại nhát nữa.

Một tiếng rắc long trời, và cây thương gãy làm đôi, một đoạn rút thịch xuống đất. Hiệp sĩ đá thúc ngựa mình húc thẳng vào sườn con ngựa trắng; một tiếng hí đau đón vang động thỉnh không khi con ngựa trắng lùi lại, nhưng trong lúc nó chuyển động thì lưỡi gươm của Hiệp Sĩ Đỏ đã phang trúng mũ giáp của hiệp sĩ đá. Đầu hấn đứt lìa, nhưng toàn thân hấn vẫn hoạt động, điên cuồng lia cây thương cụt. Thanh gươm lại xả xuống lần nữa, chẻ hiệp sĩ đá ra làm đôi, chặt cánh tay hấn và chém bay đoạn thương còn lại. Những mẩu đá rơi lịch thịch xuống đất; con ngựa đá lao đảo vài cái rồi lăn tòm xuống sông.

Ba thằng bé lồm cồm đứng dậy, vẫn run, mặc dù quần áo chúng đã khô lại, và chúng không còn cảm thấy lạnh nữa. Chúng ngược nhìn chối chết vào Hiệp Sĩ Đỏ và con ngựa của ngài, giờ đứng bất động dưới ánh trắng. Nếu không nhờ hơi bốc ra từ con ngựa trắng, thì cứ tưởng họ đã hóa thành bức tượng.

“Lúc này tôi có thể tự lo cho mình được rồi.” Asa nở nụ cười quái quái trên mặt. “Tốt hơn hai cậu hãy trở về trường đi.”

“Anh có chắc không?” Charlie hỏi.

“Chắc chứ,” Asa nói, khi con ngựa trắng hướng về phía chúng.

Tụi con trai dạt qua bên để con ngựa cùng người cưỡi đi qua. Charlie nghe thấy tiếng da cò quây, tiếng áo giáp kêu lách cách, và tiếng thở hì hụi của con ngựa. Hiệp Sĩ Đỏ ngồi thẳng trên yên, thanh gươm của ngài đã được tra vô vỏ, treo lủng lẳng nơi thắt lưng, tấm áo choàng đỏ nằm im che lấy lưng ngài. Ngài dừng lại một thoáng và nhìn xuống bọn chúng. Mũ giáp che khuất mặt ngài, chỉ còn tia phản chiếu của đôi mắt là thấy được.

Khi con ngựa dẫn tiếp, Asa bước đi bên cạnh nó. Charlie và Billy nhìn thân hình cao lêu nghêu của Asa trong chiếc áo choàng dài, và Charlie lầm bầm, “Giờ anh ấy an toàn rồi.”

“Một người an toàn nhất trần đời,” Billy thêm.

Khi chúng leo lên trở lại cửa hầm, Charlie nghĩ mình trông thấy hai bóng người đứng dưới bãi cây: một cao lớn và một bé xiu.

Cuộc hành trình trở lại trường dễ hơn và nhanh hơn bởi vì đường hầm giờ đã sạch trơn nước.

“Luôn nhanh hơn khi ta biết mình đang chờ cái gì,” Charlie nói, khi hích người leo lên chiếc thang sắt, ra khỏi cái hố kinh hoàng. Thế nhưng chúng không hề chờ đợi để thấy điều mà chúng thấy khi ló lên căn phòng dưới lòng nhà hát.

Lúc này Charlie không hề trông thấy Manfred ở đâu trong nhà hát, đơn giản là vì hắn núp đằng sau hàng ghế đầu tiên ở khán phòng. Hắn nghe thấy tiếng cửa sập hạ xuống và chờ đợi, cười khẩy một mình, tưởng tượng cảnh Charlie và Billy tự dẫn xác xuống cái hố hắn nhốt thẳng người thú. Hắn đặc biệt khoái chí thưởng thức bức tranh hắn tự vẽ trong đầu, khi nghĩ đến dòng nước lụt chìm chết người của Dagbert tuôn vô đường hầm.

Asa sẽ chết đuối, Manfred nói một mình, ta sẽ mất con thú hữu dụng, nhưng không còn cách nào khác. Với việc Billy Raven bị xóa sổ, thì ai thêm quan tâm Lyell Bone có tìm được bản di chúc của Maybell Raven hay không. Còn về Charlie Bone, thằng đó càng biến nhanh chừng nào tốt chừng nấy.

Nhưng Charlie luôn có cách thoát khỏi hiểm nghèo, nên Manfred muốn đảm bảo chắc chắn lần này Charlie đừng hòng sống sót. Rời khỏi chỗ núp, hắn leo lên sân khấu. Trong túi quần hắn có sẵn chiếc chìa khóa để mở ổ khóa cũ trên cửa sập. Hắn sắp sửa bấm ổ khóa lại thì bất chợt cơn tò mò xâm chiếm lấy hắn.

Manfred nâng cửa sập lên và đi xuống phòng phục trang. Dường như nó trống trơn. Tung tẩy ổ khóa trong tay và huýt sáo một mình, Manfred ló đầu qua một trong những cây cột và nheo mắt ngó vô màn đêm. Không có gì. Và rồi, từ xa, hắn nghe thấy tiếng hét kinh hồn của Billy lúc trượt chân ngã xuống đường hầm.

Manfred mỉm cười mãn nguyện. Hắn quay lưng đi và sững sờ chết điếng, mặt đối mặt với Lysander Sage.

“Mày làm gì ở đây?” Manfred quát dè dè.

“Đưa ổ khóa cho tôi,” Lysander ra lệnh.

“Đừng hòng tao đưa mày cái gì,” Manfred nhạo báng. “Cút khỏi đây trước khi tao gọi lão Weedon.”

“Tôi chắc chắn là lão Weedon đang chạy lòng vòng thành phố đếm xe thùng màu trắng và tự hỏi cái nào cần theo dõi. Giờ thì, đưa tôi cái ổ khóa đó.”

“Tới mà lấy coi!”

“Được.” Giương hai tay ra, Lysander quay mòng mòng căn phòng, len lỏi qua những cái rương bằng da và những giỏ bằng liễu gai. Những bức tường âm vang tiếng ngâm nga bí ẩn và, trong khi Manfred từ từ lùi lại cầu thang, tiếng trống bắt đầu hòa nhịp với giọng của Lysander. Những hình nhân tái xám bắt đầu tràn lấp không gian đen ngòm giữa các cây cột, rồi từ từ mỗi hình nhân ma quái biến thành một người đàn ông cao lớn, da đen. Nhưng cánh tay màu nâu của họ đều đeo vòng vàng, thân hình họ trùm trong áo thụng trắng, ai ai cũng cầm một ngọn

giáo dài.

“Ảo ảnh,” Manfred lầm bầm.

“Anh biết thừa là không phải,” Lysander nói. “Họ là tổ tiên của tôi và họ hữu hình như bất kỳ sinh vật nào trong thành phố này.”

Một trong những chiến binh luồn ra sau Manfred, khóa chặt đường tới những bậc thang của hắn.

“Đưa ổ khóa cho tôi,” Lysander chìa bàn tay ra.

Manfred lắc đầu tê liệt. Nắm chặt ổ khóa, hắn bỏ hướng tới cầu thang và nhắm tới lối đi giữa những tủ và rương.

“Thế thì hãy nhận lãnh hậu quả.” Lysander hú lên một tràng dài và những chiến binh đen dồn về phía trước. Khi họ vây sát Manfred, hắn thét lên một tiếng khiếp đảm, đồng thời quăng bừa ổ khóa cho Lysander, rồi vội vàng mở nắp một cái hòm đan bằng liễu gai lên và nhảy tót vô trong, đóng nắp lại trên đầu.

Lysander bước tới cái hòm và bấm ổ khóa lại. Sau đó, rút chìa khóa ra, anh ngồi trên nóc hòm và đợi.

Sửng sốt trước ánh sáng rực rỡ rọi về phía mình, Charlie và Billy chù chù trước khi bước qua hàng cột. Và chúng thấy Lysander, bao quanh là những tổ tiên tâm linh cao lớn của anh.

“Cái...” Charlie lắp bắp.

“Suýt!” Lysander chỉ cái hòm bên dưới mình. Không mở khóa ra, anh đứng dậy và đưa tụi nhỏ lên cầu thang.

Trước khi đóng cửa sập lại, anh khẽ gọi những tổ tiên tâm linh, và mặt anh nở ra một nụ cười tươi rói.

“Chuyện gì thế?” Charlie hỏi.

“Manfred đang định khóa các em lại,” Lysander bảo. “Nhưng anh đã khóa nhốt hắn rồi. Tổ tiên của anh sẽ canh giữ hắn cho tới bình minh.”

Billy nem nép ngó gương mặt điềm nhiên của Lysander. “Nhưng anh ta sẽ tức giận... sẽ... sẽ...”

“Hắn sẽ không làm gì đâu,” Lysander trấn an thẳng bẻ. “Em tưởng hắn muốn lu loa cho tất cả mọi người biết mình đã bị nhốt trong một chiếc hòm và không ngăn được các em trở lại sao? Tin anh đi, hắn quá kiêu ngạo để làm điều đó. Giờ, cho anh biết coi, các em có thành công không?:”

“Rất thành công,” Charlie đáp.

Khi chúng kiễng chân về những phòng ngủ chung của mình, Billy thì thào bằng giọng buồn ngủ. “Sander, em đã thấy Hiệp Sĩ Đỏ và một con ngựa trắng. Và em nghĩ đó là hoàng hậu mà lão Ezekiel đã vô tình làm sống lại.”

“Vậy chắc có lẽ Hiệp Sĩ Đỏ là nhà vua đó,” Lysander bảo.

“Cũng có thể,” Charlie nói.

Ở đầu kia thành phố, trên đường lái xe trở về nhà sau một điệp vụ tối quan trọng, chú Brown đếm thấy có không dưới mười bảy chiếc xe thùng móp méo màu trắng đậu ở những vị trí khác nhau trong thành phố. Chú ghi lại từng vị trí vào sổ tay của mình. “Có gì đó đang xảy ra,” chú lầm bầm. “Trừ phi... đúng rồi. Ảo ảnh.” Chú liền xé bỏ tờ giấy đó đi.

Vừa lúc đó, chiếc xe thùng duy nhất chú không thấy đã phóng ra khỏi thành phố.

Charlie Nhận Được Một Tấm Bưu Ảnh

Vào sáng thứ Ba, có một tâm trạng tò mò bao trùm khắp học viện Bloor. Thậm chí cả bọn trẻ không dính líu gì đến cuộc đào thoát của Asa cũng cảm nhận về một sự thay đổi trong bầu không khí.

Dagbert Endless nằm mẹp trên giường, mặt chỉ chít những vết cào. Chốc chốc lại rên rĩ về gió máy. Nằm tay nó áp chặt vào má, nhất định không cho ai thấy mình đang cầm cái gì, mặc dù, thỉnh thoảng giữa những ngón tay nó, lại để lộ ra những tia sáng vàng.

“Cứ mặc kệ nó,” bà giám thị bảo. “Nó đang bị ác mộng đấy mà.”

Thế là Dagbert được phép nằm lại giường, một điều chưa từng có đối với đứa trẻ nào trong học viện Bloor

Trong phòng riêng của hắc ở chái phía Tây, Manfred Bloor cũng nằm bẹp dí trên giường. Úp mặt vô tường, lẩm nhẩm về những chiến binh ma quái.

Lão Ezekiel đích thân lăn xe tới cửa phòng Manfred và gõ. Không có tiếng trả lời. Thấy cửa khóa, lão Ezekiel giật giật tay nắm cửa. “Mày có thành công không?” lão gọi. “Sứ mạng có hoàn thành? Asa đi đời? Charlie đi tong và oắt Billy tiêu ma?”

“Đi đi,” Manfred gầm gừ.

“Thế thì thất bại rồi,” ông cố nội hắc thở dài rồi thiếu não lăn xe đi.

Món trứng được phục vụ trong căng-tin xanh da trời. Charlie không bao giờ nhớ mình đã được chiêu đãi như thế này trong bữa sáng ở trường. Nó đứng ở cuối hàng, cố mở đôi mắt lú lú ra, ngáp rõ to.

Bà bếp trưởng trao phần ăn được thêm ê hề cho Charlie khi nó tiến tới quầy. “Ta đã ù ra ngoài mua trứng đó,” bà nói. “Tại sao bọn trẻ các con không xứng đáng một bữa sáng thịnh soạn cho khác đi?”

“Bà bếp trưởng, trông bà không còn lo lắng nữa,” Charlie nhận xét.

“Ta biết mình không đơn độc.” Bà nhoẻn với nó một nụ cười bí mật, sau đó lôi một vật ra khỏi tạp dề. “Ta tình cờ gặp ngoại Maisie sáng nay. Thật hên ơi là hên. Bà ấy nhờ ta mang cái này cho con.” Bà bếp trưởng nhoài qua quầy và trao cho Charlie một tấm bưu ảnh.

Mặt sau có một con tem nước ngoài và nét chữ viết tay của ba nó. Sau vài dòng về chuyến đi và thời tiết thì tới câu: “Một ngày nào đó ba mẹ sẽ đưa con đi cùng, Charlie, rồi con sẽ tận mắt thấy những sinh vật lộng lẫy đó.”

Ở mặt trước tấm bưu ảnh, hình một cái đuôi cá voi lưng gù choán lấp bầu trời trên mặt biển mênh mông, lấp la lấp lánh.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>